

PAUL HALTER



CÁNH CỬA THỨ 4

Lan Hương dịch



NHÀ XUẤT BẢN
HỘI NHÀ VĂN

CÁNH CỬA THỦ

PAUL HALTER
Lan Hương dịch



Xin gửi lòng biết ơn chân thành tới Roland Lacourbe, tác giả cuốn sách tuyệt vời Houdini et sa légende. Tôi đã sử dụng rất nhiều thông tin trong này cho những chương liên quan đến cuộc đời của Houdini.

*Một thanh tra cảnh sát chưa từng thất bại trước bất kỳ vụ án nào.
Thế nhưng lần này, không những không tìm ra thủ phạm, ông còn
tự tay tạo nên một kẻ sát nhân...*

PHẦN MỘT

Đêm ấy tôi về phòng sớm, dự định tận hưởng buổi tối để chịu cùng một cuốn sách. Nhưng chưa kịp ấm chỗ thì nghe cửa phòng vang lên ba tiếng gõ dè dặt. Người chọn đúng thời điểm này để tìm đến, không ai khác hơn là Elizabeth em gái tôi.

Ở tuổi mười tám, em đã trở thành một thiếu nữ đẹp mê hồn, song đôi lúc tôi tự hỏi liệu em có nhận ra điều đó hay không. Em thay đổi rất nhiều chỉ trong mấy tháng qua, sắc đẹp của em khiến John Darnley không thể làm ngơ, để rồi theo đuổi với một quyết tâm thâm lặng. Trong khi hãnh diện rõ rệt vì sự chú ý của cậu ta, em lại để mắt tới Henry White nhà hàng xóm đồng thời cũng là người bạn thân nhất của tôi. Còn Henry, dù có phong thái tự tin đầy học thức, nhưng lại nhút nhát không ngờ trước con gái, đặc biệt là trước Elizabeth, người mà cậu cũng rất si mê.

“Em có làm phiền anh không, James?” em hỏi, tay do dự đặt nơi nắm cửa.

“Đương nhiên là không rồi,” tôi nói với một tiếng thở dài và hi vọng là đầy ý tứ, mũi vẫn chúi vào cuốn sách.

Elizabeth ngồi xuống giường, cạnh tôi, đầu cúi gằm, hai bàn tay bồn chồn vịn vịn. Cuối cùng nghiêm trang ngược cặp mắt to màu nâu nhìn tôi.

“James, em phải nói chuyện với anh.”

“Gì thế?”

“Đó là về Henry.”

Tôi biết tiếp theo là gì rồi. Tôi sẽ phải làm ông tư cho hai người: một quá kiêu hãnh, còn một quá nhút nhát không dám thể hiện cảm xúc của mình.

Elizabeth giật lấy quyển sách từ tay tôi và gay gắt hỏi, “Anh có định

nghe em nói không, James?”

Bất ngờ khi thấy em cao giọng, tôi bèn hạ cổ nhìn em, chằm một điều thuốc và tập trung nhả vài vòng khói tròn hoàn hảo. Hồi nhỏ, tôi không thích gì hơn là chọc tức em bằng cách giữ thái độ lạnh lùng bình thản mỗi khi em khó chịu. Tôi luôn tính toán làm sao để đẩy em vào cơn giận cực độ, và phải xấu hổ thừa nhận rằng tôi đã duy trì rất tốt sở trường đó. Mặc dù vậy, không muốn đi quá giới hạn chịu đựng của em, tôi lại mềm lòng.

“Anh nghe đây.”

“Đó là về Henry, anh ấy...”

“Về Henry,” tôi nhắc lại, ra chiều quan tâm (nét ngạc nhiên thoáng qua mặt em). “Đợi một chút.”

Tôi đứng dậy, sai bước đến tủ sách, rút xuống tập đầu tiên trong bộ bách khoa toàn thư, đặt ngay ngắn trên đầu gối và nói bằng giọng chế giễu.

“Vì em đưa ra chủ đề này quá thường xuyên, và vì nó được quan tâm nhiều như vậy, nên anh đã viết một chuyên khảo khiêm tốn dài tám trăm trang về đề tài này, nhưng đây mới chỉ là tập đầu tiên...”

Tôi nghĩ rằng em sắp nghẹt thở vì tức giận. Em chạy về phía cửa, nhưng tôi đã ngăn lại được. Tôi phải mất ít nhất năm phút để làm em bình tĩnh lại.

“Nào tiếp tục đi, anh nghe đây. Em có thể trông cậy vào người anh lớn này nếu cần một giải pháp cho vấn đề của mình.” (Tôi lớn hơn em đúng một tuổi.)

Em buông một tiếng thở dài, “Em yêu Henry.”

“Ừ, anh biết chuyện đó. Sao nữa?”

“Henry yêu em.”

“Chuyện đó anh cũng biết.”

“Nhưng anh ấy không dám nói ra vì quá nhút nhát.”

“Hãy cho cậu ấy thời gian. Em sẽ thấy...”

“Em không nên là người chủ động trước. Dù sao cũng không phải phong cách của em. Trông em có giống kiểu người như vậy không? Rất có thể anh ấy nghĩ em là kiểu con gái... Không, chắc chắn là

không thể nào!”

Sau một khoảng lặng, em dụi mắt dữ dội rồi tiếp tục.

“Ba hôm trước, em nghĩ, cuối cùng anh ấy đã đủ can đảm hôn em. Bây giờ hai đứa đang đi dạo dọc con đường dẫn vào rừng, trời nhập nhoạng tối, em bảo anh ấy là em bắt đầu thấy lạnh. Henry choàng tay qua vai em, cả hai lại cùng bước đi trong im lặng, rồi anh ấy bất ngờ quay sang... Thề với anh, James, Henry đã định hôn em - em có thể thấy điều đó trong mắt anh ấy nhưng thay vào đó anh ấy lại cúi xuống, nhặt một sợi dây cũ trên mặt đất và nói, ‘Nhìn này, Elizabeth, xem anh làm được gì này.’ Và thắt luôn một tá nút trên sợi dây.”

“Sau đó thì sao?”

“Sau đó,” em tiếp tục, cổ cảm nước mắt. “Sau đó anh ấy cởi giày ra và...”

“Và...?”

“Cởi cả tất.”

“Elizabeth, em không cần phải nói nữa, để anh đoán. Cậu ta đã dùng ngón chân để tháo mấy cái nút thắt!”

“Đúng thế,” Elizabeth rên rỉ. “Anh ấy chưa từng nghĩ đến việc hôn em.”

Tôi không thể nhịn được cười. “Henry của em là thế đấy!”

“Em thấy chẳng có gì buồn cười cả.”

“Thôi nào, em gái, em không hiểu sao? Henry chỉ đang cố gắng gây cười cho em, làm em vui, thậm chí... anh dám nói, là quyến rũ em. Đây chỉ là cách cậu ấy...”

“Thà anh ấy cứ thế mà hôn em còn hơn,” Elizabeth nhăn nhó nói.

Một anh chàng lạ lùng, Henry của chúng ta. Cậu đã tỏ ra khác biệt so với tất cả chúng tôi ngay từ giây phút chào đời, khi không may bị sinh non, nhưng điều thiệt thòi đó không kéo dài lâu nhờ có sự yêu thương chăm sóc và quan tâm tận tụy của người mẹ. Không lâu sau, cậu đã trở thành một đứa bé khỏe mạnh với năng lượng tràn đầy và lan tỏa. Cậu say mê rạp xiếc và những trò nhào lộn ở đó - niềm đam mê mà người cha, một tiểu thuyết gia có tiếng, không hề đánh giá cao. Bất chấp sự cấm đoán của cha, cậu vẫn đều đặn trốn nhà để tham gia

một đoàn xiếc và tỏ ra xuất sắc ở mọi mặt: tung hứng, nhào lộn, uốn dẻo và ảo thuật. Mấy năm sau, biết rằng không thể ngăn cấm được, cha cậu đã chịu nhượng bộ và kể từ đó, cứ vào mỗi kì nghỉ dài, Henry lại biến mất vài tuần để tham gia chuyến lưu diễn của đoàn xiếc. Cậu viện lí do kiếm tiền tiêu vặt mặc dù vẫn được cha trợ cấp một khoản hào phóng. Sự thật là người bạn của tôi luôn bị chi phối bởi một khát vọng, gần như một nhu cầu bệnh lí, là phải làm xuất sắc mọi thứ. Việc tháo nút thắt bằng chân trần chính là hành động mang đậm chất Henry.

Cố hết sức giấu sự vui thích của mình, tôi an ủi Elizabeth, “Hãy đợi đến lần sau. Cậu ta chỉ đang cố gắng che giấu sự nhút nhát bằng cách làm em choáng ngợp với kĩ năng của mình thôi.”

“Em tin anh, nhưng em vẫn hơi phật ý. Nghe này James, anh phải nói chuyện với Henry, đương nhiên là kín đáo thôi, nhưng anh ấy cần phải hiểu. Không thì...”

Tôi nhướn một bên lông mày.

“Em sẽ phải xem xét lời đề nghị của John,” em tiếp tục, với thái độ hơi vô cảm. “Phải công nhận rằng tương lai của John không mấy xán lạn, dù sao cũng chỉ là một thợ cơ khí, nhưng vẫn có sức hấp dẫn nhất định và...”

“Sao anh phải quan tâm nhỉ? Anh không phải... mẹ Betty của em!” Tôi bỗng quát lên. “Em làm gì cũng được, nhưng đừng làm thế! Henry ghen như cọp ấy. Cậu ấy sẽ không bao giờ tha thứ cho anh. Cậu ấy là bạn thân nhất của anh và anh không muốn mất cậu ấy!”

“Ghen! Hay đây!” Elizabeth thốt lên, “Henry hầu như chẳng có vẻ gì là quan tâm tới em cả. Ghen ư? Em thật lòng muốn biết tại sao! Dù sao thì từ nay em sẽ...”

Em bật khóc còn tôi vẫn duy trì một sự im lặng khôn khéo.

“Em yêu anh ấy, James, nhưng em không thể chịu đựng việc cứ đợi chờ mãi thế này. Anh phải giúp em. Cha mẹ Henry đã đi Luân Đôn và anh ấy đang ở nhà một mình. Anh có thể trò chuyện, giải thích với anh ấy...”

“Thôi được rồi,” tôi uể oải nói. “Anh sẽ đi và xem mình có thể làm

được gì, nhưng anh không hứa gì đâu đấy. Để xem nào,” tôi xem đồng hồ đeo tay, “chưa đến 9 giờ, chắc Henry vẫn chưa đi ngủ.”

Elizabeth đi tới cửa sổ và kéo tấm rèm.

“Em không thấy đèn sáng, nhưng... Ồ! James! JAMES!” Elizabeth la thất thanh. Tôi lao đến chỗ em chỉ bằng hai bước chân.

“Em thấy một tia sáng!” em rên lên, run rẩy.

“Đâu? Ngoài đèn trụ ra, thì làm gì có...”

Ngón tay em chỉ về phía nhà Darnley. “Em chắc chắn đã nhìn thấy, chỉ trong chớp mắt. Có một tia sáng trên đó, trong căn phòng mà bà Darnley...”

Từ cửa sổ phòng mình, tôi cẩn thận quan sát khung cảnh quen thuộc. Chúng tôi sống ở rìa một làng nhỏ gần Oxford, cuối một đường cái quan chạy từ phía bên trái lại. Đối diện nhà là một con đường đất dẫn vào rừng, với hai tư gia nằm hai bên. Bên phải là nhà White, còn bên trái, ở góc giao của đường cái và đường mòn là cấm địa u ám của gia đình Darnley. Lối vào tòa nhà mái dốc cao lớn xây bằng gạch đỏ này khuất sau một hàng rào sừng sững, trong khi những bức tường bị bao phủ bởi một lớp áo choàng xám xịt đan từ dây thường xuân. Điểm sáng duy nhất là một cây liễu đang rủ mình diễm lệ, lẽ ra đã làm dịu bớt không khí ảm đạm nếu đằng sau nhà không có hàng cây thủy tùng và thông cứ rít lên hoặc rên rỉ sâu thẳm mỗi lần gió thổi. Nơi này toát ra một vẻ quái gở ngọt ngào, và em gái tôi, với trí tưởng tượng không phải quá phong phú, đã đặt tên ngôi nhà là Đồi Gió Hú. Hơn thế nữa, ngôi nhà đã mang tiếng xấu kể từ một ngày khó quên khoảng một hay hai năm trước Thế chiến thứ hai, khi John mới khoảng mười hai tuổi.

Victor Darnley cha cậu ta là một nhà tư bản công nghiệp và gặp được đủ mọi điều tốt đẹp: công việc làm ăn phát đạt và cuộc sống gia đình viên mãn. Ông rất tự hào về con trai của mình, và vợ ông, một phụ nữ dễ chịu khiêm nhường, cũng được mọi người trong làng kính trọng. Một buổi tối tháng Mười, đi Luân Đôn về, ông Darnley thấy

nhà mình im ắng lạ thường. Sự vắng mặt của John không khiến ông quá ngạc nhiên, chắc hẳn cậu bé đang đến chơi nhà bạn, nhưng vợ ông thì luôn có nhà vào giờ này. Ông hỏi mọi người xung quanh nhưng không ai thấy bà Darnley, khi ông tìm được con mình và trở về nhà thì đã rất muộn. Sau đó tìm kiếm kĩ lưỡng toàn bộ ngôi nhà, đến một phòng áp mái đã được cải tạo trên tầng thượng, ông thấy một cánh cửa bị khóa trái. Quá hoảng sợ, ông phá cửa và kinh hoàng bắt gặp một cảnh tượng sẽ ám ảnh ông đến cuối cuộc đời. Bà Darnley đang nằm trên sàn nhà, toàn thân đầy máu, những ngón tay phải cầm một con dao làm bếp, hai cổ tay bị rạch nát và khắp cơ thể đầy những vết dao. Vì chốt cửa bị phá và cửa sổ được khóa từ bên trong, nên lời giải thích duy nhất là tự sát (theo ý kiến của bên điều tra). Nhưng đây quả thật là một vụ tự sát kinh hoàng!

Bà Darnley hẳn đã bị chấn động tinh thần đột ngột và dữ dội lắm mới kết thúc cuộc đời mình như vậy. Không ai, ngay cả chồng và con bà, nghĩ ra được bất kì lời giải thích hợp lí nào cho quyết định ấy. Và thật đáng buồn, kể từ ngày hôm đó trở đi, Victor Darnley chìm đắm trong cơn muộn phiền sâu sắc. Với bản chất ít nói, ông trở thành một người ẩn dật chẳng làm gì nhiều hơn là săn sóc khu vườn và chăm nom ngôi nhà của mình. Việc kinh doanh nhanh chóng sa sút, không còn cách nào khác ông phải cho thuê một phần ngôi nhà. Hai cha con ở tầng trệt, hai tầng trên để cho thuê.

Hai người thuê nhà đầu tiên rời đi sau sáu tháng mà không một lời báo trước hay giải thích. Sau đó chiến tranh nổ ra, quân đội trưng dụng ngôi nhà, có nghĩa là, hiển nhiên luôn có người chuyển đến và chuyển đi. Cuối cùng khi hòa bình lập lại, Victor cho thuê hai tầng trên một lần nữa, lần này là một cặp tình nhân trẻ tuổi vui mừng với mộng ước xây dựng tổ ấm hạnh phúc ở đây. Nhưng việc đó không kéo dài bởi chẳng bao lâu sau người vợ đã phải nhập viện vì suy nhược thần kinh và từ chối trở lại căn hộ. Nhiều cặp vợ chồng khác dọn đến nhưng không một ai ở lại. Lí do rời đi của họ luôn giống nhau: bầu không khí lạ thường, cảm giác căng thẳng tích tụ và đặc biệt là những tiếng động kì quái phát ra từ căn áp mái. Cho tới giờ,

ngôi nhà mang tiếng bị ma ám và Victor gặp rất nhiều khó khăn trong việc tìm người thuê mới. Hai tầng cho thuê đã bỏ không bốn tháng nay, nhưng hình như vợ chồng Latimer nào đó sắp chuyển đến và tin này đã trở thành chủ đề bàn tán chính của dân làng.

“Nó tắt rồi, nhưng chắc chắn em đã thấy ánh sáng phát ra từ cửa sổ thứ tư nơi bà ấy tự tử. James! Đây! Tỉnh lại! Anh đang nghĩ gì thế?”

“Hẳn là em tưởng tượng ra thôi. Em thừa biết không có ai bước chân vào căn phòng đó từ hồi...”

Em tôi đột ngột cắt ngang. “Nhắc mới nhớ, James, anh có biết cặp vợ chồng sắp chuyển đến không?”

“Vợ chồng Latimer, anh chỉ nghe được ngằn ấy. Chẳng ai biết gì về họ cả. Chứ nếu có thì mẹ đã tường tận từ lâu rồi, với tốc độ lan truyền tin đồn ở cái làng này...”

Elizabeth rùng mình tránh xa khỏi cửa sổ. “Cái nhà khiến em gai cả người, đừng bao giờ bắt em phải sống ở đây. Tội nghiệp John! Anh ấy đúng là không may, anh nhỉ? Mẹ thì mất trí và tự tử, giờ đến cha cũng không còn minh mẫn nữa. Em không hiểu làm thế nào mà John giữ được lý trí trong ngôi nhà đáng sợ kia.”

“Em nói đúng, John quả có thần kinh thép. Tại sao à, ngay cả hồi còn chiến tranh và những trận oanh tạc, cậu ấy cũng luôn giữ được bình tĩnh, và...”

Một lần nữa, Elizabeth lại ngắt lời tôi, “Đủ rồi James, làm ơn đừng nói thêm nữa. Cuộc chiến chấm dứt đã ba năm, nhưng nhớ đến nó em vẫn không thể chịu đựng nổi.”

“Ý anh không phải thế. Anh muốn nói, John là một chàng trai tử tế, một người đàn ông chứng chắc để em nương tựa, là người có thể làm cho bất cứ ai hạnh phúc.”

“Em không muốn nghe thêm nữa! Em thừa biết anh đang cố làm gì. Em rất quý anh ấy, nhưng...”

“Người em yêu là Henry. Em yêu cậu ta, cậu ta yêu em, bọn em yêu nhau đến nỗi không dám nói ra.” Tôi mặc áo khoác vào. “Nhưng may

thay, người anh lớn của em lại ở đây và anh ấy sẽ từ từ giải quyết hết mọi việc cho em!”

Em nắm lấy vai tôi và nhìn tôi với ánh mắt vừa biết ơn vừa lo lắng.

“Anh đừng thẳng thừng quá, James nhé, không thì anh ấy lại nghĩ là em nhờ anh.”

“Vừa hay đó chính là việc em đã nhờ!” tôi bực dọc đáp. “Nhưng đừng lo, anh không phải thẳng ngốc. Anh biết cần xử lý thế nào. Em cứ nói luôn với cha mẹ rằng em đã đính hôn cũng được rồi.”

Rồi tôi đi.

Tôi lắc đầu, đẩy cổng và tiến vào con đường đất với hi vọng đầu óc tỉnh táo hơn. Lời giải thích đơn giản nhất thường thỏa đáng nhất. Để xem. Sau khi bà vợ tự sát, ông Darnley bắt đầu đánh mất cả niềm vui sống và lí trí của mình. Chẳng bao lâu, những tiếng động lạ bắt đầu phát ra từ căn gác và ánh sáng cũng xuất hiện. Trước khi Elizabeth nói với tôi, Henry đã từng đề cập đến điều tương tự, thậm chí còn hỏi thẳng John khiến cậu ta bối rối vì theo như cậu ta biết, không ai lên trên đó kể từ khi mẹ cậu mất.

Tóm lại là sao? Đáp án rõ như ban ngày: Trong đêm tối Victor đã lên căn phòng ma ám với hi vọng được gặp hồn ma của vợ. Người đàn ông tội nghiệp, tôi có thể hình dung rõ ràng cảnh tượng ấy. Với cây nến trong tay, ông bước từng bước run rẩy trên cầu thang dẫn lên gác. Mặc chiếc áo ngủ dài màu trắng và đội mũ trùm đầu, ông tới gặp người vợ mà ông không thể chấp nhận là đã chết. Sự thể đại khái là vậy.

Đến lúc này, tôi đã đi hết gần một trăm mét ngăn cách giữa nhà chúng tôi và nhà White. Tôi gõ ba tiếng ngắn và dứt khoát theo đúng phép tắc truyền thống.

Henry chẳng để tôi đợi lâu.

"James, cậu đến thật đúng lúc, tôi bắt đầu phát chán đây."

Mặc dù thấp, Henry lại nở nang hơn đa số mọi người, thân hình cậu chắc nịch, dưới làn tóc sẫm màu xoăn dày, rẽ ngôi giữa là khuôn mặt to vừa mạnh mẽ vừa âm áp.

Chúng tôi bắt tay thật chặt, và đi vào phòng khách.

"Nói thật với cậu," tôi mở lời một cách tự nhiên nhất có thể. "Tôi cũng không biết phải làm gì một mình tối nay."

"Nào hãy uống vì sự trùng hợp!" Henry nói và nháy mắt đầy thân

thiết.

Tôi buông mình xuống ghế bành với một nụ cười bí ẩn, hơi xấu hổ về lời nói dối của mình. Henry đi tới quầy bar. Tôi nghe tiếng cậu cầu nhàu.

“Đúng là kẻ phản bội!” Kẻ phản bội chính là cha cậu. “Ông già lại cất chai whisky ngon nhất trong tủ!”

Cậu ta lạch cạch kéo cái tay nắm tủ.

“Khóa rồi! Hay lắm! Không tin bất cứ ai! Nhưng nếu ông ấy nghĩ cái khóa bé tí nực cười này có thể ngăn tôi lại...”

Cậu ta lấy một cái kẹp giấy và, bằng động tác xoay cổ tay linh hoạt, đã mở được cánh tủ. Rất ít ổ khóa kháng cự được những ngón tay lanh lợi ấy. Tôi vẫn nhớ thử nghiệm đầu tiên của cậu ta trên cánh tủ bếp nơi mẹ tôi cất mấy lọ mứt.

“Uống mừng những tối thu buồn!” Henry nói, đắc thắng giơ cái chai lên cao quá đầu.

“Nếu hai bác về đột xuất thì sao? Tôi nghĩ chắc cha cậu chẳng vui vẻ gì khi thấy cậu tập kích kho dự trữ tối mật của ông.

“Cha chẳng uống được những thứ chúng ta uống nữa đâu, ở tuổi ấy là phải chừng mực rồi. Nào, tôi sẽ đi tìm xì gà còn cậu lo tiếp rượu.

“Đầy hay vơi?” tôi long trọng hỏi.

“Tùy ý cậu. Nghĩa là phải rót đầy ắp.

Henry biến mất trong khi tôi đóng vai anh hầu rượu. Tôi nhặt một trong mấy cuốn tạp chí đang nằm trên bàn và ngồi sâu vào ghế bành, chợt để ý thấy một sổ chú thích bằng bút chì viết ở bên lề.

“Henry,” tôi hỏi khi cậu quay trở lại. “Cậu có thói quen ghi chú bên lề báo à?”

“Cậu không biết hở?”

“Biết gì?”

“Đọc mà không ghi chú thì khác nào ăn mà không tiêu hóa”

Henry cười, còn tôi kiên nhẫn chờ đợi lời giải thích.

“Đó là câu cha tôi thường nhắc đi nhắc lại và nó bắt đầu khiến tôi khó chịu. Tôi cam đoan với cậu rằng làm con của một nhà văn không dễ dàng gì. Đôi khi ông ấy khóa mình trong phòng nghiên cứu hai ba

ngày liền, có lúc nói chuyện với chúng tôi mà luôn tay ghi chép một chủ đề chẳng hề liên quan. Mẹ đã quen với việc đó, nhưng tôi thật sự rất phiền não.""

Dù sao Arthur White là một tác giả lừng danh. Sau những nghiên cứu thành công về y học, ông thực tập tại một địa chỉ có tiếng ở phố Harley, rồi tự mở phòng mạch tư. Trong lúc chờ phòng mạch xây xong, để giết thời gian, ông bắt đầu viết truyện ngắn và thành công ngay lập tức khi truyện được đăng trên một trong những tuần báo thịnh hành nhất Luân Đôn. Biên tập viên phần khởi khuyên ông từ bỏ y khoa để theo đuổi sự nghiệp văn chương. Nhìn phòng mạch còn chưa đâu vào đâu, Arthur liền nghe theo lời khuyên sáng suốt này và nhanh chóng gặt hái được danh tiếng. Bên cạnh loạt truyện ngắn dành cho tạp chí vào buổi đầu sự nghiệp, ông còn viết cả truyện trinh thám, tiểu thuyết phiêu lưu, khoa học giả tưởng cũng như những chuyện tình lịch sử khá kêu gọi. Ông tìm mọi cách để con trai nổi nghiệp mình, nhưng hoài bão của Henry lại đặt ở một nơi khác.

Chúng tôi nhấp whisky trong im lặng.

"Chúng ta sẽ được yên ổn khá lâu," một lúc sau bạn tôi lên tiếng. "Cha đưa mẹ tới nhà hát ở Luân Đôn, sau đó đến chỗ một người bạn. Tôi nghĩ họ không về trước 3 giờ sáng đâu."

Tôi mỉm cười đầy thấu hiểu, biết rằng chai rượu sẽ cạn trước bình minh. Tôi vẫn nhớ nhiệm vụ của mình, nhưng nhất thời chưa biết làm cách nào để đề cập đến chủ đề tế nhị đó trong khi còn tán gẫu đủ chuyện không liên quan. Đang lúc tôi hành hạ não bộ mình hòng tìm lối ra thì Henry, như một cứu tinh tuyệt vời, đã giải phóng tôi khỏi nỗi thống khổ ấy. Ra chiều hờ hững, cậu ta hạ giọng.

"James, có một việc nhỏ tôi muốn bàn với cậu. Thực ra, đó là về... em gái cậu."

Một khoảng lặng, tôi vờ như ngạc nhiên. Henry cầm cái chai lên và nhìn tôi vẻ dò hỏi. Tôi gật đầu. Cậu ta rót cho cả hai rồi ngồi trở lại ghế bành, trầm tư nhìn chất lỏng trong cốc và dốc cạn chỉ trong một hơi. Đã vài lần cậu ta toan mở lời, để rồi lại thay đổi ý định. Cố tìm cách che giấu sự bối rối trong vô vọng, cậu mất một khoảng thời gian dài

bất thường để châm xì gà.

Tôi nhẹ nhàng khơi gợi, “Con bé đã làm gì?”

“Không làm gì, hoàn toàn không làm gì cả. Trên thực tế, đó lại là toàn bộ vấn đề. Mấy hôm trước tôi đã định hôn cô ấy, nhưng rồi thay đổi quyết định vào phút cuối.”

“Tại sao thay đổi?” tôi kêu lên.

“Tôi rất thích cô ấy.”

“Thì sao? Sao cậu không hôn con bé?”

Thấy Henry sửng sốt trước vẻ sốt sắng của mình, tôi hắng giọng và nói nhẹ nhàng hơn.

“Cậu xem, tại sao cậu không hôn con bé? Chẳng có lí do gì để cậu không làm như vậy. Khi hai người thích nhau, giống trường hợp này, người ta hôn nhau. Việc đó hoàn toàn bình thường, thậm chí tự nhiên, rất con người. Không có lí do gì để không làm thế. Hoàn toàn không. Cậu có nghe tôi nói không, Henry? Hoàn toàn không. Ngay từ thời nguyên thủy, đàn ông và đàn bà...”

Thấy mình bắt đầu đi quá xa, tôi chủ động dừng lại và nói nhẹ nhàng nhất có thể, “Nào Henry, cậu em thân mến của tôi, sao cậu không hôn con bé nếu cậu cảm thấy muốn? Không cần phải tròn xoe mắt nhìn tôi như thế. Tại sao, vì Chúa?”

Rõ ràng vẫn đang sửng sốt, Henry tiếp tục bất động. Sau vài lần nuốt nước bọt một cách khó nhọc, cuối cùng cậu ta ngắc ngứ. “Thì tôi đang cố nói với cậu đây, James. Nghe này, cậu có ổn không? Nếu whisky quá nặng với cậu, tốt nhất là dừng...”

“Tôi? Không uống được whisky á? Hửn là cậu đang đùa!” Trước ánh mắt lo ngại của Henry, tôi vớ lấy cái chai, rót đầy cốc của mình lần nữa và ra hiệu cho cậu làm theo.

“Tôi đã định hôn cô ấy rồi, nhưng bỗng dưng...”

Tôi nhìn cậu trông đợi.

“Bỗng dưng... tôi nghi ngờ.”

“Nghi ngờ?”

“Phải, nghi ngờ. Nghi... ngờ.”

“Được rồi, tôi không điếc. Tôi hiểu, nhưng nghi ngờ chuyện gì?”

Henry lau trán và nhìn xuống sàn nhà.

"Tôi không chắc Elizabeth có cùng cảm giác với mình, nên tôi tìm một cách gọn gàng hơn để xử lý tình huống."

Một cách gọn gàng hơn để xử lý tình huống? Tôi không thể tin vào tai mình nữa! Tháo dây giày bằng ngón chân là cách xử lý tình huống gọn gàng ư? Tôi phải huy động toàn bộ khả năng tự chủ mới ngăn được mình phá lên cười, và chỉ nắc một cái, đoạn hớp một ngụm lớn whisky để bình tĩnh lại.

"Henry," tôi thở dài. "Tôi chỉ nói được bấy nhiêu đây thôi, rằng tình cảm Elizabeth dành cho cậu có thể là bất cứ thứ gì ngoại trừ tình bạn..."

Tôi không nói nữa mà dừng lại suy nghĩ. Phải mất một lúc Henry mới ngập ngừng được. "Ý cậu là..."

"Con bé yêu cậu, đơn giản thế thôi."

"Cô ấy yêu tôi?" Henry lắp bắp, không dám tin vào tai mình. "James, không phải cậu chỉ nói thế với tôi để... Cậu có chắc chắn không đấy?"

"Đương nhiên con bé chưa nói ra." Tôi nói dối để dằn đến mức bản thân phải sợ hãi. "Con bé không thú nhận vì quá kiêu hãnh. Nhưng tôi không ngốc. Con bé có mọi biểu hiện của một thiếu nữ đang yêu."

"James," Henry ngắt lời tôi. "Cậu có chắc người cô ấy yêu là tôi không? Chẳng phải người đó nhiều khả năng là John sao? Cậu không thấy ánh mắt cô ấy nhìn John dạo gần đây à?"

Một tia hung ác ánh lên trong mắt cậu. Cơn ghen tuông của con quái vật mắt xanh. Tôi không dám nghĩ chuyện gì sẽ xảy ra nếu chẳng may Henry bắt gặp Elizabeth trong vòng tay John.

Tôi giơ tay trấn an.

"Henry, hãy tin tôi, người đó chính là cậu. Là anh của con bé, tôi biết rất rõ suy nghĩ trong cái đầu xinh đẹp đó. Yêu John ư?" tôi nhún vai. "Một người bạn tốt, không hơn."

Henry, giờ đang lảng lảng, đề xuất nâng cốc vì John và nỗi bất hạnh của cậu ta, và vì Elizabeth, cô gái xinh đẹp nhất Vương quốc Anh.

Chúng tôi chuyển choáng và hân hoan, cảm giác ấy càng tăng lên khi đêm dần xuống. Cho tới lúc này, chúng tôi đã thật sự say sưa. Giờ đây, khi đã hoàn toàn chắc chắn về bản thân, Henry bắt đầu khoác lác về tương lai. Cậu ta sẽ trở thành nghệ sĩ nhào lộn vĩ đại nhất và nhà tung hứng vĩ đại nhất. Mọi vinh quang đều thuộc về cậu ta. Cậu ta sẽ trở thành cái này và sẽ làm cái kia. Nói và nói và nói. Không gì ngoài tôi thể này tôi thể khác! Tôi không thể chịu đựng thêm nữa.

Henry thân mến của chúng ta cũng tử tế đấy, nhưng nỗi ám ảnh trở thành trung tâm chú ý của cậu ta thực sự không thể ưa nổi. Cậu ta một mực muốn chiêu đãi tôi đủ loại tiết mục xiếc. Tôi không nghi ngờ tài năng diễn xiếc của cậu ta, nhưng để kiếm sống bằng nghề đó, chứ đừng nói là nổi tiếng thế giới, thì có hơi phóng đại. Ngay cả khi cậu ta là bạn thân nhất của tôi, tôi cũng không muốn nhìn em gái mình lấy một nghệ sĩ xiếc mắc chứng hoang tưởng tự đại.

Nỗi sợ hãi của tôi tan đi phần nào khi phát hiện ra cậu ta đã say khướt, một thực tế mà tôi đã ân cần chỉ ra cho cậu. Henry vặn lại rằng bản thân tôi cũng không tỉnh táo gì cho cam. Chúng tôi cáu giận nhau dữ dội trong vài giây, rồi tôi bắt đầu cười như điên. Henry cũng hòa theo. Tôi lão đảo bật dậy để nâng cốc vì hoàng tộc. Henry bắt chước tôi trước khi trở lại chiếc ghế bành. Tôi ngã theo, hoàn toàn bị đốn gục. Henry tìm được chút sức lực uống châu cuối cùng vì người yêu của cậu. Tôi sẽ vô cùng kinh hãi nếu con bé thấy tình trạng lấp bấp và bù lu bù loa hiện giờ của chúng tôi.

Con bé sẽ có cảm tưởng thế nào với người anh trai vốn luôn ưu tú này.

“Cậu làm gì thế, người anh em?” tôi lẩm bẩm. Henry đang ném một trái bóng nhỏ lên không trung.

“Tôi đang chơi với mấy quả bóng cao su.”

Lại một tràng cười cực điểm nữa, sau đó cậu ta giải thích.

“Nó liên quan đến một trong những tiết mục đặc biệt của tôi. Hôm nào đó tôi sẽ cho cậu xem.”

“Không, cậu phải cho tôi xem ngay bây giờ,” tôi khẳng định.

“Tôi cần phải luyện tập cho chuẩn... và...”

Cậu ta lặng đi và ngủ gục tại chỗ. Vì đồng cảm, tôi quyết định cũng hành động tương tự. Tôi tắt đèn và cho phép bản thân trượt vào cõi vô thức ngập tràn hạnh phúc.

Một phụ nữ đang đẩy chiếc xe nôi. Đứa trẻ đang khóc. Nó rên rĩ một cách yếu ớt, đôi lúc nhỏ đến mức không thể nghe thấy. Tiếng rên rĩ bắt đầu lớn dần, nhưng người phụ nữ vẫn điềm tĩnh đẩy chiếc xe nôi. Tiếng rên rĩ biến thành tiếng khóc. Đứa bé đang khổ sở, nó đang chịu đựng, nó bị trói buộc bởi một nỗi buồn ghê gớm. Nó khóc lóc kêu cứu, nhưng không ai nghe thấy. Khuôn mặt đứa bé rất lạ, không phải là của một đứa trẻ mới sinh, mà là của một người lớn, một ai đó mà tôi biết... Henry!

Tôi giật mình tỉnh dậy, mồ hôi vã ra trong bóng tối ẩm ướt. Một cách vô vọng, tôi gắng chống lại cơn đau đầu tồi tệ và tập trung suy nghĩ. Cứ như thể một chiếc vòng xoay ngựa gỗ ở hội chợ đang quay vượt khỏi tầm kiểm soát trong hộp sọ của tôi và sự hành hạ gần như quá sức chịu đựng.

Đột nhiên một tiếng rên gần đây hãm cái vòng xoay địa ngục lại. Tôi lắng nghe. Không có gì cả. Có phải tôi vẫn đang trong cơn ác mộng khủng khiếp? Tôi nheo mắt lại, gắng sức nhìn xuyên bóng tối. Tôi nghĩ mình có thể nhận ra những hình thù sẫm màu hơn. Tôi đang ở đâu? Nhất định không phải trên cái giường quen thuộc. Tôi không chắc mình đang tỉnh hay mơ nữa.

Tôi dần lấy lại ý thức. Khốn nạn thay, lần nôn nao tỉnh rượu này thật kinh khủng! Đang cố gắng phân tích giấc mơ thì một tiếng rên rĩ khiến tôi rùng mình. Giờ thì tôi chắc chắn ai đó đang thổn thức. Trong phòng khách có mỗi tôi và Henry, nên đây chỉ có thể là cậu ta. Cũng như trong giấc mơ tôi, tiếng rên rĩ biến thành nức nở. Henry đang khóc. Tội nghiệp, cậu cũng gặp ác mộng. Henry bắt đầu lảm nhảm một cách điên dại. “Không, thật kinh khủng. Con không muốn. Mẹ, đừng đi, con xin mẹ”. Rồi đột ngột tỉnh dậy, và kêu lên. “Chuyện gì vậy James?”

“Tôi ở đây, Henry, bình tĩnh đi. Cậu gặp ác mộng thôi, nhưng hết

rồi. Cứ ở yên đó, chúng ta cần ánh sáng.”

Tôi dò dẫm bật được đèn bàn mà không làm đổ nó, rồi đi đến bên Henry. Hình ảnh cậu ta lúc này chẳng đẹp đẽ gì, da trắng bệch như tờ giấy và mắt đỏ kè, nổi đau đớn sâu sắc hiện rõ trên nét mặt. Tôi đặt tay lên vai cậu và cố an ủi, cùng một nụ cười gượng, “Cả tôi cũng vừa gặp ác mộng. Chúng ta đúng là tự chuốc vạ vào thân, nhỉ?”

Henry cứ như không nghe vào tai. “Những gì tôi mơ thật đáng sợ, nhưng tệ nhất là...”

“Những giấc mơ đều hiểm khi vui vẻ.”

“Tệ nhất là tôi không tài nào nhớ được...”

“Thế thì cậu còn kêu ca gì nữa? Ở yên đây, tôi đi pha ít cà phê. Mọi chuyện sẽ ổn thôi, rồi cậu sẽ thấy.”

“James”, Henry la lên, ngó đồng hồ một cách sững sốt.

Tôi hỏi, sau một lúc lo ngại nhìn cậu ta, “Có chuyện gì sao?”

“Gần 3 giờ rồi!”

“Thì sao?”

“Cha mẹ tôi vẫn chưa về!”

“Nhưng chính cậu đã bảo tôi là họ sẽ không về trước 3 giờ sáng cơ mà,” tôi trả lời sao cho nghe hợp lí nhất có thể.

“Cậu nói đúng, đương nhiên,” Henry thừa nhận. “Hơn nữa, họ phải lái xe qua một chặng đường khá dài. Tôi không biết tôi có vấn đề gì nữa.”

“Cậu không biết có vấn đề gì với cậu... hay đúng hơn là với chúng ta?” tôi hỏi, giọng chậm biếm, ngụ ý tới cái xác rỗng của chai whisky.

Dứt lời, tôi đi pha cà phê.

Sau cốc thứ ba, Henry lại nói, “Tốt hơn rồi, nhưng tôi vẫn mong mình nhớ được cơn ác mộng đó là về cái gì, vì nó khuấy động cảm xúc của tôi quá mức. Chưa bao giờ trong đời tôi...”

Điện thoại reo đột ngột, làm tôi giật bản mình.

Chết trân trên chiếc ghế bành, Henry nhìn tôi với ánh mắt kinh hãi. Cậu ta đứng dậy, chậm chạp tiến đến gần, ngập ngừng đưa tay ra và sau một hơi thở sâu, giật ống nghe lên.

Cảm giác bất an bủa vây tôi mấy tiếng trước, lúc ra khỏi nhà, ập về

mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Tôi nôn nao châm một điếu thuốc, buộc mình nhìn những làn khói xanh đang cuộn lên.

Henry gác máy. Từng giây dài đằng đẵng trong im lặng trở nên không thể chịu nổi. Cậu đứng bất động, bàn tay vẫn đặt trên điện thoại. Cuối cùng, cậu buông tay và quay đầu về phía tôi, khuôn mặt phờ phạc và tái nhợt hẳn lên nỗi tuyệt vọng cùng cực. Cậu ngây người, chầm chầm nhìn tôi, đôi môi chỉ hơi mấp máy.

“Đã xảy ra một vụ tai nạn. Mẹ tôi mất rồi.”

Vào khoảng 3 giờ sáng, Arthur White mất kiểm soát tay lái trên đường từ Luân Đôn về, chiếc xe mui trần lộn nhào và đè lên người trên xe. Arthur nằm bẹp dưới gần một tấn trọng lượng trong khoảng hai mươi phút, cho đến khi một nhóm người qua đường xoay xở hết mức để giải cứu được ông. Người bình thường hẳn sẽ bị liệt suốt đời nếu gặp hoàn cảnh tương tự, nhưng Arthur yên ổn thoát hiểm nhờ hình thể đặc biệt của mình. Chỉ buồn một nỗi, bà Louise White không sống sót được trước cú va chạm và từ trần vào khoảng 3 giờ 15 phút.

Arthur gặp vợ hồi còn làm bác sĩ. Louise là chị gái của một bệnh nhân nhỏ tuổi mắc bệnh hiểm nghèo. Mặc dù họ đã cùng nhau túc trực ngày đêm bên giường cô bé, ông vẫn không cứu được em, cô bé tắt thở trong tay họ chỉ vài tuần trước đám cưới đã định của hai người. Lễ cưới diễn ra trong sự riêng tư tuyệt đối.

Tôi có xem ảnh cưới và nhận thấy họ đúng là một cặp vợ chồng xứng đôi. Arthur cao lớn mạnh mẽ với mái tóc tối màu, ngược lại, Louise là một cô gái tóc vàng mảnh mai duyên dáng với đôi bàn tay và bàn chân thanh nhã. Nụ cười ngọt ngào, rạng rỡ chân thành của bà không chỉ đem lại hạnh phúc cho chồng mà cho tất cả những ai bà gặp. Bà luôn vui vẻ, tử tế và kín đáo. Mọi người đều yêu quý bà, đặc biệt là những đứa trẻ. Tôi sẽ bịa ra bất cứ lí do gì để tới thăm Henry bởi vì lúc nào tôi cũng được chào đón nhiệt tình.

Ngày nào cũng như ngày nào, sau khi vận động mạnh trong phòng tập, Arthur sẽ dành một tiếng để ra ngoài đi bộ, bất kể thời tiết ra sao. Đợi ông đi rồi, chúng tôi lên vào phòng và hăng hái tập luyện. Louise biết rõ mọi chuyện, nhưng chỉ dặn chúng tôi phải sắp xếp các thứ vào vị trí cũ trước khi ông chồng về. Bà mang ra những món nho nhỏ như phần thưởng cho nỗ lực của chúng tôi, đến giờ tôi còn cảm nhận được

vị bánh xốp nướng phết mứt cam do chính tay bà làm. Chưa bao giờ tôi được ăn thứ gì ngon đến vậy.

Ngôi làng, nơi mọi người đều coi Louise là bạn, hết sức choáng váng trước cái chết của bà. Arthur thì sầu khổ, luôn tự trách mình vì vụ tai nạn. Thời gian trôi qua, Henry rơi vào trạng thái buồn bã và tuyệt vọng khôn nguôi. Cậu ta luôn gắn bó với gia đình, đặc biệt là bà mẹ. Mặc dù con cái hiếu thảo là lẽ đương nhiên, nhưng tình cảm của Henry dành cho đáng sinh thành vẫn sâu nặng đến mức ám ảnh, gần như tôn thờ. Bởi vậy đối với cậu, cú sốc nặng nề hơn bình thường rất nhiều, kể từ thời điểm biết tin dữ, cậu ta luôn chìm trong trạng thái đau khổ cùng cực.

Lễ tang của bà White diễn ra xúc động, nhưng bối rối. Chỉ mình Victor Darnley là còn có vẻ bình tĩnh. Ánh mắt ông lộ rõ nỗi buồn và lòng trắc ẩn đối với sự mất mát của người bạn, tuy thế tôi vẫn nghe thấy những lời đáng sửng sốt mà ông thì thầm lúc chia buồn. “Đừng khóc, Arthur! Hãy mừng cho bà ấy, chết không phải là hết. Tôi cũng từng trải qua nỗi đau tàn khốc không khác gì ông hôm nay. Ông tưởng đã mất bà ấy mãi mãi ư? Đừng lo, bà ấy sẽ trở lại. Rồi ông sẽ thấy ngay thôi. Hãy tin tưởng, bạn của tôi, ông sẽ gặp lại Louise.”

“Tôi nghiệp quá, chúng ta phải nghĩ cách giúp Henry. Không thể để như vậy được. Tôi đã thử khuyên giải nhưng cậu ấy vẫn không nguôi ngoai, không muốn nghe. Sẽ không dễ đâu.”

Người tóc đỏ với những đường nét sinh động vừa lên tiếng là John Darnley, một chàng trai tốt bụng hiếm có, luôn sẵn sàng giúp đỡ mọi người khi họ cần.

Henry, John và tôi, ba đứa có thói quen gặp nhau mỗi tối thứ Bảy tại quán rượu - một trong những tòa nhà cổ nhất làng. Thứ Bảy này cũng không phải ngoại lệ, nhưng quãng thời gian Henry dành cho chúng tôi vô cùng ít ỏi, thái độ cậu lảm lì hơn bao giờ hết.

Mới gần đến 9 giờ. Chúng tôi nhìn chiếc ghế mà cậu bạn vẫn thường ngồi. Đây là nơi chúng tôi yêu thích, căn phòng rộng rãi với trần thấp, với những thanh xà lớn sạm màu vì khói thuốc qua hàng thế hệ, với ván sàn gỗ sồi và quầy bar có phục vụ loại bia tươi ngon

nhất hạt. Đằng sau quầy bar là Fred Băm Trợn, một chân dung rất ít tương đồng với không khí ấm cúng và vui vẻ nơi này. Ông đang bận rộn rót thứ dung dịch sủi bọt màu nâu hoặc hổ phách vào những chiếc cốc, xung quanh là âm thanh huyền ảo điếc tai và màn khói cứ dày thêm vào đêm, làm nhòa đi ánh sáng của những chiếc đèn tường vốn đã mờ ảo.

Nhưng trái tim chúng tôi không đặt ở đó, đôi mắt John phản chiếu mỗi ưu tư chung của chúng tôi.

“James, cậu có nghĩ là Elizabeth sẽ làm được gì không? Chỉ cần cậu nói một câu.”

Lời đề nghị hẳn là rất khó khăn này đã thể hiện tinh thần hào hiệp của John Darnley. Cậu ta phải lòng Elizabeth, tôi biết, nhưng lại nhờ tôi mang hai người họ đến gần nhau hơn.

Tôi lắc đầu, không tán đồng.

“Cái cô Elizabeth mà đánh rơi chiếc mũ cũng khóc ra cả chậu nước mắt ấy hả? Không phải ý kiến hay đâu, con bé chỉ khiến Henry khổ sở thêm thôi. Những người con bé thử an ủi rồi cuộc đời khóc nhiều hơn.”

Cần nhắc một lát, tôi tiếp tục nói với giọng tự tin. “Henry sẽ vượt qua được, chỉ là vấn đề thời gian. Thời gian chữa lành mọi vết thương, nếu không con người đã chẳng tồn tại được.”

Tôi bất chợt dừng lại, thất kinh trước sự vụng về của mình.

“Thời gian chữa lành mọi vết thương,” John lơ đãng nói, ánh mắt xa xăm. “Dù sao thì... cũng chỉ phần nào. Nên nói rằng, thời gian giúp cho những vết thương có cơ hội liền sẹo.”

Tôi nên đá cho mình một cái vì nói mấy câu quá ngớ ngẩn. Nhưng chuyện tệ hại đã xảy ra rồi, và John bắt đầu nhớ lại cái đêm kinh hoàng ấy.

“Tôi đang chơi với Billy thì cha đến tìm, lo lắng ra mặt. Cha nói rằng mẹ đã mất tích. Chúng tôi quay trở về nhà nhưng không thấy mẹ đâu. Hai cha con lục lọi khắp nơi rồi cha đi lên tầng. Nghe thấy một tiếng kêu khác với mọi tiếng kêu từng nghe, tôi liền lao lên theo, lên đến tầng cao nhất. Cánh cửa cuối cùng, cánh cửa thứ tư, đang mở và

có ánh sáng hắt ra. Tôi chạy tới, thấy cha đang quỳ bên xác mẹ, trên sàn nhà.”

“Thứ lỗi cho tôi, John,” tôi thì thào. “Nhưng...”

John tiếp tục, như thể không nghe thấy.

“Bây giờ tôi mới mười lăm tuổi. Cha không bao giờ hồi phục được nữa, thiên hạ bảo cha điên rồi. Sau đó chúng tôi mất tất cả. Tôi phải bỏ ngang con đường học hành quý báu để đi làm, để nuôi sống cả hai.” Trong khoảnh khắc, cậu chăm chú nhìn ngắm đôi bàn tay thô ráp của mình. “Nhưng thế vẫn chưa là gì so với những việc khác. Mất mạng vì tai nạn là một chuyện, chuyện đó có thể xảy ra, có thể hiểu được. Nhưng tự tử là chuyện khác, lại còn theo cách thức kinh khủng như thế! Quá vô lí! Mẹ đã mất trí chỉ trong vài giờ, quá điên! Cậu phải thấy thi thể cơ, cậu không tưởng tượng nổi đâu. Trông cứ như hành vi của một tên tàn bạo lãng vãng trong khu phố. Nhưng điều đó là không thể, vì căn phòng bị khóa từ bên trong. Chẳng nhớ đã bao nhiêu lần tôi choàng tỉnh lúc nửa đêm, tự đặt cho mình câu hỏi khiếp đảm ấy: Tại sao mẹ lại làm thế? Tại sao? Cậu biết không, tôi chưa bao giờ chấp nhận ý tưởng rằng mẹ bị điên. Thế nhưng...” Cậu thở dài. “Nhưng, như cậu nói đấy, James, thời gian chữa lành tất cả. Dù sao...”

John cố kìm nước mắt.

Tôi đáng bị đá một cái vào mông. Tôi không tìm được lời nào để xoa dịu bạn và bắt đầu tự nguyện rửa mình bằng đủ mọi danh xưng trên đời. Thật tàn nhẫn vì đã khơi dậy ở John mớ ký ức khủng khiếp ấy. Tất cả những gì tôi có thể nghĩ ra là mời cậu điều thuốc thay lời xin lỗi. James, mày đúng là một thằng đàn.

Chắc đã đọc được ý nghĩ của tôi, John trấn an.

“Không phải lỗi của cậu, James. Việc đó không thể tránh khỏi. Henry mất mẹ mười ngày trước, còn tôi thì mất mẹ cách đây mười năm. Hai người góa vợ sống đối diện nhau, làm sao có thể không liên hệ họ với nhau cho được?”

Những lời trấn an ấy không có tác dụng gì khác ngoài việc khẳng định quan điểm của tôi về bản thân: một kẻ thảm hại, không biết sử dụng bộ não của mình.

John vỗ mạnh vào lưng tôi để động viên.

"James, đừng giày vò bản thân nữa, quá khứ qua rồi. Đừng lo cho tôi, Henry mới là người chúng ta cần phải quan tâm lúc này."

Cậu ra hiệu vào trong quầy bar, Fred đẩy ra hai cốc bia lớn sủi bọt.

"Châu này tôi mời, các chàng trai," ông nói với giọng sang sảng và nụ cười toe toét thân thiện. Lời nói và cử chỉ mạnh mẽ, khiến mọi người luôn biết ngay ai là ông chủ ở đây giữa những kẻ ồn ào đình tai nhức óc.

Rồi, nụ cười nhạt dần và Fred trở nên nghiêm túc. Ông nắm lấy vai chúng tôi và khẩn khoản nói.

"Không thể để Henry khép mình lại như vậy, các cậu phải lôi nó ra! Dù gặp chuyện bất hạnh, nhưng..."

Một vài vị khách đang la hét âm ỉ để gây chú ý.

"Tôi không thể nán lại với các chàng trai được," ông gầm lên, "Tôi tới đây! Tới đây!"

"Nhà Latimer vừa đến đêm qua," John nói, sau một lát im lặng.

Cái chết của bà White đã xóa khỏi đầu tôi chuyện hai người thuê nhà. Tôi hầu như không chú ý đến họ lúc chiều nay.

"Trông họ thế nào?"

"Người chồng khoảng bốn mươi tuổi, tóc vàng sáng, hình như là nhân viên bảo hiểm. Người vợ khoảng ba mươi lăm, là một mỹ nhân với mái tóc dài sẫm màu và nụ cười quyến rũ khó cưỡng. Quá tệ là cô ấy đã có chồng!" John nói thêm và nháy mắt.

"Họ dễ chịu chứ?"

"Có vẻ như vậy, mặc dù chúng tôi vẫn chưa có thời gian trò chuyện. Nhìn thế nào cũng khá đứng đắn."

"Và họ vẫn chưa nói gì về..."

"Tiếng động ban đêm? Ánh sáng bí ẩn trên tầng áp mái? Đủ điều bịa đặt từ trí tưởng tượng của mọi người?"

"John à, cậu nên biết. Tất cả những người thuê trước đều nói về nó. Còn nữa, chính vì thế mà không một ai trong số họ ở lại lâu."

John lắc đầu, môi nở nụ cười giấu cợt

"Tôi hoàn toàn ý thức được vẻ ngoài cổ quái của căn nhà, và thực tế

là có một người phụ nữ tâm lý bất ổn đã tự sát ở đó trong tình cảnh đáng sợ. Cha tôi không tỉnh táo cho lắm, đúng, nhưng ông không điên loạn như mọi người nghĩ. Từ một vài dấu hiệu, người ta bắt đầu phát huy trí tưởng tượng quá mức, đến nỗi gần như nghe được và nhìn thấy bất cứ thứ gì. Tiếng cầu thang kéo kẹt? Chẳng có gì bất thường cả, theo tôi biết thì chúng làm bằng gỗ. Và tại sao người ta nghe thấy tiếng nó vào ban đêm? Rõ ràng là bởi ai nấy đều đã đi ngủ và không gian lặng ngắt như tờ. Còn về âm thanh phát ra từ tầng áp mái và ánh đèn bí ẩn, tôi có thể cam đoan với cậu là tôi chưa từng nghe hay thấy gì hết."

"Nhưng phòng ngủ của cậu ở tầng trệt," tôi nhận xét. "Khó mà nghe được âm thanh từ tầng thượng, nói gì đến trông thấy ánh sáng."

"Đúng," John thừa nhận. "Nhưng đâu có ai từng lên trên đó. Cứ cho rằng tất cả những câu chuyện ấy là thật đi, thì thủ phạm có thể là ai? Ai lại nảy ra ý tưởng ngớ ngẩn là giả ma giả quỷ? Thật lòng mà nói, tôi không thấy có ai cả."

"Tôi muốn giữ hòa khí. Cũng chẳng để làm gì khi cố trình bày cái lí lẽ có vẻ hợp tình hợp lí nhất. Ấy là cha cậu ta tin rằng bà vợ sẽ xuất hiện trở lại, vì thế đã lần mò trong đêm đi lên căn gác nơi bà rời bỏ ông. Hơn nữa, lời tâm sự của ông với Arthur trong lễ tang khá rõ ràng. 'Bà ấy sẽ trở lại. Rồi ông sẽ thấy ngay thôi.' Nhưng làm sao giải thích cho John hiểu được đây? Nếu có một chủ đề thực sự làm tổn thương cậu ta, thì đó chính là độ minh mẫn của cha cậu, và lí luận của tôi đều xoay quanh đấy. Không, tốt hơn nên giữ im lặng. Tôi đã mắc đủ sai lầm cho ngày hôm nay rồi."

John không gắng hỏi gì, rõ ràng đang để tâm trí ở nơi khác.

Rồi đột nhiên, cậu lên tiếng.

"Đêm qua, tôi đã giúp nhà Latimer chuyển đồ đạc."

Tôi rút một điều thuốc ra khỏi bao. John chần chừ giây lát, và tiếp tục.

"Cô Latimer bắt chuyện với cha tôi..."

Tôi điềm tĩnh châm điều thuốc.

"... còn anh Latimer và tôi khuôn hành lí."

Tôi rút thuốc, rồi nhả một vòng khói lên trần nhà.

"Thế nên, trong lúc chúng tôi bận rộn lên xuống, thì cha ở ngoài sảnh với cô Latimer."

Tôi nhíp ngón tay trên mặt bàn.

"Chúng tôi mang những chiếc va li lên tầng thứ nhất..."

Tôi bật ra một tiếng thở dài.

"... để chúng vào phòng, rồi một lần nữa đi xuống cầu thang. Đúng lúc ấy..."

"Đúng lúc ấy..." Tôi nhẹ nhàng nhắc lại, cố gắng giữ bình tĩnh.

"Đúng lúc ấy tôi nghe loáng thoáng một phần cuộc trò chuyện. Đương nhiên là giữa cha tôi và cô Latimer."

Mất kiên nhẫn, tôi dấm tay xuống bàn.

"Rồi sao, họ đang nói về cái gì?"

"Tôi không nghe được đoạn đầu, nhưng tôi nghĩ là cha cho cô ấy biết tại sao những người thuê nhà trước cảm thấy cần phải nhanh chóng chuyển đi, nào thì tiếng ồn, ánh sáng, và tất cả những chuyện còn lại. Cô Latimer bèn trả lời... Câu trả lời của cô ấy rất kì lạ, tôi không biết phải hiểu thế nào nữa."

Tôi hắng giọng rõ to, và nói một cách bình tĩnh nhất có thể.

"Chính xác là cô ấy nói gì?"

"Nguyên văn: 'Tôi không sợ linh hồn, ngược lại là đằng khác.'"

"Ngược lại là đằng khác?"

"Chính xác đấy: ngược lại là đằng khác. Cô ấy ngừng ở đây, chúc cha tôi ngủ ngon và đi lên phòng."

"Cô ta thích chúng."

"Gì cơ?"

"Cô ta không sợ linh hồn. Ngược lại là đằng khác, cô ta thích sự hiện diện của chúng."

"Nhưng thế thì quá lạ lùng! Không ai thích những thứ ấy cả. Chuyện này kì quái thật."

"Có rất nhiều chuyện kì quái," tôi thở dài, nhớ lại cái đêm ở nhà Henry một tuần trước. Cậu ta đột ngột choàng tỉnh khỏi ác mộng, chìm ngập trong một nỗi buồn không thể cắt nghĩa. Trong mơ, cậu ta

khóc và lấp bắp, 'Không, thật kinh khủng. Con không muốn. Mẹ, đừng đi, con xin mẹ.' Không những thế, tất cả lại xảy ra vào khoảng 3 giờ 15 phút sáng, đúng thời điểm Louise tử nạn.

“Cậu đang nói đến vụ lật xe của ông bà White?” John gắng hỏi, mày chau lại.

“Phải. Ý tôi là không,” tôi đáp ứng. “Không, không có gì cả. Tôi không biết mình đang nói gì nữa, tôi bắt đầu thấy mệt rồi.”

Khi John gợi ý ra về, tôi không phản đối.

A nh yêu, em đau đầu khủng khiếp!”
“Uống aspirin đi, em yêu.”

“Em uống bốn viên rồi, chẳng thấy đỡ gì cả.”

“Phải kiên nhẫn chứ,” cha vừa trả lời vừa chỉnh cà vạt “Nhanh lên nào, em yêu, chúng ta sắp muộn rồi.”

“Nửa đầu em đau quá này,” mẹ rên rỉ. “Không thể chịu đựng nổi. Em không đi được đâu, em không thể.”

“Cái gì!” cha giận dữ kêu lên. “Không đi? Không đi sau khi Arthur White kiên cường vượt qua nỗi đau để tổ chức một bữa tiệc trưa cho chúng ta gặp vợ chồng Latimer và chứng tỏ mình là những người láng giềng tốt thế nào sao? Em không thể từ chối chỉ vì thấy đau đầu chút xíu như vậy được. Thôi nào, hãy cố gắng lên.”

Mặt tái đi, mẹ nhìn cha từ đầu xuống chân và trả lời một cách lạnh lùng.

“Em cảm thấy không đủ khỏe để đi, thế thôi. Em không đi!”

Im lặng.

Cha, đang trên đà bùng nổ, đã giữ được bình tĩnh nhờ nỗ lực cao độ và gương cười.

“Em yêu,” ông nói, cầm lấy tay mẹ và cúi đầu xuống. “Không có gì tồi tệ hơn là một cơn đau nửa đầu dai dẳng - anh là người biết rõ hơn ai hết. Bản thân anh cũng bị những cơn đau đầu dữ dội hành hạ liên miên, đặc biệt là vào buổi tối, và thường xuyên hơn em tưởng. Nhưng để em không phải chia sẻ nỗi bất hạnh ấy, anh luôn chịu đựng trong thinh lặng. Nó rất khó chịu, chắc chắn rồi, nhưng vì thế mà từ chối lời mời của Arthur thì không ổn. Ông ấy cần sự an ủi và tình bạn của chúng ta, mới mất vợ được ba tuần, đang cô đơn và quẫn trí. Henry chẳng giúp được gì, thậm chí còn ngược lại. Lời mời này chính là tiếng

kêu cứu, chúng ta không thể không đi. Arthur sẽ thắc mắc lắm, điều đó chắc chắn gây ảnh hưởng tới tình bạn của chúng ta.”

Đáp lại ông là ánh mắt lạnh lùng.

“Anh nói xong chưa?”

“Gì cơ?”

“Em hỏi là bài diễn văn đã kết thúc chưa?”

“Em làm ơn nhắc lại được không?” cha nói, vẻ không hiểu.

“Đủ lắm rồi. Chúng ta sẽ không đi, không phải nói gì thêm nữa. James và Elizabeth có thể giải thích. Arthur chắc chắn sẽ hiểu.”

“Chúng ta?” cha kêu lên, bắt đầu mất tự chủ. “Ý em là gì, chúng ta?”

“Anh và em, đừng có giả ngốc nữa. Giá mà anh nhận ra anh là một diễn viên tệ đến thế nào.”

Cha phản kháng một cách khoa trương.

“Sự thiếu lịch thiệp của em không hề đáng đả tặc tới tôi. Em cứ ở lại đây, thưa quý bà, nhưng tôi chắc chắn sẽ đi. Đi thôi, các con!”

Một giọng run rẩy vì phần nộ (giả) và tức tối (thật) xé tan bầu không khí.

“Anh định bỏ người phụ nữ đau ốm lại một mình mà không biết sẽ rơi vào bàn tay của kẻ điên nào hay sao? Người ta sẽ nghĩ anh không bao giờ đọc tin tức trên báo đấy.” Rồi với đôi mắt âm ỉ một cơn thịnh nộ, mẹ phác một cử chỉ độc đoán.

“Đi đi!”

Cha tiến về phía cửa với phong thái trang trọng, chậm bước, dừng, rồi xoay sang quầy bar. Ông rót cho mình một ly whisky, uống hết trong một ngụm và nói với giọng sầm sập.

“Đi đi, các con.”

Một lần nữa, mẹ lại chiến thắng.

“Đừng quên chìa khóa,” Elizabeth nhắc khi tôi đang đóng cửa trước.

“Được rồi, được rồi,” tôi lẩm bẩm. “Trời đất, nồm quá.”

Ngày hôm đó trời đặc biệt âm áp dù đã là cuối tháng Chín. Mặc dù đài dự báo mùa đông khắc nghiệt sắp sang nhưng miền Nam đất nước lại đang trải qua đợt nóng.

“Xem chừng tối nay có bão,” em tôi vừa nói vừa ngấm lại mình. “Trông em thế nào, James?”

“Không tồi,” tôi đưa ra ý kiến.

Thực tế thì em đẹp lộng lẫy trong bộ váy lụa trắng tôn vòng eo mảnh mai hoàn hảo. Đôi giày đế bằng xinh xắn, chiếc khăn choàng đăng ten thanh nhã che đi phần khe ngực, và một kiểu tóc tương chừng đơn giản đã hoàn tất bức họa.

“Không tồi, không tồi chút nào,” tôi lặp lại, “Đợi đã, lấy cái khăn tay này chấm bớt son môi đi. Như thế đẹp hơn.”

“Theo anh thì Henry có vừa ý không?”

“Việc đó thì còn phải xem đã. Nhắc mới nhớ, hai đứa bọn em tiến triển thế nào?”

“Em nghĩ là cũng tốt, nhưng không biết hôm trước em có làm anh ấy phiền lòng không.”

“Ồ?”

“Giá em để anh ấy hôn em thì tốt hơn.”

Tôi đợi em nói tiếp.

“Hai hôm trước, vào buổi tối, em sang nhà Henry để xem anh ấy thế nào, xem mọi việc đã ổn hơn chưa,” em nghiêm túc kể. “Henry tiếp tục tâm sự về mẹ, về ý nghĩa của bà đối với anh ấy. Chúng em chuyện phiếm về tình yêu, tình yêu nói chung thôi. Henry rất khổ sở, và em cố gắng an ủi. Bỗng nhiên anh ấy ôm chầm lấy em.”

Đúng lúc đấy, tôi tự nhủ.

“Và anh ấy hôn em.”

Thế là xong! Giờ tôi có thể tập trung vào việc khác được rồi.

“Ít nhất là anh ấy muốn hôn em. Nhưng dĩ nhiên em không để anh ấy làm thế. Đây không phải lần đầu. Chỉ đơn giản là không được. James, em xử sự có sai không? Đúng chứ hả?”

Không tin vào tai mình, tôi đưa tay ôm đầu.

“Elizabeth, đừng bảo anh rằng...”

“Em e là vậy. Nhưng Henry không hề phiền lòng, bởi vì anh ấy xin lỗi ngay lập tức. Chỉ hiềm anh ấy bảo em đừng lo, chuyện đó sẽ không bao giờ lặp lại. Em không biết có phải anh ấy đã hiểu lầm sự cự tuyệt của em không. Anh nghĩ sao hả James?”

Chúng tôi đã đến nhà White, và tôi không trả lời. Tôi đã ngán đến tận cổ toàn bộ câu chuyện này rồi, từ giờ tôi không muốn để vào tai thêm một chút nào nữa.

Ông Arthur White mở cửa. Mặc dù đau buồn, ông vẫn ân cần chào đón chúng tôi.

“Vào đi, hai đứa! Trông cháu thật đáng yêu, Elizabeth. Chiếc váy rất hợp với cháu.”

“Ôi, cảm ơn bác White!” Em tôi cười e lệ, mặt đỏ lên vì vui sướng.

“Nhưng cha mẹ các cháu đâu?”

“Mẹ cháu bị đau nửa đầu, đau ghê gớm, và...”

“Cha các cháu không muốn để bà ấy một mình. Bác hiểu, không ai biết chuyện gì có thể xảy ra.” Giọng Arthur nhỏ lại, “Vào phòng khách đi. John và Henry đang ở đây rồi.”

Chúng tôi vừa bước vào phòng, đã có hai cặp mắt tham lam nhìn chòng chọc vào Elizabeth trong lúc em lại gần chào hỏi Victor. Kể từ cái chết của bà White, khuôn mặt Victor Darnley trở nên hồng hào hơn. Thậm chí ông còn ra ngoài một hay hai lần, chủ yếu là để gặp Arthur, một việc cực kì hiếm hoi lúc trước.

Bình thường ông rất kiệm lời, nhưng hôm nay lại tấm tắc khen ngợi em tôi bằng phong thái lịch thiệp nhất. Elizabeth híp cả mắt lại vì vui thích, vẻ bên lên làm đáng trái ngược hẳn với ánh long lanh trong mắt. Để che giấu sự ngượng ngịu, John cũng phụ họa bằng những lời ca tụng tương tự, mặc dù giọng nói đã phản bội thái độ cố gắng tự nhiên của cậu. Còn Henry, nín thở trước cảnh Elizabeth đang nở rộ như một bông hoa trong hơi ấm ca ngợi của cha con nhà Darnley, chỉ biết lấp bắp một cách yếu ớt, “Chào Elizabeth.”

“Henry, đừng đứng đờ ra đó nữa.” Giọng Arthur sang sảng. “Tiếp khách đi!”

Chuông cửa reo lên lần nữa.

“A, là hai vị khách đặc biệt của chúng ta! Để cha ra,” Arthur nói, rồi biến mất.

Victor giới thiệu chúng tôi với nhau. Ban đầu theo bản năng, tôi có cảm tình ngay với Patrick Latimer, dù cảm tình ấy đã bị kìm hãm bởi sự cảnh giác mơ hồ. Tuy vậy, Alice vợ anh ta lại là trung tâm của sự chú ý. Rất xinh đẹp và tự ý thức được điều đó, cô vận bộ váy vô cùng lộng lẫy nhưng hơi quá khiêu khích, theo ý tôi. Cảnh Henry đăm đăm nhìn cô ta như đã bị mê hoặc không thoát khỏi ánh mắt Elizabeth, em theo dõi, mặt tím tái vì giận.

Để che giấu sự xấu hổ, Henry bắt đầu màn ảo thuật và mấy trò đùa ngớ ngẩn theo thông lệ, cậu ta nỗ lực hết sức để có một màn biểu diễn ngoạn mục. Patrick Latimer có vẻ thực sự bị ấn tượng. Vợ anh ta gần như ngất đi vì hâm mộ và thán phục không ngớt, thậm chí đề cập đến cả “sức mạnh” của Henry khiến cậu ta được truyền thêm cảm hứng. Giờ đây, là tâm điểm của sự chú ý, cậu ta tỏa sáng cùng niềm sung sướng và tự hào. Chúng tôi được chiêu đãi khá những màn uốn dẻo tương đối đặc biệt.

“Henry có vẻ như đang lấy lại được niềm vui sống,” tôi thì thầm những lời bội bạc vào tai em gái.

“Trật tự đi, kẻ phản bội,” em rít lên.

Arthur, hơi khó chịu, kết thúc màn biểu diễn của con trai bằng cách bảo cậu ta đi chuẩn bị món bánh khai vị, còn ông thì tự tay khai rượu champagne (loại hảo hạng vì vị chủ nhà của chúng ta tiêu tiền rất phóng khoáng).

Thứ chất lỏng quý giá ấy trước tiên lấp lánh trong ly của những vị khách, và rồi lấp lánh trong mắt họ. Buổi tối hôm đó diễn ra tốt đẹp, ngay cả Arthur cũng tỏ vẻ thoải mái. Chỉ có Elizabeth là gặp khó khăn trong việc giấu giếm cơn ghen tuông.

“Tôi đã đọc hầu hết sách của ông, ông White. Làm thế nào mà ông xây dựng được những cốt truyện thông minh đến vậy?”

“Phu nhân thân mến của tôi, tôi lấy cảm hứng từ việc đọc. Ngoài ra,

như tôi luôn nói, đọc mà không ghi chú cũng giống như ăn mà không tiêu hóa vậy.”

“Ồ, thật độc đáo! Tôi phải nhớ câu này mới được.”

Ngay cả Victor cũng lên tiếng.

“Arthur chắc chắn là một nhà văn đã để lại dấu ấn trong thế hệ của mình.”

“Xin đừng quá lời. Ông phải hiểu...”

“Champagne tuyệt lắm, Arthur, nếu ông không phiền...”

“Victor yêu quý của tôi, đừng làm khách. Hãy cứ tự nhiên như ở nhà.”

“Henry! Cậu thật là phi thường! Cậu làm thế nào vậy?”

“Thưa quý bà....”

“Cứ gọi tôi là Alice.”

“Cô Alice, nói thật đây là năng khiếu trời cho. Từ khi tôi còn nhỏ...”

“Thú vị thật!”

“Người đàn bà đó làm em khó chịu, với lối xu nịnh và cái váy ngắn kệch cỡm của cô ta. Anh có thấy cô Latimer đẹp không, hả John?”

“Thật lòng thì cô ta không tệ nếu em thích kiểu đó. Nhưng cô ta không phải tuýp của anh. Cô ta làm sao sánh được với em, Elizabeth. Tối nay trông em xinh đẹp hơn bao giờ hết.”

“Đừng có trêu em.”

“Quý tha ma bắt anh đi, Elizabeth. Nhìn anh xem có giống như đang nói dối không? Em không thấy trong mắt anh những điều anh không thể nói với em sao?”

“Ồi! John.”

Buổi tối đang diễn ra hào hứng thì cơn bão ập tới.

Alice bật dậy khỏi ghế.

“Tôi biết mà, trời hôm nay nóng quá. Tôi ghét mưa bão, không thể chịu nổi!”

Tia chớp thứ hai nháng lên, theo sau là một tiếng sấm nổ ầm ầm.

Alice phát run. Anh chồng nhào đến bên cạnh cô.

“Em yêu, cứ nằm xuống nếu em thấy không khỏe. Ông cho phép chứ, ông White?”

“Tất nhiên rồi. Nhưng có chuyện gì vậy? Tôi từng là bác sĩ, mặc dù không còn hành nghề nữa. Nếu tôi có thể giúp gì được cho phụ nhân...”

Alice không trả lời. Cô ta trân trối nhìn tới trước, tay chân run rẩy. Anh chồng ngả cô nằm xuống trường kỉ.

Alice thở vô cùng nặng nhọc và cứ gấp gấp dần, có cảm giác chiếc váy sắp rách toạc đến nơi. Cơn bão vẫn vũ dữ dội hơn, mưa bắt đầu quất xuống. Qua những cửa hông trông ra đồng hoang, có thể thấy những tia sét nhọn hoắt đang đan chéo trên bầu trời đen kịt và đuổi theo nhau thành một chuỗi nhanh đến nổi sáng rõ như ban ngày. Một cảnh tượng đẹp đẽ nhưng kinh tâm, kèm theo tiếng gầm khùng khiếp như tận thế đang gần kề.

Không một ai nói gì. Cơn bão đã đủ đáng sợ, nhưng tình trạng của Alice còn đáng ngại hơn. Hình như cô ta đang hôn mê.

“Đừng lo,” anh chồng trấn an. “Alice là nhà ngoại cảm. Tôi nghĩ cô ấy được triệu hồi. Ta nên tắt bớt đèn đi.”

“Để tôi tắt đèn trần,” Henry nói, giọng run lên vì sửng sốt và khiếp đảm. “Chúng ta có thể nhìn được nhờ chiếc đèn bàn gần cửa sổ.”

“Không,” Patrick phản đối, “như vậy vẫn có ánh sáng rọi tới mắt cô ấy. Chiếc đèn sàn cạnh tủ sách đằng kia tốt hơn.”

Henry làm theo. Căn phòng chìm vào cảnh tranh tối tranh sáng, các vị khách quây tròn quanh trường kỉ. Ngực Alice hơi vòng lên kèm theo những tiếng rì rầm nơi cổ họng, mi mắt cô run rẩy.

Patrick ra dấu cho tất cả im lặng.

Chúng tôi nín thở.

Môi nhà ngoại cảm hé mở và thốt ra những lời kì lạ.

“Vùng đất sương mù. Mọi thứ chỉ là hình bóng và sương mù. Đó là vùng đất khác hẳn với bề ngoài của nó, vì không có gì tồn tại. Sinh mệnh là một ẩn số với những sinh linh này, những bóng hình mắc kẹt nơi thời gian...”

Tiếng nói ngừng dần.

“Em yêu,” anh chồng hỏi bằng giọng nhẹ nhàng. “Em còn thấy gì nữa không?”

Một lúc sau, tiếng thì thầm lại tiếp tục.

“Không, sương mù mờ dần, những bóng hình đang lùi xa, mọi thứ tối lại. Đợi đã. Có, có hai trong số các hình bóng đang tách khỏi màn sương. Hai người phụ nữ. Một trong hai đang tranh cãi. Bà... bà ta giữ người kia lại. Tôi thấy bà ấy rõ ràng. Thân thể bà ta chỉ chút vết thương... cổ tay. Ngón tay bà run rẩy, nó đang kết tội, chĩa về phía tôi. Không, tôi không nhìn rõ, khuôn mặt bà thật khủng khiếp.”

“Đó là Eleanor,” Victor thì thào. “Vợ tôi đây, bà ấy muốn nhấn chúng ta điều gì đó.”

Mặt tái nhợt như người chết, ông nhích đến gần Alice.

“Đó là Eleanor, cô Latimer, tôi chắc chắn. Tôi cũng được triệu hồi. Bà ấy có chuyện muốn cho chúng ta biết. Hãy gắng lên, tôi xin cô.”

Alice nhắm mắt lại.

“Cô Latimer, tôi xin cô.”

“Không nên gượng ép quá,” Patrick nói. “Điều đó có thể gây nguy hiểm cho...”

Bỗng nhiên tiếng nói bắt đầu một lần nữa, nhưng to hơn.

“Người đàn bà đã biến mất, nhưng người đồng hành còn ở lại... Về do dự, dường như không biết đi hướng nào. Bà... bà ấy muốn tìm một người đối thoại. Không, không phải. Bà ấy muốn nói chuyện với một người cụ thể. Ai đó... ai đó ở ngay đây. Một người cao lớn, khỏe mạnh, đã từng đi bộ một chặng đường cùng bà ấy.”

Mọi con mắt đều đổ dồn về phía Arthur đang ngồi sững sờ.

“Bà muốn nói chuyện với ông. Một mình.”

Im lặng.

“Chắc chắn là ông rồi, ông White,” Patrick tuyên bố và trầm ngâm nhìn vợ. “Về người phụ nữ muốn nói chuyện với ông... tôi đoán chừng là vợ ông.”

Một ánh chớp chói lòa rọi sáng cả căn phòng và soi tỏ vẻ ngỡ vực trên khuôn mặt Arthur. Patrick đợi tia chớp chấm dứt mới tiếp tục.

“Tôi không muốn làm ông quá hi vọng, ông White, nhưng có thể có cách để... đó là một thử nghiệm chúng tôi đã từng tiến hành trước đây, và tôi tin rằng linh tính của vợ tôi tối nay đặc biệt tinh tường.”

Victor đưa cả hai tay ra giữ cánh tay bạn mình.

“Arthur, ông phải thử!”

Arthur cup mắt xuống, tỏ ý chấp thuận.

“Thử nghiệm này rất hiếm khi thành công,” Patrick Latimer nói, rút một chiếc khăn tay ra khỏi túi áo. Anh ta lau trán. “Trên thực tế, cô ấy chỉ thành công đúng một lần, việc đó xảy ra đã vài năm về trước, khi chúng tôi mới kết hôn. Ông sẽ hỏi vợ ông một câu hỏi, ông White. Một câu hỏi mà chỉ mình ông biết câu trả lời, nhưng không phải bằng lời nói. Cần viết ra giấy, đừng để ai nhìn thấy. Xong thì cho tờ giấy vào phong bì dán kín và ký tên. Hoặc nếu muốn, ông có thể sử dụng dấu sáp. Vợ tôi sẽ chạm vào tờ giấy trong vài giây và rồi... Rồi chúng ta sẽ thấy. Tôi nhắc lại, cơ hội thành công là rất nhỏ. Nhưng tốt hơn ông nên quyết định nhanh chóng, vì Alice có thể tỉnh lại bất cứ lúc nào.”

Arthur đột ngột đứng dậy và biến mất.

Patrick giơ hai tay lên.

“Quý vị thân mến, làm ơn, chúng ta cần giữ im lặng. Buộc ra một từ không đúng cũng có thể dẫn đến hậu quả nghiêm trọng.”

Arthur chỉ đi trong vòng mười phút, nhưng với chúng tôi thì cứ như vô tận.

“Đây”, ông nói, đưa một chiếc phong bì cho Patrick, anh ta chìa cho các vị khách khác cùng xem. Ở mặt sau, chỗ đầu nhọn của nắp phong bì có một dấu niêm phong bằng sáp, và trên mỗi cạnh đều có một chữ ký.

Henry thì thào vào tai tôi.

“Cha tôi sưu tập những đồng xu cổ hiếm có, ông vừa sử dụng một đồng cho dấu niêm phong.”

Patrick nghiêng người về phía vợ và đặt chiếc phong bì vào tay cô.

“Em yêu, trong tay em có một thông điệp. Một lời nhắn cho người phụ nữ.”

Tay Alice siết lại, sau đó buông chiếc phong bì ra. Patrick nhặt lấy

nó và đặt lên bàn cà phê.

“Bây giờ,” anh ta tiếp tục, tiến lại gần cửa sổ và chỉ lên trời. “Tôi nghĩ chúng ta phải đợi cho tới khi cơn bão tan đi.”

Anh ta chưa nói hết câu. Một ánh chớp chói lòa với cường độ bất thường kèm theo tiếng sấm nổ đáng sợ khiến cho chúng tôi chết sững tại chỗ. Phòng khách chìm hẳn vào bóng tối.

“Henry,” giọng Arthur vang lên khẩn thiết. “Chắc là do cầu chì. Con đi xem đi.”

“Vâng cha, con sẽ đi nhanh nhất có thể.”

“Đừng ai di chuyển,” chủ nhà nhắc. “Mọi người đừng quên rằng cô Latimer vẫn đang trong trạng thái nhập định bất cứ cú sốc nào cũng có thể làm cô ấy tổn thương nghiêm trọng.”

Vài phút sau, đèn sàn bật sáng, Henry cũng xuất hiện trở lại. Mọi người đều ở nguyên vị trí cũ.

“Do cầu chì thôi,” Henry thông báo. “Alice... À, cô Latimer đã nói gì chưa?”

“Chưa,” Patrick Latimer trả lời, dường như đang chăm chú kiểm tra giày của mình. “Nhưng điều đó chẳng có ý nghĩa gì cả. Hãy đợi thêm!”

Victor ngẩng ngó chiếc phong bì trên bàn cà phê, vẻ trầm tư, rồi quay sang người bạn của mình.

“Mọi thứ vẫn còn có thể, Arthur. Đừng mất hi vọng, tôi có một linh cảm.”

Một tia chớp phía xa chiếu sáng cả bầu trời, và một lần nữa căn phòng lại chìm vào bóng tối.

Không gian đen đặc đến độ sờ thấy được.

Henry lên tiếng đầu tiên.

“Cha, để con lo. Con nhắm mắt cũng làm được.”

“Mang mấy cây nến đến đây, Henry, hay tốt hơn là cả cái giá nến ở ngoài hành lang nếu con tìm thấy nó, phòng trường hợp mất điện lần nữa. Tôi e rằng những nhiễu loạn vừa rồi có thể ảnh hưởng tới cô Latimer. Anh nghĩ sao?” Patrick Latimer hắng giọng trước khi trả lời.

“Tôi sợ rằng khả năng cao là thế đấy. Chắc chắn bóng tối giúp ích

cho sự tập trung của cô ấy, nhưng mấy lần mất điện và sự rối loạn vừa rồi lại không tốt chút nào.” Anh ta hắng giọng lần nữa, đoạn nói to hơn. “E hèm! Chúng ta đừng tự huỷ hoại nhé, những việc thế này rất hiếm khi thành công. Mặc dù tối nay vợ tôi nhập định tốt hơn bình thường. Nhưng vì mất điện mấy lần như vậy...”

“Anh Latimer, tôi phải thú nhận rằng trong một khoảnh khắc - bất chấp thái độ hoài nghi của mình - tôi đã thấy nhen nhóm hi vọng. Nhưng hãy trung thực mà thừa nhận rằng chúng ta không thể liên hệ với thế giới bên kia. Cả cuộc đời tôi...”

“Arthur!” Victor ngắt lời. “Ông không hiểu gì về chuyện này.”

Đèn sáng trở lại.

Alice vẫn nằm trên trường kỉ, say ngủ, một giấc ngủ sâu như thể bất khả xâm phạm.

“Tôi xin lỗi, ông White, không còn hi vọng nữa,” Patrick nói, giọng đầy hối tiếc. “Bây giờ tôi phải đánh thức cô ấy dậy.”

Anh ta lại gần vợ, dịu dàng vuốt ve lông mày cô và thăm thò vào tai.

“Thế mà tôi đã tin,” Arthur buồn bã lắc đầu, “Cơn bão có vẻ đã rút đi rồi.”

Henry trở lại, khua khua giá nến đã thấp sáng trên tay.

“Được rồi! Chúng ta có thể sẵn sàng cho mọi thứ. Nhưng, Alice...”

Mọi con mắt đều chuyển sang Alice, giờ đã ra khỏi cơn mê. Cô ta lướt những ngón tay qua tóc và nói bằng giọng xúc động nghẹn ngào.

“Ôi chúa ơi! Em đang ở đâu? Chuyện gì thế... Patrick!”

Anh chồng siết chặt tay cô.

“Không sao cả, em yêu, qua hết rồi. Em bị ngất.”

Cô vui mặt vào hai tay.

“Ôi! Chúa ơi! Em đã phá hỏng một buổi tối tuyệt vời. Là tại cơn bão, đáng ra em phải biết mới phải. Patrick, vì sao anh không nhắc nhở em? Tôi rất lấy làm tiếc, ông White, tôi...”

“Không phải lỗi của cô, phu nhân thân mến. Đừng xin lỗi.”

“Em quên hết cả sao, em yêu?” Patrick vừa hỏi vừa đỡ vợ dậy.

“Em nói gì à?” Alice thắc mắc, mắt mở to vì kinh ngạc.

“Mơ hồ lắm, không có gì cụ thể cả. Em phải nghỉ ngơi thôi, ông

White, ông thứ lỗi cho chúng tôi chứ? Em yêu, cẩn thận không em sẽ...”

Alice đi đến cửa sổ, ngồi xuống tay vịn ghế. Thấy cô ta chao đảo, anh chồng vội vàng chạy đến, họ cùng ngã xuống chiếc ghế bành, làm vỡ luôn cả chậu cây trên bệ cửa sổ và chiếc bàn bên cạnh đó.

Mọi người đồng thanh kêu lên nhưng đều ở nguyên tại chỗ, Patrick cứ nhất định chi trả cho những thiệt hại đó, nhưng Arthur tuyệt nhiên không chịu. Cuối cùng, vấn đề đã được giải quyết. Tới đây nhà White sẽ sang làm khách mời của vợ chồng Latimer.

Đột nhiên, Alice nhìn chằm chằm vào chiếc phong bì. Một khoảnh khắc khó tả. Nó vẫn nằm ở chỗ cũ, trên bàn cà phê. Mọi người đều đã quên băng. Arthur kín đáo cầm lên, cất vào túi trong của chiếc áo khoác.

Nhận thấy động tác đó, Alice nói bằng một giọng rõ ràng với ánh nhìn xa xăm trong mắt.

“Có, Henry sẽ trở nên khôn ngoan và biết điều.”

Câu nói treo lơ lửng giữa không khí, cùng một sự im lặng nhúc nhối, khách khứa há hốc mồm. Thấy vợ lại liêu xiêu, Patrick tới gần, Alice rúc vào người anh ta, khe khẽ nói, “Anh yêu, em không biết chuyện gì đang xảy ra với em nữa, em cứ thế nói thôi.”

Đột nhiên, John và Elizabeth, đều đang kín đáo quan sát ở phía sau, lao đến bên Arthur, kịp thời ngăn ông ngã xuống. Ông đã ngất đi.

Họ đặt ông xuống trường kỉ. Trong khi John vỗ vỗ mặt ông, Henry mang tới một ly rượu brandy và ông bắt đầu tỉnh lại.

“Cha” con ông hỏi han. “Chuyện gì xảy ra với cha thế? Cha không nên uống nhiều champagne như vậy.”

Arthur lắc đầu và thô bạo đẩy Henry ra. Những giọt mồ hôi lấm tấm anh ánh sáng trên khuôn mặt đau buồn của ông. Không nói một lời, ông thò tay vào túi trong và rút chiếc phong bì ra, kiểm tra từ mọi góc độ, thậm chí còn giơ nó lên ánh sáng. Ông vấy tay ra hiệu cho Henry đến tự mình kiểm tra.

“Arthur,” Victor run rẩy rên lên. “Ý ông không phải là...”

“Phong bì vẫn được niêm kín,” Henry ngắt lời. “Con xác nhận.”

Arthur đi tới bàn làm việc, lục lọi đồng giấy tờ tìm dụng cụ mở thư. Trong sự im lặng chết chóc, ông đưa lưỡi dao vào, rạch phong bì ra, rút lấy một mảnh giấy gấp đôi và mở cho các vị khách cùng xem.

Trên giấy, chỉ có một câu:

‘Em yêu, em có nghĩ một ngày nào đó Henry sẽ trở nên biết điều không?’

Giờ là cuối tháng Mười, một tháng đã trôi qua kể từ khi linh hồn bà White hiện về một cách li kì vào buổi tối khác thường ấy.

Cố nhiên tôi nghi ngờ rằng vợ chồng Latimer đã giở tiểu xảo đánh lừa. Vì còn cách giải thích nào khác cho trải nghiệm lạ lùng này đâu? Nhưng chúng ta hãy kiểm tra lại các sự kiện: Arthur, trong lúc không có ai nhìn thấy, đã viết lên mảnh giấy: “Em yêu, em có nghĩ một ngày nào đó Henry sẽ trở nên biết điều không?” Sau đó ông bỏ tờ giấy vào phong bì và tự mình niêm kín lại. Ngoại trừ hai lần mất điện, chiếc phong bì liên tục ở trong tầm mắt mọi người trên chiếc bàn cà phê. Và rồi... việc tưởng chừng không thể đã xảy ra, bà White trả lời chồng mình: “Có, Henry sẽ trở nên khôn ngoan và biết điều.” Không, không thể là một trò lừa đảo được. Chính Alice đã nói ra câu trả lời và là người chuyển lời nhắn từ thế giới bên kia.

Hơn nữa, chiếc phong bì đã qua một số lần kiểm tra: nắp phong bì chưa bị bóc hay cắt, chữ ký và dấu niêm phong thực sự còn nguyên vẹn.

Liệu có phải Alice đoán được câu hỏi của Arthur, hoặc may mắn trả lời trúng trọng tâm? Không, khả năng đó là không thể, vì đáp án quá chính xác. Và giờ thì sao?

Tôi đã thăm so sánh sự kiện nhà Latimer với cơn ác mộng của Henry. Đúng vào khoảnh khắc bà mẹ qua đời, cậu ta choàng tỉnh và thấy mình bị giam hãm trong nỗi khiếp sợ khó cắt nghĩa. Chưa kể những lời cậu ta thốt ra trong cơn mê sảng điên cuồng. Tất cả vượt quá tầm lí giải của tôi. Hơn tất cả, suốt hai hay ba tuần vừa qua, những lời đồn thổi về nhà Darnley lại bắt đầu lưu truyền khắp làng. Một số người nhìn thấy ánh sáng trên căn phòng ma ám, và có tin đồn rằng vợ chồng Latimer bị tiếng bước chân quấy nhiễu giấc ngủ.

Hạnh phúc thay, đã có nhiều thứ khác chiếm lĩnh tâm trí tôi: năm đầu tiên ở đại học tại Oxford, nơi tôi hi vọng lấy được tấm bằng cử nhân. Henry bị đúp năm cuối cấp trung học. Cậu ta không thể trách ai ngoài bản thân: số buổi vắng mặt ở trường nhiều quá mức cho phép. Hơn thế, cậu ta còn đang trên đà lặp lại việc đó một lần nữa. Rõ ràng thời gian gần đây mọi chuyện với Henry diễn ra không hề suôn sẻ. Phải chăng là do cái chết của mẹ? Việc đó hiển nhiên đã ảnh hưởng rất lớn đến cậu. Là do Elizabeth? Có lẽ là không. Nhưng cậu ta tỏ ra xa cách. Chắc chắn có điều gì khác đang khiến cậu ta bận tâm. Những bất đồng với cha trở nên thường xuyên như cơm bữa. Không ai biết lí do là gì.

Tin tưởng rằng chúng tôi là bạn tâm giao, cha mẹ thường xuyên gặng hỏi tôi về cậu ta vì những cuộc cãi cọ giữa cha con họ đã âm ỉ đến mức vọng sang cả nhà tôi. Tôi cố gắng đề cập vấn đề với Henry, thậm chí cho cậu một số lời khuyên, nhưng cậu ta lảng tránh mọi câu hỏi của tôi.

Nhất định Henry đang rất căng thẳng, cực kì căng thẳng. Có điều gì đó khiến cậu ta phiền muộn, nhưng là điều gì?

Bứt mình ra khỏi cơn mơ màng, tôi nhìn xuống bài tập tiếng Pháp gần như phủ đầy những dấu đỏ. Hơi cáu, tôi gạt đồng giấy tờ đó đi và nguyên rửa ngữ pháp phức tạp của thứ tiếng này.

Ánh mắt tôi tự động rời sang chiếc đồng hồ đeo tay, nó đã chỉ 8 giờ tối. Tối thứ Bảy. Fred sẽ không vui nếu chúng tôi không xuất hiện. Tôi đứng dậy và quyết định tạt qua đón Henry.

Khi đến sát địa phận nhà White, tôi nghe thấy những tiếng quát tháo inh ỏi. Hai cha con Arthur đang tranh cãi kịch liệt. Tôi đứng cầm rế một lúc, chưa biết phải làm gì thì cửa chính đột ngột bật mở, Arthur hiện ra. Ông lật tay đóng sầm cánh cửa lại sau lưng, thái độ sôi sục vì giận dữ.

“Chào buổi tối, bác White,” tôi rụt rè chào.

“A! James!” Ông làm bầm, vẻ ngạc nhiên kèm theo chán nản lướt qua khuôn mặt.

“Chào James, chào buổi tối! Ông đáp lại bằng giọng khàn khàn, rồi

vội vã bỏ đi, về phía nhà Darnley.

Nhìn theo ông, tôi ngẫm lại, thấy thán trước gần như tối nào ông cũng sang gặp ông bạn Victor của mình. Tình bạn nảy nở đột ngột quả là bất ngờ khi trước đây họ không có gì hơn là những láng giềng tốt. Ngay cả khi họ đồng cảnh ngộ, thì mối quan hệ này vẫn gây tò mò. Tôi phải nói chuyện với John mới được.

Đèn phòng Henry vẫn sáng. Tôi đi dọc con đường bao quanh nhà và liếc vào trong. Henry đang giận dữ đi đi lại lại trong phòng, đầu cúi xuống, tay bắt sau lưng. Đột nhiên khựng lại vì một ý nghĩ nào đó, nấp nhãn giữa đôi lông mày thoáng cái biến mất, cậu ta mở ngăn kéo bàn, lấy ra hai quả bóng cao su. Đặt một quả cân bằng trên tay nắm cửa, cậu dứt quả còn lại vào túi.

Đang âm mưu cái quái gì ấy nhỉ?

Henry đi tới một góc phòng, lấy quả bóng ra khỏi túi và tung nó lên không vài lần, rõ ràng là để tập trung tốt hơn. Rồi, với một lực tác động đột ngột, cậu ném quả bóng xuống sàn. Nó bật vào tường, vào trần nhà, rồi vào một bức tường khác và hạ cánh xuống ngay phía trên quả còn lại.

Hoan hô, Henry! Quả là một kì tích.

Tôi gõ vào cửa sổ cho cậu ta biết sự hiện diện của mình, rồi vỗ tay tán dương. Henry giật mình, sau đó mỉm cười.

Tôi trở đồng hồ, ra dẫu đang khát.

Fred mang ra hai vại bia, và cảm thấy có nghĩa vụ phải kể một câu chuyện đùa nào đó. Tôi lịch sự cười khi chuyện kết thúc (không thấy nó buồn cười chút nào), trong khi Henry chỉ nặn được nụ cười nửa miệng. Fred chống hai tay lên hông. Tôi dừng tràng cười gượng gạo và nhìn thẳng vào mắt Henry.

“Cậu có chuyện gì sao?”

Không có câu trả lời.

“Tại sao lại cãi vã với cha?” tôi tiếp tục, hoàn toàn ý thức được sự thiếu thận trọng của mình.

Sự im lặng của cậu ta bắt đầu làm tôi khó chịu.

“Vì những lần thi trượt của cậu?”

“Không, ừm, có, có cả việc đó, nhưng không phải là lí do chính. Mà về tiền bạc cơ.” Một tia sáng yếu ớt ánh lên trong mắt cậu.

“Tiền? Nhưng cha cậu...”

Henry ngắt lời tôi, một tay che mắt và tay còn lại giơ lên.

“James,” cậu ta khỏ sở nói. “Cậu không hiểu được đâu, mà tôi không giải thích được. Xin cậu, đừng hỏi thêm nữa.”

“Còn Elizabeth?”

Những ngón tay cậu ta siết lại dưới mặt bàn, chứng tỏ câu hỏi của tôi đã trúng tim đen.

“Cô ấy cho tôi ra rìa rồi,” Henry cúi kính, cố kìm nén cơn giận. “Lẽ ra cô ấy không nên làm thế.”

Kể từ buổi tối ồn ào mà Arthur tổ chức để chào đón vợ chồng Latimer, Henry và Elizabeth đã cố ý phớt lờ nhau. Một vài dịp, John mời em tôi đi ăn tối tại một trong những nhà hàng sang trọng nhất vùng, nhưng Henry không tỏ dấu hiệu gì là tức giận, lòng kiêu hãnh của cậu ta đã vượt qua cả sự ghen tuông.

“Không, cô ấy không nên, bởi vì...”

“Chào buổi tối, mọi người,” một giọng nói quen thuộc cắt ngang.

“Chào John,” Henry nói, không mấy nhiệt tình. Cậu ta ra hiệu cho Fred.

John ngả người xuống ghế, trông cũng không phần khởi cho lắm.

“Một ngày vất vả,” Henry vừa nói vừa xem xét mấy cái móng tay.

“Ngày vất vả, nhưng tối còn mệt hơn. Ý tôi là tối hôm qua.” John bồn chồn lùa tay lên mái tóc đỏ, nhắm mắt lại.

Chắc hẳn mặt tôi hiện rõ vẻ ngờ ngác.

“Chưa ai kể với cậu sao?” John kinh ngạc hỏi.

Im lặng.

“Thật lòng, tôi chẳng hiểu gì cả,” cậu ta tiếp tục.

“Các chàng trai, bia của các cậu sẵn sàng rồi đây,” Fred gọi lớn.

Nhìn vào mặt chúng tôi, thái độ vui vẻ tan biến, ông thở dài và lắc đầu bỏ cuộc.

“John,” tôi nói. “Hãy làm việc này vì tôi.”

“Việc gì?”

“Nếu cậu có việc quan trọng muốn nói, cứ nói thẳng ra. Không ám chỉ, không bóng gió, không lấp lửng.”

John không nghe và tiếp tục nhìn chăm chăm vào chiếc cốc đang nắm trong tay. Sau đó, không mời chúng tôi, cậu rút một điều thuốc ra khỏi bao và châm lửa.

“Các cậu biết là chúng ta vẫn thường xuyên nói về cái gọi là những tiếng bước chân,” John bắt đầu. “Tôi chưa bao giờ tin. Nhưng vài ngày trước, tôi phải thừa nhận là đã nghe thấy cái gì đó. Tôi nhớ những người thuê nhà trước kia từng than phiền vì bị quấy nhiễu giấc ngủ, và tôi đã suy nghĩ. Nhưng không được lâu, nói thật là thế, bởi đáp án cho bí ẩn này có vẻ khá hiển nhiên. Là cha tôi chứ nào ai khác, với lí do riêng, đã đi lên tầng áp mái. Chắc hẳn ông hi vọng được gặp lại mẹ tôi, nhưng lí do không quan trọng, quan trọng là hành động ấy giải thích được ánh sáng kì lạ mà mọi người quả quyết đã nhìn thấy, chỉ hiềm nó hơi quá nhạy cảm, không nên đem ra thảo luận với cha. Tôi vẫn nghĩ thế đấy... Nhưng dù nghĩ thế nào, cha tôi cũng không thể ở hai nơi cùng một lúc được.”

Tôi rùng mình. Henry đứng đưng ngồi đó, khuôn mặt vô cảm.

“Bây giờ đã gần 9 giờ,” John tiếp tục, vẻ lơ đãng. “Chúng tôi đang uống cà phê với vợ chồng nhà Latimer trong phòng khách, ngay dưới căn áp mái. Bác White không kể với cậu sao?” Cậu ta đột nhiên quay sang hỏi Henry.

“Không nhiều lắm,” Henry trả lời, vẻ không thoải mái. “Sáng hôm sau cha nói với tôi về một sự việc bất thường, và rằng nó chứng minh một điều gì đó. Nhưng chúng tôi không đi sâu vào chủ đề ấy.”

John ngạc nhiên, trầm tư nhìn Henry giây lát rồi tiếp.

“Chúng tôi đang uống cà phê, như tôi đã nói: vợ chồng Latimer, bác White, cha tôi và tôi. Chúng tôi đang nói về chính những tiếng động ấy thì bất chợt nghe thấy chúng, ai đó đang đi lại ngay trên đầu chúng tôi. Đi qua và đi lại, thỉnh thoảng dừng trong chốc lát. Những bước chân kìm nén, do dự, và không phải lúc nào cũng rõ ràng.

Nhưng không còn nghi ngờ gì nữa, chắc chắn có kẻ đang di chuyển ở căn phòng phía trên.

“Cha tôi bằng xương bằng thịt thì ngồi ngay cạnh tôi. Giả thuyết trước kia tan thành từng mảnh. Nỗi sợ hãi dâng lên khắp phòng. Cha thu mình lại trên ghế, tái nhợt vì run rẩy. Alice tìm sự che chở trong vòng tay của chồng. Cốc cà phê của bác White vỡ tan trên sàn trong khi chiếc quai vẫn kẹp giữa hai ngón tay bác. Về phần mình, tôi cố giữ tỉnh táo.

“Tôi chạy ra hành lang và hộc tốc leo lên cầu thang, gây ít tiếng động nhất có thể vì không muốn đánh động cái kẻ xâm nhập đang lấy nỗi sợ hãi của chúng tôi ra mua vui. Lên đến tầng thượng, tôi vẫn nghe thấy tiếng bước chân, nhưng dù một lúc thôi, rồi chẳng còn gì nữa. Tuy vậy, tôi đã khoanh vùng được khu vực: tiếng bước chân bắt nguồn từ mé trái cầu thang của căn áp mái.

“Để tôi giải thích cho cậu cấu trúc chỗ này. Lên đến đâu cầu thang chỉ có hai khả năng: một là cậu mở cánh cửa bên phải dẫn ra gác xép, hai là mở cánh cửa bên trái dẫn ra phần áp mái đã cải tạo, gồm bốn căn phòng và một hành lang chạy dọc chúng, kết thúc ở một bức tường. Tường phủ rèm dày chạm sàn che đi một cái tủ sách chất đầy tạp chí, niên giám và báo cũ. Không có cửa sổ trong hành lang, trên thực tế là không có gì ngoài bốn cánh cửa thẳng hàng dọc theo mé bên phải. Những cánh cửa này, cũng giống tường và trần, được làm từ những tấm ván bằng gỗ sồi rất cũ và tối màu.

“Không có điện trên tầng thượng của ngôi nhà, nên cậu có thể tưởng tượng được trên đó tối đến thế nào. Tôi không định mắc sai lầm bằng việc tìm kiếm xung quanh hành lang đó một mình, nên chỉ dán tai vào cánh cửa trong khi chờ đợi những người khác. Họ mang đèn pin lên. Patrick và cha tôi trông cửa, bác White đợi ngoài hành lang, còn Alice và tôi khám xét bốn căn phòng. Công việc khá dễ dàng vì ba căn phòng cuối để trống. Căn phòng thứ nhất có vài món đồ nội thất, nhưng cũng chỉ thế thôi. Không có ai. Không có người nào ở bất cứ đâu. Mỗi phòng có một cửa sổ, đều khóa. Tôi xem cả đằng sau tấm rèm cuối hành lang, nhưng cũng không có gì ngoài đồng báo cũ.”

John lắc đầu với một tiếng thở dài.
“Tôi không hiểu thế là thế nào nữa.”

Nhà Darnley bị ma ám.

Đó là quan điểm của đa số dân làng. Câu chuyện lan tới thủ đô, một nhà báo từ Luân Đôn đã đến để điều tra viết bài. Vợ chồng Latimer thường xuyên có khách vào buổi tối, ngoài Arthur chắc chắn luôn sang thì còn những người khác nữa, chủ yếu là đứng tuổi và khá giả, những người bị kích thích bởi các hiện tượng huyền bí “Hồn ma” tái xuất hiện hai lần. Victor tin chắc đó chính là bà vợ về thăm ông.

John đã thôi quan tâm đến vấn đề ấy mà hoàn toàn chìm đắm vào công cuộc chinh phục Elizabeth. Ngay cả khi Elizabeth không còn coi tôi là đối tượng giải bày tâm sự, tôi vẫn thấy rõ em không hề thờ ơ trước sự ân cần của John.

Về phần Henry, biết phải nói gì nữa đây? Thất thường và dễ nổi nóng hơn bao giờ hết cùng diện mạo của một con thú bị săn lùng, tương phản sâu sắc với cách cư xử bộc trực, cởi mở và phong thái tự tin trước đây. Mỗi quan hệ của cậu ta với cha đã bị biến chất. Những cuộc va chạm dữ dội ngày một nhiều giữa họ khiến tôi lo lắng. Vào một buổi tối, tôi đã phải can thiệp khi họ trở nên quá hung bạo, gần như dẫn đến xô xát.

Sự căng thẳng ngày càng gia tăng.

Tôi đang chuẩn bị bắt tay vào giải một bài toán hóc búa thì Elizabeth bước vào phòng.

“Cha đang giận sôi cả lên,” em nói. “Tốt hơn hết là anh nên ra uống với cha một ly cho ông nguôi giận.”

“Mẹ lại không cho cha làm gì à?”

“Đi xem bóng đá ngày mai. Hình như là một trận đấu rất quan trọng, nhưng không may mẹ lại sắp lịch hẹn là hai người sẽ cùng uống trà với ai đó.”

“Sao em không tự đi mà an ủi người cha thân yêu của em, em gái yêu quý?”

“Em?” Em áp úng, mặt đỏ như tôm luộc. “Vì em...”

“Đừng lo, anh hiểu. John chuẩn bị đến đón em, và em chỉ còn thời gian để sửa soạn. Biến đi! Xéo ngay!”

“Ồ lỗi mãng!” Elizabeth hét lên, đóng sầm cửa lại.

Đáp án cho bài toán của tôi đã bay biến theo cô em gái. Tôi rời phòng mình và thấy cha trong phòng khách.

“James, con trai yêu quý!” Cha càu nhàu khi tôi đi vào, trông đã gần như bình tĩnh trở lại mặc dù hai tay vẫn còn run rẩy. “Hôm nay là thứ Bảy cuối cùng của tháng Mười Một, hãy uống vì ngày đặc biệt này. Và không phải uống trà đâu nhé! Ha!”

“Lời biện hộ của cha hơi đuối lí đây,” tôi nói có phần châm chọc.

Không vấn đề gì. Rượu phải được uống khi, ờ, khi đồng nho, ừm...” Cha cố kiếm một câu danh ngôn cho phù hợp nhưng vô ích. “Hay gì cũng được.”

Với một tia hi vọng trong mắt, cha rót đầy hai ly brandy và chúng tôi cùng chạm ly.

“Đó. Như vậy sẽ tốt hơn,” cha thở dài, ngồi sâu vào ghế bành, bắt chéo chân và nhìn chằm chằm lên trần nhà.

“Đàn bà không có não,” cha tuyên bố hùng hồn. “Họ lý sự bằng bộ lòng.”

“Cha,” tôi đáp lại, cố làm ra vẻ sững sốt. “Nếu mẹ mà nghe được...”

“Bà ấy nghe được hay không cha cũng không quan tâm. Câu ấy đúng với cả bà ấy nữa đây,” cha làu bàu. “Thực chất là đúng với bà ấy nhất.”

Cửa mở, và mẹ xuất hiện.

Cha đóng băng tại chỗ.

“Edward,” mẹ nói với giọng đanh thép. “Em đã là bộ com lê xám của anh để sẵn sàng cho ngày mai rồi. Anh nhớ cẩn thận nhé. Chà, hay lắm, ông dám chuốc rượu whisky cho con trai ông!”

“Là brandy, em yêu. Brandy của Pháp. Một trong những loại ngon nhất.”

Cánh cửa đóng sầm lại.

Cha nhăn mặt, nhưng kiên trì theo đuổi đề tài dang dở.

“Như cha đã nói, đàn bà họ lí luận bằng... Thực ra chả có lí lẽ gì hết. Bằng chứng là họ không biết cái gì quan trọng và cái gì không. Lấy một ví dụ bất kì nhé: ngày mai có một trận đấu mà Billy Speed sẽ chơi. Theo quan điểm của cha, anh ta là tiền vệ cánh phải giỏi nhất nước: một chân sút cừ khôi với khả năng làm chủ tốc độ tuyệt vời và nắm bắt trận đấu xuất sắc. Nói ngắn gọn, đây là trận đấu không thể bỏ qua, ngay cả đối với những người không theo dõi giải đấu.”

Ông ngừng trong chốc lát.

“Đoán xem mẹ con đã đưa ra quyết định gì, lạy Chúa lòng lành. Đi uống trà ở nhà Wilson. Con có tin được không? Ngay trong lúc Billy Speed chỉ đá cách đây có một dặm. Không thể tin nổi. Bà ấy chưa bao giờ làm cha hết ngạc nhiên. Hừm! Đó không phải vấn đề chính. Mà thực ra cha muốn nói về sự ngu ngốc của mẹ... Ý cha là của đàn bà nói chung.”

Cha đưa thêm một vài ví dụ làm luận chứng, tập trung vào phân tích sự ngu ngốc của phụ nữ từ thuở bình minh của lịch sử cho tới ngày nay, thậm chí đến mức tưởng tượng về một thế giới không có họ.

Đương nhiên, cha không thực sự tin một lời nào trong mớ diễn thuyết vừa rồi, đó chỉ là cách để ông bình tĩnh lại. Tôi kiên nhẫn lắng nghe mà không hề ngắt lời ông.

Khi tôi nói phải trở về phòng, thì đã gần nửa đêm.

“Con có một bài toán phải hoàn thành, cha ạ.”

Cha đứng dậy vươn vai. “Tốt lắm. Đã hết hơi còn không ngơi việc. Cha nghĩ cha sẽ ra ngoài hít thở khí trời. Dù là rượu brandy hảo hạng nhưng cha cần tỉnh táo.”

Ông mặc áo khoác, đội mũ, châm một điếu thuốc và rời khỏi phòng.

Tôi tự nhủ bài tập để sau và rót cho mình những giọt brandy cuối cùng. Cầm chiếc ly trong tay, tôi thả bộ về phía lò sưởi, vừa sưởi ấm mình bằng sự ấm áp dịu dàng của ngọn lửa và rượu brandy, vừa

ngắm nhìn ngọn lửa nhảy múa.

Tôi nghe thấy ai đó đi vào phòng.

“James,” giọng mẹ vọng ra. “Con nên biết phải trái một chút. Cái người bắt con uống rượu đâu rồi?”

“Cha đang ra ngoài hít khí trời. Cha bảo trong này ngọt ngọt quá.”

“Hít khí trời! Trong không khí đầy sương mù và rét mướt này á? Gần đến tháng Mười hai rồi vậy mà ông tướng quyết định nửa đêm ra ngoài hít khí trời!” Giọng bà dịu xuống. “James?”

“Dạ?”

“Mẹ hi vọng sau này lớn lên con không giống cha con, nhất là sau khi kết hôn.”

Như vậy thì hơi quá. Mẹ đã kết hôn với người đàn ông lịch thiệp nhất, thế mà vẫn luôn than phiền về tính cách của ông.

“Thật lòng mà nói, mẹ à, con nghĩ mẹ đang phóng đại quá mức.”

Chúng tôi nghe thấy tiếng mở cửa chính.

“A, Elizabeth!” Mẹ nói. “Lạ thật, mẹ không nghe thấy tiếng xe của John.”

Cha lao vào phòng. Áo khoác và hai tay dính đầy bùn đất. Máu từ mặt chảy xuống. Cha lao đi về phía chúng tôi.

“Edward!” Mẹ kêu lên. Tay anh có máu! Anh bị ngã à? Anh yêu, có chuyện gì...?”

Cha ngắt lời, “Anh nghĩ Arthur chết rồi, nhưng anh không chắc. Mau gọi bác sĩ.”

Thật kì lạ, vụ Arthur bị hành hung tàn bạo trùng hợp với sự biến mất của Henry. Người ta suy đoán sự việc bắt nguồn từ một trong những cuộc cãi vã kịch liệt giữa họ, Henry - trong cơn thịnh nộ điên cuồng vượt khỏi kiểm soát và không ý thức được sức mạnh của mình - đã tấn công cha cậu ta. Và rồi kinh hoàng trước những gì mình đã làm, cậu ta chạy trốn.

Đúng đêm hôm ấy số phận xui khiến cha tôi vào rừng đi dạo, qua con đường mòn ngăn cách giữa nhà Darnley và nhà White. Cha vấp phải thân thể Arthur, thật may mắn, vì nếu chỉ dựa vào ánh đèn yếu ớt, cha sẽ không bao giờ nhìn thấy gì ở vị trí đó.

Không còn nghi ngờ gì nữa, kẻ tấn công đã muốn giết chết Arthur. Bằng chứng là hai vết nứt trên hộp sọ ông. Hiển nhiên một cuộc điều tra đã được tiến hành, nhưng không thu về kết quả gì đáng chú ý ngoài việc nhận dạng vũ khí gây án là một thanh sắt han gỉ rơi gần chỗ nạn nhân và khẳng định sự biến mất của Henry.

Một tuần trôi qua, hiện tại Arthur đã có hi vọng được cứu sống. Cảnh sát kiên nhẫn đợi lời khai của ông, nhưng người bạn của chúng tôi vẫn chưa nói được. Henry vẫn đang tự do bên ngoài, khi...

Tôi đã quyết định và chuẩn bị gọi cho cảnh sát. Tôi phải báo cáo những điều trông thấy vài tiếng trước dù chuyện gì xảy ra đi chăng nữa. Viên thanh tra phụ trách đã để lại số điện thoại, phòng trường hợp có tiến triển mới.

Tôi quay số và chờ đợi.

"Tôi muốn nói chuyện với thanh tra Drew," tôi nói với giọng quả quyết.

“Ai gọi thế?”

“James Steven. Tôi là hàng xóm của ông White và có việc quan trọng cần báo.”

“Việc quan trọng? Sao ai cũng nhằm lúc này để gọi! Anh có thể tìm thấy ông ấy ở ngay nhà Latimer hàng xóm. Họ cũng có việc quan trọng cần báo, như tất cả những người khác. Ông ấy hẳn vẫn còn ở đó.”

Năm phút sau, tôi đã đi tới ngưỡng cửa nhà Darnley.

“James,” John vẫy tay gọi tôi vào. “Đã phát hiện ra Henry. Thanh tra đang ở phòng khách trên tầng với vợ chồng Latimer.”

Tôi im lặng theo John lên gác. Patrick và thanh tra Drew đang thảo luận sôi nổi và gần như không nhận thấy tôi bước vào. Victor, đang ngồi thu lu trên ghế bành, yên lặng gật đầu với tôi. Alice hấp tấp tiến đến.

“Chào buổi tối, James, cậu đã nghe tin chưa? Tôi chắc rằng John đã nói với cậu. Lại đây ngồi đi”.

Tôi vẫn bị cảm khẫu trước sự hiện diện của người phụ nữ này, chắc hẳn tôi không phải là người duy nhất bị ảnh hưởng bởi nhục cảm ngấm tỏa ra nơi cô. Cô ta bộc lộ nó trong mọi cử chỉ, trong giọng nói nhẹ nhàng như mây khói và trong đôi mắt vừa băng giá lại vừa cháy âm ỉ. Tuy vậy cô ta dường như không ý thức được ảnh hưởng bản thân gây ra cho tôi, cứ thế nắm cánh tay tôi mà kéo ngồi xuống cạnh Patrick. Cô ta vừa mở lời thì hai người đàn ông dừng lại.

“Ông thanh tra, xin được giới thiệu với ông cậu James Steven, một người bạn của Henry.”

“Chào buổi tối, anh bạn trẻ. Tôi tin là chúng tôi đã gặp nhau ở buổi thẩm vấn rồi, cô Latimer.”

“Vâng, đúng rồi nhỉ, tôi nghĩ gì thế không biết?”

“Em pha cho bọn anh chút cà phê được không, Alice?” Patrick nói.

Mặc dù trông điệu bộ anh ta khá thoải mái, nhưng tôi vẫn cảm thấy người đàn ông tóc vàng đẹp trai này có vẻ bất an. Mọi thứ ở anh ta quá hoàn hảo, từ đôi mắt xanh thẳm, vóc dáng, đến lối cư xử, phong cách lịch thiệp và khiếu ăn nói. Tôi luôn quên mất anh ta là nhân viên

bán bảo hiểm, một nghề đòi hỏi sự khôn khéo đáng kể. Thật lòng mà nói, tôi nghĩ mình hơi ghen tị với anh ta vì có một người vợ đẹp như vậy.

“Anh Latimer,” ông thanh tra tiếp tục. “Để tôi lặp lại lời khai của anh một lần nữa. Sáng nay, anh đưa vợ đến Luân Đôn mua sắm. Tầm trưa, anh đi cùng cô ấy đến ga Paddington. Vì còn phải ghé thăm vài khách hàng nữa, nên anh có ý định sẽ trở lại sau đó. Cả hai người đứng ở sân ga, bảy giờ chính xác là 12 giờ 30 phút chiều, và đứng vào thời điểm đó các vị nhìn thấy cậu ta.”

“Phải,” Patrick nói bằng giọng nghiêm nghị. “Trông như đang bị săn đuổi và tỏ ra cực kì lo lắng. Cậu ta cố tránh bị phát hiện nhưng đó chính là cậu ta, không thể sai được. Tôi chắc chắn.”

“Tôi có thể hỏi các vị đang nói đến ai không?” tôi do dự hỏi.

“Chúng tôi đang nói về bạn cậu, chàng trai trẻ ạ. Người bạn đã mất tích một tuần trước của cậu: Henry White.”

“Nhưng điều đó là không thể,” tôi kêu lên. “Đúng vào thời điểm ấy tôi nhìn thấy Henry tại ga Oxford. Đây chính là lí do khiến tôi tới để nói với ông!”

Mọi người đồng loạt há hốc mồm, tôi tiếp tục.

“Chính xác là lúc 12 giờ 30 phút chiều. Tôi có thể thề. Râu ria vài ngày chưa cạo, dáng đi kì quặc, vẻ mặt thống khổ, chắc chắn là Henry White. Khi trông thấy tôi, cậu ta có vẻ muốn chạy trốn, nhưng lại thay đổi quyết định và tới nói vài lời với tôi. ‘Con người quá tàn nhẫn, tôi đi đây’ cậu ấy nói rồi bỏ đi.”

Thanh tra Drew dụi điều thuốc vừa châm và ngồi yên lặng, ông nhìn từng người một, sau cùng tuyên bố.

“Phải có ai đó nhầm lẫn.”

Patrick lộ vẻ trầm ngâm.

“Tôi có thể thỉnh thoảng nghe nhầm, nhưng mắt tôi chưa bao giờ nhìn lầm.”

“James,” Alice chen vào. “Chắc là cậu nhầm rồi. Henry ở Luân Đôn vào lúc 12 giờ 30 phút. Mặt mũi méo mó đi vì sợ hãi, nhưng đó chính là Henry, không thể lầm lẫn được.”

Tôi lắc đầu.

“Xin lỗi phải phủ nhận lời của chị, Alice, nhưng tôi biết bạn mình từ thời thơ ấu. Chính mắt tôi nhìn thấy cậu ấy ở ga Oxford vào đúng thời điểm đó.”

Cuộc tranh luận chẳng đi đến đâu. Ông thanh tra ngắt lời chúng tôi.

“Đủ rồi. Đầu tiên là cậu trai biến mất, và giờ chúng ta có hai Henry trong tầm mắt nhưng lại không phải trong tầm tay. Nhân đây cũng may cho cậu ta, vì không thì cậu ta nhất định đã bị bắt giữ vì tội mưu toan sát hại cha mình, theo như những gì chúng ta thấy ở thời điểm này.”

Tiếng điện thoại đột ngột reo vang khắp phòng. Alice nhắc máy.

“Là gặp ông, ông thanh tra.”

“Gì nữa đây?” Drew cần nhần vào ống nói. Ông ngắt máy sau vài phút, phiền não ra mặt. Ông hầu như không lên tiếng trong suốt cuộc gọi.

“Ông White đã tỉnh lại và người của tôi đã lấy lời khai của ông ta.”

Ông đặt một miếng thuốc lên môi mà không châm lửa.

“Tình tiết đã trở nên phức tạp,” ông tiếp tục. “Theo lời ông White, khoảng 12 giờ kém 15 phút, ông ta ra khỏi nhà để đi dạo. Đang đứng trước cửa thì phát hiện một bóng đen di chuyển về phía khu rừng. Các vị có thể bảo rằng chẳng có gì bất thường ở đây, ngoại trừ việc bóng đen đang vác theo một cơ thể trên vai. Ông White can đảm bám theo, nhưng bóng đen tan biến vào màn sương. Ông ta không nhớ gì sau đó nữa. Không nhận diện được bóng đen hay cơ thể hằn vác theo, dĩ nhiên cả kẻ đã hành hung ông ta.”

PHẦN HAI

Ba năm trôi qua kể từ khi Henry mất tích. Chắc cậu đã bắt đầu một cuộc sống mới ở Mỹ. Tôi dễ dàng tưởng tượng ra cảnh Henry làm một diễn viên nhào lộn. Mà cũng có thể cậu ta đã chết. Thanh tra Drew nghĩ đến khả năng này sau khi nghe lời khai của Arthur White. Ông cho rằng cơ thể mà “bóng đen” mang theo là Henry. Cảnh sát đã rà soát kĩ lưỡng khắp khu rừng nhưng không thu được kết quả gì. Vì vậy, thoát nhìn, suy luận của ông thanh tra nghe có vẻ nực cười. Xét cho cùng, chẳng phải chúng tôi đã trông thấy Henry một tuần sau khi mưu hại cha cậu ta ở hai nơi khác nhau vào cùng một thời điểm sao? Tuy nhiên đối với tôi, khả năng Henry biết phân thân cũng khó tin như chuyện hồn ma vậy.

Năm ngoái, John đã khởi nghiệp kinh doanh riêng và mở một ga ra trong làng. Đó là một việc mạo hiểm, nhưng John tỏ ra là người không ngại mạo hiểm khi quyết định lấy em gái tôi vào cùng năm đó...

Cha cậu ta vẫn cho vợ chồng Latimer thuê nhà, và hiện tại họ vẫn có vẻ thoải mái. Alice yêu kiều chắc chắn đã tận dụng lợi thế của một nhà ngoại cảm nên danh tiếng giờ đây lan xa khỏi phạm vi hạt. Về phần Arthur, ông có vẻ đã hồi phục sau cái chết của vợ và vụ mất tích của con trai.

Ông miệt mài viết lách gần như cả ngày, buổi tối thì thường xuyên sang thăm Victor và nhà Latimer. Hiện tại ông đang bận viết một quyển sách dưới dạng tiểu thuyết, nhưng thực ra là một nghiên cứu về tâm linh mà ông định đặt tên là: *Đất nước sương mù*. Theo quan điểm của tôi, đó không phải là một nhan đề tinh tế cho lắm. Nếu là tôi, tôi sẽ chọn Lãnh địa mù sa hay đại loại thế. Tôi góp ý, và ông bảo sẽ suy nghĩ về vấn đề đó.

Tóm lại, mọi chuyện trong làng đều diễn ra suôn sẻ, những sự kiện

kỳ lạ xảy ra 3 năm trước có vẻ đang chìm dần vào quên lãng. Nhưng những sự kiện có thực sự kỳ lạ hay không?

Tôi nghĩ phần nào có thể giải thích được dễ dàng. Đơn cử như cái chết của bà Darnley: một phụ nữ đột nhiên lên cơn điên loạn. Trường hợp này rất hiếm, nhưng chỉ cần đọc báo sẽ vỡ lẽ nó xảy ra thường xuyên hơn ta tưởng. Còn những tiếng bước chân? Đó chỉ đơn giản là một kẻ lang quyết định lấy tầng áp mái nhà Darnley làm chỗ ở. John xác nhận rằng có người đi lại trên ấy nhưng không tìm thấy ai cả

Hãy thử suy nghĩ một cách khách quan. John không thể xác định chính xác nguồn gốc phát ra âm thanh, vì vậy hoàn toàn có khả năng kẻ lang thang thực ra sống bên mé gác xép nơi tình cờ chưa bao giờ được tìm kiếm kỹ lưỡng. Còn việc nhìn thấy Henry ở Oxford và Luân Đôn cùng một lúc? Việc đó hoàn toàn đơn giản và minh bạch, có thể nhân chứng đã nhầm lẫn về thời gian hoặc nhân dạng. Suy luận không khó chút nào.

Còn những hiện tượng chưa giải thích được? Như bà White trả lời câu hỏi của chồng từ thế giới bên kia? Tại sao ta không nhìn vào sự thật hiển nhiên, hay nói cách khác là Alice và ông White đã thông đồng với nhau. Với mục đích gì? Nổi tiếng, không sai. Xin đừng quên ông ta là nhà văn còn cô ta là nhà ngoại cảm.

Cho đến nay cách giải thích như vậy là tương đối thỏa đáng. Tuy vậy, những sự kiện sắp phơi bày tới đây hoàn toàn vượt ra ngoài trải nghiệm bình thường của con người và không thể tìm ra bất kì một lời giải thích có lí nào.

“James ạ, việc bác muốn nhờ cháu giúp đỡ sẽ không đòi hỏi quá nhiều công sức của cháu đâu. Chỉ cần sự hiện diện của cháu là đủ vinh dự cho chúng ta rồi. Chúng ta cần một chàng trai trẻ, tốt bụng và đầy năng lực như cháu.”

Vài giờ trước, Arthur đề nghị tôi tới gặp trực tiếp vì ông không muốn tiết lộ lí do qua điện thoại. Bởi thế tôi đang đứng trước mặt ông, trong phòng khách, vào một buổi chiều tháng Mười một năm 1951.

Ông đi đi lại lại, cái đầu ngậm chặt bên khóe miệng.

“Cháu chắc là bác quá khen rồi,” tôi hắng giọng. “Vì John cũng có những tố chất cần thiết ấy.”

“Victor đã đề nghị cậu ta tham gia,” Arthur trả lời cộc cằn. “Nhưng John đang bù đầu bù cổ với công việc. Vì thế tôi nay sẽ có năm người chúng ta: cháu, Victor, vợ chồng Latimer, và bác.”

“Bác White, giá mà bác có thể nói với cháu mọi chuyện để cháu nắm bắt tình hình tốt hơn.”

Arthur dừng lại trước cửa hông, ngắm nhìn những cánh đồng hoang chìm dưới màn sương. Đây đó thấp thoáng những thân cây khẳng khiu trơ trụi.

Mất một lúc, Arthur mới trả lời.

“Đêm qua, Alice bị nhập. Tức là cô ấy lại rơi vào trạng thái nhập định, nhưng khác với bình thường, lần này kéo dài gần suốt đêm. Cô ấy có nói gì đó nhưng không may Patrick không thể nắm bắt được toàn bộ. Theo những gì anh ta tập hợp được, thì linh hồn sẽ hiện về, tựu hình trong căn phòng ma ám.”

Arthur dừng lại để nhồi cái đầu, châm lửa và rít vài hơi rồi tiếp tục, mắt nhìn xuống sàn nhà.

“Một mặt, những hiện tượng này hiếm khi xảy ra; mặt khác, linh hồn sẽ hiện hình dưới dạng các vật thể thông dụng. Vậy nên chúng thường không nguy hiểm. Thường thì thế, những trường hợp này hoàn toàn vì bị ám bởi một oan hồn đặc biệt. Trong những cảnh mộng của mình, Alice thường xuyên nhìn thấy một người đàn bà bị thương đầy mình, máu chảy tràn ra khỏi những vết rạch nơi cổ tay. Khởi phải nói, giống hết tình trạng của bà Darnley tội nghiệp khi được phát hiện. Nhưng đó chưa phải tất cả. Người đàn bà này chất chứa một cơn giận dữ khủng khiếp. Đôi mắt ngập đầy những tia uất hận đòi trả thù, vì tay trở ra, kết tội một kẻ thù vô hình nào đó.”

Arthur nhắm mắt lại để tập trung tốt hơn, và tiếp, “Một oan hồn đã đeo bám ngôi nhà, một linh hồn chắc chắn không siêu thoát cho đến khi công lí được thực thi. Không còn cách giải thích nào khác cho những tiếng động bí ẩn đó.”

Arthur lén lút nhìn quanh, rồi lại gần tôi và hạ giọng, “Bác cháu mình biết với nhau thôi nhé, James?”

Tôi gật đầu đồng ý.

“Patrick đồ rằng bà Darnley chết không phải do tự tử”

Tôi rùng mình khi nghĩ tới những hệ lụy tiếp theo của khả năng này.

“Theo anh ta, bà ấy bị sát hại.”

“Nhưng điều đó thật vô lý” Tôi kêu lên.

“Có lẽ là vô lí, như cháu nói. Nhưng thử tưởng tượng một tên sát nhân đủ thông minh để nghĩ ra cách chốt cửa từ bên trong. Mọi điểm liên quan đến cái chết của bà Darnley đều chỉ ra một vụ giết người, nhưng cánh cửa chốt trong lại phá hủy giả thuyết đó. Cánh bị chốt bên trong! Nhưng nếu có kẻ khéo léo...”

“Khéo léo thế nào chứ? Điều đó là không thể!”

“Bác không biết. Bác từng đọc một quyển sách đề cập đến vấn đề này. Giải pháp là kẻ sát nhân luồn một vòng dây qua lỗ khóa sao cho ràng được núm chốt cửa. Mấu chốt ở chỗ phải khéo léo găm một chiếc ghim vào khung cửa để tạo thành ròng rọc. Đầu tiên, hấn ta giật vòng dây để chốt cánh cửa. Sau đó, buông một đầu sợi dây và kéo đầu còn lại. Đương nhiên, chiếc ghim phải được gắn vào hai dây bằng một sợi chỉ. Chỉ cần giật một cái dứt khoát là xong xuôi mọi thứ. Không một dấu vết nào sót lại ngoại trừ một lỗ bé xíu trên khung cửa.”

“Thật tài tình,” tôi thán phục.

“Rất tài tình. Nhưng bác cũng nghĩ tới một phương án khác, khó hơn rất nhiều. Tuy vậy, bác thấy vẫn khả thi: ném một quả bóng cao su cứng vào bên trong khi đóng cửa, và khi nó bật trở lại - sau nhất đập vào tường - sẽ va trúng cái chốt, đẩy chốt trượt vào đúng chỗ.”

Giả thuyết này làm tôi lạnh hết sống lưng.

Arthur nhìn tôi, cười chế giễu.

“Cháu tưởng bác nghĩ đến Henry? Không, tin bác đi, con trai bác sẽ không làm tổn thương ngay cả một con ruồi. Hơn nữa, bấy giờ thằng bé mới chỉ có mười tuổi.”

Ba năm trôi qua mà không có dấu hiệu nào về sự tồn tại của Henry,

Arthur vẫn tin chắc cậu còn sống. Bằng mọi cách có thể, ông tránh nói về con trai, nhưng một khi nhắc đến thì ông luôn nói ở thì hiện tại, như thể Henry vẫn đang sống cùng ông dưới một mái nhà.

“Tuy nhiên,” ông tiếp tục. “Bác phải thừa nhận rằng chính Henry là người đã gieo ý tưởng đó vào đầu bác với trò tung hứng của nó. Cứ quan sát cách nó tiêu khiển với một trái bóng mà xem, nhờ thực hành chăm chỉ nó đã đạt được những kĩ năng cần thiết.”

Một khoảng lặng.

Nếu không phải đã từng tận mắt chứng kiến Henry luyện tập trò tương tự vào tối hôm ấy, hẳn tôi đã bác bỏ phương án đó ngay lập tức.

Arthur cắt ngang dòng suy nghĩ của tôi:

“Điều bác đang muốn chỉ ra là, giả thuyết của Patrick là hoàn toàn có thể. Thậm chí chiếm một khả năng rất lớn. Phải, bà Darnley đã bị sát hại. Một vụ sát hại kinh hoàng do một tên sát nhân tàn bạo gây ra. Một tội ác không thể không bị trừng phạt khi thời khắc đền tội gần kề. Thần báo thù sẽ dang đôi cánh như chim săn mồi, sẵn sàng sà xuống thủ phạm và tóm lấy hắn bằng móng vuốt của mình.”

Tôi nghe và bị mê hoặc bởi sự bay bổng trong những lời lẽ đầy chất thơ rừng rợn này. Tuy nhiên, Arthur bỏ ngang những lời điên rồ rồi nhìn thẳng vào mắt tôi và nói bằng giọng nghiêm túc đầy tính thuyết phục.

“Đó là lí do khiến chúng ta sợ linh hồn hiện hình. Chúng ta e rằng khi bị ý niệm báo thù chi phối, hồn ma đó có thể tấn công bất cứ ai.” Giọng ông đanh lại. “Điều sống còn là chúng ta phải đi trước một bước.”

“Đi trước một bước?”

“Phải, tối nay chúng ta sẽ tác động cho linh hồn hiện hình để thương thuyết, xoa dịu nó và cùng lúc nỗ lực khai ra danh tính kẻ sát hại bà Darnley/

“Và thử nghiệm này sẽ diễn ra ở đâu ạ?”

Arthur trả lời, một tia sợ hãi thoáng qua nét mặt, “Tại hiện trường vụ án, căn phòng cuối cùng trên tầng áp mái.”

Điên rồi! Bọn họ điên cả rồi! Quá thất kinh, tôi không nói gì một lúc

lâu, rồi đặt câu hỏi với giọng bình tĩnh nhất có thể.

“Mọi người hi vọng linh hồn hiện hình, nhưng cụ thể là ở dạng nào?”

“Trong hình dạng con người. Có lẽ chúng ta sẽ gặp bà Darnley tối nay. Ai mà biết được?”

Trừ khi linh hồn đó trả thù,” tôi mĩa mai. “Và mang kẻ sát nhân đến, nhưng dưới dạng tử thi”

Arthur quắc mắt.

“Chúng ta hoàn toàn ý thức được tính chất nguy hiểm của thử nghiệm nay/

“Chính xác thì chuyện gì sẽ diễn ra ạ?”

“Một trong số chúng ta sẽ ở lại căn phòng ma ám- Đương nhiên, căn phòng sẽ được niêm phong- Cứ mỗi nửa giờ, bác sẽ lên gõ cửa xem mọi chuyện có ổn hay không. Chúng ta cần một nhân chứng đáng tin cậy khi gỡ bỏ niêm phong để tránh hiềm nghi về bất cứ hành vi gian trá nào nếu linh hồn thực sự hiện hình bằng cách này hay cách khác.”

“Ai cơ?” tôi lắp bắp.

“Ý cháu *ai* là sao?”

“Ai sẽ ở lại căn phòng ma ám ạ?”

“Chúng ta từng nghĩ đến Victor, nhưng không may ông ấy lại yếu tim. Alice tình nguyện ở lại bất chấp nỗi lo sợ bản năng, nhưng Patrick nhất định không nghe. Vì thế anh ta sẽ là người ở lại căn phòng.”

Tôi lắc đầu, “Nói thật, cháu không biết phải nghĩ sao nữa.”

Arthur nhìn tôi rất lâu, rồi hỏi .

“Chúng ta có thể trông chờ vào sự có mặt của cháu tối nay không?”

Sự căng thẳng lan tỏa trong không gian. Tôi chắc chắn sẽ có điều gì đó không suôn sẻ, nhưng bất đắc dĩ, tôi gật đầu.

Tôi đi đi lại lại trong phòng mình. Hệ thần kinh non nớt và sự chờ đợi khổ sở này khiến dạ dày tôi thắt lại, mồ hôi vã ra như tắm. Tay run run, tôi dập tắt điều thuốc chắc phải là điều thứ hai mươi của mình, rút một chiếc khăn tay từ túi áo ra và lau khô vầng trán ẩm ướt.

James, bạn của tôi, hãy đối mặt với hiện thực: cậu đang khiếp sợ. Khuôn mặt xanh xao đang chăm chăm nhìn lại tôi từ chiếc gương tủ quần áo chỉ có tác dụng khẳng định điều đó. Tôi quay đi và xem đồng hồ đeo tay: 9 giờ. Đến lúc rồi!

Tôi ra ngoài và rải những bước vững vàng về phía nhà Darnley. Màn sương đặc quánh màu vàng phủ một tấm chăn dày xuống ngôi làng, gây hạn chế tầm nhìn. Đỉnh chóp nhọn nơi đầu hồi nhà Darnley lơ mờ hiện ra đầy đe dọa khiến cho tòa nhà nom còn ma quái hơn. Để giữ vững tinh thần, tôi huýt sáo theo một giai điệu sôi nổi, nhưng hơi thiếu sức thuyết phục.

Đến nơi rồi. Tôi mở cánh cổng, nó rít lên ken két phản đối. Tôi rùng mình và ngừng huýt sáo. *Thôi nào, James, can đảm lên chàng trai.* Môi trên của tôi cứng đờ. Chỉ vài mét nữa là đến bậc tam cấp.

Đâm lao phải theo lao thôi.

Tôi ấn chuông và đợi.

Victor mở cửa.

“Cháu là người đến cuối cùng đây,” ông nói, bồn chồn đưa tay ra.

“John ở đây ạ?”

“Không, thằng bé có quá nhiều việc phải làm. Thật đáng tiếc.”

Tôi liếc nhìn ông đầy thông cảm, và không thể tin vào mắt mình. Victor dường như trẻ ra. Lưng thẳng, mình vận một bộ com lê thanh lịch và nhã nhặn may từ những ngày còn thành công, trông rất hài hòa với áo sơ mi cùng cà vạt. Tóc mai xám bạc, những đường nét tinh

tế trên khuôn mặt đã phần nào lấy lại được sắc thái xưa kia, cộng với tác phong nghiêm trang vốn có, cả người ông toát ra một ấn tượng mạnh mẽ. Tia sáng ánh lên trong mắt phản chiếu những hi vọng ngông cuồng nơi ông. Trước mặt tôi là một người đàn ông đang yêu, và hi vọng được gặp lại người yêu sau bao nhiêu tháng ngày xa cách.

Cảm thấy băn khoăn, tôi do dự hỏi, “Lát nữa cậu ấy có đến không ạ?”

“Không,” ông nói. “Nó đang làm mấy việc gấp cho một khách hàng quan trọng, sẽ không xong trước nửa đêm.”

Tôi không nói gì. Tôi biết khối lượng công việc khổng lồ của John, nhưng cho đến giờ cậu ta vẫn luôn cố gắng để có tối thứ Bảy rảnh rỗi. Elizabeth đứng đằng sau việc này. Em hiển nhiên đã cấm chồng mình ra ngoài. Không còn nghi ngờ gì nữa, về điểm này con bé giống hệt mẹ. Em và tôi gần như không có bất cứ điểm chung nào. Tuy nhiên, tôi hoàn toàn tán đồng với những gì em nói trước khi cưới. ‘Anh tin được không, James, John muốn bọn em sống cùng cha anh ấy trong ngôi nhà đáng sợ đó! Em bảo rằng nếu thế thì em thà không cưới còn hơn.’

Ngẫm lại, đó chắc là lần duy nhất tôi có cùng quan điểm với em, không tính lựa chọn bạn đời của em. Em đã rất may mắn khi tìm được một người như John.

Gara của John nằm trên đường lớn, ngay cạnh quán rượu, nơi Fred tốt bụng cho hai vợ chồng thuê một tầng. May mắn là mặc dù chỉ có hai phòng con con với một nhà tắm và bếp, ngôi nhà búp bê này có một lợi thế vô cùng đáng kể: là không bị ma ám và không có tiếng bước chân về đêm.

“Vào đi, James, tới tham gia cùng mọi người.”

Tôi đi theo chủ nhà, cố nén tiếng thở dài. Từ khi John chuyển đi, ngôi nhà dường như còn đáng sợ hơn. Tiềm ẩn chìm trong cảnh tranh tối tranh sáng, ánh đèn mờ mờ phát ra từ đầu cầu thang không làm giảm bớt vẻ u ám. Victor bắt đầu đặt chân lên những bậc thang và tôi đi theo ông, cố ngăn khao khát được quay xuống.

Patrick, một tay đặt trên bệ lò sưởi, nhẹ nhàng đẩy vợ ra.

“Giờ thì chúng ta không thể quay lại được nữa.”

“Chúng ta điên rồi mới đi làm cái thử nghiệm này, anh yêu.” Alice níu lấy cánh tay chồng. “Quá nguy hiểm.”

“Tôi không cho là thế,” Victor phản đối. “Eleanor là một người có tâm hồn tốt đẹp, và nói thật là tôi không thấy có lí do gì để e sợ cả.”

Với ánh mắt lo ngại, Alice dăm dăm nhìn ngọn lửa bập bùng nhưng dường như không thấy nó, cô chậm rãi nói.

“Tôi thường xuyên ‘nhìn thấy’ vợ ông, Victor ạ, và xin quả quyết với ông rằng chưa bao giờ tôi thấy một vết tích nào của lòng tốt trong mắt bà ấy. Đôi mắt bà toát ra vẻ căm ghét mãnh liệt: không có tròng đen, chỉ có hố mắt sâu hoắm. Bà ấy đòi công lí, bà ấy muốn giết chóc. Bà ấy chỉ muốn lấy mạng kẻ đã sát hại bà ấy một cách tàn nhẫn... trên kia!” Cô ta trở lên trần nhà.

“Patrick, anh yêu,” cô nói với giọng lo lắng. “Bà ấy có thể sẽ nhảm lẫn, tưởng anh là kẻ sát nhân, bà ấy có thể...”

Giọng cô yếu dần.

Patrick nhìn vợ mình trong chốc lát rồi sải bước ra giữa căn phòng, đứng đó, hai tay bắt ra sau lưng, nét mặt lộ rõ vẻ dăm chiêu.

“Ông White,” anh quay về phía Arthur. “Ông có nghĩ đến việc mang...”

“Đương nhiên,” Arthur White trả lời, rút một túi nhung nhỏ từ trong lần áo, mở ra, lấy một đồng tiền xu chìa cho mọi người xem.

“Đồng tiền này khá hiếm,” ông giới thiệu với niềm kiêu hãnh của một nhà sưu tầm đang say mê môn cổ vật quý giá nhất mà mình có. “Thế theo nguyện vọng của mọi người, tôi đã chọn nó vào phút cuối ngay trước khi đến đây. Tôi có thể đảm bảo cả hạt này không còn đồng nào khác.”

“Bác định dùng đồng xu này để niêm phong căn phòng?” tôi hỏi.

“Chính xác,” Patrick trả lời với nụ cười trên môi. Anh ta liếc xuống đồng hồ đeo tay. “9 giờ 25 phút rồi, bắt đầu thôi. Em yêu, em mang đồ đạc lên trên đi.”

Alice dăm dăm nhìn chồng rất lâu như thể muốn khắc sâu những đường nét trên khuôn mặt anh ta vào trí nhớ, rồi cầm lấy giá nến trên

bàn, nhận đồng xu từ tay Arthur và rời khỏi phòng.

Patrick hướng dẫn.

“Tính từ lúc tôi vào căn phòng áp mái, cứ khoảng nửa giờ mọi người sẽ lên đó một lần, nhẹ nhàng gõ cửa. Tôi sẽ nói với mọi người linh hồn đã xuất hiện hay chưa. Đừng nôn nóng,” anh ta nói thêm với một nụ cười. “Nếu không có gì xảy ra sau ba hay bốn tiếng đồng hồ, tôi nghĩ chúng ta có thể kết thúc thử nghiệm.”

“Và nếu chúng tôi không nhận được câu trả lời sau khi gõ cửa?” tôi hỏi, lo sợ trước viễn cảnh đó.

“Thì tức là...” Patrick nói với vẻ mặt chua chát, “...Alice đã đúng. Linh hồn nó đã tước đi tính mạng bé nhỏ của tôi.”

“Không đời nào,” Victor thở dài, bắt đầu tỏ thái độ nôn nóng, “Eleanor rất dịu dàng, bà ấy gần như không thể làm hại ai cả.”

Sự thinh lặng nặng nề treo lơ lửng trong căn phòng.

Patrick bắt đầu mất tự chủ, vừa đi đi lại lại quanh phòng vừa lẩm bầm.

“Alice đang làm cái quái gì thế? Chúa ơi! Cô ấy đã lên được hơn năm phút rồi đây.”

Cửa mở. Alice xuất hiện, mặt tái nhợt.

“Hoàn hảo. Mọi người có thể lên,” Patrick ra lệnh, đưa tay vuốt mái tóc vàng. “Tôi sẽ nhập hội với các vị trong năm phút nữa. Tôi cần phải lấy áo khoác, trên đó sẽ rất lạnh. Alice, em để nó ở đâu?”

“Anh yêu, anh không nhớ sao? Anh tự treo nó lên cái mắc ở sảnh dưới nhà mà.”

Alice đứng im như tượng, vẫn với vẻ mặt lạ kì. Một nỗi sợ hãi không diễn tả được dường như đang choán lấy cô, một nỗi sợ hãi lây lan bao trùm tất cả ngoại trừ Victor.

Chúng tôi rời khỏi phòng khách trong im lặng. Patrick xuống nhà, không ngó ngang đến ai. Anh ta đi rồi, Alice ra hiệu cho chúng tôi lên cầu thang dẫn tới tầng áp mái.

Ánh đèn từ tầng dưới hắt lên gần như không đủ để chiếu sáng tầng cao nhất cho dù đây chỉ là một diện tích rất nhỏ. Trước mặt chúng tôi là một bức tường, bên phải là cửa ra gác xép, bên trái là cửa dẫn đến

mấy căn phòng áp mái.

“Đi thôi,” Victor thì thào, run lên vì xúc động.

Alice đẩy mở cánh cửa bên trái, để lộ hành lang tăm tối với đôi chút ánh sáng leo lét ở cuối đường. Trong chốc lát, không gian chìm vào tĩnh lặng hoàn toàn, chỉ xao động rất ít do hơi thở nhiễu loạn của chúng tôi khi mãi đấu tranh với sự bồn chồn và nỗi sợ hãi. Hành lang ộp ván toàn bộ tới tận tấm rèm. Phía bên trái không có gì ngoài mặt tường ộp ván, và bên phải là bốn cánh cửa. Cánh cửa cuối cùng của hành lang đang để ngỏ, ánh sáng lập lòe từ trong hắt ra. Một thứ ánh sáng quuyền rũ mê hoặc, lơ mờ soi rọi các tay nắm cửa bằng sứ của ba cánh cửa còn lại.

Chúng tôi đều bị thôi miên trước ánh nền sinh động đang nhảy múa từ căn phòng đã chứng kiến tấn thảm kịch kinh hoàng đó.

Alice đi vào hành lang trước tiên rồi đứng lại cho chúng tôi đi qua, cô phác một cử chỉ về phía nguồn sáng. Từng người một tiến tới cánh cửa cuối cùng, bước vào căn phòng ma ám. Trên sàn nhà là giá nền và một hộp các-tông nhỏ. Ngoài ra không còn gì khác. Tường trông trơn, sàn trông trơn và trần cũng chẳng có gì, dù chỉ là một cái bóng đèn. Căn phòng hoàn toàn trống rỗng. Một sàn, một trần, bốn bức tường sơn trắng, một cửa chính và một cửa sổ nhỏ ở phía đối diện, tất cả chỉ có thể.

Victor tiến về phía cửa sổ rồi dừng lại ở giữa căn phòng, đầu cúi xuống. Ánh nền rọi lên những đường nét tạo bởi nỗi đau trên mặt ông. Arthur lập tức đi đến bên cạnh, quàng tay quanh vai ông bạn và thì thầm những lời an ủi. Với trái tim nặng trĩu, tôi lặng nhìn hai người đàn ông được số phận mang lại gần nhau nhờ những sự cố kinh tâm.

“Đó là chỗ ông ấy tìm thấy bà Darnley,” Alice nói nhỏ vào tai tôi.

Tôi bộc lộ sự khó chịu. Tôi còn biết rõ hơn cô ta. Sau đó tôi quay ra kiểm tra cánh cửa. Alice nắm lấy cánh tay tôi, nhìn thẳng vào mắt tôi. Cô đóng cửa, cài chốt, rồi nói.

“Chúng tôi đã kiểm tra cái khóa cực kì tỉ mỉ, và tôi không nghĩ ra bất cứ cách nào để kẻ sát nhân có thể chốt cửa từ bên ngoài.”

Có tiếng cọt kẹt trên cầu thang, tiếng bước chân lan vào trong hành lang.

“Patrick, cuối cùng anh ấy cũng đã tới nơi,” Alice thở ra kéo lại cái chốt.

Cô mở cửa.

Trong chiếc áo khoác dài màu đen với cổ áo dựng lên, Patrick yên lặng đi vào phòng. Chiếc mũ phớt chụp qua tai và kéo xuống gần hết khuôn mặt chỉ thoáng để lộ cái cằm của anh ta. Chắc chắn có điều gì đó bất thường trong cách xử sự của Patrick. Anh ta khom người, đầu rúc vào ngực, và gù xuống giống như bị thu nhỏ.

“Anh đã sẵn sàng chưa, anh yêu?” Alice nhẹ nhàng hỏi

Phản ứng duy nhất của Patrick là một tiếng gầm gừ trong khi tiến lại gần cửa sổ. Môi Alice mấp máy như muốn nói thêm gì đó, nhưng không có âm thanh nào phát ra. Khuỷu tay đặt trên bệ cửa sổ, Patrick đọc đoán ra dấu rằng anh ta muốn chúng tôi rời đi. Victor nắm lấy cái giá nến, nhặt hộp các-tông lên, ra hiệu cho những người còn lại đi theo ông Arthur và tôi không đợi nhắc đến lần thứ hai, nhưng Alice rời đi với nỗi hối tiếc ra mặt sau khi nấn ná thấy rõ.

Tôi đặt mình vào hoàn cảnh cô ta: bỏ lại chồng mình trong căn phòng đó, lạnh giá, tối tăm. Dù gặp bất cứ hoàn cảnh nào tôi cũng không bao giờ muốn đổi chỗ với Patrick Latimer.

Cánh cửa đã đóng lại, Alice không tìm được, cất tiếng hỏi, “Mọi chuyện ổn chứ, anh yêu?”

Một lần nữa, Patrick lại đáp bằng tiếng gầm gừ.

“Được rồi,” Arthur nói, với giọng cố gắng trấn an và khẳng định. “Tất cả những gì chúng ta phải làm bây giờ là niêm phong căn phòng và chờ đợi.”

Alice lắc đầu, mắt dán chặt vào cánh cửa. Bên kia tấm ván sẫm màu gắn với bức tường là người cô yêu, người có nhiệm vụ đáng sợ là phải hấp dẫn một linh hồn. Một linh hồn tàn ác.

Cô thở dài thườn thượt rồi cho tay vào hộp các-tông, rút ra một sợi ruy-băng dài cỡ hai mươi xentimét. Cô đặt nó vào khe giữa khung và cánh cửa ngay phía trên tay nắm và nhờ Arthur giữ nó ở vị trí đó. Tiếp

đó, cô nhấc một cây nến từ cái giá và dùng vật liệu tìm được trong thùng để tạo một dấu sáp ở mỗi đầu ruy-băng, cuối cùng ấn đồng xu trong bộ sưu tập của Arthur lên trên.

Căn phòng ma ám đã được niêm phong, và giờ không ai có thể vào phòng mà không phải xé dải ruy-băng hoặc phá dấu sáp.

Victor cầm giá nến, mắt nhắm lại, môi mấp máy nhẹ đến mức khó nhận thấy. Người đàn ông tội nghiệp đang cầu nguyện cho phép lạ xuất hiện. Về phần mình, tôi cũng không biết nên tin vào cái gì. Tôi chuẩn bị sẵn sàng để chấp nhận một điều phi thường có thể xảy ra, nhưng chắc chắn không phải việc ‘phục sinh’ bà Darnley. Không. Logic không cho phép điều đó xảy ra. Có điều gì đó điên rồ và hão huyền ở câu chuyện phi lí này, nhưng cũng có điều gì đó là thật, ở cuộc tìm kiếm hạnh phúc đã mất trong tuyệt vọng của Victor tội nghiệp. Lúc này, chúng tôi lại đi thành hàng xuống căn phòng bên dưới, giống như trong một đám tang

Sự chờ đợi thật khắc khoải. Thời gian như dừng lại. Alice, với nỗi lo âu lớn dần trên khuôn mặt, đang bồn chồn cựa quậy hai bàn tay nơi tay vịn trường kỉ. Tối nay cô ta mặc áo dài đen cao cổ và quần cùng màu. Tóc gọn gàng cột hết ra đằng sau bằng một dải buộc to bản màu đen, cần cổ thanh mảnh đeo một sợi dây chuyền dày có mặt huy hiệu bạc. Bình thường cô ăn mặc phô trương, cầu kì hơn, nhưng tôi thấy bộ đồ này đặc biệt phù hợp, nhất là khi nó làm nổi bật vẻ xanh xao trên gương mặt cô. Không còn nghi ngờ gì nữa, tình huống này đã góp phần tạo nên điều đó.

Chỉ mười phút sau, một tiếng động khe khẽ trên cầu thang khiến chúng tôi nhảy dựng lên và nín thở. Một tiếng cọt kẹt nữa rồi lại tiếp tục im lặng.

“Ông White,” Alice khấn cầu. “Ông có nghĩ là chúng ta nên đi xem...”

“Hãy đợi thêm mười phút nữa,” Arthur vừa trả lời vừa xem đồng hồ. “Từ lúc chúng ta xuống tới giờ còn chưa được mười lăm phút nữa.”

“Nhân tiện,” Alice hỏi sau một chốc im lặng. “Ông đã lấy lại đồng

xu chưa?”

“Rồi,” Arthur vỗ vào túi áo ngực. “Tôi đã lấy lại nó ngay sau khi dùng xong.” Ông moi nó ra khỏi túi và kiểm tra dưới ánh nến. “Tôi phải công nhận đây là một mẫu vật tuyệt đẹp có niên kỉ từ thời...”

“Eleanor trở lại rồi!” Victor tuyên bố, đột ngột đứng dậy. “Bà ấy ở trên đó. Trong căn phòng!”

“10 giờ 10 phút,” Arthur hắng giọng. “Tôi sẽ đi kiểm tra.”

Trước ánh mắt biết ơn của Alice, ông nhấc một cây nến từ cái giá và rời khỏi phòng.

Mười phút sau ông trở lại, chỉ riêng biểu cảm cũng đủ khiến chúng tôi sợ chết khiếp.

“Mọi chuyện ổn cả chứ?” Alice hỏi ngay lập tức.

Arthur trả lời bằng một câu hỏi. “Có ai có kéo không?”

Alice chạy đến tủ bát, mở ngăn kéo và vấy một cái kéo vào không khí. “Nó đây, nhưng...” Cô đột nhiên ý thức được cách hành xử lạ lùng của Arthur. Mắt cô trợn lên và tay ôm lấy cổ.

“Eleanor đã trở lại, Eleanor đã trở lại rồi,” Victor hô lên như hô khẩu hiệu, nét mặt rạng rỡ.

“Đi theo tôi!” Arthur đưa ra chỉ thị bằng giọng uy nghiêm.

Chúng tôi lên tầng áp mái lần thứ hai.

“Patrick! Patrick! Anh yêu của em!” Alice rên rỉ, như điên lên cánh cửa căn phòng bị nguyên rửa. “Trả lời đi, em xin anh!”

“Đừng nghĩ đến điều tồi tệ nhất,” Arthur nói. “Có thể chồng cô chỉ bị ngắt đi thôi. Dù sao tôi cho rằng chúng ta cũng nên gỡ niêm phong ra, vì lí do an toàn.”

Arthur lấy giá nến khỏi tay Victor và ghé nó lại gần cánh cửa để kiểm tra sợi ruy-băng và dấu sáp niêm phong.

“Nguyên vẹn,” ông thở phào nhẹ nhõm. “Chưa một ai vượt qua ngưỡng cửa này.”

Ông lấy kéo cắt dây ruy-băng làm hai. Sau đó chộp lấy tay nắm cửa, nhắm mắt lại, hít một hơi thật sâu và tuyên bố.

“Vào thôi!”

Cánh cửa bật mở, ánh sáng từ giá nến tràn vào phòng. Trước cảnh

tượng một thân thể nằm lẩn quay trên sàn nhà, Alice phát ra một tiếng rít kì dị và quy xuống như con búp bê vải. Victor phải rất chặt vật mới giữ cho cô khỏi ngã.

Im lặng chết chóc bao trùm. Tê liệt vì kinh hoàng, chúng tôi trần trối nhìn thân thể nằm sấp giữa phòng, đúng vị trí bà Eleanor nằm chết nhiều năm về trước. Ánh sáng lập lòe làm nổi bật cán dao cắm trên lưng anh ta.

Arthur lại gần Patrick và quỳ xuống. Hai cánh tay anh ta bắt chéo dưới người, nhưng một tay thò ra từ dưới vai trái. Arthur bắt mạch và lắc đầu.

“Anh ta chết rồi.” Ông đứng dậy kiểm tra cửa sổ, nhưng rõ ràng nó vẫn bị khóa.

“Không ai vào phòng được,” ông thấp giọng tuyên bố.

“Chúng ta không thể bác bỏ bằng chứng này. Chỉ hồn ma mới có thể gây ra tội ác đó.”

“Nhưng Eleanor,” Victor thốt thức, vẫn ôm Alice trong tay. “Eleanor không bao giờ làm thế.”

Nhìn Alice, Arthur mới bắt đầu nhận ra đầy đủ tính nghiêm trọng của tình huống.

“Đáng lẽ chúng ta không nên thực hiện thử nghiệm này,” ông rên lên, hai tay ôm mặt. “Chúng ta phải báo cảnh sát ngay, dù tôi ngờ rằng họ sẽ không dành nhiều thời gian đi tìm một oan hồn báo oán đâu. Nhưng họ chẳng thể lí giải vụ án theo cách nào khác được...”

Ông ngừng lại, tập trung mọi sự chú ý vào thi thể. Đột nhiên, ông cúi xuống và quay cái đầu vẫn đội mũ của người đã khuất ra. Mặt ông chùng xuống. Ông chậm rãi đứng lên, lão đảo lùi ra sau và dựa vào bức tường cho khỏi ngã.

Hết sức thất vọng, tôi bèn tiếp cận thi thể.

Toàn bộ máu trong người tôi đông cứng lại.

Khi nhận ra khuôn mặt Henry.

Chúng tôi tập trung về phòng khách, hoàn toàn bàng hoàng, rồi trí và hoang mang. Một ý nghĩ hãi hùng vụt qua óc tôi: bà Darnley đã quay lại đòi công lí. Bà đã trả thù bằng cách giết chết kẻ sát hại bà, mà người đó không ai khác chính là Henry. Ngay lập tức, tôi bác bỏ ý nghĩ này vì đó là điều bất khả, tuy vậy không người sống nào có thể đi vào căn phòng đã niêm phong. Và chuyện gì đã xảy ra với Patrick? Anh ta đâu? Tôi cố gắng suy nghĩ rành mạch nhưng vô vọng, tất cả đều điên rồ, hoàn toàn điên rồ. Tôi đang sống trong một cơn ác mộng.

Một bàn tay cầm ly brandy xuất hiện trước mắt, tôi chớp lấy chiếc ly, uống một hơi cạn sạch và nhìn ra xung quanh. Đầu tiên tôi nhìn cái trường kỉ nhỏ nơi Alice vẫn nằm bất tỉnh, rồi đến Arthur. Victor mời ông một ly brandy, nhưng ông lắc đầu và chỉ trân trối vào khoảng không, như thể đã bị rút cạn mọi dấu hiệu của sự sống.

“Cảnh sát sẽ tới sớm thôi,” Victor thì thào và ngồi xuống cạnh tôi. “Mọi chuyện xảy ra với ông ấy thật khủng khiếp. Đầu tiên là vợ, và giờ là đứa con duy nhất... ở trên kia.”

“Còn Patrick thì sao ạ?”

“Bác không biết, bác vẫn chưa có thời gian tìm kiếm trong nhà. Hãy cứ hi vọng, James ạ, bác không biết chuyện gì đang xảy ra với chúng ta nữa, nhưng quả là kinh khủng. May mà cô Latimer vẫn chưa tỉnh lại vì bác không biết phải giải thích thế nào với cô ấy về tình cảnh này.”

Cánh cửa đột nhiên mở ra và Patrick đi vào, tay xoa xoa sau gáy.

“Chuyện gì đã xảy ra?” Anh ta lú lẫm. “Alice! Chúa ơi! Cô ấy không...”

Và lao về phía vợ.

Khi tỉnh lại, Alice níu lấy chồng mình, hai hàng nước mắt lăn dài.

Đã đến lúc giải thích. Tôi thuật lại chi tiết những sự kiện bi thảm xảy ra một tiếng trước.

Alice suýt ngất đi lần thứ hai.

“Henry, bị giết? Ở trên kia?” Miệng Patrick há hốc vì kinh ngạc. “Nhưng...”

Anh ta đột nhiên im lặng, đi tới chiếc bàn rồi tự rót rượu cho mình và nốc liền hai ly.

“Tôi tin là tôi biết chuyện xảy ra như thế nào,” anh ta cúi đầu.

Chúng tôi nín thở chờ đợi.

“Khi xuống nhà lấy áo khoác,” Patrick kể. “Tôi đã bị tấn công. Tôi đi gần đến chỗ cái móc áo, rồi... bị đánh gục. Không biết gì nữa. Vì quá tối, tôi không nhìn rõ kẻ tấn công. Chắc hẳn đã mặc áo khoác và đội mũ của tôi, rồi mạo nhận là tôi lên gặp mọi người.”

“Anh nói đúng!” tôi kêu lên. “Chúng tôi không thấy mặt hắn, và cũng không nghe được giọng ngoại trừ hai tiếng gầm gừ. Thái độ đó khiến tôi lấy làm lạ ngay rồi. Cả đáng đi... Còn nữa, hắn thấp hơn anh, Patrick. Khổ người chỉ tầm...”

“... Henry,” Alice thăm thì tiếp lời. “Nhưng chuyện gì xảy ra sau đó?”

“Mọi người có kiểm tra kĩ dấu niêm phong không?” Patrick hỏi.

Arthur lên tiếng, “Không ai có thể đi qua cánh cửa vào thời điểm đó: dấu niêm phong còn nguyên vẹn. Cần thì anh cứ tự kiểm tra. Chỉ có dây ruy-băng là bị cắt.”

Vì không ai bình luận gì thêm, ông tiếp tục.

“Kẻ sát nhân - nếu hắn thực sự tồn tại - không thể kiểm được hoặc sao chép đồng xu chúng ta dùng để niêm phong, vì một lẽ đơn giản là không một ai, ngay cả tôi, biết được đồng xu nào trong bộ sưu tập sẽ được dùng cho mục đích đó. Xin nhắc lại, tôi chỉ quyết định ngay trước khi đến đây, chính xác là lúc 8 giờ 30 phút tối. Nhân đây, bộ sưu tập của tôi có tổng cộng hơn sáu trăm đồng xu.”

Arthur quả là một người đàn ông phi thường. Ngay cả khi tinh thần suy sụp vì đau buồn, ông vẫn duy trì sự điềm tĩnh và óc suy luận

logic. Mấy ai ở trường hợp của ông làm được như vậy?

“Vì thế Henry để cho chính mình bị nhốt trong căn phòng,” Patrick tiếp lời. “Và...”

“Chúng ta đang phải đối mặt với một vụ án mạng siêu nhiên,” Arthur sắc bén cắt ngang. “Không có lời giải thích nào khác. Câu hỏi duy nhất còn lại là tại sao Henry tới đây. Và tại sao nó lại... phải chết?”

Không ai nói gì.

“Ông có chắc đó là Henry không?” Patrick hỏi. “Tốt hơn hết là đi lên và...”

“Hãy đợi cảnh sát,” Victor nói. “Họ sẽ đến bất cứ lúc nào.”

Chuông cửa reo vang.

“Họ tới rồi.”

Hoàn toàn kinh hãi trước vụ án, cảnh sát địa phương quyết định lập tức cầu viện tới Sở Cảnh sát Thủ đô và chánh thanh tra Drew được giao nhiệm vụ điều tra vụ án này. Trong ba năm qua, ông đã thăng cấp nhanh chóng nhờ phá được hàng loạt vụ án phức tạp. Một bài báo về Drew gần đây có giải thích phương pháp truy bắt tội phạm đặc biệt khác thường mà ông đã thực hiện. Ông bắt đầu bằng cách đặt mình vào vị trí của hung thủ. Nghi phạm bị thẩm vấn thường có vẻ không liên quan gì đến vụ án. Drew bèn thăm dò sâu vào đời sống riêng tư của họ, thậm chí truy tra tới tận thời thơ ấu và nghiên cứu tính cách họ một cách tỉ mỉ. Vì kĩ thuật điều tra này, các đồng nghiệp đặt cho ông biệt danh là Nhà tâm lí học.

Cuối cùng thi thể cũng được mang đi, trước đó các nhân chứng đã xác định đây chính là Henry. Tuy nhiên, Arthur không thừa nhận cái chết của con mình.

“Rất dễ nhầm người đàn ông này với Henry, nhưng anh ta không phải con trai tôi.”

Một ngày sau thảm kịch, Drew bắt tay vào việc. Cho tới lúc đó, cảnh sát đã kiểm tra dấu niêm phong cùng hiện trường vụ án và gần

như không rút ra được kết luận gì: không có lối đi bí mật, không có dấu hiệu động chạm vào dấu niêm phong cũng như không có cách nào chốt cửa sổ từ bên ngoài. Họ đã thẩm vấn Arthur hàng giờ liền về đồng xu sử dụng cho dấu niêm phong, nhưng ông dứt khoát phủ nhận việc ai đó biết trước lựa chọn của ông và kiếm được một bản sao y hệt. Hơn nữa, ngay cả khi tên sát nhân có khả năng đọc ý nghĩ, hẳn cũng phải tìm khắp nơi mới kiếm được bản sao.

Giả thuyết tiếp theo là một bản sao đã được đúc ra, nhưng suy đoán này nhanh chóng bị các chuyên gia loại trừ. Dấu niêm phong được in từ chính đồng xu nguyên bản của Arthur chứ không phải từ một bản sao. Còn một khả năng là đồng xu bị đánh tráo sau khi nạn nhân bị nhốt. Arthur quả quyết rằng kể từ thời điểm được sử dụng cho dấu niêm phong, đồng xu chưa từng rời khỏi túi áo trong của ông, và ông thường xuyên kiểm tra nó.

May mắn thay, Arthur có bằng chứng ngoại phạm vững chắc. Giữa 9 và 10 giờ đêm - theo pháp y là khoảng thời gian ước đoán xảy ra án mạng - không lúc nào ông ở một mình.

Dương nhiên điều đó cũng không loại trừ lời giải thích hợp lý cho “tội ác bất khả thi” này, rằng Arthur hoàn toàn có thể thực hiện vụ ám sát với sự trợ giúp của đồng phạm. Xét cho cùng, đã từng có trường hợp cha giết con trong quá khứ. Nhưng ở trường hợp hiện tại, không có may mắn một động cơ nào. Giả thuyết Arthur mất trí cũng bị loại trừ, vì rõ ràng ông vẫn là một người tỉnh táo và ôn hòa.

Chính vì thế, không hề đáng ngạc nhiên khi cảnh sát đã hoàn toàn đi vào ngõ cụt lúc chánh thanh tra Drew đến. Thành công trong ba năm qua thể hiện rõ ở phong thái tự tin điềm đạm, ở từng cử chỉ, và ông trưng ra nụ cười trịch thượng của những kẻ luôn coi mình là người duy nhất có thể tìm ra sự thật. Sau một hồi khám xét hiện trường vụ án trong khoảng thời gian không thể nhanh chóng hơn, ông kiêu ngạo tuyên bố kết luận của mình.

“Nếu các nhân chứng nói đúng sự thật, thì chỉ có hai khả năng. Thứ nhất, ông White đã giết con trai mình với sự trợ giúp của tòng phạm. Tuy nhiên, tôi không nghĩ đây là phương án hợp lý vì nó quá đơn

giản. Khả năng thứ hai, mặc dù thoát nhìn có vẻ hoang đường nhưng vẫn là có nhiều khả năng xảy ra hơn. Henry, sau ba năm mất tích, trở lại ngôi làng nơi cậu ta sinh ra và vào nhà Latimer, hay nhà Darnley, gọi sao cũng được. Cậu ta rình nấp ở đại sảnh, đánh gục anh Latimer. Sau đó đội mũ và mặc áo khoác của anh ta, đi lên căn phòng áp mái rồi để mình bị nhốt trong đó dưới lốt của anh Latimer. Đừng vội tìm hiểu động cơ khiến cậu ta làm thế. Tiếp đó, cậu ta mở cửa sổ và cho kẻ sát nhân vào. Cách tiếp cận cửa sổ từ bên ngoài thoát nhìn là một việc bất khả thi, nhưng xem xét kĩ thì có thể thực hiện được bằng cách trèo ra ngoài từ một cửa sổ khác và leo qua mái nhà. Kẻ sát nhân đâm Henry từ phía sau, rồi quay trở lại bằng cách hấn đã đến. Trước khi chết, Henry đóng cửa sổ lại. Chính hành động dường như không thể hiểu nổi đó đã tạo ra vẻ ‘siêu nhiên’ của vụ sát hại này. Những vụ án bất khả thi luôn đi kèm một lời giải thích vô cùng đơn giản.”

“Bữa ăn ngon quá, thực ra là quá tuyệt vời. Chưa bao giờ trong đời anh được...”

“James, đừng cường điệu, anh đang làm quá lên đấy. Thà anh cứ giễu cợt em còn hơn là tiếp tục như vậy,” Elizabeth phản đối.

“Nhưng James không hề cường điệu, em yêu,” John phụ họa. “Có chẳng là anh ấy hiểu được tài nấu nướng của em mà thôi. Những nhà hàng lớn nhất nước Pháp chắc hẳn cũng sẵn sàng làm mọi cách để mời em về bếp của họ.”

Elizabeth trừng mắt không tin, không biết phải nghĩ gì nữa.

Hai ngày sau tấn thảm kịch, em tôi gửi lời mời đến nhà ăn tối. Đây là một sự kiện rất hiếm hoi, rõ ràng là em muốn biết mọi chi tiết đã xảy ra vào buổi tối tệ hại ấy. Tôi đã phải thuật lại sự việc hai lần, và liên tục bị cắt ngang bởi ‘James. Thôi đi! Thật kinh khủng! Đừng bao giờ kể với em về việc này thêm một lần nào!’ rồi ngay lập tức ‘Sao nữa?’

“Anh nghĩ sao hả John?” Elizabeth hỏi, giờ đã bình tĩnh lại.

“Anh nói với em rồi. Khả năng nấu ăn ngoại hạng đấy.”

“Em đang nói đến vụ sát hại Henry!”

“Anh không biết,” John nói với vẻ mặt kì lạ. “Dân làng không đồn thổi về căn phòng ma ám nữa, họ gọi thẳng là ‘căn phòng sát nhân’. Một số khách hàng của anh còn đưa ra giả thuyết là Henry đã giết mẹ anh và hồn ma của bà trở về trả thù. Nhưng anh không tin vào ma quỷ. Dù sao đi nữa, anh bắt đầu nghĩ rằng có một tên cuồng sát trong làng, vì anh dần dần tin là thực ra mẹ bị sát hại.”

“Đủ rồi, John,” Elizabeth rên rỉ. “Đừng nhắc đến vụ án nữa. Thế mà anh định để em sống trong ngôi nhà đó kia đấy! Nhưng tại sao lại có kẻ muốn sát hại mẹ anh? Và tại sao Henry lại bị giết?”

“Có lẽ Henry biết ai giết mẹ của cậu, John à,” tôi gợi ý.

“Nếu thế thì,” John ngờ vực nhìn tôi. “Cậu ấy đã bị giết lâu rồi.”

“Chính xác.”

Một khoảng lặng.

“Báo chí tới tấp chạy bài về vụ ám sát nhưng lại giữ kín những tình tiết bất thường,” Elizabeth nhận xét, rõ ràng là thạo tin.

“Hiển nhiên,” tôi thở dài. “Cảnh sát không muốn công khai một vụ án mà họ không biết phải giải quyết thế nào. Đạo gần đây họ thường xuyên bị đặt dấu hỏi về năng lực.”

John gật đầu, rồi đột ngột nói, “Cậu nghĩ sao về giả thuyết của thanh tra Drew?”

“Henry đóng cửa sổ trước khi chết? Quá nực cười. Hoàn toàn vô lí.”

“Em tin,” Elizabeth xen vào với giọng quả quyết. Khó chịu trước sự im lặng của chúng tôi, em cao giọng. “Em biết quá rõ tính kiêu căng tự phụ ngu ngốc của Henry, em có thể dễ dàng tưởng tượng ra việc anh ấy giở mảnh khốe một lần cuối cùng. Anh ấy muốn một kết thúc hoàn mỹ, một cái chết xứng đáng với danh tiếng mà anh ấy nghĩ mình luôn có. Theo quan điểm của em, thanh tra Drew nói đúng. Ông ấy đã thực sự nắm bắt được con người của Henry. Rốt cuộc, chẳng phải tự dưng người ta lại gọi ông ấy là Nhà tâm lí học.”

Tôi đã định đáp trả, nhưng khi thấy John đặt một ngón tay lên môi, tôi ngăn mình lại.

“Họ đã kiểm tra bằng chứng ngoại phạm của các đối tượng tình nghi chưa?” cậu ta hỏi. “Đó, ừm, ý tôi là những người mà...”

Elizabeth không cho tôi thời gian để trả lời.

“Chỉ có một người không có bằng chứng ngoại phạm!”

Hai chúng tôi yên lặng, đăm đăm nhìn em một lúc lâu.

“À!” John mở lời. “Em nghĩ là Patrick có thể...”

“Không,” Elizabeth đáp trả. “Không phải Patrick. Là anh, John!” Ngón trỏ của em thình lình chỉ vào chồng. “Anh ở một mình trong gara đến tận nửa đêm.”

John cười, “Khả năng quan sát thật sắc sảo, em yêu của anh. Tuy nhiên, em có vẻ đã quên rằng, chính vì thế mà em cũng không có bằng chứng ngoại phạm.”

Elizabeth cứng người và run lên, “Sao anh dám buộc tội vợ anh? Vợ anh, người... người...”

Em uất nghẹn vì tức giận. Tôi giơ tay làm hòa.

“Đủ rồi! Bọn em tha hồ cãi nhau sau khi anh đi. Hơn nữa, anh phải đi luôn rồi, đã gần 8 giờ rồi. Bác White bảo anh ghé qua.”

“Gặp thế sao?” John hỏi. “Để một lúc nữa hẵng đi, hoặc để đến mai cũng được. Cậu chỉ việc gọi cho bác ấy.”

“Không. Thực tế thì không phải tôi đi gặp bác White, mà là thanh tra Drew muốn thẩm vấn chúng tôi kĩ hơn.”

“Tội nghiệp bác White,” Elizabeth nói. “Cảnh sát nên biết quan tâm hơn tới người đàn ông tội nghiệp ấy.”

“Đừng lo,” tôi nhắc nhở. “Bác White không hề suy sụp. Bác ấy vẫn tin chắc rằng người đàn ông bị sát hại không phải con trai mình, dù tất cả đều xác nhận đó là cậu ấy. Thôi, anh phải đi đây.”

Tiện thể, tôi cảm ơn họ về bữa ăn tuyệt vời và rời đi.

Bên ngoài, chào đón tôi là vàng trắng tái nhợt và lạnh buốt

Tiếng bước chân vang vọng trên con đường vắng gợi nhớ cái đêm thảm kịch ấy, khiến tôi ngẫu nhiên điểm lại các sự kiện trong đầu mình. Có điều gì đó không đúng, điều gì đó kì lạ mà tôi chưa thể làm rõ. Tôi chỉ xác định được lúc nó xảy ra, chứ không phải nó là cái gì. Đó là khoảng thời gian chúng tôi đi lên tầng áp mái lần thứ hai. Đứng ngoài hành lang, đập cửa, không thấy tiếng trả lời. Gỡ dấu niêm phong, mở cửa, thấy xác chết. Không phải trước đây cơ, tôi đã đi hơi

xa rồi. Ấn tượng đó xảy đến với tôi khi... A! Giá mà tôi có thể nhớ được! Là một cử chỉ? Một từ? Một hình ảnh? Hay một tiếng động?

Tra tấn bộ não cũng chẳng ích gì. Lời giải có thể sẽ đến khi tôi không cố nghĩ về nó nữa.

Tôi đã không nghĩ ra gì cả, nhưng nếu thực sự phát hiện ngay lúc đó, thì chắc chắn tôi sẽ nhận ra cách thức ma quỷ mà tên sát nhân sử dụng, và đã ngăn chặn để một tội ác đáng ghê tởm không xảy ra, một tội ác mà động cơ của nó sẽ sống mãi trên những trang biên niên của Sở Cảnh sát Thủ đô.

Khi Arthur kết thúc bản tường thuật về đêm xảy ra vụ sát hại thì đã gần 9 giờ 15 phút. Ông nói quá tỉ mỉ, tôi cảm thấy không cần thiết phải ngắt lời ông.

Drew, tay khoanh trước ngực, ngồi thoải mái trên chiếc ghế bành, lắc đầu với một nụ cười nhạt.

“Bản tường thuật của ông mặc dù rất đáng ghi nhận, nhưng rất tiếc chẳng bổ sung được điều gì mới.” Ông ta chuyển ánh mắt sắc bén sang tôi. “Còn cậu, cậu Steven, cũng không bổ sung được thêm gì sao? ông White không bỏ sót điều gì chứ?”

“Không,” tôi trả lời và châm một điếu thuốc để tránh ánh nhìn soi mói thấu suốt từ cặp mắt xanh của viên thanh tra. “Không còn gì để bổ sung. Mọi sự kiện xảy ra vào tối hôm đó đã được bác White điểm lại một cách hoàn hảo. Và vì lúc nào chúng tôi, tức là tôi và bác White, cũng có mặt cùng nhau, nên tôi không còn gì để nói cả.”

Arthur nheo mắt lại, chậm rãi hút tẩu.

“Đây là lần thứ ba trong vòng bốn mươi tám tiếng qua tôi kể về những sự kiện này,” ông nói. “Tôi cứ nghĩ rằng lúc này ông đã phải biết rõ như thể bản thân có mặt tại đó rồi chứ.”

“Cảnh sát không tin vào ma quỷ,” ông Drew đột ngột cắt ngang.

Arthur nhăn mặt phản bác, “Mỗi người một quan điểm.” Im lặng một hồi, ông tiếp. “Nhắc mới nhớ, còn giả thuyết của ông về chuyện nạn nhân tự đóng cửa sổ sau khi bị đâm chí mạng thì sao?”

Một tia khó chịu ánh lên trong mắt Drew, nhưng ông ta mau chóng trấn tĩnh và trả lời với vẻ thản nhiên.

“Trời đất, đó chỉ là một giả thuyết, một suy luận bất chợt, để chỉ ra rằng vụ án không nhất thiết phải là tác phẩm của một con ma. Tất nhiên là sự việc gần như không thể diễn biến theo hướng đó. Một mặt, không có dấu vân tay trên nắm cửa sổ. Mặt khác, theo nhân viên pháp y, con trai ông không tự đứng dậy được sau khi bị đâm.”

Có thể nhận ra sự bức bối trên nét mặt Arthur.

“Xin nhắc lại một lần nữa, người đàn ông đó không phải con trai tôi.”

Drew chăm chú nhìn xuống mũi giày, môi nở nụ cười ngang ngạnh.

“Đừng vô lý thế, ông White,” ông ta nói với giọng xoa dịu. “Bất cứ ai từng thấy thi thể đều xác nhận đó là con ông. Tôi hiểu nỗi lòng người cha, nhưng ông phải nhìn thẳng vào thực tế.”

“Phải đó, bác White,” tôi xen vào, cố khéo léo hết cỡ.

“Là Henry thật đấy! Hãy tin cháu, nếu có bất cứ nghi ngờ nào dù là nhỏ nhất về nhận dạng, cháu sẽ là người đầu tiên nói ra.”

Arthur ngồi im như tượng đá. Một sự yên lặng khó chịu bao trùm phòng khách. Drew cầm một miếng thuốc lên đôi môi mỏng, châm lửa và mất một lúc lâu hắng giọng rồi mới tiếp tục.

“Chí ít có thể khẳng định, đây là một vụ án kì lạ.”

“Quả vậy,” tôi đồng tình với sự mỉa mai sâu sắc. “Khi tìm thấy một người đàn ông bị giết trong căn phòng niêm phong kín mít, thì ít nhất người ta có thể nói ‘đây là một vụ án kì lạ’.”

“Đương nhiên, nhưng tôi không nói đến việc đó,” Drew vặc lại. “Ông có nhớ không, ông White, gần ba năm trước ông là nạn nhân của một vụ hành hung trên con đường đất trước nhà?”

“Đúng rồi,” Arthur nói, vẻ bức bối. “Tôi thậm chí còn nhớ đã đề cập với ông rằng ngay trước khi bị đánh, tôi đã trông thấy ai đó vác một cơ thể người đi về hướng khu rừng. Mặc dù vậy, tôi thấy có vẻ ông không coi trọng chi tiết đó lắm.”

Drew tỏ ra khó chịu.

“Ông có ý gì, không coi trọng lắm?” ông ta gắt gỏng

“Chúng tôi đã xới tung cả khu rừng lên nhưng không tìm thấy một thi thể nào, và không có trình báo mất tích nào trong khu vực. Chúng tôi còn có thể làm gì hơn nữa?”

“Vậy còn sự biến mất của con trai tôi?” Arthur bị cuốn theo cuộc tranh luận, “ông gọi đó là gì?”

Không quên rằng Arthur là một nhà văn nổi tiếng, Drew tiếp tục một cách cẩn trọng hơn.

“Tôi đang nói đến đây,” ông ta xoa dịu. “Như vậy, ngay sau khi ông bị tấn công, con trai ông biến mất. Một vài ngày sau, cậu ta lại xuất hiện... ở hai nơi khác nhau vào cùng một thời điểm! Chỉ thế đã đủ lạ thường, nhưng sự việc chưa dừng lại. Không hiểu sao cậu ta lọt vào được căn phòng niêm phong và tệ hại nhất là tìm ra cách để người ta giết mình!”

Drew khó nhọc kìm nén cơn giận dữ đang trào dâng, giọng ông ta run rẩy.

“Tốt nhất tôi nên cảnh báo ông trước, ông White, chúng tôi sẽ mò ra ngọn nguồn vụ việc bất kể bên nào phạm tội. Cho tới giờ tôi chưa một lần thất bại, và tôi cũng không có ý định thất bại đâu.”

Chuông réo vang nơi cửa chính.

“Là Victor,” Arthur vừa nói vừa đứng dậy. “Không, đợi đã, tôi nghe tiếng xe ô tô. Có lẽ là một người bạn. Ông vui lòng đợi tôi trong chốc lát chứ?”

Arthur rời khỏi phòng khách. Drew và tôi ngồi lại trong im lặng, chăm chú lắng nghe. Chúng tôi nghe thấy tiếng reo sừng sốt, tiếng ô tô nổ máy, rồi không nghe thấy gì nữa. Một lát sau là những tiếng cảm thán xúc động.

Cửa phòng khách bật mở, lộ rõ Arthur đang gần như khóc lóc vì vui sướng. Từ đằng sau ông, một dáng hình nhô ra khỏi bóng tối. Tim tôi lỡ một nhịp, và tâm trí tôi mất kiểm soát trong giây lát.

Henry đứng đó, ngay trước mắt tôi, bằng xương bằng thịt.

Cào James, người anh em!" bạn tôi nói, nhe răng cười lớn.

Tôi ôm cậu, vỗ vào cả hai vai. Rồi vẫn giữ vai cậu, tôi đẩy ra tầm một cánh tay để nhìn cho rõ.

"Henry! Thật không thể tin được!"

Một giọt lệ đọng ở khóe mắt cậu ta rồi lăn xuống má.

"Cậu không biết tôi vui mừng thế nào khi gặp cậu đâu, James," Henry thì thầm, xúc động sâu sắc.

Người đang nói chuyện với tôi đúng là Henry. Chỉ Henry mới nói năng dịu dàng đến vậy được.

"Thanh tra Drew," Arthur nói với chiếc khăn tay trên mặt. "Xin giới thiệu với ông, đây là con trai tôi, Henry."

Cơ mặt của Drew chuyển động, cổ nặn ra một nụ cười, ông ta nói với giọng ngọt ngào nhưng không giấu được vẻ chua cay đằng sau.

"Rất vui được gặp cậu, anh bạn trẻ, rất vui."

Trong khoảnh khắc, có thể tưởng nhầm ông ta là một con quỷ đang nghĩ tới nghĩ lui một kế hoạch trả thù khủng khiếp. Mắt ông ta nhuộm màu xanh lá và lóe lên những tia hiểm độc. Làn da trên khuôn mặt xương xẩu ấy có màu sắc kì dị, gợi nhớ một lão già da đỏ đang gắt gỏng phàn nàn.

Trong lúc đó, tôi reo lên đầy hân hoan.

Drew, mặt vẫn đóng băng với nụ cười méo xẹo, khẽ nhếch mép. Trong giây lát tôi cứ nghĩ ông ta sẽ giơ móng vuốt và lao vào xé bạn tôi thành từng mảnh, nhưng ông ta lại tự bằng lòng với dáng điệu thâm khinh bỉ.

"Henry đã trở lại!"

"Henry," tôi kêu lên bằng một giọng mà chính tôi cũng không nhận ra. "Làm thế nào? Tại sao?"

Đầu óc quay cuồng, hai chân bủn rủn, và thật may cho tôi là có một chiếc ghế bành ở đằng sau để ngã vào.

Tôi nghĩ chính tình trạng kích động của mình đã thúc đẩy Arthur. Ông run rẩy quay lại và sai bước về phía quầy rượu.

“Chúng ta phải uống một chầu vì sự trở về của Henry,” ông cao giọng để che giấu cảm xúc. “Phải uống một chầu.”

Tôi những muốn nói chuyện và hỏi hàng ngàn câu nhưng có cái gì đó nghẹn nơi cổ họng. Tôi vẫn bất động trên chiếc ghế bành với trí não đóng băng. Chỉ mỗi thị giác là còn hoạt động. Tôi có thể thấy Drew, như thú rình mồi, chưa bao giờ rời mắt khỏi khuôn mặt Henry. Arthur, nét mặt tràn ngập hạnh phúc, rót đầy bốn ly rượu đến tận miệng. Henry đi tới gần và vòng tay qua vai tôi.

Arthur dốc một hơi cạn sạch rượu, nhắm mắt lại, rồi mở mắt ra và nói.

“Tại sao bật tắt bật tích những ba năm, hả con trai?” Giọng ông uy nghiêm, nhuộm màu buồn bã.

“Phải đó, tại sao?” Drew lặp lại với giọng châm biếm.

Đầu cúi xuống, Henry đứng im.

“Hầu hết mọi người đều nghĩ con đã chết,” Arthur vẫn tiếp tục với cùng một giọng. “Cha biết điều đó không phải sự thật, nhưng ngay cả như vậy... Và người đàn ông đã chết ở nhà bên là ai? Con có biết không Henry? Con có đọc báo ngày hôm nay không? Con có biết rằng trong mắt tất cả mọi người thì con đã bị sát hại không?”

Henry nhìn lần lượt từng người chúng tôi, và gật đầu.

“Phải, người đàn ông đó là ai?” Drew hỏi, bằng một giọng nhẹ nhàng giả tạo.

Henry vẫn cúi đầu, bước tới lui vài bước. Một lúc lâu sau, cậu mới thốt ra.

“Người đàn ông đó là cộng sự của con, Bob Farr, một người Mỹ.”

“Vậy là con đã ở Mỹ suốt thời gian qua?” Arthur hỏi, mắt ông trợn lên vì kinh ngạc.

“Phải,” Henry do dự nói. “Con... chúng con, diễn ảo thuật thoát hiểm, và cả những tiết mục khác nữa. Anh ta là một diễn viên nhào

lộn khi con gặp lần đầu tiên. Một cuộc gặp gỡ định mệnh, vì cả hai đều ngay lập tức nghĩ đến việc có thể lợi dụng sự giống nhau đến kinh ngạc giữa hai người. Cha có thể tưởng tượng được cơ may đó không? Hai người đàn ông cùng nghề, sở hữu những đặc điểm ngoại hình giống hệt nhau. Ôi, để con nói cho cha biết, bọn con đã làm khán giả xúc động mạnh với những màn ảo thuật thoát hiểm kì diệu. Bọn con tùy ý xuất hiện và biến mất, trong khi khán giả nghĩ bọn con chỉ là một người. Và giờ, Bob đã không còn.”

Một sự yên lặng chết chóc.

Arthur, cho đến lúc đó vẫn giữ được bình tĩnh, đột ngột bật khóc.

“Bob Farr không còn nữa,” Drew khẽ khàng nhắc lại, ánh mắt chăm chú nhìn những dòng khói thuốc ông vừa nhả ra đang lập lờ bay lên trần nhà. “Chàng trai, cậu có thể nói cho chúng tôi biết cộng sự của cậu viếng thăm hàng xóm nhà cậu vào buổi tối hôm kia để làm gì không?”

“Không,” Henry trả lời. “Tôi không thể nói vội ông bất cứ điều gì. Không phải lúc này.”

“Không phải lúc này,” Drew lặp lại, nở nụ cười tà ác, nhìn chằm chằm vào đầu thuốc đang cháy sáng của mình. “Tốt thôi, tốt thôi. Cậu có tình cờ biết được anh ta có kẻ thù nào không? Đừng quên là anh ta đã bị sát hại.”

Henry lắc đầu.

“Tốt lắm, tốt lắm,” Drew tiếp tục. “Nhân đây, cậu có biết về chi tiết kì lạ trong cái chết của người cộng sự này không?”*

“Tôi đã đọc báo. Người ta tìm thấy anh ấy bị đâm chết trên tầng áp mái.”

“Đúng thế,” Drew đồng tình. “Đó đúng là nội dung đăng báo, nhưng họ đã lược bớt một số chi tiết nhỏ mà tôi sẽ nói với cậu sau đây. Nhân thế, cậu đi Mỹ về được bao lâu rồi?”

“Tôi mới đặt chân lên đất Anh vài giờ trước. Tôi bắt chuyến tàu đầu tiên về Oxford, và đi taxi về đây.”

“Tốt. Rất tốt, rất tốt. Hoàn hảo.” Drew lôi một cuốn sổ tay ra khỏi túi và ghi chép gì đó. “Tôi sẽ không nhờ cha cậu hồi tưởng các sự kiện

của buổi tối bị kịch đó, cũng không nhờ bạn cậu, người có vẻ không định kể một câu chuyện cho mạch lạc. Vì thế tôi sẽ tự mình nói cho cậu biết.”

Nói xong, ông chánh thanh tra yêu cầu:

“Cậu nghĩ sao, chàng trai? Là chuyên gia về những trò ảo thuật, cậu có thể đưa cho chúng tôi vài lời khuyên về vấn đề này không? Hay có lẽ giúp chúng tôi khám phá ra âm mưu xảo trá của tên sát nhân?”

Tay ôm đầu, Henry không trả lời. “Thanh tra,” một lúc sau cậu lên tiếng. “Tôi không thể nói với ông bất cứ điều gì. Chưa phải lúc này.”

Arthur, vẫn chăm chú dõi theo con trai với đầy lo âu, đứng dậy khỏi ghế và đối mặt với Drew.

“Ông thanh tra, tôi không muốn tỏ ra khiếm nhã. Nhưng xin hãy hiểu cho, đã ba năm đằng đẳng tôi mới được gặp con trai.”

Miễn cưỡng rời mắt khỏi khuôn mặt Henry, Drew chậm rãi quay về phía Arthur. “Tôi hiểu, ông White, tôi hoàn toàn hiểu được.”

Ông ta nhận lấy đồ đạc của mình từ tay Arthur, quàng một chiếc khăn màu be quanh cái cổ dài và khoác chiếc áo ngoài thanh lịch. Xong đâu đó, ông ta lại gần Henry và nở một nụ cười thâm thúy.

“Một lời khuyên cho cậu, chàng trai. Đừng có đi đâu xa trong những ngày tới, và hãy nhớ rằng, bất cứ nơi nào ông chánh thanh tra Drew tới, ánh sáng sẽ theo đến đó. Ngày mai chúng ta sẽ gặp nhau và trò chuyện thân mật một buổi.” Dứt lời, Drew cứng nhắc cúi chào và rời đi.

Cửa chính đóng sầm lại.

“Một tay kì quặc,” Henry nói.

“Hãy đặt mình vào vị trí ông ta,” Arthur nhận xét. “Phải giải quyết một vụ án kì quái... Dù sao thì, con trai, đừng nói là con không biết gì về lí do Bob đến đây!”

Tất cả im lặng trong một lúc lâu, rồi tôi lãnh nhiệm vụ phá vỡ sự im lặng đó bằng hai câu hỏi.

“Henry, cậu có biết cha cậu đã bị tấn công một cách hung bạo vào đúng buổi tối cậu biến mất không? Và còn nữa, vài ngày sau đó tôi đã gặp cậu ở ga Oxford vào đúng thời điểm vợ chồng Latimer cũng nhìn

thấy cậu tại ga Paddington? Giờ việc này đã sáng tỏ với tôi. Nhà Latimer nhằm Bob Fan với cậu. Thôi nào Henry, hãy tự mình giải thích đi, đừng để chúng tôi mờ mịt như thế. Ông thanh tra đã đi rồi, cậu có thể giải bày!"

Henry khấn khoản nhìn chúng tôi, mắt cậu ầng ậng nước.

"Cha, James, lúc này đừng yêu cầu con, đừng gặng hỏi con bất kì điều gì. Một ngày nào đó, sớm thôi, con sẽ giải thích và mọi người sẽ hiểu. Nhưng lúc này xin mọi người đừng hỏi thêm nữa. Con cần phải suy nghĩ."

Sáng sớm hôm sau, Drew trở lại để thăm vấn Henry. Cuộc nói chuyện riêng kéo dài không lâu, và người cảnh sát tức giận cầm đầu rời khỏi ngôi nhà, sau chưa đầy mười lăm phút kể từ lúc đến.

Tôi dán mũi vào ô cửa sổ, chẳng khó khăn gì mà không hình dung được chuyện đã xảy ra. Henry hiển nhiên vẫn giữ im lặng bất chấp thái độ khó chịu gay gắt của Drew.

Ngày hôm đó trôi qua như dự kiến, cả ngôi làng sững sốt trước sự 'phục sinh' của Henry. Cho đến lúc mẹ đi mua sắm trở về, tất cả mọi người đều đã nghe chuyện. Hàng thịt, hàng bánh mì, không kể hàng tạp phẩm, đều chỉ có một từ trên môi: "Henry".

Tôi không mạo hiểm đi ra ngoài ngày hôm ấy, thay vào đó tôi nhốt mình trong phòng riêng, cố gắng sắp xếp vô vàn suy nghĩ đang huyên náo trong tâm trí rối bời của mình.

Cũng vào tối hôm đó, John và Elizabeth ghé thăm. Em gái tôi, vị thanh tra mặc váy, thử dùng vẻ thơ ngây của mình để moi móc các bí mật đen tối của tôi. Việc đó chẳng mang lại thành quả gì, mặc dù em đã được nghe mọi điều tôi biết. John, cũng như cha mẹ tôi, tỏ ra lo lắng và hầu như không nói gì. Qua khuôn mặt mọi người, có thể thấy rõ niềm vui vì Henry còn sống. Riêng chuyện đó thôi đã là tin tốt, nhưng tất cả chúng tôi đều đang đề phòng chờ đợi những diễn biến tiếp theo. Một cảm giác kịch tính không thể tránh được tràn ngập trong không khí. Và, thực tế, sự chết chóc - kì lạ và không thể giải

thích được - lại sắp sửa ập đến ngôi làng của chúng tôi.

Kể từ khi Henry trở lại, thanh tra Drew chưa từng rời khỏi khu này. Ông ta lang thang khắp nơi, gõ cửa từng nhà, chất vấn từng người một. Khỏi phải nói, cha mẹ và tôi là những người đầu tiên đón tiếp những chuyến viếng thăm ấy. Ông ta thẩm vấn chúng tôi rất lâu về Henry, về tuổi thơ, sở thích và con người cậu ta. Tóm lại, Nhà tâm lý học đã vào cuộc.

Báo chí tiếp tục hành động với sự cẩn trọng hợp lý. Thịnh thoảng cũng có những bài báo nhắc đến sai sót trong việc nhận dạng thi thể, nhưng không nằm trên tiêu đề trang nhất như chúng tôi tưởng. Không có gì về vụ sát hại trong căn phòng khóa kín, hay sự tái xuất đầy bí ẩn của con trai một nhà văn nổi tiếng. Tôi ngờ rằng Arthur có nhiều ảnh hưởng hơn tôi vẫn nghĩ.

Tôi đến gặp Henry vào tối hôm sau. Cậu ta tâm sự hàng giờ liền về nước Mỹ, về những buổi lưu diễn đã dàn dựng cùng với Bob Farr bản sao của mình, và về sự giống nhau không thể tin nổi giữa họ đã đánh lừa đám đông một cách ngoạn mục. Tôi hỏi cậu về kế hoạch sau này. “Tôi không biết, James,” cậu trả lời. “Tôi phải suy nghĩ kĩ đã. Chỉ là ngay bây giờ thì tôi chưa biết.” Rồi khi tôi nêu ra chủ đề cấm kị về cái chết của Bob thì, “Để sau, James, để sau đi. Để tôi suy nghĩ đã.”

Và rồi đến buổi tối nổi tiếng đó, buổi tối mà tôi hay bất cứ ai có mặt đều không bao giờ quên được, đặc biệt là ông chánh thanh tra Drew. Gần một tuần đã trôi qua từ khi Henry trở về. Thế theo đề nghị của Drew, Arthur đã tập hợp tất cả những người có liên quan đến vụ việc tại nhà ông vào buổi tối cuối tháng Mười Một lạnh lẽo ấy. Ngọn lửa cháy lèo xèo trong lò sưởi gần như chẳng ảnh hưởng là bao tới không khí băng giá của căn phòng. Hơn nữa, việc Drew dẫn tới hai sĩ quan cảnh sát chẳng khác nào xô nước lạnh giội vào chúng tôi, đặc biệt là khi họ đứng gác ngay cửa phòng khách, với mục đích lộ liễu là chặn lối ra.

Vợ chồng Latimer ngồi trên trường kỉ. Alice, mặt tái nhợt, ngồi rúc

vào người chồng trông cũng không được thoải mái là mấy. Ngồi bên phải họ, John và Elizabeth đang run lên vì mong chờ. Arthur và Victor đã yên vị trên ghế bành còn Henry và tôi chiếm hai ghế hai bên lò sưởi. Với bờ vai rộng và eo thon, bạn tôi trông lịch lãm trong bộ com lê nhung màu ghi, nơ bướm và áo sơ-mi xanh. Nhưng cậu ta lại chống khuỷu tay lên hai đầu gối, chăm chăm nhìn xuống sàn nhà, và điên cuồng xoay tròn hai ngón cái.

Thanh tra Drew, tay đặt sau lưng, đứng đối mặt với lò sưởi. Ông ta đột nhiên quay lại, với giọng sang sảng, ông tuyên bố giật gân.

“Thưa quý ông và quý bà, điều bí ẩn xung quanh cái chết của Bob Farr sẽ được làm rõ vào tối nay. Hơn thế nữa, kẻ thủ ác cũng đang có mặt trong phòng vào lúc này!”

Một cơn run mình sợ hãi quét qua căn phòng nhưng không ai lên tiếng. Drew bình tĩnh châm một điếu thuốc, rít vài lần, và tiếp tục.

“Kể từ giờ phút này, tôi yêu cầu mọi người không ngắt lời. Những gì tôi nói tiếp theo đây thoát đầu có vẻ không liên quan gì đến vụ án. Tôi nói ‘thoạt đầu’ bởi vì sau đó mọi người sẽ hiểu. Vì thế, tôi lặp lại lần nữa, ngay cả khi những gì tôi nói có vẻ vô lí, xin đừng ngắt lời.”

Drew thò tay vào túi áo vét và lôi ra một quả bóng cao su rồi tiếp tục tung từ tay này sang tay kia. Một nụ cười khó tả thoáng xuất hiện trên môi ông ta. Ông ta giơ quả bóng lên cho tất cả mọi người cùng xem.

“Hãy nhìn và nói cho tôi biết quý vị thấy cái gì.”

Đó rõ ràng là một câu hỏi ngớ ngẩn mà không ai trả lời. Hải lòng với hiệu ứng mình gây ra, ông ta tiếp tục.

“Quả bóng này là vũ khí giết người! Hay đúng hơn, nó đóng vai trò quan trọng trong việc tạo ra hiệu quả ngoạn mục khi thực hiện vụ sát hại trong phòng kín. Tôi tin là mình không lầm khi nói rằng vài người ở đây vẫn nghĩ vụ giết người này do một con ma gây ra.”

Ông ta ngừng lời giây lát và cất lại quả bóng vào túi.

“Lúc này, tôi không phủ nhận sự tồn tại của linh hồn. Chỉ người nào ngu ngốc mới gạt bỏ những gì anh ta không thể giải thích được. Nhưng ở vụ án này, có một điều chắc chắn đó là chúng ta đang đối

phó với một tên sát nhân chứ không phải một con ma. Một tên sát nhân khôn ngoan, hiểm ác.”

Im lặng như tờ.

Từ trên bệ lò sưởi, Drew cầm lên một cuốn sách bìa tím mà ông ta mang theo. Vừa lật những trang sách, ông vừa khẽ nhếch môi thành một nụ cười chế nhạo, ông khua quyển sách trong không trung và xướng lên bằng giọng trang nghiêm.

“Toàn bộ câu chuyện về vụ sát hại đều nằm trong cuốn sách này! Mọi thứ đều ở đây.” Drew cầm quyển sách bằng cả hai tay và nhìn xoáy vào nó một lúc lâu. “Chỉ có kẻ mù mới không hiểu.”

“Hiện tại,” ông ta khiêm tốn bổ sung. “Không phải tự dưng mà người ta gọi tôi là Nhà tâm lý học.”

Trước vẻ sững sờ ra mặt của các khán giả, ông ta tiết lộ tiêu đề của cuốn sách, *Huyền thoại Houdini*.

“Xin phép kể cho quý vị nghe về cuộc đời của Houdini,” Drew tiếp tục, hiển nhiên rất hài lòng với bản thân. “Tôi sẽ bắt đầu với các kì tích, sau đó bàn đến vấn đề tâm lý của ông ta. Và để tôi nhắc lại một lần nữa, bất kể mọi người nghĩ gì, xin đừng ngắt lời tôi.

“Tôi tin rằng mọi người đều đã từng nghe về Harry Houdini, ‘Vua tháo còng’, ‘Nhà vượt ngục bất tử’, ‘Hoàng tử của những nghệ sĩ thoát hiểm’... Vào giai đoạn chuyển giao giữa hai thế kỉ, người đàn ông này đã quyến rũ công chúng, mê hoặc các tổng thống và làm sững sờ các vị vua. Thành công đầu tiên của ông ta là vào năm 1898, trang nhất tờ Chicago kể lại câu chuyện rằng, ‘Houdini, Vua tháo còng, đã thách thức Sở cảnh sát Chicago cùm tay ông trong hơn một giờ sau song sắt nhà tù tiểu bang.’

“Ngay lập tức, cảnh sát chấp nhận lời thách thức, và Houdini bị nhốt trong ngục dưới sự giám sát nghiêm ngặt. Vô số phóng viên tụ tập trong văn phòng giám đốc nhà tù ngóng chờ sự kiện này. Họ không phải đợi lâu vì chỉ vài phút sau, Houdini đã bước vào phòng, thoát khỏi mọi gông cùm. Sự ngạc nhiên không kéo dài lâu vì một phóng viên đã quy kết Houdini cất giấu một bộ dụng cụ cạy khóa trên người. Houdini liền tình nguyện lặp lại thử nghiệm, lần này trước tiên

ông tự nguyện trải qua một cuộc khám xét kỹ càng. Một bác sĩ đã tiến hành kiểm tra nhưng không tìm thấy gì cả và Houdini vào ngục một lần nữa, lần này hoàn toàn khóa thân. Quần áo của ông được đặt ở một xà lim khác, cũng bị khóa. Sự chờ đợi trong văn phòng giám đốc lần này còn ngắn hơn, và khi thấy Houdini xuất hiện trở lại trong trang phục của chính mình, các nhà báo đã hoàn toàn choáng váng.

“Hai năm sau, tức năm 1900, Houdini đặt chân đến nước Anh. Sự xuất hiện của ông đã mê hoặc khán giả Anh, đặc biệt là thách thức cuối mỗi buổi diễn. Ông sẽ để một khán giả bất kì còng tay mình lại, và đảm bảo sẽ thoát ra trong phút chốc. Sở Cảnh sát Thủ đô đã thách đố ông thoát khỏi sự giam giữ của họ - một trong những sở cảnh sát nổi tiếng nhất thế giới. Vui mừng trước cách thức truyền bá rộng rãi đó, Houdini đương nhiên chấp thuận. Nhà ảo thuật được đưa vào một hành lang, thoát tiên người ta yêu cầu ông phải ôm một chiếc cột, sau đó khóa cổ tay ông bằng một cái còng đúng tiêu chuẩn. Cảnh sát tự tin rút lui vì trốn thoát khỏi tình huống đó là điều không tưởng. Họ mới đi được vài bước thì nghe thấy Houdini nói, ‘Nếu các anh quay trở lại văn phòng, thì đợi tôi với, tôi sẽ đi cùng các anh.’ Họ quay lại, kinh ngạc hết sức khi thấy Houdini đang theo chân mình!

“Kì tích đó đã làm dấy lên một làn sóng quan tâm tới nghệ sĩ giải trí người Mỹ này. Người dân Luân Đôn tụ tập thành những đám đông hàng ngàn người để chứng kiến tận mắt người đàn ông dám thách đố sở cảnh sát quốc gia. Chuyến lưu diễn châu Âu của ông thành công tốt đẹp, các nhà hát lớn tại Berlin, Dresden, Paris và ngay cả Moscow đều chi những khoản kếp sù để mời ông trình diễn hiện tượng mới mẻ này. Đối với một người bình thường, Houdini là một thầy phù thủy, một phù thủy với những năng lực kì dị, và - nghe có vẻ rất tuyệt vời - là một thầy phù thủy gần như ngày nào cũng bị triệu tập đến một bồi thẩm đoàn để thi triển phép thuật.

“Chuyến lưu diễn châu Âu đạt đến đỉnh cao thành công tại Moscow vào năm 1903. Chắc hẳn mọi người đều đã nghe nói tới chiếc xe ngựa bọc thép chuyên chở các tù binh chính trị người Nga tới Siberia. Thân xe được bọc thép dày cả sáu mặt, và do bốn con ngựa

kéo. Nhà tù di động này chỉ có một cửa sổ tí hon và một cửa chính lắp khóa bên ngoài. Hơn nữa, một khi cửa đã khóa lại, thì chỉ có chiếc chìa khóa mà cảnh sát ở đích đến đang giữ mới có thể mở ra được. Thoạt nhìn, việc một người trốn thoát trong hoàn cảnh đó tưởng như là bất khả, nhưng Houdini đã lật đổ thử thách. Sau quá trình kiểm tra gắt gao và kĩ lưỡng nhất của người giám sát, Houdini được đưa vào chiếc xe bọc thép đi đến Siberia. Chưa đầy một giờ, ông đã đào thoát thành công.

“Rồi Houdini trở về châu Mỹ, ông xuất hiện ở mọi thành phố lớn trên đất Mỹ. Ở mỗi nơi, lực lượng cảnh sát địa phương đều nhận được thiệp thăm viếng với nỗi e sợ. Ông thành công ở bất cứ thử thách nào, nhất là ở Washington, nơi ông đã giải phóng toàn bộ tù nhân khỏi ngục trong khoảng thời gian kỉ lục.

“Nhưng người bạn của chúng ta không chỉ dừng lại đó. Ông ta lặn xuống những dòng sông băng với xiềng xích trên tay và chân, hay với hơn ba mươi sáu cân trọng lượng buộc dưới cổ chân! Ông có thể thoát khỏi một chiếc áo trói thân chỉ trong vài phút ngay cả khi bị treo ngược lơ lửng trên một tòa nhà mười tầng! Ông ta đã bị khóa kín trong một quan tài chôn sâu gần hai mét dưới đất! Ông đã thoát khỏi những căn phòng bọc sắt! Trên thực tế không gì có thể cản ông lại: còng tay, xiềng xích, áo trói thân, dây thừng, xà lim, quan tài, rương khóa móc, phòng bọc sắt, túi đựng thư niêm phong bằng sáp, vân vân và vân vân; ông ta luôn trốn thoát được! Chưa hết. Ông ta đã làm biến mất một con voi, và đi xuyên qua một bức tường gạch!

“Người đàn ông nắm giữ cả thế giới trong lòng bàn tay này chết vào tháng Mười năm 1926 vì một tai nạn ngớ ngẩn. Theo đề nghị của ông, một khán giả đã dẫm vào bụng ông và...”

“Thanh tra Drew,” Arthur kiên quyết cắt ngang. “Tất cả chúng tôi đều biết về Houdini. Câu chuyện về người đàn ông này quả thật rất hấp dẫn, nhưng ông có thực sự tin rằng giờ là lúc thích hợp để kể không?”

Drew thoáng cười.

“Câu chuyện về Houdini liên quan trực tiếp tới cái chết của Bob

Farr. Tôi phải thừa nhận mình đang đi hơi xa vào những kỳ tích của ông ta, nhưng bây giờ chúng ta sẽ nói đến trọng tâm vấn đề: tâm lý của Harry Houdini. Một lần nữa, tôi phải yêu cầu mọi người đừng ngắt lời và lắng nghe thật chăm chú những điều tiếp theo đây vì chúng chứa đựng lời giải thích cho bí ẩn này.”

Các thính giả sững sờ trong yên lặng, sợ hãi trước những lời giật gân đó. Nhưng một lát, Drew tiếp tục.

“Harry Houdini, chắc mọi người đã biết, là một nghệ danh. Tên thật của ông ta là Ehrich Weiss. Ông sinh vào ngày 6 tháng Tư năm 1874, nhưng không rõ nơi sinh mặc dù người ta đồn rằng ông ta sinh ra tại Budapest. Từ nhỏ, ông đã mua vui cho bạn bè bằng những trò tiểu xảo, và nghe đồn cuộc đào thoát đầu tiên của ông ta là ra khỏi cái tủ bếp của bà mẹ. Từ khoảng bảy tuổi, ông đã thường xuyên lui tới các rạp xiếc, và năm mười bốn tuổi thì đã sáng tạo ra tiết mục ảo thuật của riêng mình và diễn cùng một người bạn. Houdini không phải một nghệ sĩ lớn. Chỉ có luyện tập thể dục chăm chỉ, tình yêu nghề, ý chí sắt đá và tham vọng cháy bỏng mới đưa ông tới thành công.

“Phải, tham vọng của người đàn ông này là không giới hạn, thấy rõ qua sự nghiệp chói lọi của ông. Khát vọng tỏa sáng và không ngừng đem lại bất ngờ cho công chúng của ông đã buộc chúng ta phải coi Houdini như một cá nhân có tâm lý giản đơn, hoàn toàn bị chi phối bởi bản chất hiếu kì. Từng giây từng phút, ông ta mạo hiểm mạng sống, vượt lên giới hạn của bản thân mỗi lần biểu diễn để không làm công chúng thất vọng, và không bao giờ vắng mặt lâu khỏi trang nhất báo chí. Tất cả đều nhắc chúng ta nhớ đến một đứa trẻ ngỗ ngược. Ông ta có thái độ hiếu kì trước phái nữ. Nhút nhát và ghen tuông một cách thái quá mà không cần lí do đối với vợ, ngưỡng mộ quá mức đối với mẹ.

“Năm 1916, Houdini và vợ có mặt trên một chuyến tàu thủy chạy bằng hơi nước hướng về phía châu Âu. Một tối nọ, ngay giữa chuyến hành trình, ông đột nhiên tỉnh dậy trong cabin của mình, và nằm thõn thốc trên giường do bị một nỗi đau buồn lớn lao xâm chiếm. Về sau ông ta mới biết rằng, vào đúng thời khắc đó, mẹ ông đã mất vì trụ

tim.”

Tôi giật mình. Cái chết của mẹ Henry bỗng xuất hiện trong đầu. Henry đã có linh cảm tương tự về cái chết của bà. Nhưng Drew không thể biết được vì đó là bí mật giữa Henry và tôi. Tôi bắt đầu nắm được ngụ ý của viên thanh tra, đó là vạch ra sự giống nhau giữa cuộc đời Houdini và Henry.

Nhưng với mục đích gì? Tôi liếc trộm bạn mình: Henry không còn nhìn xuống nữa, mà đang chăm chăm nhìn ông thanh tra như thể nuốt từng lời từng chữ của ông ta.

“Houdini yêu mẹ mình.” Drew nói tiếp. “Ông ta sùng bái bà, yêu thương bà, vây bọc bà bằng quà cáp. Cái chết của bà là cơn khủng hoảng đối với ông, ông ta đắm mình trong nước mắt và rơi vào một cơn tuyệt vọng không gì có thể xoa dịu. Như lẽ tự nhiên, ông ta không còn xuất hiện trên sân khấu. Thậm chí còn chuyển sang tìm kiếm sự khuây khỏa ở một niềm tin lạ lẫm với chính mình: duy tâm. Ông ta thử nghiệm ở lĩnh vực này với nỗ lực gặp lại người mẹ đã khuất, nhưng những cuộc ‘gọi hồn’ luôn thất bại, và nỗi tuyệt vọng biến thành cơn thịnh nộ. Ông ta quyết định nhấn tâm trả thù những nhà ngoại cảm đã làm ông thất vọng và phũ phàng vạch trần những thủ thuật của họ. Rất nhiều người tự xưng là có ‘năng lực’ đã bị Houdini hủy hoại bằng quyết tâm vạch mặt họ một cách tàn nhẫn.”

“Dầu vậy, chúng ta không thực sự biết suy nghĩ thầm kín của Houdini về thế giới tâm linh. Một số người nói rằng sâu thẳm bên trong, Houdini quả thật tin vào các hiện tượng siêu nhiên. Trên thực tế, trong lúc hấp hối, ông ta đã để lại cho người vợ thân yêu một lời nhắn về cách liên hệ với ông ở thế giới bên kia. Bess Houdini mất năm 1943, và chúng ta sẽ không bao giờ biết liệu Houdini có thành công trong việc vượt qua những rào cản không thể phá vỡ đó hay không.”

Kết thúc bài diễn thuyết của mình, Drew gấp sách lại và nhìn khán giả với ánh mắt hài lòng.

“Quý vị vẫn chưa nhận ra sao?” ông ta hỏi.

Arthur đứng dậy khỏi chiếc ghế bành và trả lời, “Nhận ra cái gì? Có những tương đồng nhất định về tính cách giữa con trai tôi và

Houdini, tôi công nhận, nhưng thế thì sao?

Ông thanh tra, tôi e rằng cái hư danh Nhà tâm lí học đã ám vào đầu ông và khiến cho ông ảo tưởng về những dữ kiện không có thật.”

Drew đáp lại bằng một nụ cười, ông ta bước vài bước tới lò sưởi rồi dừng lại nhìn cả nhóm.

“Những tương đồng nhất định về tính cách,” ông ta khế nói. “Tôi đã dành nguyên ba ngày để thăm dò tất cả những gì liên quan đến Henry, bạn bè, và gia đình cậu ta. Chúng tôi đã đàm đạo về tuổi thơ, sở thích, và tính cách cậu ta. Tôi đã biết được rất nhiều điều trong ba ngày đó.” Nụ cười của ông ta biến mất, giọng nói run lên. “Tôi có thể nói một cách chắc chắn rằng những điều tôi biết về Henry không ít hơn bất cứ ai trong quý vị. Nhưng thế cũng không có gì đặc biệt, là công việc của tôi mà. Nghiên cứu về tâm lí, đó là tất cả những gì tôi làm.

“Bởi vậy, tôi sẽ cùng quý vị xem xét tỉ mỉ về ‘những tương đồng nhất định’ giữa Henry và Harry Houdini. Bọn họ đều bị sinh non. Không có gì bất thường quá ở đây, hãy để tôi tiếp tục. Từ nhỏ, bọn họ đều mua vui cho bạn bè bằng những trò tiểu xảo, họ đều trở thành chuyên gia cạy khóa, đều bị rập xiếc mê hoặc. Hai đứa trẻ đó chỉ có một khao khát duy nhất: làm cho người khác kinh ngạc và sửng sốt, trở thành trung tâm của sự chú ý. Giờ quý vị đã hiểu chưa? Quý vị đã thấy rõ được tính tự phụ cực độ, lòng kiêu hãnh vô hạn của họ chưa?”

Tôi chực nói, nhưng Arthur White đã át đi.

“Ông thanh tra, ông cường điệu quá, thổi phồng quá mức rồi. Những điều ông nói đều đúng với mọi nghệ sĩ, ở một mức độ nào đó,” ông nhăn nhó bổ sung.

Lời nhận xét của Arthur chính xác đến nỗi làm Drew khó chịu. Ông ta xoay người, cầm cuốn sách lên, rút ra một bức ảnh kẹp bên trong. Ông ta lật thẳng vẩy bức ảnh và tuyên bố.

“Hãy nhìn xem, đây là bức ảnh của Harry Houdini. Nó không gọi quý vị nhớ đến ai trong phòng ư?”

Nét tương đồng với Henry thật đáng kinh ngạc: khuôn mặt to rộng, tóc chải ngôi giữa, cùng một ánh nhìn, cùng một dáng người chắc

nịch. Nhưng hẳn phải có hàng nghìn người như thế trên thế giới.

Henry, nghe không sót một từ nào trong cuộc độc thoại của ông thanh tra, nhìn không chớp mắt vào bức ảnh, hoàn toàn bị thôi miên. Ngoài cậu ta ra, không ai có vẻ đặc biệt hứng thú xem bức ảnh.

Đột nhiên Arthur bắt đầu cười lớn, tràng cười có chủ ý này ngay lập tức làm gián đoạn câu chuyện.

“Quá lắm rồi, ông thanh tra. Nếu đây là một trò đùa thì nó quá dở. Tôi thật ngạc nhiên khi một người với thanh danh như ông lại có thể hạ mình tới độ...”

“Ông White,” Drew ngắt lời ông, mắt rùng rục. Ông ta nói tiếp, giọng nhẹ nhàng hơn cùng điệu cười khinh khỉnh. “Ông White, hay tôi nên gọi là ông Weiss?”

Arthur rụt lại, khuôn mặt bất chợt phờ phạc đi trong khi lắp bắp, “Nhưng, nhưng làm thế nào ông...?”

“Làm công việc của mình thôi. Tôi đã tiến hành điều tra toàn diện về tất cả những người có liên quan chặt chẽ đến vụ án. Và kết quả là, tôi đã phát hiện ra ông là một người gốc Hungary, sinh ra tại Budapest và mang họ thật là Weiss. Cái họ Weiss mà ông đã chuyển thành White khi ông đến nước Anh năm 21 tuổi. Đúng vậy không?”

Tiếng lầm bầm của Arthur gần như không thể nghe thấy. “Phải.”

“Chúng tôi đã cố đào sâu hơn nhưng không thành công. Ông mò côi cha mẹ, đó là tất cả những gì chúng tôi có thể tìm được. Để tôi nhắc lại với ông rằng họ thật của Houdini là Weiss, và hình như ông ta cũng được sinh ra ở Budapest.”

“Thanh tra,” Arthur nói, giờ đã bị khuất phục, giọng ông run rẩy. “Weiss là một họ phổ biến. Việc tôi mò côi và không biết cha mẹ hay bất cứ ai trong gia đình không chứng minh được điều gì. Nhưng thực ra ông muốn phô bày cái gì, vì Chúa? Rằng trong người Henry đang chảy dòng máu của Houdini? Rồi sao? Ngay cả khi đó là sự thật, tôi không hiểu tại sao việc đó lại khiến ông quan tâm.”

“Tôi sắp giải thích đây,” Drew bình tĩnh nói. “Không có gì hệ trọng cho dù Henry có liên hệ với Houdini hay thực ra anh ta chính là nhà ảo thuật đầu thai.”

“Đầu thai?” Arthur giận dữ. “Con trai tôi, đầu thai? Ông thanh tra, lần này ông đã đi quá xa rồi.”

“Cha,” Henry ngắt lời. “Xin cha, chúng ta hãy nghe xem ông thanh tra nói gì.” I

Drew nhìn xoáy vào Henry trước khi tiếp tục.

“Chàng trai trẻ, giờ chúng ta có thể đi đến điểm chính. Cậu sùng bái mẹ mình, giống như Houdini. Không phải một mối quan hệ mẹ con bình thường, mà méo mó đến mức cậu rơi vào một hố sâu không đáy của nỗi khổ đau khi biết sự ra đi của bà. Giống hệt như Houdini. Khóc lóc tuyệt vọng, ngập chìm trong lệ sầu không gì ngăn lại được. Mọi người sợ cậu sẽ tự sát. Đừng cố phủ nhận, chàng trai, tôi nắm rất rõ thông tin. Mức độ đau đớn của cậu, như mọi người trong làng đều biết, hoàn toàn bất hợp lý, cũng hệt như khi cậu làm một đứa con sùng kính tận tụy quá mức.

“Giờ chúng ta hãy quay lại ba năm về trước và điểm lại các sự kiện theo tuần tự thời gian. Đầu tháng Chín năm 1948, một vụ tai nạn ô tô bi thảm đã cướp đi mạng sống của bà White. Henry, như chúng ta thấy, không thể nguôi ngoai được. Một vài tuần sau đó, người ta đồn rằng Henry và cha cậu thường xuyên cãi cọ. Trên thực tế, đó không chỉ là lời đồn thổi, mà là sự thật. Những cuộc tranh cãi trở nên dữ dội và thường xuyên hơn nhưng kì lạ thay, dường như không ai biết lí do là gì. Sau đó, cuối tháng Mười một năm đó, ông White đã bị tấn công. Tôi nói ‘tấn công’, nhưng thực ra là ‘mưu toan sát hại’ vì ông White sống sót là một điều kì diệu. Ai đó đã cố hết sức hòng sát hại ông. Rồi, hoàn toàn trùng hợp, Henry biến mất.”

Drew lướt mắt nhìn xung quanh và nói tiếp với giọng gay gắt.

“Các vị vẫn chưa nhận ra?”

Căn phòng lặng thinh.

“Tốt lắm. Tốt lắm, tôi sẽ nói cụ thể cho mọi người rõ. Henry không chấp nhận cái chết của mẹ. Cậu ta phản ứng.

“Một tuần sau đó, hai người họ rời khỏi đất nước. Họ thu xếp gặp nhau tại ga Paddington. Như thể định mệnh sắp đặt, họ bị bắt gặp vào cùng một thời điểm, một người ở ga Oxford bắt tàu tới Luân Đôn,

còn người kia đang đợi anh ta ở đó, vì trông giống nhau y như đúc nên người ta thậm chí tin rằng Henry có thể phân thân! Còn chuyện ông White khai rằng đã thấy bóng người vác một cái xác trên vai đi vào rừng ngay trước khi bị hành hung, lẽ dĩ nhiên là ông ta đã tự vẽ lên câu chuyện phi lí đó chỉ đơn giản là để che giấu cho con trai mình. Bằng chứng là trên thực tế, chưa bao giờ tìm thấy bất cứ thi thể nào trong khu rừng.

“Ai đó phải là người có lỗi trong chuyện này. Cha cậu ta không điều khiển được tay lái nên phải chịu trách nhiệm trực tiếp trước cái chết của người mẹ yêu quý của cậu ta. Là người có tội, ông ta phải chết. Tội ác không thể không bị trừng phạt. Trong một lần cãi vã nảy lửa mà Henry không ngừng kết tội cha mình về cái chết của mẹ, cậu ta đã đánh nứ sọ ông bằng một thanh sắt. Nghĩ rằng ông đã chết, cậu ta bỏ trốn và ẩn náu chỗ người bạn Bob Farr của mình rồi thành công trong việc thuyết phục anh ta rời Anh đến Mỹ.”

Hai chân giạng ra, tay chống nạnh, Drew nhìn chúng tôi và tự tin chờ đợi những lời bình luận. Những ngọn lửa màu cam và đỏ bập bùng sau lưng ông, biến dáng hình nhìn nghiêng gầy gò của ông thành cái bóng và làm nổi bật lên vẻ mĩa mai trên khuôn mặt.

Victor ngồi ngậy ra. Elizabeth núp trong vòng tay John. Alice, sống sờ vì sợ hãi, cấu chặt vào cánh tay chồng. Anh chồng trông cũng kinh sợ không khác gì cô vợ. Arthur White, ngồi lún sâu vào chiếc ghế bành, trông như một gã thất chí, cố gắng đáp lời nhưng không âm thanh nào thoát ra khỏi đôi môi đang mấp máy của ông.

Tôi cho rằng Henry sẽ lao vào ông thanh tra, nhưng cậu ta không động đậy. Người bạn của tôi vẫn giữ bình tĩnh, với khuôn mặt hoàn toàn không chút cảm xúc, cậu ta lần đầu tiên mở lời.

“Suy luận của ông rất xuất sắc, ông thanh tra. Tuy nhiên cho phép tôi chỉ ra một điều, Bob Farr là người Mỹ, thời điểm đó vẫn đang sống ở quê nhà. Tôi cho rằng chẳng khó khăn gì mà không kiểm chứng được việc này, và tôi phải nói rằng tôi rất ngạc nhiên khi ông chưa làm vậy.”

Drew, rõ ràng bị chọc tức trước lời nhận xét, tái mặt trả lời.

“Làm thế nào mà cậu lại bị bắt gặp cả ở Oxford và Luân Đôn chính xác cùng một thời điểm chứ? Cậu giải thích đi, mẹ kiếp.”

Henry đáp lại, mắt nhìn xuống.

“Tôi không phải cảnh sát, và tôi không có gì phải giải thích cả.”

Drew rít qua kẽ răng, cổ gằn một nụ cười dữ tợn.

“Đó chính là điều khiến tôi nghi ngờ, chàng trai ạ. Cậu đang dối trá. Chúng ta hãy tiếp tục nói về vụ sát hại Bob Farr. Vì tính chất bất thường của những sự kiện xung quanh vụ án, cậu là người duy nhất khả nghi. Còn ai ngoài cậu có thể nghĩ ra và thực hiện một vụ sát hại như vậy?

“Cậu đã lưu diễn qua các thị trấn nước Mỹ cùng bạn mình.

“Nhân đây tôi xin lưu ý là những trò ảo thuật của cậu không cùng một đẳng cấp với Houdini, vì cậu cần một người giống hệt mình.”

Một cơn rùng mình rõ rệt chạy qua cơ thể Henry. Việc bị kết tội giết người chỉ khiến cậu dừng dừng, nhưng việc phỉ báng trình độ ảo thuật đã châm chích vào tận tủy cậu.

“Đến một thời điểm nhất định, cậu hay tin cha mình vẫn còn sống,” Drew tiếp tục nói một cách cay độc. “Vì thế cậu nhận ra mình phải ra tay một lần nữa. Cậu nghĩ tới nghĩ lui và quyết định trở về Anh cùng Bob Farr. Tôi không biết chi tiết kế hoạch ban đầu của cậu, nhưng tôi biết ý đại khái âm mưu của cậu.” Ông ta dừng lại và chỉ một ngón tay vào Henry, danh thép tổ cáo.

“Cậu muốn cha cậu phải gánh tội giết hại chính con trai mình! Vì thế... Phần một: giết Bob Farr, người mà ai cũng nhận nhầm là cậu. Thật tình cờ, tất cả mọi người đều nhầm lẫn, ngoại trừ ông White. Phần hai: sắp đặt vụ án nhằm đổ lỗi lên cha cậu. Nhưng mọi chuyện không diễn ra theo kế hoạch.

“Tôi không biết cậu đã bịa ra lý do gì để thuyết phục người bạn đi theo mình, dù sao thì việc đó cũng không đáng để quan tâm. Một hoặc hai ngày trước vụ sát hại, hai người các cậu leo lên tường nhà Darnley nhờ sự che đậy của bóng đêm - việc đó chỉ là trò trẻ con với hai nhà nhào lộn bậc thầy - và cậu dựng trại trên gác xép để chuẩn bị cho âm mưu của mình. Không ai nghi ngờ rằng cậu đã trở lại. Vì thế

cậu dành thời gian trốn sau cửa để nghe trộm, theo dõi mọi hoạt động đến và đi, rồi tình cờ nghe được một cuộc hội thoại hàm chứa rất nhiều thông tin. Ông Darnley, vợ chồng Latimer và cha cậu chuẩn bị thực hiện một cuộc thử nghiệm gọi hồn trong căn phòng ma ám. Một cơ hội bất ngờ! Anh Latimer sẽ bị nhốt trong một căn phòng được niêm phong, cứ nửa giờ một lần cha cậu lại lên kiểm tra xem mọi việc có ổn không. Ngay lập tức cậu nhận ra có thể lợi dụng tình huống này. Một ý tưởng xảo quyệt hình thành trong óc cậu. Tổng khứ Patrick Latimer, giết Bob, để thi thể cậu ta trong phòng kín. Khi cha cậu trở lại, gõ cửa và không thấy đáp trả, ông nhất định sẽ muốn biết liệu có điều gì bất trắc xảy ra không. Khi ông mở cửa, dấu niêm phong sẽ bị phá và ông ta sẽ thấy mình đơn độc trong căn phòng cùng xác chết của con trai! Ông ta chắc chắn sẽ bị bắt giữ vì tội sát nhân. Công lí sẽ được thực thi.

“Chúng ta đã nói quá nhiều về chiến lược, giờ đến chiến thuật. Cậu phải nhanh chóng tìm ra một giải pháp. Cậu đã tìm được, nhưng một chi tiết nhỏ bỗng phá hoại toàn bộ kế hoạch. Khi gõ cửa mà không thấy phản hồi, ông White không cố vào phòng. Thay vào đó, ông ta đi xuống dưới để gọi những người khác. Chính vì thế, niêm phong được gỡ trước sự chứng kiến của nhiều người. Thi thể nằm đó, nhưng cha cậu không thể bị cáo buộc là kẻ sát nhân nữa. Chỉ với một sơ sẩy, cái chết của Bob Farr thành ra nhuốm màu sắc siêu nhiên.

“Chúng ta hãy xem xem cậu đã thực hiện phi vụ có một không hai này như thế nào. Lúc đó là 9 giờ và mọi người đều đang ở trong phòng khách. Bản thân cậu đang ở cùng với người bạn Bob Farr trong một căn phòng áp mái, và chính lúc ấy cậu đã đâm nhát dao trí mạng vào anh ta. Cậu lén lút đi xuống tầng trệt, để thi thể lại đó.

“Khi Patrick Latimer đi tới giá treo áo khoác, cậu đánh gục, mặc áo khoác của anh ta, dựng cổ áo mũ xuống và trở lại nhập hội với những người khác còn lại một mình trong căn phòng ma ám với cánh cửa được niêm phong, cậu lấy một chiếc lọ chứa dung dịch màu đỏ, dốc ra bôi lên áo khoác, sau đó gắn một con dao giả vào. Đừng quên cậu là một nhà ảo thuật chuyên nghiệp và những phụ kiện này có sẵn trong

túi đồ nghề của cậu. Rồi cậu nằm xuống, hai cánh tay bắt chéo dưới người và một tay thò hẳn ra ngoài - điều này cực kì quan trọng. Rồi cậu chờ đợi.

“Tôi có thể dễ dàng hình dung cậu trong trạng thái cảnh giác, chờ đợi tiếng bước chân của cha mình trên cầu thang, gõ cửa lần thứ nhất, im lặng trong chốc lát, rồi tiếng bước chân xa dần. Sau đó, rất nhiều tiếng bước chân khác vang lên và cánh cửa mở ra. Cậu ở đó, nằm trên sàn, con dao dao cựa trên lưng, giả chết. Thi thể thực sự thì nằm ở căn phòng bên cạnh, thi thể của bạn cậu, Bob.”

Drew dừng lại, lấy trong túi áo ra một quả bóng cao su nhỏ. Ông ta tự mãn nhìn quả bóng rồi trưng ra cho những người có mặt xem, và nhún mạnh.

“Từ lúc này, một quả bóng nhỏ xuất hiện trong câu chuyện. Nhưng trước hết, cần có vài lời giải thích,” ông nói bằng giọng châm chọc hằn thù, một lần nữa cầm cuốn sách lên vỗ vỗ nó và tiếp tục. “Như tôi đã rào đón trước với quý vị, toàn bộ lời giải thích cho vụ sát hại đều nằm trong cuốn sách này.”

Drew lướt ngón cái qua vài trang, khi thấy chỗ cần tìm, ông bắt đầu đọc.

“Một số tu sĩ Hindu bắt đầu buổi diễn bằng việc phô diễn những năng lực siêu việt của mình: dùng tinh thần kiểm soát mạch đập. Một người tình nguyện sẽ bắt mạch của tu sĩ và chứng thực rằng mạch sẽ ngừng đập trong chốc lát theo chủ ý của hắn ta. Hiện tượng này đã gây chấn động cho đến một ngày, khi có mặt một trong những tên bịp bợm đó, Houdini đề xuất rằng nếu việc kiểm soát mạch đập dễ dàng như vậy, tại sao không thực hiện những buổi biểu diễn còn thú vị hơn bằng cách điều chỉnh nhịp mạch nhanh chậm theo ý muốn. Không có khả năng đáp trả thách thức này (hiển nhiên rồi), tên thầy tu rởm đã xấu hổ rút lui, và kể từ giờ phút đó, trò điều khiển mạch biến mất khỏi biển quảng cáo của các nhà hát. Sau đó mọi người đều biết rằng bất cứ ai cũng có thể hãm mạch đập trong chốc lát bằng cách vô cùng đơn giản là kẹp một quả bóng cao su nhỏ dưới nách để tạo ra sức ép khiến cho máu ngừng chảy qua động mạch quay trong vài giây.”*

Sắc mặt Drew trở nên âm trầm. Ông thả giọng chậm lại cho lời nói

thêm sức nặng.

“Tôi tin giờ thì tất cả các vị có thể đoán được những việc đã xảy ra. Làm thế nào để xác minh được người đàn ông nằm trên sàn thực sự đã chết? Ông White đã bắt mạch và xác nhận tim ngừng đập nhưng giờ chúng ta đã biết lí do. Cái gọi là xác chết đã giấu một quả bóng cao su dưới nách. Một quả bóng cao su đơn thuần.

“Những gì xảy ra tiếp theo đã quá rõ ràng. Như những chú cừu hoảng sợ, các nhân chứng đều vội vã xuống phòng khách để báo cảnh sát. Không ai nghĩ tới việc lục soát các phòng khác hay để lại một người canh chừng thi thể. Không còn ai ở hiện trường. Kẻ sát nhân đứng dậy, đi sang phòng bên cạnh, kéo thi thể Bob Farr tới vị trí mà chính hắn ta vừa rời đi. Có thể nói trò chơi đã kết thúc.”

Hài lòng với lời giảng giải mà ông hẳn nhiên tự cho là bậc thầy, Drew chăm chú nhìn lần lượt từng người trong phòng và trông đợi phản ứng. Cuối cùng, ông ra hiệu cho người của mình rời cửa - vị trí họ vẫn đứng từ đầu cuộc họp mặt tới giờ - để tiến vào giữa phòng. Ông quay về phía Henry.

“Chàng trai, tôi chân thành khuyên cậu hãy thú tội vì lợi ích của bản thân. Tôi không thể hứa với cậu điều gì nhưng bởi thẩm đoàn chắc chắn sẽ xem xét...”

“Ông thanh tra!” Arthur dùng dưng bật dậy khỏi ghế. “Ông mất trí rồi sao? Ý kiến của ông không những quái đản, mà còn dựa vào những lập luận sai lầm. Người đàn ông mà tôi bắt mạch thực sự đã chết. Cổ tay hắn lạnh ngắt. Tôi hành nghề y khá nhiều năm và đủ sức phân biệt được một người chết và một người sống. Về phần tâm-lí-học của ông, ông thanh tra, tôi có thể thề rằng tôi sẽ đưa vấn đề này lên cơ quan có thẩm quyền thích đáng. Rồi ông sẽ thấy. Những lời cáo buộc của ông là sự sỉ nhục đối với gia đình tôi. Tôi buộc phải mời ông đi ngay cho.” Bằng một cử chỉ độc đoán, ông trở tay về phía cửa.

“Cha,” Henry xen vào. “Đừng nóng nảy. Người này chỉ đang làm đúng chức trách của ông ta mà thôi.”

Giờ thì đến Drew sững sốt, không thể tin vào tai mình. Ông ta hoài nghi nhìn Henry. Đối tượng mà ông ta vừa cáo buộc một tội danh ghê

tổm giờ lại biện hộ cho ông.

“Thanh tra,” Henry bình tình tiếp tục. “Bài thuyết giảng của ông rất xuất sắc, tôi phải công nhận điều đó. Dĩ nhiên là tôi biết trò tiểu xảo với quả bóng cao su. Tôi từng nảy ra ý tưởng giỡn thử trò đó với James.” Henry tinh quái nháy mắt với tôi. “Ông thanh tra, giả thuyết của ông rất tài trí và có nhiều điểm độc đáo.”

Nhìn thẳng vào mắt Drew, cậu nghiêm túc nói, “Tôi thấy ông vẫn xem tôi là người phải chịu trách nhiệm trước cái chết của Bob Farr, ông sai rồi. Bob là một người bạn tuyệt vời. Tôi không bao giờ có ý định muốn hãm hại anh ta. Thêm nữa, thời điểm anh ta bị sát hại, tôi đang ở Mỹ tham dự một sự kiện kinh doanh giải trí. Có rất nhiều người tham dự mà cả tôi và Bob đều biết rõ, cùng những người phân biệt được hai chúng tôi. Tôi sẽ cho ông thông tin chi tiết của họ, chắc chắn ông sẽ tự kiểm chứng được rằng khoảng hai mươi người có thể xác nhận sự hiện diện của tôi tối hôm đó. Hơn nữa ngay ngày hôm sau, tôi đã gặp ông...”

“Tốt lắm, chàng trai,” Drew cắt ngang khi đã trấn tĩnh lại.

Không còn chắc chắn về tình thế mình đang lâm vào và để cố gắng vớt vát thể diện, Drew nhanh chóng cúi chào miễn cưỡng đi ra khỏi phòng. Hai cảnh sát theo chân ông ta phải khó khăn lắm mới giữ được tinh thần kiên định truyền thống của người Anh. Tuy thế, nổi uất ức rõ ràng mà viên chánh thanh tra phải chịu cũng chẳng thấm tháp gì so với sự khó chịu ông ta gây ra cho chúng tôi bởi thái độ ngạo mạn và kiêu nhả quá quắt lúc này.

Ba ngày trước, thanh tra Drew trở lại gặp nhà White và hạ mình đưa ra lời xin lỗi.

Henry đã được minh oan khỏi mọi ngờ vực. Vài nhân chứng đáng tin cậy đã xác nhận bằng chứng ngoại phạm của cậu ta. Vào sáng ngày thứ ba sau vụ án, cậu ta vẫn chưa hề rời nước Mỹ. Trong số các hành khách trên chuyến bay đưa Henry về Anh, rất nhiều người còn nhớ trò ảo thuật hấp dẫn bằng những quân bài mà cậu ta đã dùng để mua vui cho họ. Bob Farr cũng được xác minh là không ở Anh vào thời điểm mà chúng tôi đồng thời trông thấy Henry ở ga Oxford và Luân Đôn. Khi đó, anh ta đang nằm trên giường bệnh ở Washington D.C vì ngày hôm trước vừa trải qua một ca mổ ruột thừa.

Vẫn như trước, không thể nào lí giải được bí ẩn. Bob Farr là một anh chàng tử tế, khiêm tốn, dễ chịu, không gia đình và tiền cũng chẳng có là bao. Không có một lời giải thích thỏa đáng nào cho việc anh ta bị sát hại. Một cuộc điều tra đã khẳng định lần đầu tiên trong đời anh ta đến nước Anh là một tuần trước khi bị giết. Anh ta ở Oxford, trong một khách sạn, chừng bốn ngày, sau đó biến mất không tăm tích.

Cái chết của Bob không thực sự tác động sâu sắc tới chúng tôi, vì ngoại trừ Henry, không ai quen biết anh ta cả. Tuy vậy, nó gây ra cảm giác ảo não phiền muộn. Một số người tin rằng nhà Darnley bị ám bởi một con quỷ khát máu. Những người khác thì tin rằng có một tên cuồng sát đang lộng hành. Nỗi sợ hãi bao trùm ngôi làng. Cứ đến chập tối, mọi người đều đã yên vị trong nhà với một loại vũ khí nào đó trong tầm tay. Vợ chồng Latimer lo ngại đến mức tuyên bố ý định rời đi. Alice chỉ còn là cái bóng của cô trước đây. Một đêm, cô gần như đã bị suy nhược thần kinh nghiêm trọng, làm Patrick phải gọi cấp cứu.

Hôm đó là thứ Bảy đầu tiên của tháng Mười hai, đúng hai tuần sau cái chết của Bob Farr. Buổi tối, nhân lúc cha mẹ ra ngoài, tôi mời Henry và John đến nhà uống vài ly.

“John, như vậy là cậu đã được nửa kia đặc cách cho phép ra ngoài tối nay hả?”

John chăm chú quan sát chiếc ly của mình với một nụ cười gương.

“Tôi được phép ra ngoài cho đến 9 giờ. Nhưng đừng lo, nếu có trễ một chút, Elizabeth cũng sẽ không ra ngoài một mình để tìm tôi về đâu.”

Chúng tôi uống một chén vì sức khỏe của Elizabeth, và vì tính rộng rãi hiếm có của em.

Đồng hồ trong sảnh điểm 9 giờ 30 phút, John nhìn đồng hồ đeo tay, và nói với đôi chút châm biếm, “Tôi nghĩ không lâu nữa sẽ có điện thoại.”

Henry tự cho phép mình cười. Cái chết của người bạn chắc chắn đã ảnh hưởng đến cậu ta, nhưng vài ngày nay cậu đã ra khỏi vỏ bọc của mình, trông có vẻ thanh thản hơn.

“Cognac tuyệt quá,” John phát biểu. “Tiếc là sắp hết rồi...”

Tôi tiếp lời, “Henry, cậu không nghĩ là cậu nợ chúng tôi một lời giải thích sao?”

Rượu mạnh phát huy tác dụng và bầu không khí trở nên vô cùng thân mật. Cả ba chúng tôi đều thư giãn. John hoàn toàn thoải mái khi tách xa khỏi cô vợ sư tử. Henry gần như trở về với Henry của ngày xưa. Đã đến lúc làm rõ một số việc.

“Có phải người tôi gặp ở ga Oxford ba năm trước đúng là cậu không? Nếu thế thì người giống hệt cậu mà vợ chồng Latimer nhìn thấy ở Luân Đôn là ai? Giờ thì chúng tôi biết đó không thể là Bob Farr được.”

Tôi rót cho cậu ta chỗ cognac còn lại. Henry ngẫm nghĩ một hồi rồi nói chậm rãi, “Không lâu nữa. Không lâu nữa tôi sẽ giải thích.”

“Cậu có anh em sinh đôi không?”

“Có thể là Bob có!” John đề xuất.

Henry cười chế giễu và lắc đầu phủ nhận.

“Các cậu không biết chuyện tệ đến thế nào đâu. Tôi phải nói rằng tôi rất ngạc nhiên khi không ai tìm ra lời giải đáp cho điều bí ẩn nhỏ bé này,” cậu ta nói. “Thực ra nó khá là rõ ràng.”

Một khoảng lặng.

John châm một điếu thuốc, vẽ mặt trầm tư:

“Điều bí ẩn nhỏ bé... Điều bí ẩn nhỏ bé về tiếng bước chân, và nếu cậu còn nhớ, cả điều bí ẩn nhỏ bé về vụ cha cậu bị tấn công. Chưa cần nói đến bí ẩn về cái chết của Bob Farr, quá nhỏ bé không đáng nhắc tới. Một người đàn ông bị sát hại trong căn phòng niêm phong. Thật đấy, mấy việc đó thực sự chẳng có gì đáng để bận tâm.” John ngập ngừng một lát rồi tiếp tục. “Henry, tôi không chắc lắm, nhưng tôi có cảm tưởng dai dẳng rằng cậu biết ai là người phải chịu trách nhiệm cho những điều bí ẩn nhỏ bé này. Cậu biết kẻ sát nhân.”

Henry chằm chằm nhìn John hồi lâu, với một tia nhìn kì lạ trong mắt.

“Phải,” cậu ta thừa nhận. “Tôi biết người đã làm chuyện này.”

“Nhưng Henry,” John kêu lên, “cậu phải báo với cảnh sát. Tất nhiên là nếu cậu chắc chắn. Kẻ sát nhân vẫn đang tự do, hắn ta có thể phạm tội một lần nữa.”

Henry hớp rượu và liếm môi.

“Không, tôi không nghĩ như vậy,” cậu ta hạ giọng gần như không thể nghe thấy.

Mặc dù là một nhà ảo thuật bẩm sinh, Henry cũng không thể nào nói trước được tương lai. Làm sao cậu ta có thể đoán biết được thảm kịch kinh hoàng sắp xảy ra trong vòng chưa đầy một giờ tới?

Tiếng chuông điện thoại lạnh lạnh vang lên khiến chúng tôi giật mình.

“Cứ ngồi đó!” John nói và đứng dậy “Là Elizabeth gọi tới để ra lệnh đấy.”

Cậu ta sai những bước dài tới cánh cửa dẫn ra ngoài sảnh. Tôi hỏi Henry.

“Vợ chồng Latimer đã đi rồi hả?” - “Tối hôm qua, chắc thế.”

“Lạ thật, họ thậm chí không ghé chào một câu.”

“Sáng nay Victor tới gặp chúng tôi để báo tin. Mọi người đều cho rằng hôm nay họ mới rời đi. Họ dành cả ngày hôm qua để đóng gói đồ đạc. Nhưng khi Victor thức dậy họ đã đi rồi - đương nhiên là mang theo đồ đạc và ô tô. Quá bất ngờ, Victor đã phải cảm thán. ‘Không thể tin được! Họ đi ngay giữa đêm hôm, không nói với tôi một câu. Thế mà tôi đã coi họ là người có học cơ đấy.’”

“Chắc hẳn họ đi vào khoảng nửa đêm,” tôi bình luận. Tôi ngủ không ngon và nghe thấy tiếng ô tô tầm đó.”

“Tôi cũng thế,” Henry làm bầm, đầu cúi xuống.

“Kể cả như vậy thì vẫn kì lạ. Được rồi, thần kinh Alice đang bất ổn. Nhưng lên lút bỏ đi như thế giữa đêm hôm thì...”

John trở về loan báo tin tức, “Nửa tiếng. Cuộc đàm phán khá là gay go, nhưng tôi đã được cho phép ở lại thêm nửa tiếng.

“Chúa ơi, cậu đúng là biết cách nịnh phụ nữ,” tôi nhận xét, giọng cứng nhắc.

John có vẻ không hề chú ý tới lời nhận xét của tôi. Cậu ta đi về phía chúng tôi rồi dừng lại chỗ cửa sổ và kéo rèm lên.

“Tuyết ngừng rơi rồi, nhưng vẫn có một lớp dày hơn mười phân dưới mặt đất. Các bạn của tôi, nhìn phong cảnh này xem. Một vầng trăng bạc trên bầu trời đen thăm thẳm, và một lớp áo trắng tinh khiết bao phủ lên tất cả.”

Henry to tiếng háng giọng, nhìn chòng chọc vào chiếc ly rỗng.

“Tuyết luôn khiến cho tôi thấy hiếu kì, John ạ. Nó luôn làm cho cổ họng tôi khô khốc.”

Đôi mắt với quân phản phúc mang tên cognac đào ngũ ngay giữa chiến trường, chúng tôi không còn lựa chọn nào khác ngoài việc tìm quân tiếp viện từ Scotland. Kết quả là quây rượu của cha tôi lại mất đi một chai whisky đáng kính trước tiếng hô hào hưởng ứng nhiệt tình.

Chúng tôi nâng ly vì tuyết và hiệu ứng tráng lệ của chiếc áo choàng trắng.

Một lúc sau, chúng tôi hát *Chúc mừng sinh nhật* chẳng vì lí do gì. Đồng hồ bắt đầu điểm nhịp phụ họa, ở tiếng chuông thứ mười thì điện thoại réo vang.

“Nghe đi, Henry. Nếu đó là Elizabeth thì bảo cô ấy là không có ai ở đây hết.”

Henry gật đầu với nụ cười tán thành và rời khỏi phòng.

Vài phút sau cậu trở lại, ánh mắt lập lờ.

“Vị hôn thê của ông, ông Steven.”

John sửng sốt, nhìn tôi đầy thán phục. Cậu ta bật dậy và hăng hái bắt tay tôi.

“James, người anh em, xin chúc mừng! Tôi không hề biết rằng...”

“Nhưng,” tôi lấp bắp. “Tôi vẫn chưa...”

“Cô ấy bảo một lúc nữa sẽ qua đây, James,” Henry nói trôi chảy. “Đừng lo. Cô ấy bị đứ lang quân giữ chân lâu hơn mong đợi, và...”

“Ôi trời đất, một phụ nữ đã có chồng!” John la lên, mắt trợn lên vì kinh ngạc. “Chà! Nếu bác Betty mà biết!”

Henry lại gần bệ lò sưởi, ra vẻ mê mải ngắm nhìn ngọn lửa. Tôi chỉ thấy lưng cậu nhưng có thể dễ dàng tưởng tượng cậu ta đang lén cười thầm. Có phải tôi đã quá say xỉn đầu mà không lập tức nhận ra rằng cậu ta đang trêu tôi chứ.

Đến giờ thì John đã phát hiện ra và ôm bụng cười ngặt nghẽo.

“Tôi biết mà! Ngay từ đầu đã biết!”

“James, tha thứ cho tôi,” Henry nói, quay sang tôi. “Là người ta gọi nhầm số. Chỉ là tôi không thể cưỡng lại việc trêu cậu. Không giận tôi chứ?”

Rồi cậu ta lại quay đi, tiếp tục chăm chăm nhìn ngọn lửa.

John nắc lên.

“Một vị hôn thê, ha ha! Làm sao có thể tin được cơ chứ. Không thể nhịn cười được. Hài quá!”

“Ý cậu là gì?” tôi vặc lại. “Việc tôi có một vị hôn thê thì có gì buồn cười đâu nhỉ?”

“Không có gì, James. Không có gì!” John ú ớ giữa những tiếng hỗn hển.

Cậu ta cảm thấy có trách nhiệm phải vỗ vai tôi một cách kẻ cả, nhưng chỉ làm cho tôi khó chịu hơn. Dù vậy rốt cuộc chính tôi cũng không thể nhịn được cười, và cuối cùng lại thành ra tôi đề nghị uống

một châu mừng vị hôn thê tương tượng của mình và bọn họ đã nhanh nhẩu chấp nhận.

Chiếc đồng hồ ngoài sảnh rung chuông điểm mười lăm phút: 10 giờ 15 phút.

“Chúa tôi!” John kêu lên. “Tốt hơn hết tôi nên về thôi.”

“Cậu vẫn còn vài phút mà. Con bé sẽ không ăn thịt cậu đâu. Uống thêm ly nữa đi.”

“Không, tôi thực sự phải đi. Cảm ơn vì buổi tối tuyệt vời, James. Tạm biệt, Henry.”

John về. Henry trầm tư dõi theo cho đến lúc cánh cửa đóng lại sau lưng cậu ta, rồi đột nhiên đâm một cái vào lòng bàn tay.

“James, cậu nghĩ sao nếu chúng ta chơi một ván cờ?”

“Được, tôi tham gia. Đã ba năm kể từ hồi tôi đánh thắng cậu.”

“Để rồi xem. Để rồi xem.”

Henry là một đối thủ đáng gờm và rất hiếm khi tôi chơi trên cơ cậu ta. Nhưng tối hôm đó tôi quyết tâm cho cậu ta bại thảm hại.

Ván cờ và chai rượu hết cùng lúc vào 10 giờ 45 phút khi Henry nghe tôi tuyên bố ‘chiếu tướng’. Bất chấp vẻ đứng đưng bề ngoài, tôi có thể cảm nhận được bên trong cậu ta đang sôi sục cũng như cậu ta có thể cảm nhận được niềm sung sướng bị kìm nén trong tôi.

“Ván nữa chứ?” tôi lập tức đề xuất.

Henry liếc nhìn cái chai rỗng và gợi ý.

“Thôi đừng uống cạn quầy rượu của cha cậu. Sang nhà tôi được không?”

“Dĩ nhiên cậu có quyền lựa chọn chiến trường.”

Lông mày Henry nhú lại thành một cái cau mày.

“Có thể ông ấy đang ngủ. Tôi dùng điện thoại được không?”

“Đương nhiên.”

Henry đi ra ngoài sảnh.

“Kì quái,” cậu ta nói khi trở lại.

“Cha cậu không trả lời à?”

“Tôi thử mấy lần. Lần đầu tiên tôi thấy tín hiệu máy bận. Sau đó chuông điện thoại đổ bình thường nhưng không ai bắt máy.”

“Không thể nào như thế được. Chắc hẳn là đường dây có vấn đề.”

“Có lẽ,” Henry nói, vẻ bất an.

Một cơn rừng mình chạy dọc sống lưng tôi. Cuộc vui phải cố gắng lắm mới có được cuốn chúng tôi đi cả buổi tối giờ đã hoàn toàn bốc hơi không còn tăm tích.

“Chúng ta đi xem thế nào?” tôi đề nghị. “Đằng nào cậu cũng phải phục thù.”

“Trả thù? À phải, phục thù. Ván cờ phải không? Đi thôi!”

Đầu óc Henry rõ ràng đang ở nơi khác, cậu bồn chồn châm một điếu thuốc, giúp tôi cất mấy chiếc ly, đổ gạt tàn rồi cùng tôi mặc áo khoác vào. Lúc chúng tôi mở cửa cũng là lúc đồng hồ vừa điểm hết mười một tiếng chuông.

Chúng tôi đứng trên ngưỡng cửa, cảm thấy lạnh cóng người. Trời đêm sáng rõ, vàng trắng vàng vặc tròn trịa đổ tràn ánh sáng xuống lớp tuyết trắng bao phủ khắp khung cảnh. Đệm tuyết dày ấy làm lắng đi mọi tiếng ồn.

Henry đưa mắt ngó quanh rồi từ từ ngẩng đầu lên, thỉnh thoảng chớp lấy cánh tay tôi và thốt ra bằng một giọng tang tóc.

“James, trắng màu đỏ.”

Ngạc nhiên trước lời nhận xét và giọng điệu ấy, tôi chăm chú nhìn Henry. Trông cậu ta xanh xao với ánh mắt ngây dại. Tôi lắc cậu một cái thật mạnh.

“Henry? Cậu không sao chứ?”

“Đỏ như máu.”

“Cậu nói cái gì mới được chứ? Tôi thấy trắng hệt như một cái đĩa bạc.”

“Phải. Nếu cậu thấy thế. Nó làm tôi sợ.”

“Làm cậu sợ?”

“Đúng.” Giọng cậu ta hơi cao lên. “Hôm nay trăng tròn và có lực hút nguy hiểm, đặc biệt là với những người yếu ớt, ốm đau và bất thường. Với những kẻ giết chóc. Tôi bắt đầu thấy mình đã sai lầm khi nói kẻ sát nhân sẽ không tiếp tục hành động.”

Chúng tôi trao đổi ánh nhìn đầy cảnh giác. Cùng một suy nghĩ vụt

qua óc chúng tôi: Arthur không trả lời điện thoại.

Tiếng bước chân lạo xạo trên tuyết của chúng tôi là âm thanh duy nhất phá vỡ sự tĩnh lặng của màn đêm. Tôi hồi tưởng những mùa đông ấu thơ đầy hạnh phúc khi chúng tôi hân hoan đạp lên nền tuyết mới nguyên bằng những đôi giày đinh của mình. Nhưng còn đâu tuyết của những tháng năm ấy, và cả tuổi trẻ vô tư của chúng tôi? Đêm đó, lại một lần nữa, tai họa ập đến.

Chúng tôi gần đến nơi thì một hình thù lơ mờ hiện ra từ phía bên trái. Là Victor.

“Bác Darnley,” tôi kêu lên. “Sao bác mặc độc bộ quần áo ngủ ra ngoài trời rét thế này?”

Victor chỉ khoác thêm đúng một chiếc áo choàng ra ngoài bộ đồ ngủ, không có cả thời gian để cài cúc lại. Trông ông rõ ràng là đang quần trí.

“Kẻ giết người,” ông nói với giọng run run, vẫy tay chỉ về phía nhà White. “Hắn lại tiếp tục hành động. Arthur gọi cho bác, mới vài phút trước đây thôi. Ai đó đã bắn ông ấy. Bác nghĩ là ông ấy bị thương nặng. Bác đã gọi bác sĩ và cảnh sát.”

Chúng tôi chạy hết tốc lực đến nhà Arthur. Đến cổng, tôi dừng lại và giơ tay lên.

“Nhớ đề phòng cảnh giác, tên sát nhân có thể vẫn còn trong nhà. Nhìn xem, không hề có dấu chân.”

Trên bậc tam cấp cũng như con đường bao quanh ngôi nhà phủ một lớp tuyết còn phẳng nguyên. Và lại kể từ lúc rời đi, chúng tôi không hề thấy bất cứ một dấu vết nào. Không còn nghi ngờ gì nữa, chúng tôi là những người đầu tiên đặt chân lên mảnh đất phủ tuyết trắng tinh khôi này.

Henry đi đến cửa chính với vẻ mặt đáng sợ và nhấn chuông cửa. Không đợi trả lời, cậu ta rút một chiếc chìa khóa ra khỏi túi và tra vào ổ. Tới sảnh chính, Henry bật đèn lên. Đạp vào mắt chúng tôi là mấy vết thâm đen rải rác trên sàn gỗ chỉ cách chỗ đang đứng vài bước

chân.

“Cha!” Henry gọi.

Im lặng.

“Hãy đứng giữ cửa, bác Darnley,” tôi yêu cầu. “Không biết được đâu, tên giết người có thể cố trốn thoát bằng đường đó.”

“Đương nhiên, bác hiểu,” Victor lắp bắp, khuôn mặt tái mét vì sợ hãi.

Henry đi về phía phòng ngủ của cha cậu. Trong lúc chúng tôi còn đang mở cửa và trước khi đèn bật sáng, tôi phát hiện ánh sáng leo lét phát ra từ phòng khách, bèn tiến về phía đó.

Cửa mở. Tôi không nhìn nhầm: đèn bàn đang bật sáng cạnh cửa sổ. Tôi ấn công tắc gần cửa và im lặng nhìn quanh phòng. Có vết máu trên sàn và thảm. Tôi nhìn điện thoại. Ông nghe đã được đặt vào chỗ cũ, máu ở khắp mọi nơi.

Henry lao vào phòng khách.

“Có máu trên giường. Súng rơi dưới sàn. Không thấy cha đâu! Tôi đã tìm ở các phòng khác và...”

Giọng cậu yếu dần rồi im bật, ngón tay run run chỉ về phía trường kỉ, mắt trợn lên. Có vài lọn tóc lấp ló sau lưng ghế.

Cổ họng nghẹn ứ, tôi đi tới chỗ trường kỉ. Arthur đang nằm đó trong bộ đồ ngủ, người rũ sang một bên. Tai trái đã biến thành một đồng bầy nhầy đầm đìa máu, nhưng môi ông vẫn đang mấp máy yếu ớt.

“Henry, bác ấy còn sống!”

“Cha! Chúng con đây! Con xin cha, đừng cử động. Sẽ có người đến giúp chúng ta. Bác sĩ đang trên đường đến rồi.”

3 giờ sáng.

Drew, vẫn còn kinh sợ, ngồi trên chiếc ghế cạnh điện thoại hút hết điều này tới điều khác. Ông chải tay qua tóc, thở dài thườn thượt và khó nhọc nói.

“Hãy điểm lại mọi việc một lần nữa. Lúc này chúng ta không thể

làm gì khác. Khoảng 11 giờ kém 15 phút, ông White bên hàng xóm gọi điện cho ông. Ông có thể nhớ lại chính xác ông ta nói gì với ông không?”

“Tôi nghĩ đại loại là thế này: ‘Tên giết người. Ôi! Đầu tôi. Tôi nghe thấy có tiếng động, tôi tỉnh dậy... một cái bóng... súng nổ. Đau quá. Victor, sang đây mau! Tôi sắp chết rồi, nhanh lên, nhanh lên.’”

“Cùng lúc đó,” Henry nói bằng một giọng căng thẳng, “tôi cũng cố gọi điện cho cha. Hiển nhiên, máy bận. Không lâu sau tôi gọi lại nhưng không thấy trả lời. Chúa ơi, cầu cho cha tôi được cứu sống!”

“Có thể dễ dàng tái hiện lại các sự kiện,” Drew nói. “Tên giết người bất ngờ tấn công ông White trong lúc ngủ và bắn vào đầu ông ta. Viên đạn khiến nạn nhân bị thương ở vùng tai. Chúng tôi vẫn chưa thể đối chiếu dấu vân tay của ông White với dấu vân tay tìm thấy trên khẩu súng, nhưng tôi cực rằng trong lúc ông White bất tỉnh, tên giết người đã đặt vũ khí vào tay ông ta nhằm làm giả hiện trường tự sát. Đừng quên hẳn đã dùng chính vũ khí của nạn nhân để loại trừ tối đa nghi ngờ về việc đã xảy ra.”

“Kể từ khi Bob Farr bị sát hại,” Henry xen vào, “cha luôn ngủ với khẩu súng đã nạp đạn bên giường và tên giết người biết điều đó.”

Drew hỏi ngay, “Vậy có những ai biết?”

“Tôi xin phép không tiết lộ,” Henry cẩn trọng nói. “Như thế chẳng khác nào tôi đang kết tội họ.”

“Tôi biết,” Victor Darnley thừa nhận không chút nao núng.

“Tôi cũng vậy,” tôi thú nhận. “Nhưng chắc chắn chúng tôi không phải những người duy nhất. Cha mẹ tôi, em gái tôi, John, vợ chồng Latimer và những người khác nữa.”

“Dù sao thì, số nghi phạm cũng được giới hạn,” Drew tuyên bố. “Tiếp theo, tên sát nhân đã rời đi sau khi dọn cảnh xong.”

“Nhưng, ông thanh tra,” tôi kêu lên. “Việc đó là không thể. Không có dấu vết nào trên tuyết.”

Tôi nín lặng trước cái nhìn khinh miệt của Drew.

“Nhưng ông White vẫn chưa chết,” ông ta tiếp tục. “Mặc dù vết thương rất đáng sợ, ông ta vẫn gắng gượng lết được tới phòng khách

và gọi cho ông, ông Darnley. Bây giờ là 11 giờ kém 15 phút. Ông ta tìm được chút sức lực để đi tới chỗ trường kỉ. Mọi việc chắc chắn đã xảy ra theo trình tự như vậy, vì những dấu máu trên sàn nhà hoàn toàn tương ứng với hành động của ông ta.” Drew ngừng lại. “Mọi thứ đều tuyệt đối rõ ràng ngoại trừ một chi tiết nhỏ. Kẻ sát nhân đi đâu? Chúng tôi đã lục soát ngôi nhà hai lần. Không có kết quả gì. Chúng ta cũng biết rằng tuyết ngừng rơi vào khoảng 9 giờ, và ông White bị thương sau đó. Nhân viên y tế đã khẳng định điều này. Hiện tại, không có dấu chân trên tuyết xung quanh ngôi nhà, đương nhiên là ngoại trừ dấu chân ở cạnh cửa chính của các vị.”

“Cánh cửa sau dẫn ra ngoài vườn bị mở,” Henry gợi ý.

“Thì sao?” Drew trả lời. “Rõ ràng cậu cũng thấy là không có một dấu vết nào dù là nhỏ nhất ở bên ngoài! Đồng ý là người của tôi vẫn chưa làm xong việc và đang mang thêm đèn pin tới, nên có lẽ...”

Một viên cảnh sát lao vào phòng.

“Không có gì, ông thanh tra. Không có gì cả. Tôi không thể hiểu nổi. Ngoại trừ dấu chân của những vị này và của chính chúng ta trên bậc tam cấp thì không còn gì hết. Mọi thứ đều được bao phủ dưới một lớp tuyết mới nguyên. Không có dấu chân quanh nhà, trên bậc cửa sổ hay trên cá mái nhà. Tôi nghĩ chúng ta có thể ngừng lục soát.”

“Không!” Drew kêu lên. “Không thể được. Tôi muốn các anh rà soát lại ngôi nhà lần nữa một cách tỉ mỉ hơn, từ trong ra ngoài, từ trên xuống dưới. Tên sát nhân phải ở đâu đó quanh đây, tôi chắc chắn là vậy.”

Viên cảnh sát gật đầu và rời khỏi phòng. Ông thanh tra bấu môi cười khinh bỉ.

“Tin tôi đi, khi tôi tóm được tên ác nhân ranh ma này thì hẳn sẽ may mắn được nguyên vẹn lên đoạn đầu đài. Và chắc chắn tôi sẽ bắt được hắn. Đến nay tôi chưa thất bại lần nào và lần này tôi cũng không có ý định đó đâu.”

“Nếu tôi là ông thì tôi không dám chắc vậy đâu,” Victor nói. “Mọi việc cho đến nay dường như đến chỉ ra rằng thủ phạm của những vụ án này là sinh linh tồn tại ở thế giới bên kia. Đầu tiên là một người Mỹ

bị sát hại trong căn phòng niêm phong, và giờ thì tên giết người đào thoát thành công không để lại một dấu vết nào trên tuyết, như thể lực hấp dẫn không ảnh hưởng đến hắn vậy. Ông biết không, linh hồn thực sự tồn tại. Người ta nhìn tôi với ánh mắt thương hại khi nghe tôi nói thế. Tôi thừa biết bọn họ cười giễu sau lưng tôi. Tất cả mọi người, ngoại trừ Arthur và vợ chồng Latimer.”

“Vợ chồng Latimer đã rời đi đêm qua,” tôi thêm vào.

“Và ngay cả một lời chào tạm biệt cũng không có,” Victor oán trách. “Thật lạ kì. Tôi đã rất gần gũi với họ, vì bọn họ lúc nào cũng thân thiện.”

Lông mày của Drew nhướng lên vì kinh ngạc.

“Nhà Latimer, đi rồi? Ý ông là sao, đi rồi? Đi đâu?”

“Tôi không mấy may hay biết gì hết,” Victor bơ phờ trả lời.

“Nhưng tại sao?”

“Kể từ cái chết của thanh niên người Mỹ, Alice không còn như trước nữa. Cô ấy đã nhiều lần bị suy nhược thần kinh và tôi nghĩ cô ấy quá hoảng sợ. Dù sao thì thực tế là họ vẫn quyết định chuyển đi. Theo đúng kế hoạch thì họ sẽ rời đi vào ngày hôm nay, hay đúng hơn tôi nên nói là hôm qua,” ông nhìn đồng hồ và bổ sung. “Nhưng họ đã đi từ đêm hôm kia, không nói một lời với ai cả.”

“Kì quái! Kì quái!” Drew nói, mắt nheo lại. “Kì quái đến mức tôi phải phát lệnh truy nã ngay lập tức. Tuy nhiên theo tôi, hai con chim đó vẫn chưa bay xa đâu. Tôi dám nói là một trong hai người bọn họ vài tiếng trước vẫn còn ở đây.”

Drew vươn tay ra định cầm lấy điện thoại nhưng một tiếng chuông thành linh réo vang khiến ông ta khựng lại trong vài giây. Trấn tĩnh rồi, ông ta nhắc ông nói lên.

“Drew xin nghe.”

Mỗi một giây trôi qua, nét mặt Drew lại càng sầu não. Sau khi gác máy, ông ta châm một điếu thuốc, bòn chồn rít vài hơi và nhanh chóng phả ra đăng mũi. Ông ta đặt tay lên trần, ủ rũ nhìn xuống và tuyên bố.

“Ông White đã qua đời. Chỉ cần sớm hơn nửa giờ là đã có thể cứu

sống ông ấy. Nhưng ngay cả như vậy thì ông ấy cũng phải sống chung với những di chứng nghiêm trọng.”

Henry đi ra khỏi phòng khách, hai tay ôm đầu. Victor đi theo cậu ta.

Một khoảng lặng bao trùm. Drew đã dập điều thuốc và đang chậm chậm siết chặt hai tay.

“Những gì đã xảy ra với bạn của cậu thật khủng khiếp,” Drew nói với tôi, rõ ràng là đang quẩn trí. “Thế mà tôi đã kết tội cậu ta dựng lên một vụ mưu hại quỷ quyết với chính cha mình, người cha mà cậu ta vừa mới mất. Thật nực cười khi tôi đã tìm kiếm sự tương đồng giữa cậu ta và Houdini, hay cố nghiên cứu tính cách và tâm lí rồi đưa ra những kết luận hoang đường. Tôi phải thú nhận với cậu, chàng trai, hiện tại tôi không tự hào về bản thân chút nào.”

Chắc hẳn Drew đã bị chấn động rất lớn, vì ông ta vốn không phải loại người dễ dàng thú nhận một việc như vậy với bất cứ ai. Tôi thấy cảm thông.

“Bác sĩ vừa nói chuyện với tôi,” ông tiếp tục, “đã xác nhận thời điểm nổ súng sớm nhất là 9 giờ 45 phút tối, và muộn nhất là 10 giờ 30 phút tối. Viên đạn găm vào hộp sọ ngay phía sau tai trái và lập tức gây thương tổn nghiêm trọng tới vùng đó. Nếu chúng ta được cảnh báo sớm hơn thì đã có cơ hội cứu sống ông ấy. Rồi cả đồng tuyết khôn kiếp đó cũng đã trì hoãn đáng kể việc di chuyển tới bệnh viện. Dù sao...,” vẻ đau buồn chậm rãi biến mất khỏi khuôn mặt của ông, thay vào đó là nụ cười khinh khi chế nhạo. “Tên sát nhân vẫn còn nhỡn nhơ ngoài kia, nhưng không lâu nữa đâu.”

Ông ta nhắc điện thoại lên, quay số, đồng thời chúc tôi ngủ ngon và tôi tự hiểu rằng mình đang được yêu cầu ra về. Tôi rời khỏi phòng khách, nhưng ở bên kia cánh cửa vừa đóng lại, tôi có thể nghe thấy, “Lưu ý cảnh giác với Alice và Patrick Latimer... Tóc vàng. Nổi bật. Tầm bốn mươi.”

6 6 9 VẬY THÌ... LÀ AI?

Cả mẹ đã được Victor báo tin, và đang đợi tôi về. Cả hai đều choáng váng trước sự việc và chỉ hỏi tôi vài câu. Tôi lên phòng, tìm nơi trú ẩn dưới chăn đệm. Tôi không ngủ được, cũng không cách nào cảm thấy thanh thản, cứ miên man nghĩ về mức độ kinh khủng và vô lí của những sự việc gần đây.

Đầu tiên, ai đó đã sát hại Bob Farr, và giờ là Arthur White. Chẳng có điểm chung nào giữa hai người đàn ông này, và không có mối liên hệ nào ngoại trừ Henry. Henry được kế thừa một gia tài không nhỏ sau cái chết của cha mình. Nhưng cậu ta không thể là người giết cộng sự hay cha đẻ. Lúc Bob Farr bị sát hại thì Henry đang ở Mỹ. Arthur White bị giết vào khoảng 10 giờ tối khi Henry đang ở cùng John và tôi nên điều đó là bất khả về mặt khoa học. John ra về lúc 10 giờ 15 phút... John? Không thể nào, không phải John. Hơn nữa, cậu ta không có động cơ nào cả trừ vài chuyện ghen tuông với Henry từ ngày xưa. Căn cứ vào việc tất cả những vụ sát hại này đều chia mũi dùi về phía Henry, tôi bắt đầu tự hỏi phải chăng chúng tôi không hề nhận ra có một bộ óc tội phạm nào đó đang thao túng một âm mưu đen tối với mục đích đưa Henry tới đoạn đầu đài.

Hãy xem xem ai là người không có bằng chứng ngoại phạm cho cả hai vụ sát hại. John? Elizabeth? Không có lí do gì loại trừ em khỏi danh sách những người tình nghi. Patrick? Patrick - người giờ đã biến mất. Tất nhiên, việc rời đi đột ngột của vợ chồng Latimer, đặc biệt vào lúc nửa đêm, ít nhiều cũng rất kì quái. Thêm nữa, Drew rõ ràng đã đặt họ vào diện tình nghi khi phát lệnh truy nã ngay lúc 3 giờ rưỡi sáng. Nhưng kẻ chủ mưu thường có tông phạm. Chính vì thế, không thể loại trừ Henry, Alice hay Victor. Than ôi, tất cả những điều đó cũng không thể làm sáng tỏ cách thức thực hiện hai vụ sát hại này, khi tên

giết người ma quỷ dường như sở hữu năng lực đi xuyên qua tường và bay giữa không trung. Toàn bộ câu chuyện đều vô lí, thậm chí vô lí. Hơn nữa nó bắt đầu từ đâu? Vụ sát hại của bà Darnley? Những tiếng bước chân bí ẩn? Hay thông điệp bà Darnley gửi tới Alice khi cô ta ở trạng thái nhập định?

Còn một vấn đề nữa vẫn chưa được giải thích: không ai nghe thấy tiếng súng bắn chết Arthur. Victor luôn ngủ rất say, nhưng những người còn lại - Henry, John và tôi - đáng ra phải nghe thấy gì đó. Đúng là chúng tôi đã uống hơi quá đà, nhưng không đến nỗi hết cả tai.

Tất cả những câu hỏi không lời đáp nhảy múa hỗn loạn trong bộ não đáng thương của tôi. Nỗ lực sắp xếp suy nghĩ cho có trật tự đều tỏ ra vô ích và logic nhường chỗ cho những điều phi lí. Dần dần từng chút một, giấc ngủ chiếm lấy tôi.

... Đoàn rước tang chậm rãi tiến vào nghĩa trang... Tiếng chuông nhà thờ ngân vang từng hồi đơn điệu và tang tóc... Bốn người đàn ông mặc tuyền một màu đen với khuôn mặt xám tro đang khiêng một chiếc quan tài. Đằng sau họ là những người đàn ông và đàn bà đi đưa tang. Tôi nhận ra Henry, Victor, John, Elizabeth, Patrick, Alice và tôi... Lũ quạ từ những cánh đồng gần đó bay vòng vòng phía trên đoàn người sầm trầm. Đột nhiên, chẳng vì có gì chúng bỗng hoảng loạn: đập cánh chao đảo, kêu lên the thé rồi điên cuồng bỏ trốn. Một bóng đen tăm tối và quái ác hiện ra từ những đám mây. Chim săn mồi? Bóng ma?... Một phụ nữ quần áo tả tơi không ra hình dạng, mắt bà ta hừng hực nỗi căm ghét, bay liệng trong chốc lát trước khi sà xuống đám rước sầm trầm, một cánh tay duỗi ra và một ngón tay chỉ thẳng vào ai đó trong đoàn người đưa tang kết tội...

Ngày hôm sau, cha đánh thức tôi ngay trước buổi trưa, báo rằng bạn tôi tới thăm. Tôi tắm qua loa hòng xua đi phần nào ảnh hưởng của cơn và cơn mơ tôi tệ đêm trước, nhưng rồi lại đối mặt với một hiện thực cũng chẳng đỡ đáng sợ hơn là bao. Tôi bước vào phòng khách.

Henry ngồi đó, thu lu trong ghế bành. Cậu ta đứng dậy và lại gần tôi. Chúng tôi bắt tay nhau trong yên lặng. Với khuôn mặt tái nhợt và quần áo tối màu, trông cậu ta có vẻ thanh thản. Không còn là cậu bé

khóc lóc hàng tuần trời không dứt vì cái chết của mẹ, giờ cậu đã là một người đàn ông điềm tĩnh trước nỗi đau, can đảm đối mặt với thử thách.

Giờ đây tôi là tất cả những gì còn lại với cậu. Tôi, người bạn lâu năm, gần như một người anh em của cậu. Chúng tôi lớn lên bên nhau trong suốt những năm tháng đầu đời, ngồi sát cạnh nhau trong lớp học, chia sẻ với nhau những trò chơi, những trò nghịch ngợm và cả đồ ăn. Tôi là cả gia đình của cậu ấy. Nụ cười tin tưởng và triu mến của cậu khiến tôi không hề nghi ngờ điều đó.

Cha hắng giọng để che giấu sự ngượng ngùng và tuyên bố.

“Henry sẽ ở với chúng ta vài hôm, James. Cậu ấy sẽ ở phòng cũ của Elizabeth. Có vài thùng quần áo cũ của em con đang chiếm chỗ một cách vô lí trong đó và giờ cần phải mang chúng lên gác xép. Cha đã từ bỏ việc bảo con bé đến lấy.”

Tôi vui vẻ đồng ý. Để tránh thể hiện nỗi xúc động, cha hỏi bằng giọng vui đùa.

“Uống chút brandy nhé, các cậu ấm? Không ai xung phong sao? Tôi sẽ coi im lặng là đồng ý.”

Ông mở quầy rượu. Một khoảng lặng bao trùm, rồi cuối cùng cha tôi gất lên.

“Trời ơi! Hết sạch brandy rồi. Chúng ta đành phải uống tạm... Ôi chúa ơi! Whisky cũng không còn một giọt nào.”

Henry nhìn tôi với một nét cười nhợt nhạt. Cậu ta mở miệng định nói nhưng tôi ra dấu im lặng.

Cha tiếp tục.

“Viện cớ rằng tình trạng sức khỏe của tôi không tốt, mà điều này hoàn toàn là do bà ấy tưởng tượng ra, người vợ thân yêu của tôi đã có lần cất đi mấy chai trong quầy rượu, nhưng giờ thì có vẻ như bà ấy đã đổ sạch rượu trong chai và điều đó thật không thể tha thứ được. Một sự lộng hành trắng trợn. Tôi cần nói chuyện phải trái với kẻ lộng quyền này ngay lập tức. Đúng là quá quái.”

Nói rồi, cha rời khỏi phòng với điệu bộ trang nghiêm nhất có thể.

“Cứ ngồi yên,” tôi nói thầm với Henry.

Tôi chạy lên phòng mình, vớ lấy chai whisky để dành và lao trở về phòng khách.

“James!” Henry kêu lên. “Cậu không định...”

“Đúng,” tôi trả lời, lại gần quây rượu.

Tôi lấy chai whisky vừa đem xuống đổ sang hai chai chúng tôi uống cạn ngày hôm qua và kịp thời ngồi xuống cạnh Henry với cái chai rỗng giấu sau lưng.

Cùng lúc đó, cửa mở ra và chúng tôi thấy cha đang nắm chặt cánh tay mẹ. Bà đi theo, lộ rõ vẻ hoang mang. Cha mở cánh tủ quây rượu, ánh mắt sắc lẹm khiến mẹ tôi nín lặng, rồi lớn tiếng hỏi.

“Ai đã đổ hết brandy và whisky của tôi?”

Mẹ, hoàn toàn không hiểu, ngơ ngác liếc nhìn tủ rượu rồi trân trối nhìn chồng với một nỗi băn khoăn càng lúc càng lớn dần.

“Edward,” bà ngập ngừng nói. “Tốt hơn hết là ông nên đi khám bác sĩ nhãn khoa đi.”

Tôi nhìn Henry qua khoeo mắt và có thể thấy cậu đang cố nén để không cười phá lên. Mũi tên đã đi trúng đích.

“Bác sĩ nhãn khoa?” cha trả lời, lặng người đi. “Tôi, người thuần một dòng máu nhà Steven lại phải đi gặp bác sĩ nhãn khoa sao? Xin hãy nhớ rằng không có thành viên nào trong gia đình tôi phải đeo dù chỉ là một cái mắt kính. Ngay cả người ông thọ 98 tuổi của tôi cũng chưa bao giờ phải đeo kính trong đời... Nhưng sao lại là bác sĩ nhãn khoa, em yêu? Có phải em đang ám chỉ thị lực của anh thỉnh thoảng có dấu hiệu suy giảm?”

Không nói một lời, mẹ tôi lôi hai cái chai bị đổ ra và đặt chúng ngay trước mặt cha tôi. Cha cầm lấy chúng, giơ lên để xem xét, rồi ông cứng người, hoài nghi và lúng túng.

Mẹ quay gót và nói với chúng tôi.

“Bữa ăn đã sẵn sàng. Minh vào bàn đi.”

Lúc rời khỏi phòng, bà một lần nữa nhìn xoáy vào ông chồng vẫn đang không thể rời mắt khỏi hai cái chai.

Suốt bữa ăn, dù cha đã vài lần cố gắng đưa ra những chủ đề trò chuyện khác nhau cho sôi nổi, Henry vẫn nín thin. Tuy vậy, đến khi cà phê được dọn ra thì người bạn của tôi cũng chịu mở lời, lúc cha kể một người chú của ông có quen biết Houdini.

“Chú của bác biết Houdini?” Henry kinh ngạc nhắc lại. Cha thỏa mãn rít một hơi xì gà thật dài, rồi trầm ngâm lặng ngẫm làn khói cuộn lên.

“Richard là một nhà báo,” ông nói sau khi ngừng một lát “ông ấy di cư sang Mỹ và làm việc cho một tờ nhật báo Chicago. Bác không nhớ tờ nào, đã quá lâu rồi.

“Houdini biểu diễn một màn giải thoát giạt gân, Richard có mặt để đưa tin và hai người đã trở thành bạn.”

Ngạc nhiên quá đổi, mẹ và tôi nhìn cha chăm chăm. Không ai trong chúng tôi từng nghe về ông chú Richard, và cả hai chúng tôi đều nghi ngờ cha đang bịa ra một câu chuyện chỉ với mục đích làm cho Henry vui lên.

“Khi chú Richard của bác trở về Anh,” cha tiếp tục, hài lòng ra mặt trước ảnh hưởng của mình tới Henry, “ông ấy thường kể với bác về Houdini. Houdini Nhà kì tài. Houdini Vua thoát hiểm. Một người đàn ông phi thường!”

Henry nuốt từng lời từng chữ.

“Thêm nữa,” cha tiếp tục với một nụ cười mơ màng, “người đàn ông đó không phải không hài hước đâu nhé. Mỗi lần chú Richard kể với bác một câu chuyện bất kì, ông đều tự cười ngặt nghẽo. Nhân dịp được mời đến một câu lạc bộ biểu diễn chó, Houdini đã đề nghị Richard đi cùng. Tới nơi, họ được chào đón bởi một nhóm những quý bà trung tuổi, hết sức hãnh diện với những chú khuyển cưng bé nhỏ của mình.”

Lúc này tôi đã biết chắc cha đang bịa đặt toàn bộ câu chuyện, loại truyện kiểu này đúng là phong cách của ông.

“Đến cuối buổi, họ chiếu một bộ phim... Chủ đề không mấy quan trọng. Lũ chó được nhốt trong một căn phòng chuẩn bị từ trước, mỗi con một lồng. Phim vừa bắt đầu thì chúng tôi nghe thấy một tiếng kêu

thảm nã, nhưng chẳng hề liên quan đến chó. Trên thực tế, đó là tiếng *chuẩn chuẩn*. Tôi sẽ miễn cho cậu phải nghe mô tả những quý bà lịch lãm với đám mũ có phần lỗi mốt và trang sức diện đầy người đã điên cuồng khôn xiết lao ra nghẽn cả cửa như thế nào. Cứ như một cái chuồng gà bị thả một con cáo vào ấy!”

Mẹ tôi, không thể nghe lọt những lời thêu dệt của cha thêm nữa, bật dậy khỏi ghế.

“Em có thể mang cho anh chai cognac không, em yêu?” Cha dịu dàng hỏi. Quay lại với Henry và tôi, ông nói tiếp, “Cháu có thể tưởng tượng được không, họ sững sờ đến thế nào khi phát hiện ra trong mỗi chiếc lồng, khuyến cung đã biến mất và được thay bằng một con mèo! Nhiều người còn bị ngất, đến nỗi phải gọi xe cấp cứu.

“Richard chưa bao giờ nghĩ ra Houdini thực hiện cú đánh tráo ngoạn mục này bằng cách nào, vì hai người đã ở cạnh nhau cả buổi tối.”

“Chắc hẳn ông ta phải có cộng sự,” Henry bày tỏ.

“Cộng sự,” cha chậm rãi nhắc lại. “Khoảng bốn mươi con chó bị thay thế bằng số mèo tương đương trong vòng chưa đầy mười phút. Bác không biết cháu có nhận ra...”

Mẹ xuất hiện trở lại và đặt lên bàn ba chiếc ly cùng chai cognac vừa nhắc bên trên.

Cha rót cho chúng tôi, rồi tiếp tục câu chuyện cổ tích của ông.

“Bác vẫn chưa kể xong. Còn một chút nữa...” ông giơ ly lên và nhấp môi. “Một điều kì diệu khác đã xảy ra: lũ chó lại xuất hiện trong lồng và bọn mèo thì biến mất! Không thể tin nổi nhưng lại là sự thật. Houdini một lần nữa lại đánh tráo thành công.”

Cha ngừng lại, nhúu mày. Sau đó cầm ly lên và dốc một hơi cạn sạch. Trong khoảnh khắc, tôi tưởng như mắt ông sắp lồi ra.

“Em yêu,” ông lắp bắp. “Anh nghĩ em nói đúng. Hãy gọi bác sĩ đi. Sự minh mẫn đang rời bỏ anh. Vừa rồi thì thị lực giảm sút, và giờ anh không phân biệt nổi brandy với whisky nữa.”

Chiều hôm đó, Henry và tôi đi dạo trên cánh đồng hoang. Chúng tôi thư thả tản bộ qua dải tuyết lấp lánh đang trải ra mênh mông bất tận. Mặc dù tắm mình dưới ánh nắng ấm áp, tôi vẫn cảm thấy gió lạnh vờn ngang mặt.

“James,” Henry mở lời sau một hồi dài im lặng. “Cậu không nên lừa cha như vậy, nhất là khi chính chúng ta đã uống hết số cognac của ông ấy.”

“Cha đáng bị thế mà.”

Henry cười.

“Có thể dùng mẹo tráo đổi cognac thành whisky, nhưng tôi chắc là tráo chó thành mèo thì chưa từng xảy ra, ngoại trừ trong trí tưởng tượng phong phú của cha cậu nhỉ.”

“Cha là thế mà,” tôi trả lời. “Có thể cha đã từng gặp một nhà báo quen biết Houdini, nhưng chỉ thế thôi. Tôi chưa bao giờ nghe nhắc đến chú Richard nào cả.”

Từ lời nhận xét của Henry, tôi nhận ra cố gắng của cha đã có kết quả. Ông đã khiến Henry tạm quên đi phần nào những sự việc tồi tệ vừa qua, và thế là đủ.

“Houdini!” Henry mơ màng thì thầm, rồi trở nên nồng nhiệt hơn. “Đúng là một cá nhân kiệt xuất. Quả là một hiện tượng sáng chói. Cậu biết không James, tôi đã đọc cuốn sách mà ông thanh tra cho chúng ta xem đêm nọ. Tôi đọc đi đọc lại.”

“Thực ra, cậu có thù ghét ông ta vì đã cáo buộc cho cậu rất nhiều tội danh kinh khủng vào cái đêm đáng nhớ ấy không?”

“Không,” Henry trả lời dứt khoát. “Ông ta chỉ làm chức trách của mình thôi. Hơn nữa, ông ta rất thông minh, cực kì thông minh. Giả thuyết ông ta đưa ra cho vấn đề căn phòng lớn xuất sắc đấy. Dĩ nhiên ông ta không nắm được toàn bộ sự việc nhưng xét ở một góc độ nhất định, ông ta đã ở rất gần sự thật.”

“Henry!” Tôi kêu lên kinh hãi. “Đừng nói là cậu thừa nhận chính mình là thủ phạm đấy chứ.”

“Không, đương nhiên là không. Nhưng tôi biết cách thức hung thủ ra tay, nhờ có cậu.”

“Nhờ có tôi?”

“Nhờ có lời khai của cậu. Cậu còn nhớ cảm giác kì quái cậu cảm nhận được vào lần thứ hai cậu đi lên căn phòng áp mái không?”

“Một cảm giác kì quái. Có, tôi nhớ rất rõ nhưng vẫn không xác định được.”

“Đôi mắt cậu rõ ràng đã nhìn thấy điều đó... nhưng bộ não của cậu bác bỏ thông tin ấy.”

Tôi tự thấy khâm phục mình.

“Henry, cậu không nghĩ đã đến lúc vạch mặt con quái vật đã sát hại cha cậu sao? Sự im lặng của cậu thực ra cũng có thể coi là một tội ác, và có khả năng cậu đang kéo dài chuỗi tội ác rừng rợn này.”

Henry dừng lại và chăm chăm nhìn tôi.

“Tôi tin rằng cậu hẳn phải nhận ra kẻ sát nhân là một trong số những người bạn ít ỏi của chúng ta chứ?”

Một cơn ớn lạnh chạy dọc sống lưng tôi. Trong tâm trí, tôi có thể thấy một loạt khuôn mặt lướt qua: John, Elizabeth, Victor, Alice, Patrick. Một trong số đó là hung thủ. Không, không thể là John, Elizabeth hay Victor. Nếu không phải là họ, vậy thì là vợ chồng Latimer chăng?

“Henry,” tôi trả lời sau khi im lặng rất lâu. “Drew nghi ngờ vợ chồng Latimer đã giết cha cậu.”

Phản ứng duy nhất của bạn tôi là lắc đầu sang hai bên và thốt ra một tiếng thở dài thườn thượt.

Chúng tôi không nói gì mấy trên đường về, nhưng Henry có nói với tôi về tỷ lệ.

“Tỷ lệ?” tôi ngạc nhiên kêu lên. “Tỷ lệ gì cơ?”

“Đây,” cậu ta trả lời, một tia sáng lóe lên trong mắt. “Tỷ lệ, cái cảm giác kì lạ mà cậu nói với tôi, nó chính là: tỷ... lệ.”

Những bánh răng trong não tôi kẹt lại. Tôi không để suy nghĩ trôi theo những lời vô nghĩa của cậu ta nữa. Cùng lúc đó, trái tim tôi chắc hẳn cũng đã ngừng vận hành cảm xúc, vì tôi không còn một chút thương xót nào với người bạn này nữa. Thay vào đó, tôi sẽ rất vui vẻ nếu được siết cổ cậu ta.

Suốt cả buổi chiều, cảnh sát bận rộn khắp trong và ngoài nhà Darnley. Drew lo lắng ra mặt, liên tục phân công bọn họ kiểm tra từng li từng tí một hết lần này đến lần khác.

Tôi nghe thấy một viên cảnh sát chửi thề trong khi cùng đồng đội lùng sục sau nhà. Drew thì sỉ vả, “Các anh không đứng thẳng lên được à? Ai cử đám nông dân này đến không biết?”

“Xin lỗi sếp, chân tôi mắc vào cái gì ấy. Tuyết rơi nên chẳng nhìn rõ gì cả. Trông cái này có vẻ giống cái lò xo.”

“Tôi biết làm gì với cái lò xo đó? Nhưng anh nên có một cái như thế trong người đi.”

“Ông thanh tra đáng mến của chúng ta vẫn chưa đánh mất chút lịch thiệp nào,” Henry cười châm chọc.

Victor đang mời những viên thám tử sắp chết rét uống trà nóng. Drew nhận lấy “lòng tốt hiếm có” đó, cảm kích khi có cơ hội làm ấm người trong khi vẫn luôn miệng nhức mồm về việc uống phí thời gian.

Rồi mọi thứ cũng lặng đi, ít nhất là trong chốc lát.

Bữa khuya diễn ra tĩnh mịch kì lạ. Tôi thấy khó chịu vì Henry không nói cho tôi biết lời giải của vụ án bí ẩn này, trong khi cậu ta đã thừa nhận là mình biết. Tôi chưa từng nghĩ toàn bộ câu chuyện quái đản này lại đi đến hồi kết vào buổi tối giữa tháng Mười hai ảm đạm ấy, và bằng một cách tôi tệ đến mức tôi sẵn sàng đánh đổi mọi thứ để không phải trải qua. Bấy giờ tôi ngồi nơi bàn ăn, mắt nhìn xuống đĩa, trong óc âm vang từ ‘tỷ lệ’. Cha mất đi sự tự tin, trông già yếu hẳn với đôi mắt sụp xuống và miệng chậm chạp nhai từng miếng một. Cảm thấy áy náy, tôi giải thích với ông tại sao mà brandy lại biến mất trước khi biến thành whisky. Không nói một lời, ông bật ngồi thẳng dậy và nhìn tôi với ánh mắt sắc lẹm. Henry kìm lại được, nhưng mẹ thì phá lên cười lớn. Nếu có thứ gì đó khiến cha không thể chịu đựng được, thì chính là bị vợ cười nhạo.

“Việc đó không hay chút nào đâu,” ông nghiêm khắc nói. Sau đó ông ngẩng cao đầu đứng dậy và rời khỏi bếp. “Chúng ta sẽ phải gánh chịu cơn giận dữ cả tuần đấy,” mẹ nói sau tràng cười, dần nhận ra sự đùa cợt của mình không được hay cho lắm, nhất là sau biến cố xảy ra

tôi hôm trước đó.

“Xin lỗi, Henry, nhưng bác không thể nhìn cười được.” “Bác Steven,” Henry thở dài. “Cháu vẫn chưa cảm ơn tấm thịnh tình của các bác. Kể từ khi mẹ cháu mất...” Giọng cậu nghẹn lại, và nét mặt tối đi.

Đúng lúc ấy, điện thoại réo lên inh tai. Một lát sau, cửa phòng ăn hé mở kèm theo một tiếng càu nhàu. “Gặp con đó, James.”

Tôi đi ra sảnh, còn kịp thấy cánh cửa phòng khách sập lại. Cha tức giận hơn tôi tưởng rất nhiều.

Ông nghe nằm trên bàn điện thoại. Tôi cầm lên. “Gì thế, Elizabeth?”

Một giọng nói, hiển nhiên không phải của em gái tôi, lạnh lùng trả lời.

“Tôi, Drew đây.”

“À, ông thanh tra. Có chuyện gì...”

“Cậu có thể qua đây không, chàng trai, cậu và bạn của cậu?”

“Đương nhiên rồi. Ở đâu ạ?”

“Nhà bên. Nhà Darnley. Em gái và em rể cậu đang ở đây rồi.”

“Được thôi, nhưng có chuyện gì thế ạ?”

“Tôi có lí do nghiêm túc để tin rằng... nhưng hãy đợi đến lúc các cậu có mặt đã.”

“Tốt thôi, chúng tôi sẽ qua ngay.”

“Một lời khuyên cho cậu. Hãy đề phòng! Dù đã nhận biết được thủ phạm, nhưng hắn vẫn đang tự do, nên hãy cẩn thận.”

“Vâng,” tôi trả lời, giật thót trước khuôn mặt phờ phạc của mình phản chiếu qua tấm gương ở sảnh.

Năm phút sau, Henry và tôi đã trên đường tới nhà Victor. Đêm xuống từ lâu rồi. Tuyết rơi thành những bông lớn làm ánh đèn đường ở góc phố mờ hẳn đi.

Nhà Darnley đã lù lù hiện ra trước mặt chúng tôi. Đầu hồi phủ tuyết nhô cao trong bóng tối.

Tôi run rẩy đẩy mở cánh cổng trước, cùng Henry bước dọc lối đi dẫn đến bậc tam cấp trước nhà.

Victor mở cửa cho chúng tôi.

“Vào nhà đi, đưa áo khoác bác treo cho. Những người khác đang ở trong phòng khách, phòng ở tầng trên ấy.”

Chúng tôi đi vào sảnh chính. Tay cầm áo khoác của chúng tôi, Victor đắm đắm nhìn Henry với đôi mắt xanh chan chứa nỗi buồn.

Henry cup mắt xuống và hít sâu, “Mọi việc đều ổn, bác Darnley. Ít nhiều là vậy.”

Bạn tôi đi lên cầu thang, tôi theo sau. Ngọn lửa cháy đượm nổ lách tách trong lò sưởi đang tỏa hơi ấm dễ chịu ra khắp phòng khách. Toàn cảnh căn phòng khiến tôi ngạc nhiên đến mức sửng sốt. Thật bệnh hoạn! Alice kiếm đâu ra thứ giấy dán tường đang phủ khắp tường và trần thế kia? Trông không khác gì lớp vải lụa đen và ánh bạc lót bên trong những chiếc áo choàng cao cấp. Từ cửa trông thẳng vào là một chiếc trường kỉ lớn với kích thước ấn tượng và vải bọc bằng nhung đỏ chói lọi. Phía bên phải lò sưởi kê một chiếc ghế bành có cùng màu chóa y hệt. Bức tường đằng xa trước đây rõ ràng có hai cửa sổ, giờ chỉ còn độc một chiếc, cửa sổ bên phải đã bị che khuất. Mé trái cửa đặt một cái rương nhỏ, trên nắp rương là một quyển sách ma thuật có móc cài bằng bạc. Cạnh đó là chiếc bàn một chân trụ phủ khăn nhung đen viền bạc, bên trên hiển nhiên bày một quả cầu pha lê sáng bóng. Vài chiếc ghế bọc đệm quây quanh bàn. Những bức màn nhung đen nặng nề được cố định bằng dây tơ có nún tua bằng bạc. Với tập hợp đủ loại đồ cổ kì lạ, căn phòng trông chẳng khác gì một nhà tang lễ.

Căn phòng được chiếu sáng bằng bóng đèn tròn trắng đục gắn trên trần nhà và những cây đèn tường hình đuốc. Toàn bộ nguồn sáng mờ ảo tạo nên một bầu không khí dị thường mà mức độ kì quái còn được tô đậm thêm nhờ tấm thảm đỏ như máu trải khắp sàn nhà.

Tệ hơn nữa, phía trên trường kỉ là một bức tranh lớn che phủ chỗ từng là cửa sổ - chắc hẳn là tác phẩm của Patrick. Trên nền xanh thẫm, một nét bút điên cuồng quét ra từng mảng đen lớn và bôi thêm một vầng trắng quái ác, những hình bóng mơ hồ trôi lơ lửng trên thình không, những chiếc mặt nạ bí hiểm cùng những bàn tay đang cầu khẩn. Một tuyệt tác phản thẩm mỹ.

Tôi suýt nữa thì quên mất hai trụ đá cẩm thạch giả bên cạnh chiếc bàn một chân trụ.

Làm sao những người có lí trí lại để bản thân đắm chìm vào khung cảnh kì dị như thế này? Victor tội nghiệp với tâm trí có phần rối loạn thì tôi còn phần nào hiểu được, chứ bác Arthur...

Elizabeth ngồi rúc vào chồng trên trường kỉ ở cuối phòng, nơi gần lò sưởi nhất. Drew, đã thành thông lệ, đứng quay lưng về phía ngọn lửa, hai khuỷu tay đặt trên bệ lò sưởi, vẫn ngâm một điệu thuốc trên môi ngay cả lúc nói.

“Cuối cùng cậu cũng đã tới. Có vẻ như cậu ngạc nhiên trước quang cảnh nơi này, cậu Steven?”

“Thực vậy,” tôi thừa nhận.

Drew quay sang Victor, bây giờ đã theo chúng tôi trở vào phòng.

“Đây chính là nơi diễn ra những buổi gọi hồn của các vị?”

“Đừng lấy những thứ ông không hiểu ra làm trò cười,

“Phải,” Drew tự tin trả lời. “Bọn họ đã giết bạn và cha cậu. Việc bỏ trốn chính là lời nhận tội của họ.”

“Nhưng tại sao?” tôi xen vào. “Và như thế nào?”

Một nụ cười chế nhạo nở trên đôi môi mỏng của Drew

“Tại sao? Không khó để tưởng tượng ra rằng có nạn nhân đã phát hiện ra mưu đồ của chúng. Làm thế nào thì tôi vẫn chưa biết chính xác. Nhưng bọn chúng sẽ phải thú nhận một khi chúng tôi tóm được, chắc chắn là như thế.

“Tuy nhiên tôi sẽ chia sẻ với các vị suy nghĩ của tôi về vụ sát hại ông White. Đây là những gì chúng ta biết. Vụ án diễn ra vào khoảng 10 giờ tối. Tuyết ngừng rơi tầm 9 giờ. Không có dấu chân trên tuyết quanh ngôi nhà - đương nhiên ngoại trừ dấu chân của những người phát hiện ra nạn nhân - và tên sát nhân đã biến mất khi cảnh sát đến nơi. Kết luận từ những sự kiện vừa rồi: dù có vẻ rất vô lí, nhưng tên sát nhân đã trốn thoát khỏi ngôi nhà.

“Tôi phải nhắc các vị nhớ rằng cánh cửa sau dẫn ra vườn để mở. Cách cánh cửa khoảng gần năm mét có một cái cây ăn quả. Xa hơn một quãng là một cây nữa. Rồi một cây nữa. Cứ như thế.. Một hệ

thông dây thừng được bố trí sẵn nối cánh cửa với một cái cây, từ cây này sang cây khác, cứ thế, sẽ giúp tên sát nhân rời đi không để lại một dấu vết nào trên tuyết. Và vài nút thắt đặc biệt sẽ giúp hẳn ta tháo đi sợi thừng không chút vết tích.”

“Rất tài tình,” Henry nói với một nụ cười xảo quyết “Nhưng chắc chắn khi sợi thừng bị tháo ra, chúng sẽ rơi xuống và để lại dấu vết trên tuyết chứ?”

“Tên giết người có thể đã dùng một cái gậy dài để giữ chúng,” Drew lầm bầm. “Tôi thực sự không biết, đó chỉ là một giả thuyết. Cậu là một diễn viên nhào lộn, phải không chàng trai, cậu nghĩ sao?”

“Thành thực mà nói, tôi không nghĩ vậy,” Henry trả lời. “ít nhất là không cần tới trang bị gì tinh vi. Và ngay cả thế thì mọi thứ cũng phải được bố trí sẵn mà không bị ai phát hiện. Cha và tôi đã ở nhà cả chiều hôm đó. Và một điều nữa: tên sát nhân không thể biết khi nào tuyết bắt đầu rơi hay khi nào thì ngừng. Hay thậm chí là tuyết có rơi hay không. Như vậy có hơi... à, từ tôi muốn nói là gì nhỉ, vô đoán.”

Tôi nghĩ hẳn là cậu nói đúng, chàng trai,” Drew buồn rầu thừa nhận.

Một khoảng lặng.

Không thể quả quyết rằng vợ chồng Latimer đã gây ra tội ác đó.

Bác White bị sát hại hẳn phải có lí do. Ông đã biết điều gì đó gây nguy hiểm cho bọn họ chẳng? Nhưng tại sao họ lại giết một người hoàn toàn xa lạ như Bob Farr? Không, viên thanh tra đã sai, tên sát nhân phải ở trong chính căn phòng đó.

Elizabeth phá vỡ sự im lặng.

“John, tay anh lạnh quá.”

“Em nói gì cơ, em yêu?”

Drew chìm trong suy nghĩ và đi đi lại lại trước lò sưởi.

Ông ném mẩu thuốc lá vào ngọn lửa, rồi hắng to giọng nhằm gây chú ý.

“Giờ các vị đã biết kẻ phạm tội. Chúng ta biết bọn chúng đã cao chạy xa bay, nhưng giờ bọn chúng đang ở đâu, đó mới là vấn đề. Có lẽ bọn chúng vẫn đang lảng vảng quanh đây. Tôi tập hợp mọi người để

cảnh báo rằng các vị đang gặp nguy hiểm vì nghi phạm của chúng ta đang sợ hãi và sắp bị dồn vào đường cùng. Bọn chúng sẽ không ngần ngại phạm thêm một tội ác nữa đâu. Vì vậy càng phải cẩn thận hơn bao giờ hết. Tuy nhiên chúng sắp bị bắt rồi,” ông bổ sung thêm với một tia hăm dọa trong mắt. “Để tôi tóm được thì bọn chúng sẽ phải trải qua nửa giờ không thoải mái chút nào đâu. Chúng sẽ phải may mắn lắm mới có thể sống sót ra ngoài.”

Đầu tiên ông phải tìm được bọn họ đã, tôi nghĩ. Giờ thì cái trường kỉ đã làm tôi thực sự khó chịu, đệm đã xếp hoàn toàn.

“John, chắc anh đang lạnh lắm hả, tay anh cóng hết cả rồi.”

John bực mình nhảy dựng khỏi cái trường kỉ và đứng đối mặt với vợ.

“Làm sao em biết được tay anh có lạnh hay không?”

Không để ý tới John và Elizabeth, Drew nhắc lại.

“Cứ đợi đến khi tôi tóm được, bọn chúng sẽ phải may mắn lắm mới có thể sống sót mà ra ngoài,” và ngấm ngấm nắm đấm siết chặt của mình với một nụ cười hăm dọa.

“Làm sao em biết?” John lặp lại, đặt cả hai tay dưới mũi em gái tôi.

Elizabeth ngồi im như tượng, mặt trắng bệch như tờ giấy. Em lẩm bẩm với giọng yếu ớt gần như không thể nghe thấy.

“...Tay... lạnh cóng...”

John đột ngột lùi lại, vẻ kinh hoàng hiện lên trong mắt.

Tôi cũng đứng bật dậy và tới gần em. Thật khủng khiếp! Elizabeth đang nắm một bàn tay lòi ra từ chiếc trường kỉ, nơi những cái đệm tiếp xúc với lưng ghế.

Em ngất đi. Tôi kéo em vào vòng tay mình để tránh xa cái trường kỉ. Drew ném bay ba cái đệm ngang qua phòng.

Tên sát nhân lại tiếp tục hành động. Thi thể của Alice và Patrick nằm trong phần đế của chiếc trường kỉ đã bị lật hết lò xo.

Tình huống lúc này đã thách thức mọi logic. Chúng tôi đang sống trong một cơn ác mộng. Đầu óc tôi quay cuồng. Tuy nhiên, dù có vẻ phi lí thế nào chăng nữa, tôi vẫn tuyệt đối tin chắc chắn rằng tên sát nhân đang ở trong căn phòng này. Phạm vi tình nghi rất nhỏ. Số nghi

phạm có thể đếm trên năm đầu ngón tay: một, Henry; hai, Elizabeth; ba, John; bốn, Victor; năm... tại sao không phải là thanh tra Drew?

PHẦN BA

CHUYỂN KHÚC

Kết thúc. Quả là một câu chuyện kịch tính!

Nếu tiến sĩ Twist tìm được đường ra khỏi cái mê cung bí ẩn này, tôi sẵn sàng đập đầu vào tường.

Trước khi tiếp tục có lẽ tôi nên giới thiệu về bản thân: Ronald Bowers, nhà văn trinh thám, được biết đến nhiều hơn với cái tên John Carter. Hiện đang là năm 1979 và tôi khoảng năm mươi tuổi. Tôi nói 'khoảng' vì đơn giản là tôi không rõ ngày sinh chính xác của mình. Nhưng đó lại là một câu chuyện khác.

Những gì các bạn vừa đọc chỉ là hư cấu.

James Steven, Henry White, Alice và những người còn lại đều thuộc về một thế giới vừa mới được sinh ra hai tuần trước do một vụ cá cược giữa tôi và tiến sĩ Twist.

Toàn bộ đều là hư cấu

Tôi không định xúc phạm trí thông minh của các bạn bằng cách dành quá nhiều thời gian để giới thiệu Alan Twist, một tiến sĩ tội phạm học lừng danh. Các bạn đã biết đến ông với tư cách một bộ óc thiên tài chịu trách nhiệm giải quyết rất nhiều vụ án bí ẩn khó tin nhất trong nước. Ông có thể không còn trẻ như trước, nhưng sáng suốt, tỉnh táo và Sở Cảnh sát Thủ đô vẫn thường ghé thăm ông để xin cố vấn.

Mặc dù dạo này hiếm khi rời nhà, nhưng tình yêu làm vườn giúp ông giữ được cơ thể khỏe mạnh và bảo tồn vẹn nguyên chất xám.

Hai tuần trước, tiến sĩ Twist mời tôi sang chơi buổi tối.

Hiện tại, mỗi khi tụ tập, chúng tôi chỉ có duy nhất một đề tài thảo luận: tội phạm. Không cần phải nói, đêm đó cũng không phải ngoại lệ.

“Ronald thân mến của tôi,” ông ta bắt đầu. “Chỉ hai chúng ta biết thôi nhé, để tôi nói với ông điều này. Tôi đã dành cả đời để vạch trần những tên sát nhân ranh ma tài trí nhất, và tôi đã tháo gỡ được những vụ án nan giải nhất. Nhưng có một việc tôi vẫn chưa bao giờ làm được dù cố dày dạn kinh nghiệm bao nhiêu đi nữa.”

“Đó là việc gì?”

“Viết một cuốn tiểu thuyết trinh thám. Ý tôi là tạo ra một cái khung và toan để vẽ ra một câu đố bí ẩn. Tôi tin rằng tôi thể khiêm nhường tự nhận mình có khả năng giải đáp mọi án. Nhưng tạo ra một cốt truyện lại là một việc hoàn toàn khác, tôi đã thử vài lần rồi nhưng đều không thành công.”

“Nhưng, tiến sĩ, việc này thật khó tin. Không khó để chồng chéo các sự kiện bí ẩn lên nhau, cái khó là tìm được lời giải đáp sau đó. Tin tôi đi, là một nhà văn, tôi biết tôi đang nói cái gì. Tôi không tin ông đâu, tôi nghĩ ông đang dắt mũi tôi. Với kinh nghiệm của ông, việc này là quá dễ dàng.

“Tôi phải thừa nhận rằng mình không gặp khó khăn gì trong việc tháo gỡ những vấn đề bất khả thi. Nhưng vì một lí do nào đó, tôi gặp trở ngại tinh thần khi tưởng tượng ra một cốt truyện, nhân vật và bối cảnh. Như đã đề cập, tôi từng thử vài lần nhưng không thể làm được.”

“Cứ cho là như thế đi, thì sao?”

“Ronald thân mến của tôi, đó là lí do tôi cầu viện nhà văn trinh thám vĩ đại nhất hiện nay: Ronald Bowers, với bút danh là John Carter.”

“Ông tử tế quá, tiến sĩ, nhưng còn có nhiều tác giả khác nữa, họ...”

“Không. Ở thời điểm hiện tại, ông chắc chắn là người xuất sắc nhất, là người duy nhất tiếp tục viết tiểu thuyết trinh thám theo đúng nghĩa của nó. Những người cùng thời với ông đã cho phép tình dục và bạo lực choán chỗ của bí ẩn và kịch tính. Tôi thậm chí có thể gọi ông là người cổ thủ cuối cùng của tiểu thuyết tội phạm thực thụ.”

“Cảm ơn tiến sĩ, nhưng xin đừng nói quá lên thế. Chính xác thì ông muốn gì ở tôi?”

“Tôi đề nghị chúng ta hợp tác viết một cuốn tiểu thuyết. Ông phụ

trách phần bối cảnh, nhân vật, kể chuyện và tất cả những thứ liên quan. Một câu chuyện trong phòng kín chẳng hạn, với những oan hồn. Ông hiểu ý tôi không?”

“Tuyệt đối hiểu.”

“Nói cách khác, ông cứ tùy tay múa bút mà không phải lo nghĩ cách giải quyết. Vì tôi sẽ là người làm việc đó.”

“Tôi thừa nhận là ý tưởng này rất hấp dẫn, nhưng đáng tiếc là không thể thực hiện được. Tác giả tuyệt đối phải nắm được chìa khóa giải mã bí ẩn trước khi bắt tay viết cuốn tiểu thuyết của anh ta. Đương nhiên, tôi cũng có thể viết một câu chuyện kinh điển mà không phải lo lắng tìm cách giải thích cho có lý. Nhưng còn ông, tiến sĩ, ông sẽ không thể tìm được đáp án. Chỉ đơn giản là không thể. Rất tiếc phải nhắc lại rằng ông buộc phải biết cách giải quyết trước khi bắt đầu.”

“Ronald thân mến của tôi, liệu ông có muốn thử, chỉ cần trả lời có hay không?”

“Được thôi. Nhưng ông sẽ bù đầu đấy. Những sự việc bí ẩn sẽ chồng chất lên nhau và tôi cam đoan luôn rằng ông sẽ không bao giờ tìm được lời giải thích thỏa đáng đâu. Tôi cảnh báo ông đấy!”

“Rồi chúng ta sẽ biết.”

Đó là lí do tại sao tôi viết câu chuyện lạ thường này. Tôi phải thú nhận rằng tôi đã phóng túng thả mình vào đó, để có thể viết ra một câu chuyện trinh thám kinh điển mà không phải lo giải đáp bí ẩn. Thật vui sướng và dễ dàng quá đối! Tôi đã viết không ngừng nghỉ trong gần mười buổi tối, trải ra giấy cơ man nào là chữ mà không hề tốn công cầu từ. Tôi đã rộng rãi tự thưởng whisky cho mình dù đây không phải thói quen của tôi trong những tình huống thông thường, Ngoài ra còn có một sự thay đổi thói quen khác, tôi viết ở ngôi thứ nhất. Người kể chuyện, James Steven, là một trong các nhân vật chính, đây là điều chưa từng xuất hiện trong những cuốn tiểu thuyết trước đây của tôi. Tôi hi vọng Twist sẽ không bắt James tội nghiệp làm kẻ sát nhân, dù ông ta chắc chắn sẽ xét đến khả năng đó. Không,

James không thể là kẻ giết người vì anh ta có bằng chứng ngoại phạm đối với hai vụ sát hại Bob Farr và Arthur White. Vợ chồng Latimer có khả năng cao là hung thủ - tôi đã tính đến rồi nhưng lại xóa sổ họ ở những trang cuối cùng, vậy nên Twist cũng không thể sử dụng họ. Luôn có khả năng Houdini đầu thai thành cậu Henry White trẻ tuổi (Houdini, vua của những bí ẩn, còn gì tự nhiên hơn khi ông ta xuất hiện giữa câu chuyện bí ẩn này). Henry cho rằng cha anh ta phải chịu trách nhiệm cho cái chết của mẹ mình, và anh ta có đủ khả năng dựng lên một âm mưu phi thường, nhưng tôi đã nhanh chóng lấp lại lỗ hổng này để phòng trường hợp Twist bám vào những ý đó. Người bạn đáng thương, đơn giản là ông ta không thể thoát ra khỏi mê cung này. Dù sao ông ta cũng không thể nói rằng tôi chưa cảnh báo trước với ông ta.

Chính vì vậy, ngày mai tôi sẽ gửi bản thảo cho ông ta. Mấy giờ rồi nhỉ? Để xem nào. 3 giờ. 3 giờ sáng. Tôi đã đánh máy gần tám tiếng liên tục. Thật đáng kinh ngạc! Thường thì cứ hai tiếng tôi lại nghỉ tay một lần, nhưng câu chuyện hút hồn tôi đến mức tôi tự hỏi mình...

Chuông điện thoại réo vang, cắt ngang dòng suy nghĩ của tôi.

Vào lúc đêm hôm thế này, chỉ có thể là Jimmy. Tôi nhắc máy.

Alo

"Ronald, hi vọng tôi không dựng anh dậy khỏi giường?" "Anh nên nghĩ đến điều đó trước khi gọi cho tôi ấy, Jimmy. Không, tôi đang viết."

"Tôi có một ý tưởng phi thường. Tuyệt đối xuất sắc. Thế nên tôi phải gọi cho anh ngay. Anh có thể dùng nó cho cuốn tiểu thuyết tiếp theo."

"Tôi đang nghe đây."

"Anh xem, có anh bạn nọ mặc vào một bộ áo giáp. Đương nhiên là trước mặt các bạn của mình. Một lúc sau, bọn họ bắt đầu lo lắng vì đã quan sát suốt mà không thấy anh ta cử động, thế nên họ e là anh ta bị ốm, anh tưởng tượng được không? Họ tháo bộ áo giáp ra và... đoán thử xem?"

"Anh ta biến mất."

“Không, hay hơn nhiều. Anh ta vẫn còn ở đó, nhưng đầu đã bị cắt đứt. Thế nào, hay chứ?”

“Khá độc đáo đấy. Vậy thực hiện việc đó bằng cách nào?”

“Ôi, tôi không biết gì về chuyện ấy đâu. Đây là việc của anh. Tôi chắc chắn anh sẽ nghĩ ra được cái gì đó. Dù sao cũng là ý kiến hay, phải không?”

“Lạy chúa tôi, đúng, rất đáng suy ngẫm. Giờ tôi phải đi chợ mắt đây. Gặp anh ngày mai ở Bạch Mã?”

“Đồng ý, người anh em, đồng ý. Tôi đảm bảo anh có thể làm nên chuyện với ý tưởng này. Anh có thể cho câu chuyện diễn ra ở một trong những trang viên của hậu duệ ông Râu xanh.”

“Để mai hẵng nói, Jimmy. Chúc ngủ ngon.”

Tôi gác máy với một tiếng thở dài.

Jimmy là một gã tốt bụng, nhưng thỉnh thoảng có thể trở nên khá phiền phức. Gã cũng tầm năm mươi tuổi như tôi - trước đây là một nhà soạn kịch nhưng sau này sa vào ham mê rượu chè. Hiện tại gã chả có nghề ngỗng gì và đã bị vợ bỏ nên tôi cũng thấy tiếc cho gã. Để gã giữ chút tự tôn, tôi đã đề nghị gã tìm ý tưởng cho những cuốn tiểu thuyết của mình, đổi lại tôi sẽ trả gã một khoản phải chăng và gã đồng ý. Kể từ đó, gã luôn oanh tạc tôi với những ý tưởng “xuất sắc”. Và để không làm gã ta thất vọng, tôi đã đưa một hoặc hai ý tưởng của gã vào bối cảnh của đôi ba cuốn tiểu thuyết. Đó là tất cả những gì tôi có thể làm vì những gợi ý của gã thường quá bất hợp lý - y như câu chuyện tôi sắp sửa gửi cho Twist. Giờ nghĩ lại, tôi cũng không chắc liệu có phải một trong những ý tưởng của Jimmy đã ăn vào tiềm thức của tôi lúc nào không hay, và rất có thể nó đã xuất hiện trong câu chuyện mà tôi vừa hoàn tất. Trời ơi, việc đó không phải hoàn toàn không thể. Tôi thực sự đã viết câu chuyện này một cách bản năng, cứ như cái tên Jimmy chết tiệt đó! Từ nay tôi phải cẩn thận ghi chép những ý tưởng của gã mới được, không thì tôi sẽ lẫn mọi thứ vào nhau mất.

3 giờ 15 phút: đã quá giờ đi ngủ của ông từ lâu, Ronald, người bạn tốt của tôi.

Tôi có thể thấy hình bóng của Jimmy đóng khung trong chiếc cửa sổ kiểu Pháp. Có vẻ như gã đang chăm chú quan sát những người làm vườn tỉ mỉ tỉa hoa hồng bên ngoài. Gã lướt tay qua mái tóc xoăn và quay về phía tôi.

“Thế nào, Ronald, anh đã có thời gian nghĩ về anh bạn bị cắt cổ trong bộ áo giáp chưa? Anh có nhớ không đây? Tôi đã gọi điện cho anh vào lúc 3 giờ sáng chừng mười ngày trước.”

Mười ngày trước? Tôi đã gửi bản thảo cho tiến sĩ Twist được khoảng mười ngày và đến giờ vẫn chưa thấy hồi đáp. Nhắc mới nhớ, tôi cũng không hề sốt ruột chờ đợi câu trả lời. Ngay cả thiên tài như tiến sĩ Twist cũng không có khả năng giải thích được điều không thể.

“Có,” tôi trả lời, bằng giọng chắc hẳn đã thể hiện sự dửng dưng của mình. “Tôi đã suy nghĩ nhưng vẫn chưa ra thành quả gì.

Jimmy lại gần hơn và cầm lên một cuốn sách đang nằm trên bàn.

Huyền thoại Houdini của Roland Lacourbe,” gã đọc

Lật giở qua các trang. “Đúng là cừ khôi, cái tay Houdini này Anh đọc chưa?”

Tôi ngược lên và chăm chú nhìn người bạn. Khuôn mặt to rộng dưới những lọn tóc xoăn màu bạc lộ rõ vẻ quan tâm

“Nếu tôi làm phiền anh,” gã ngắc ngứ. “Anh chỉ cần nói với tôi.”

“Đương nhiên là không. Sao lại nghĩ thế! Xem nào, sao anh không lấy brandy ra để chúng ta cùng uống?”

Như thể chờ đợi khoảnh khắc này từ lâu, gã lập tức nghe theo. Với bàn tay run rẩy, gã đặt một ly rượu lên bàn tôi và nốc một hơi cạn sạch.

“Ronald,” gã khơi mào. “Tôi phải nói chuyện với anh. Lâu nay tôi có cảm giác là tôi đang bòn rút anh. Những ý tưởng của tôi có vẻ không thực sự làm anh quan tâm. Hơn nữa...”

“Anh đang nói gì thế? Anh không nhận ra rằng không có những ý tưởng của anh thì nhà văn nổi tiếng John Carter đã không còn tồn tại từ lâu rồi à? Anh biết không, tôi luôn tự hỏi anh lấy cảm hứng ở đâu ra. Anh dường như được sinh ra là để sáng tạo những bí ẩn.”

“Đúng,” Jimmy khiêm tốn nói, uống thêm một ly khác.

Cảnh tượng này diễn ra khá thường xuyên. Jimmy cần nghe những lời khẳng định như vậy, nếu không chí khí của gã sẽ sụp đổ tan tành. “Thật ra,” tôi ngẫu nhiên hỏi. “Không phải mấy tháng trước anh đã gợi ý một cốt truyện có mặt Houdini sao?”

“Không,” gã dứt khoát tuyên bố.

“Anh chắc chứ?”

Jimmy nhìn thẳng vào mắt tôi.

“Tôi chưa bao giờ nói với anh về Houdini, Ronald. Phải công nhận ông ta có thể là một đề tài hay đấy. Tôi sẽ nghĩ thêm.” Gã đi về phía cửa hông. “Người đưa thư đến, để tôi ra lấy thư.”

Gã đi khỏi và gần như ngay lập tức trở lại.

“Đây rồi,” gã nói, đặt mấy chiếc phong bì lên bàn làm việc. “Thôi, tôi đi đây, để cho anh làm việc. Tôi sẽ ra ngoài hít chút khí trời.”

Một trong những chiếc phong bì to hơn những cái còn lại. Để xem ai gửi đến.

Tiến sĩ Twist!

Tôi vội vã mở chiếc phong bì. Bên trong là mười hai trang đánh máy và một trang viết tay.

Ronald thân mến,

Sau đây là lời giải đáp cho bí ẩn của ông. Tôi viết tiếp câu chuyện từ chỗ ông bỏ dở - đoạn phát hiện ra thi thể của Patrick và Alice, và cũng viết ở ngôi thứ nhất như ông. Chìa khóa giải mã bí ẩn lập tức sáng tỏ với tôi, câu chuyện của ông chỉ chứa lại một đáp án duy nhất. Dù sao đi nữa, phải thú nhận rằng tôi có viện tới vài sự trợ giúp, nhưng không phải trong việc tháo gỡ bí ẩn mà trong việc viết nốt phần kết.

Tôi không thể nói gì thêm với ông vào lúc này. Chúng ta sẽ bàn mọi chuyện vào lần gặp tới.

Trong lúc đó, tôi vẫn tiếp tục, vân vân...

Chìa khóa giải mã bí ẩn “lập tức sáng tỏ”? Tôi sẽ rất...! Phải chăng tiến sĩ Twist đã làm được điều không tưởng? Có thật ông ta đã tìm ra lời giải đáp cho mê cung đầy những bí ẩn của tôi? Để xem...

PHẦN BỐN

6 1 9 LỜI GIẢI ĐÁP

Đầu óc tôi quay mòng mòng. John đỡ Elizabeth khỏi vòng tay tôi. Giọng Victor phá vỡ thinh lặng đang ngự trị trong căn phòng tang ma ấy.

“Đây là lời giải thích khả dĩ duy nhất. Patrick và Alice chưa bao giờ rời đi mà không nói lời từ biệt. Như chính ông đã nói, ông thanh tra, họ phải rất may mắn mới sống sót khỏi vụ việc lần này.”

Hoàn toàn mất phương hướng, Drew không đáp lại. Ông quỳ xuống xem xét thi thể. Một lúc sau, ông đứng dậy và châm một điếu thuốc với bàn tay run rẩy.

“Chắc hẳn họ đã phải chịu nhiều đau đớn trước khi chết,” ông ta nói với giọng run rẩy. “Có những vết khía kì lạ trên bụng của hai nạn nhân. Cả hai người đều bị đâm xuyên qua tim. Tôi đoán họ bị sát hại khoảng chừng bốn mươi tám tiếng trước, vào lúc nửa đêm, xét từ quần áo của họ.”

“Nhưng ô tô và hành lí của họ đã biến mất,” tôi kêu lên. “Ai có thể...”

“Tên giết người,” Drew chen vào. “Đó là điều đương nhiên. Sau khi giết bọn họ, hắn sắp xếp đồ đạc như thể họ đột ngột rời đi.”

“Lạy chúa tôi!” Victor rên rỉ. “Và mọi thứ diễn ra ngay trên đầu tôi, lúc tôi đang ngủ!”

Drew nhìn vào mắt ông.

“Tên sát nhân đã cực kì mạo hiểm. Phải có lí do cấp bách nào đó mới khiến cho hắn hành động như vậy. Nhưng cũng có điểm mâu thuẫn. Một tên sát nhân có đầy đủ lí do để hành động nhanh chóng - vì rất có thể ông Darnley sẽ tỉnh dậy bất cứ lúc nào và ngăn cản hắn - nhưng lại nán lại để hành hạ hai nạn nhân. Kì quái. Thật sự rất kì quái.”

“Đây là đâu? Ôi, John, anh yêu, đáng sợ quá, chúng ta đi thôi! Em không muốn ở thêm một giây nào trong ngôi nhà kinh khủng này nữa.”

John, vẫn đang ôm vợ mình trong tay, dỗ dành em.

“Em yêu, đừng nghĩ thêm nữa. Chúng ta về nhà thôi.” Cậu ta quay sang Drew. “Ông không phản đối chứ, thanh tra?”

Drew lắc đầu.

“Em thấy khá hơn rồi, anh cứ thả em xuống.”

John và Elizabeth hướng về phía cửa.

Nhìn con dâu lão đảo bước đi, Victor ngập ngừng trong chốc lát rồi nói với Drew.

“Tôi sẽ đi với hai đứa nó. Tuyết thế này rất dễ trượt chân.”

“Được rồi, nhưng hãy cẩn thận.”

Khi bọn họ đã đi cả, thỉnh lặng một lần nữa bao trùm phòng khách.

Drew lắc đầu tỏ vẻ không tin nổi.

“Tôi không hiểu bất cứ cái gì nữa.”

“Thanh tra,” Henry nói. “Đừng để cái chết của vợ chồng Latimer làm mờ mắt. Vụ án này không nhất thiết phải liên quan đến những vụ trước.” Cậu ta chuyển sang đứng trước trường kỉ để quan sát thi thể. “Giả thuyết của ông đã chính xác, ông thanh tra ạ, vì hai người này...” cậu ta chỉ về phía vợ chồng Latimer, “... đúng là kẻ sát nhân mà ông đang tìm kiếm. Bọn sát nhân và những trò thần bí dối trá!”

Mắt Drew ngược lên lần nữa với ánh nhìn sắc bén quen thuộc.

“Phải, chắc hẳn không ít người có mối hiềm thù với hai kẻ bịp bợm, và vụ án này không hề liên quan đến những vụ kia. Sao tôi lại không nghĩ đến điều đó từ trước nhỉ!”

“Giờ thì vợ chồng Latimer đã chết,” Henry tiếp tục. “Không còn lí do gì để tôi tiếp tục giữ im lặng nữa. Mọi người hãy ngồi xuống, vì sẽ mất chút thời gian đây.”

Chúng tôi yên vị xung quanh chiếc bàn một chân trụ. Theo đề nghị của Henry, đèn trần và đèn tường được tắt đi. Ánh sáng mờ nhạt duy nhất đến từ ngọn lửa đang cháy bập bùng trong lò sưởi.

Henry vỗ nhẹ lên chiếc bàn nhỏ. Đột nhiên quả cầu pha lê vụt sáng.

Rồi, từng chút một, mọi sự tồn tại bên ngoài nguồn sáng đơn nhất ấy biến mất, tạo nên một không khí dị thường và huyền ảo của riêng nó.

Drew mê hoặc nhìn không chớp mắt vào quả cầu phát sáng rực rỡ. Tôi cũng nhìn nó như bị thôi miên, thậm chí quên cả sự tồn tại của hai thi thể trong căn phòng.

Henry để chúng tôi làm quen với không khí kì dị này một lúc rồi mới bắt đầu nói.

“Phải, khéo léo thêm một hai trò tiểu xảo và người ta sẽ sẵn sàng chấp nhận sự tồn tại của những thế lực huyền bí. Mọi người đừng vì thế mà cảm thấy xấu hổ. Ngay cả những người nổi tiếng thông minh sáng suốt cũng đã bị lừa bịp tại chính cái bàn này, cha tôi là một trong số đó. Ông không chỉ bị lừa, mà còn tặng một số tiền đáng kể cho hai kẻ tự gọi là nhà ngoại cảm hiện đang nằm trên chiếc trường kỉ kia.

“Toàn bộ câu chuyện lạ thường này bắt đầu bằng vụ tự tử của bà Darnley. Đó thực sự là một vụ tự sát chứ không phải một vụ sát hại theo giả thuyết một số người đưa ra sau này. Victor đã biến thành con người khác, hồn xiêu phách lạc. Không lâu sau đó việc làm ăn của ông thất bại và ông buộc phải cho thuê một phần ngôi nhà. Rồi đến bí ẩn đầu tiên: những người thuê nhà nghe thấy tiếng bước chân trong đêm trên tầng áp mái, một số dân làng nhìn thấy ánh sáng phát ra từ căn phòng nơi Darnley tự tử. Lời giải thích không thể đơn giản hơn: không ai khác ngoài Victor, trong cơn tuyệt vọng, đã đi lên đó giữa đêm khuya với hi vọng tìm thấy người vợ quá cố.

“Một loạt những người thuê nhà về sau đều chuyển đi và ngôi nhà đã phải chịu điều tiếng không hay. Đó là ‘bị ma ám’. Tin đồn lan ra và đến tai vợ chồng Latimer. Alice và Patrick Latimer, hai kẻ mà giờ chúng ta đã biết là bọn giả thần giả quỷ.

Ngôi nhà ma ám, mọi người có tin được không? Đúng là vận may hiếm có, một môi trường lí tưởng để lừa người!

“Vì thế hai kẻ lừa đảo này chuyển đến. Hàng xóm của bọn chúng, cha tôi, lại là một nhà văn nổi tiếng vừa mất vợ. Chúng lập tức nhận ra có thể lợi dụng điểm này. Tức thì, gia đình tôi liền bị chúng chơi khăm một cú gọn gàng. Chúng tôi nghe thấy lời mẹ nói phát ra từ miệng

Alice.”

“VẬY ĐÓ LÀ GIẢ?” TÔI THÓT LÊN.

“ĐƯƠNG NHIÊN. TRƯỚC HẾT, CẬU PHẢI HIỂU RẰNG LẤY MỘT MẢNH GIẤY RA KHỎI CHIẾC PHONG BÌ NIÊM PHONG THỰC RA KHÁ DỄ. CẬU CẦN MỘT CHIẾC NHÍP MẢNH DÀI ĐỂ ĐƯA VÀO KHE Ở NẮP PHONG BÌ (CHỖ KHÔNG DÁN HỒ). KHI CHIẾC NHÍP KẸP ĐƯỢC VÀO TỜ GIẤY BÊN TRONG, CẬU SẼ XOAY SAO CHO TỜ GIẤY CUỘN TRÒN LẠI VÀ CÓ THỂ RÚT RA ĐƯỢC. ĐỂ ĐẶT MẢNH GIẤY LẠI CHỖ CŨ, CẬU CHỈ CẦN ĐẢO NGƯỢC LẠI QUÁ TRÌNH ĐÓ. THỰC HÀNH THƯỜNG XUYỀN, THẬM CHÍ CÓ THỂ THỰC HIỆN THAO TÁC ĐÓ CỰC KÌ NHANH CHÓNG, NGAY CẢ TRONG BÓNG TỐI. CẬU BẮT ĐẦU HIỂU RA CHƯA, JAMES?”

“CÓ, NHƯNG...”

“TRƯỚC KHI ALICE GIẢ VỜ NGẮT XỈU, PATRICK ĐÃ LÀM CHÚT TIỂU XẢO VỚI CÁI ĐÈN BÀN GẦN CỬA SỔ PHÒNG KHÁCH. HẮN TA ĐÃ ĐẶT MỘT THANH KIM LOẠI GIỮA ĐUI VÀ BÓNG ĐÈN, KHIẾN CHO MỖI LẦN CÔNG TẮC BẬT LÊN LÀ CẦU CHÌ TRONG NHÀ LẠI CHẬP.

“ALICE HOÀN THÀNH VAI DIỄN CỦA CÔ TA. PATRICK KHOE KHOANG NĂNG LỰC NGOẠI CẢM CỦA VỢ HẮN VÀ ĐỀ NGHỊ CHA TÔI THỬ MỘT LẦN. CHA LƯƠNG LỰ - LÚC ĐÓ ÔNG CÒN HOÀI NGHI VỀ TOÀN BỘ CHỦ ĐỀ NĂNG LỰC THẦN BÍ NÀY - NHƯNG ÔNG VẪN ĐỒNG Ý. VÌ THẾ ÔNG VIẾT MỘT CÂU HỎI GỬI CHO VỢ VÀ ĐẶT MẢNH GIẤY TRONG MỘT PHONG BÌ ĐƯỢC NIÊM KÍN RỒI ĐẶT TRÊN BÀN. PATRICK ĐI TỚI CỬA SỔ - NÓI CÁCH KHÁC, LÀ ĐẾN BÊN CẠNH CHIẾC ĐÈN ĐÃ ĐƯỢC SẮP ĐẶT SẴN - VÀ ĐỢI MỘT ÁNH CHỚP ĐỂ CHE GIẤU VIỆC HẮN LÀM CHẬP CẦU CHÌ. KHI ĐÈN TẮT, HẮN LẤY MẢNH GIẤY RA KHỎI CHIẾC PHONG BÌ, ĐẶT NÓ TRỞ LẠI BÀN VÀ QUAY RA CỬA SỔ. ĐIỆN SÁNG TRỞ LẠI.

“TÔI KHÔNG BIẾT CẬU CÓ CÒN NHỚ KHÔNG, JAMES, NHƯNG KHOẢNH KHẮC ĐÓ PATRICK CÓ VẼ NHƯ ĐANG KIỂM TRA GIÀY CỦA MÌNH. TRÊN THỰC TẾ, HẮN ĐANG ĐỌC NỘI DUNG VIẾT TRONG TỜ GIẤY MÀ HẮN ĐẶT TRÊN TẦM THẨM ĐĂNG SAU CHIẾC GHẾ BÀNH. VÀI GIÂY SAU, LỢI DỤNG MỘT ÁNH CHỚP KHÁC, PATRICK LẠI GẠT CÔNG TẮC ĐÈN VÀ BÓNG TỐI BAO TRÙM LẦN THỨ HAI. NHƯNG LẦN NÀY HẮN CHỈ LÀM RẤT NHẸ NHÀNG, VÀ CẦU CHÌ KHÔNG HỀ NỔ KHI ĐIỆN SÁNG.”

“GỢM ĐÃ, HENRY, BỌN TÔI CŨNG KHÔNG NGỐC. TÔI NGHĨ GIỜ TÔI CÓ THỂ TỰ KỂ TIẾP CÂU CHUYỆN. PATRICK TRẢ TỜ GIẤY VÀO PHONG BÌ TRƯỚC KHI ĐÈN SÁNG VÀ ĐẶT NÓ TRÊN BÀN. MỘT LẦN NỮA ĐIỆN SÁNG TRỞ LẠI. NHƯNG ĐỢI ĐÃ.

Phải, tôi nhớ rồi, Alice tỉnh dậy và Patrick thì thắm những lời ngọt ngào vô nghĩa vào tai cô ta. Hay đúng hơn, thì thắm những gì được viết trên mảnh giấy. Tiếp đó, vợ chồng Latimer làm đổ chiếc đèn khiến cho nó rơi xuống sàn vỡ tan. Chiếc đèn hỏng nên thanh kim loại sẽ không bị phát hiện. Và ngay trước khi rời đi, với khả năng căn giờ bậc thầy, Alice truyền lại lời đáp của mẹ cậu. Tôi phải công nhận rằng tất cả mọi thứ đều được thực hiện rất hoàn hảo."

"Hoàn hảo đến nỗi cha tôi bắt đầu tin vào thế giới bên kia. Và đương nhiên, Victor đã là một tin đồ ngay từ ngày vợ ông mất."

"Vợ chồng Latimer khởi xướng mọi chuyện và từ thời điểm đó, cha đều đặn đến 'thỉnh thị' Alice tại đây, trong căn phòng này. Tôi sẽ không đi sâu vào những mảnh khoe hoàn hảo bọn chúng dùng để lừa ông. Ông thường xuyên nói với tôi ông đã kết nối được với mẹ."

Drew cười mỉa mai.

"Tôi tưởng tượng được ông ấy đã bù đắp cho cô Latimer cực kì hậu hĩnh."

"Những khoản tiền khổng lồ, vượt xa mức ông tưởng tượng."

"Nhưng Henry, cậu biết cha mình đã biến thành nạn nhân của bọn lừa đảo. Tại sao cậu không nói gì?"

"Cậu có nhớ những trận cãi vã âm ỉ của chúng tôi không? Tôi đã dặn cha hãy cẩn thận nhưng ông không muốn nghe tôi nói. Có vài cuộc tranh cãi rất kịch liệt."

"Cậu dặn cha cẩn thận, tất cả chỉ có thế? Sao cậu không giải thích những mảnh khoe ấy?"

Mặt Henry đỏ như tôm luộc.

"Tôi không thể, James, tôi không thể. Từ ngày chuyển đến, vợ chồng Latimer đã vô hiệu hóa tôi."

"Vô hiệu hóa? Bằng cách nào?"

"Tôi đã yêu Alice đến phát điên. Chúng tôi trở thành tình nhân."

Không thể kháng cự được người đàn bà đó, James, gần như không thể. Tôi như bị cô ta bỏ bùa. Cô ta tự nhiên bị lóa mắt bởi những tiết mục ảo thuật của tôi. Thực ra, cô ta đã lập tức phát hiện tôi có thể phá hỏng kế hoạch của bọn họ. Cô ta rất tham vọng, cả tôi cũng vậy.

Chúng tôi đã vạch ra những dự án phi thường. Tôi vẫn còn nhớ y nguyên lời cô ta nói: 'Cùng nhau, chúng mình có thể chinh phục thế giới, điều đó thật tuyệt diệu, anh yêu của em. Nhưng trước hết em phải xây dựng thanh danh của riêng mình đã. Henry, tình yêu của em, anh phải giúp em. Không, không, anh không được để cha anh biết Patrick và em đang qua mắt ông ấy. Ông ấy có quan hệ xã giao với giới thượng lưu, ông ấy sẽ truyền bá thông tin tới những nhân vật quan trọng. Ý anh là gì, lừa tiền ông ấy? Anh không thấy ông ấy đã hạnh phúc thế nào kể từ lúc tin rằng mình có thể nói chuyện được với vợ sao? Tất cả số tiền ông ấy bỏ ra ư? Nhưng anh yêu, chúng ta sẽ cần đến từng đồng từng cắc trong số tiền ấy khi chúng ta bắt đầu gây dựng sự nghiệp của riêng mình. Có chứ, có chứ, anh yêu, em sẽ sớm ly hôn. Anh thừa biết Patrick chẳng còn ý nghĩa gì với em kể từ khi em gặp anh. Phải, sớm thôi anh yêu, nhanh thôi. Em thề đấy.'

"Tôi không biết phải làm gì, tiến thoái lưỡng nan. Một mặt, cha tôi đang chuyển những khoản tiền khổng lồ cho nhà Latimer. Sự nhẹ dạ của ông khiến tôi lo lắng, nhưng tôi không thể nói gì cả. Tôi đã cố nói lí với ông, nhưng ông đều nổi giận tới mức không kiểm soát được. Mặt khác, là Alice. Alice và những hứa hẹn của cô ta, cùng những lời lẽ kích thích tôi!

"Để câu khách, cô ta nghĩ ra ý tưởng phục dựng lại hồn ma đã ám căn phòng áp mái. Cố nhiên cô ta đã biết rằng vào thời điểm ấy, chính Victor là người đi lên đó vào buổi đêm. Đoán xem ai đã thể chỗ Victor? Mọi người đoán coi. Là Henry! Đương nhiên, tôi đã phản đối, nhưng không ai có thể từ chối Alice. Chỉ tại phương pháp của cô ta quá thuyết phục. Không cần thiết phải nói quá chi tiết với mọi người."

"Như vậy chính là cậu!" Tôi kêu lên. "Cậu chính là người đi lại trên tầng áp mái mà John, Victor và cha cậu đã nghe thấy."

"Phải," Henry thì thào, úp mặt vào hai bàn tay.

"Nhưng chưa bao giờ có ai ở trên đó. John đã khẳng định chắc chắn."

"Lần nào cũng vậy, vào phút cuối, tôi sẽ lên ra khỏi căn phòng ma ám và trèo lên cột nhà phía trên. Chỉ là trò trẻ con đối với tôi."

“Nhưng cửa sổ luôn đóng trong khi John lục soát căn phòng.”

“Lần nào tôi cũng đóng cánh cửa chớp đằng sau lưng, và Alice sẽ kín đáo khóa cửa sổ lại trong khi mọi người khám xét căn phòng.”

“Rất tài tình,” tôi kêu lên, bức dọc vì đã không thể đoán ra.

“Việc tương tự diễn ra với những nhân chứng khác và đương nhiên là với cả những món lời mà nhà Latimer nhận được. Đối với Victor, vị khách lúc nửa đêm, không còn nghi ngờ gì nữa, chính là vợ ông. Nghĩ mà xem. Ông đã chờ đợi sự trở về của bà biết bao nhiêu năm nay.

“Tôi không thể tiếp tục lợi dụng sự khờ khạo của họ: Victor, và hơn hết, cha tôi. Tôi đã chạm đến giới hạn của mình.”

“Tôi nhớ rất rõ. Gần như không thể nói chuyện được với cậu vào thời điểm đó.”

“Sự bất đồng với cha tôi xảy ra mỗi lúc một thường xuyên hơn, Alice vẫn chưa muốn ly hôn và tiếp tục cầu xin tôi nhẫn nại.

“Ngày nọ, tôi đã đưa ra một quyết định. Hoặc Alice đi cùng với tôi, hoặc tôi sẽ nói cho tất cả biết rằng bọn chúng đưa họ vào tròng như thế nào. Tôi đến căn hộ của cô ta và đại loại đã dồn cô ta vào tường. Cô ta khóc lóc, cô ta van xin, cô ta cố gắng bằng mọi cách để thuyết phục tôi đổi ý nhưng tôi vẫn giữ vững lập trường. Sau đó tôi bị giáng một cú vào đầu. Khi tỉnh lại, tôi thấy mình bị bịt miệng, tay và chân bị trói vào chân giường. Patrick đang ngồi bên cạnh tôi, tay khua khua một con dao dài và cùn.

“Tôi đông cứng lại vì kinh hãi. Không chỉ vì cảnh tượng con dao của Patrick mà còn vì cái cách Patrick và Alice nhìn nhau. Trong chớp mắt tôi liền bừng tỉnh: Alice đã cảm dỗ tôi để vô hiệu hóa tôi, với sự chúc phúc của Patrick. Tôi chỉ là quân cờ trong tay hai kẻ lừa đảo này, những kẻ ti tiện sẵn sàng làm mọi thứ để đạt được mục đích.

“Alice nhìn chồng cô ta đầy yêu thương. Tôi chẳng là gì đối với cô ta. Tôi vẫn nhớ rõ nụ cười của cô ta khi nói với Patrick: ‘Giờ thì em sẽ để hai người lại với nhau.’ Sau đó Patrick cố mua chuộc sự im lặng ở tôi. Tôi từ chối. Hắn ta không cố nài, thay vào đó một tia nhìn đầy sát khí hiện lên trong mắt hắn; kẻ này sắp sửa giết tôi, tôi đã nhận ra điều đó ngay từ đầu. ‘Được lắm’ hắn nói. ‘Mày không cho tao lựa chọn nào

cả.' Nhưng sự tàn nhẫn của hắn đã khiến hắn phạm một sai lầm. Thay vì giết tôi bằng một nhát nhanh gọn, hắn chậm rãi đâm con dao vào bụng tôi.

"Trước đó tôi đã quen thuộc với những thầy tu biết cách đâm xuyên bụng bằng một thanh kiếm cùn. Chính bởi thanh kiếm cùn và tốc độ thâm nhập từ từ, nên những bộ phận quan trọng được đẩy sang bên, chỉ có những mô cơ là bị chọc thủng.

"Kiến thức này đã cho tôi cơ hội sống sót duy nhất. Tôi nghiêng rặng đằng sau cái băng bịt miệng. Cơn đau quá dữ dội và tôi ngất đi.

"Khi chậm chậm lấy lại ý thức, tôi vẫn cảm thấy cơn đau tồ tẹt ở bụng. Một âm thanh lặp đi lặp lại truyền đến tai tôi. Patrick đang đào một cái hố. Hắn nghĩ tôi đã chết và chuẩn bị sẵn sàng để chôn tôi! Bao quanh chúng tôi là cây, chúng tôi đang ở trong rừng. Khi nhiệm vụ tai ác của hắn hoàn thành, hắn kéo một cánh tay cho tôi rơi xuống hố. Cái hố không quá sâu, tôi đoán khoảng gần một mét. Khi rơi, rất may tôi đã có phản xạ: tôi khom lưng để tạo ra một khoảng nhỏ dự trữ không khí cho mình. Nếu tôi nỗ lực đứng dậy, Patrick chắc hẳn đã giết tôi bằng lưỡi xẻng. Tốt hơn nên chết, rồi cố thoát ra ngoài sau. Khi những vụn đất cát rơi xuống lưng, tôi nghĩ đến Houdini, người đã để mình bị chôn dưới gần hai mét đất và vẫn đào thoát thành công. Đương nhiên, không thể nói tôi sung sức vào lúc đó - ngược lại là khác - nhưng tôi chỉ có một mét đất trên lưng. Tôi vẫn còn một cơ hội sống sót. Trong lúc uốn cong các cơ thịt trên cơ thể, tôi điều chỉnh nhịp thở của mình vì chỉ có một lượng không khí rất nhỏ được vây lại giữa thân người đang oằn lại của tôi và những bức tường huyết mệ."

"Và cậu đã thoát," Drew thốt lên, có vẻ bị câu chuyện của bạn tôi mê hoặc.

"Chỉ trong gang tấc," Henry trả lời. "Khó khăn nhất là vượt qua nỗi sợ hãi của chính mình, tin tôi đi, nói thì dễ hơn làm khi anh vừa mới bị người ta chôn sống."

"Mọi điều đã sáng tỏ," Drew tuyên bố. "Cha cậu khiến Patrick bất ngờ khi ông đi theo hắn lúc hắn mang cậu vào rừng chôn. Patrick nhận ra và đánh vỡ sọ ông. Phải, giờ đây mọi điều thực sự sáng tỏ.

Sau đó, vợ chồng Latimer chắc hẳn đã rất bàng hoàng khi nghe tin ông White không chết, vì một khi ông ấy lấy lại trí nhớ và nói được, chắc chắn sẽ lộ ra mối liên hệ hiển nhiên giữa sự biến mất của Henry và cơ thể bị vác vào rừng.

“Phải làm gì? Henry đã chết là một thực tế không thể nghi ngờ. Sẽ có một cuộc thẩm tra chính thức và như vậy là cực kì nguy hiểm. Vậy thì phải làm sao? Bọn chúng phải tìm ra câu trả lời trước khi ông White nói được. Và chúng đã tìm được một giải pháp. Bọn chúng sẽ khai nhận là đã nhìn thấy Henry, trông như đang bị săn lùng ở ga Paddington. Đúng là một chiêu bài xuất sắc. Không chỉ Henry vẫn còn sống mà cậu ta còn bị tình nghi đã tấn công cha mình - mọi người ai cũng biết những cuộc cãi vã gay gắt của hai cha con - và đã bỏ trốn. Hơn nữa, bọn chúng không phải chịu chút rủi ro nào, vì trong mắt chúng Henry thực sự đã chết, không ai có thể phủ nhận câu chuyện ấy. Đó là một ý tưởng tuyệt vời, nhưng lại có kẻ sắp sửa thọc gậy bánh xe.”

Henry nhe răng cười.

“Nhờ một vận may phi thường, James đã nhìn thấy tôi ở ga Oxford. Thời điểm đó, tôi không hề biết cha tôi bị tấn công. Tôi đang ở trong một trạng thái tuyệt vọng sâu sắc. Bị người đàn bà mình yêu phản bội, trên thực tế điều đó đã giết chết tôi. Mọi quan hệ với cha tôi đang trên bờ vực thẳm. Hơn nữa, tôi đã tiếp tay cho nhà Latimer lừa dối ông. Tôi lang bạt khắp nơi một thời gian, rồi quyết định rời khỏi đất nước. Chính vì thế, vài ngày sau khi trèo lên khỏi năm mộ, tôi đã có mặt ở ga Oxford.”

“Cậu đã nói chuyện với tôi trên sân ga, Henry, cậu còn nhớ không? Cậu nói với tôi rằng ‘Con người quá tàn nhẫn, tôi đi đây.’”

Henry gật đầu đồng ý.

“Sự trớ trêu của số phận,” Drew nhận định. “Nhà Latimer thề rằng đã nhìn thấy cậu vào lúc 12 giờ 30 ở ga Paddington, và chính xác vào thời điểm đó cậu lại ngẫu nhiên gặp bạn mình ở ga Oxford.”

“Bọn chúng đã nghĩ gì khi nghe lời khai của tôi nhỉ?” tôi hỏi. “Phải chăng chúng nghĩ rằng tôi tự tưởng tượng ra hay cho là Henry đã đội

mồ sống dậy?”

“Có thể chúng đã trở lại nắm mộ mà Patrick đào,” Drew đưa ra giả thuyết. “Và thấy mặt đất bị xới tung, còn thi thể của cậu thì biến mất. Nhưng chúng ta sẽ không bao giờ kiểm chứng được điều đó nữa.” ông ta tạm ngừng. “Ba năm trôi qua, trong khoảng thời gian ấy nhà Latimer vẫn tiếp tục kiếm lợi từ việc lừa đảo. Lúc này, điều khiến tôi quan tâm nhất là làm thế nào chúng tìm cách giết được Bob Farr... trong căn phòng đã bị niêm phong! Và Bob Farr đang làm gì ở đây mới được?”

“Hồi còn ở Mỹ,” Henry ngập ngừng một lúc rồi nói. “Tôi luôn nghĩ đến việc một ngày nào đó sẽ trở về Anh. Sự trở lại của tôi sẽ được thêm thắt một chút tình tiết bất ngờ, đặc biệt được dành cho vợ chồng Latimer. Tôi muốn lợi dụng sự giống nhau giữa tôi và Bob để trả thù một cách khoái trá. Vì thế, Bob sẽ viếng thăm bọn họ trước rồi tôi mới xuất đầu lộ diện. Thử tưởng tượng xem điều đó có thể tác động tới vợ chồng Latimer đến mức nào! Bọn chúng, những kẻ kiếm sống dựa vào việc lừa người khác tin vào sự tồn tại của linh hồn, sẽ phải chứng kiến sự tái sinh của kẻ bọn chúng đã sát hại, không chỉ một mà là hai lần!

“Không cần phải nói, tôi đã cảnh báo với Bob rằng hai kẻ này rất nguy hiểm, chắc chắn chúng sẽ tìm cách trừ khử anh ta. Nghe thế, Bob trả lời ‘Nếu chúng thích chơi cứng, tôi sẽ dạy chúng một bài học.’ Bob rời đi và hứa sẽ gọi điện cho tôi hai ngày một lần.

“Tôi không biết chính xác chuyện gì xảy ra tiếp theo, nhưng tôi có thể hình dung được. Nhà Latimer chắc hẳn đã đánh gục và bắt giữ cậu ấy. Tôi có thể mừng tượng được cuộc đối thoại giữa bọn chúng:

“‘Alice, hắn không phải hồn ma đâu! Bình tĩnh đi! Henry vẫn chưa chết khi anh chôn hắn, chỉ có thể thôi!’

“‘Chỉ có thể thôi! Đây là tất cả những gì anh có thể nói với em à, Patrick!’

“‘Được rồi, đương nhiên chúng ta vẫn sẽ phải giết hắn. Anh có ý này. Chúng ta sẽ không giấu thi thể đi, mà trưng nó ra cho mọi người cùng thấy.’

“‘Anh điên rồi. Anh sẽ làm chúng ta bị treo cổ mất!’

“Không, nghe anh nói, em yêu: chúng ta sẽ gợi ý với Victor và Arthur rằng bà Darnley bị sát hại, và linh hồn của bà ta - đừng quên đó là hồn ma đã ám căn phòng áp mái mấy năm trời - muốn hiện về và trả thù. Chúng ta sẽ đề xuất làm thử nghiệm gọi hồn ngay tại căn phòng ma ám, và căn phòng sẽ được niêm phong từ trước. Sau đó, mọi người phát hiện thi thể của Henry trong đó! Em có thể hình dung được hiệu quả mà nó đem lại không, và cả sự chú ý của công chúng dành cho chúng ta?”

“Hừm. Phải, nhưng quá nguy hiểm. Chúng ta sẽ bị nghi ngờ.”

“Không. Hãy nghe kế hoạch của anh...”

“... Mọi chuyện đại loại đã diễn ra như vậy,” Henry nói, chấm dứt đoạn hội thoại tưởng tượng.

“Đến đó thì đều chính xác,” Drew gật đầu đồng tình. “Mọi thứ đều khớp cho đến thời điểm đó. Nhưng làm thế nào mà bọn chúng lại có thể thay thế được dấu niêm phong sau khi đã sát hại Bob trong căn phòng ma ám?”

Henry nhìn xoáy vào tôi.

“James, cậu có nhớ thứ đã gây ấn tượng mạnh với cậu trong lần thứ hai lên căn áp mái không? Là tỷ lệ. Tỷ lệ hành lang không còn như trước nữa!”

Tám màn phủ lên ký ức của tôi bắt đầu tuột xuống.

“Đúng,” tôi thừa nhận. “Chính là nó. Nhưng tôi vẫn chưa hiểu.”

“Tôi không có mặt ở hiện trường lúc đó,” Henry tiếp tục. “Nhưng những gì nghe được đủ để tôi tái hiện toàn bộ vụ án. Vụ án này thực sự là một tuyệt tác, theo cách riêng của nó, và chỉ có thể được thai nghén và thực hiện bởi một nhà ảo thuật bậc thầy. Vậy nó được thực hiện ra sao?”

“Mọi người phải biết rằng kết cấu của căn gác vốn đã khá thích hợp cho việc dàn cảnh. Một hành lang dẫn tới tám rèm che đi toàn bộ bức tường phía sau. Ở bên phải, bốn cánh cửa mở ra những căn phòng y chang nhau, trừ căn phòng thứ nhất là có chứa vài món đồ đặc gì đó. Cũng nên nhớ rằng những cánh cửa này lẩn vào với bức tường, tất cả đều được ốp ván gỗ sồi sẫm màu. Thực tế, chỉ có thể nhìn rõ bốn chiếc

tay nắm cửa bằng sứ trắng. Mọi người thấy gì khi lần đầu tiên lên căn áp mái? Ánh sáng le lói phát ra từ phía sau cánh cửa cuối cùng đang mở khiến cho ba tay nắm cửa còn lại phát sáng - và chỉ có thế. Mọi người không thực sự nhìn thấy bốn cánh cửa, mà chỉ thấy một cánh cửa đang mở và ba chiếc tay nắm.

“Cánh cửa đang mở thực ra là cửa căn phòng thứ ba. Vợ chồng Latimer đã dịch tấm rèm phía cuối lên trên, làm cho hành lang ngấn lại và giấu đi căn phòng cuối cùng. Bọn họ cũng đã tháo ba chiếc tay nắm cửa và gắn chúng lên mặt gỗ sao cho cách đều nhau trong khoảng giữa cánh cửa thứ ba và đầu hành lang.

“Nhờ bố trí ánh sáng khéo léo, ảo giác được tạo ra một cách hoàn hảo. Chúng ta sẽ có ấn tượng về một hành lang có bốn cánh cửa bên tay phải với cánh cửa cuối cùng đang mở. Lưu tâm đến điều đó, để dời sự chú ý của mọi người khỏi những chiếc tay nắm cửa, Alice thận trọng đứng về phía tường bên phải, và nhanh chóng hướng các vị khách về phía căn phòng thứ ba lúc này đã được coi là căn phòng thứ tư - căn phòng ma ám.

“Ngay trước 9 giờ, hẳn là vậy, Patrick đã giết Bob khi cậu ta đang bị bịt miệng và trói thân trong căn phòng ma ám. Đương nhiên vào lúc đó, tất cả tay nắm cửa và tấm rèm đều đã được di chuyển. Khoảng 9 giờ 25 phút, Alice rời khỏi phòng khách, lấy cố mang chiếc giá nền, hộp ruy-băng và đồng xu dùng để niêm phong lên gác. Nhân đây thì đó là thời điểm duy nhất cha đã để đồng xu xa khỏi tầm tay mình. Mọi người có thể đoán được Alice đã dùng mười phút đó thế nào: cô ta niêm phong cánh cửa căn phòng ma ám nơi thi thể Bob Farr đang nằm và đặt giá nền vào căn phòng thứ ba, và chúng ta đã biết nó thiết yếu thế nào trong việc tạo ra hiệu ứng ánh sáng.

“Sau đó cô ta đi xuống. Patrick đi tìm mũ và áo khoác của hắn ngoài sảnh. Alice, dẫn theo nhóm người, lại leo lên căn áp mái và đưa những người đồng hành vào nơi bọn họ tin là căn phòng ma ám. Patrick, chủ tâm ngụy tạo bước đi của mình để mọi người sau đó sẽ nghĩ anh ta thực sự là Henry, rồi đi vào phòng. Mọi người rời đi - đương nhiên là ngoại trừ Patrick - và căn phòng được niêm phong. Dĩ nhiên, thao tác

niêm phong là do Alice thực hiện, trước đó cũng chính cô ta đã làm một dấu niêm phong y hệt lên cánh cửa thứ tư. Sau một chốc trì hoãn, trong khi mọi người đều đang kiên nhẫn đợi chờ ở tầng dưới, Patrick rời khỏi căn phòng thứ ba. Hắn ta cẩn thận dỡ bỏ mọi vết tích của dấu niêm phong mà hắn đã làm hỏng lúc ra khỏi phòng, đặt tấm rèm và những chiếc tay nắm cửa về đúng chỗ, thoát ra khỏi căn phòng áp mái để lại thi thể Bob Farr được niêm phong kín trong căn phòng ma ám. Hãy lưu ý rằng người chết đã được mặc áo khoác và đội mũ tương tự như Patrick từ trước. Hắn tiến đến sảnh để diễn tiếp vai của mình, đó là bị đánh bất tỉnh khi đang chuẩn bị mặc áo khoác.

“Phải, vụ án này thực sự là một tuyệt tác, vì thời điểm duy nhất mà toàn bộ âm mưu có nguy cơ bị phát hiện là lần đầu tiên đi lên căn áp mái. Nhưng tôi chắc chắn nhà Latimer đã có một kịch bản khác phòng trường hợp ai đó phát hiện có gì đó gian trá với tấm rèm cửa và các tay nắm. Hãy nhớ rằng lúc ấy không một ai nghi ngờ về việc có thể có một thi thể ở trên đó. Mọi người đều đang chờ đợi kết quả của cuộc thử nghiệm. Bác Darnley, người duy nhất quen thuộc với quang cảnh xung quanh lại đang quá chìm đắm với suy nghĩ sẽ được gặp vợ một lần nữa nên không hề nhận ra hành lang đã bị rút ngắn lại một đoạn. Khi Patrick đặt tấm rèm và tay nắm cửa trở lại chỗ cũ, thì không còn liên hệ nào giữa vụ án và nhà Latimer nữa, và thi thể của Bob trong căn phòng ma ám đã sẵn sàng chờ mọi người phát hiện. Vụ án sẽ nhuộm màu sắc siêu nhiên. Thực tế, rất nhanh chóng mọi người sẽ nhận ra rằng không một người sống nào có thể đi vào căn phòng ma ám đó được. Và tôi phải thừa nhận rằng James, nếu cậu không chú ý đến ấn tượng lạ kì vào lần thứ hai lên căn gác, có lẽ tôi sẽ không bao giờ phát hiện ra bất cứ điều gì, ngay cả khi biết chắc vợ chồng Latimer là hung thủ.”

“Tôi cũng phải đồng ý với cậu, đây đúng là một vụ án phi thường,” Drew thú nhận. “Dù sao thì nếu chúng ta xem xét kĩ lưỡng căn phòng áp mái, gần như chắc chắn chúng ta sẽ phát hiện ra dấu vết để lại của việc di chuyển tay nắm cửa và thanh xà treo tấm rèm.”

“Tôi không chắc,” Henry nói. “Patrick hẳn đã phải đảm bảo không

để lại bất cứ dấu vết gian trá nào. Đừng quên là chúng ta đang phải đối phó với một ảo thuật gia chuyên nghiệp, vì thế mọi người có thể hình dung được sự thận trọng của họ với những thứ ảnh hưởng gián tiếp tới tính mạng của mình. Đương nhiên chúng ta có thể tìm kiếm ở trên đó, nhưng sẽ không tìm thấy gì cả, may ra thì chỉ tìm thấy dấu đinh ghim dùng để cố định tay nắm cửa.”

Drew hát hàm về phía trường kỉ.

“Dù sao thì, việc đó cũng chẳng có tác dụng gì nữa cả, Nhà Latimer không còn để chờ phán quyết nữa rồi.”

“Tôi không biết ai đã giết những con chim săn mồi này,” Henry nói với vẻ nhản nhỏ. “Nhưng tôi không phải là người có thể đưa kẻ sát hại bọn chúng ra trước công lí.”

Cậu im lặng trong một khoảnh khắc. “Tội nghiệp Bob, lẽ ra tôi không bao giờ nên để cho cậu ấy đi. Trước khi khởi hành, cậu ấy đã hứa sẽ thường xuyên điện cho tôi, và thực hiện đúng như thế trong vài ngày đầu, sau đó tôi không nhận được tin tức gì từ cậu ấy nữa. Tôi biết nhà Latimer quá rõ nên ngay lập tức nhận ra rằng bọn chúng đã trừ khử cậu ấy bằng cách này hay cách khác. Tôi bắt chuyến bay đầu tiên về đây. Còn lại thì mọi người đều đã biết.”

“Vậy tại sao cậu không lập tức tố giác bọn chúng, Henry? Nếu vậy có lẽ cha cậu vẫn còn sống.”

“Phải,” Henry ngắt ngữ. “Đúng thế, nhưng tôi đã không biết hay tưởng được những gì chúng dám làm. Hãy nhớ rằng không có bằng chứng nào chống lại chúng. Sự trở về của tôi chắc hẳn đã làm chúng choáng váng sau khi tin rằng đã giết chết tôi đến lần thứ hai. Tôi cảm thấy nếu để bọn chúng lo lắng bồn chồn như vậy thì sẽ đến lúc chúng quá hoang mang mà tự để lộ chân tướng. Tiện đây thì Alice đã thực sự bị suy nhược thần kinh.”

“Ngẫm lại, tôi tin rằng bọn chúng đã nhầm sai mục tiêu khi sát hại cha tôi, vì nhất định người bọn chúng hướng đến là tôi. Bọn chúng có đủ mọi lí do để trừ khử tôi. Bọn khốn nạn, giá mà tôi biết trước.”

Vẫn không rời mắt khỏi quả cầu thủy tinh, Drew châm một điếu thuốc. Trên mặt ông ta hiện rõ vẻ mãn nguyện thanh thản mà tôi chưa

thấy bao giờ. Lời giải thích của Henry rõ ràng đã trút bỏ gánh nặng khỏi vai ông.

“Tôi phải thừa nhận rằng,” ông ta lên tiếng. “Những tên sát nhân này đã tạo nên cả một nghệ thuật trong tội ác của chúng. Rất hiếm khi gặp được những tên tội phạm ngoại hạng như vậy. Nhưng vẫn tồn tại nghi vấn về vụ sát hại cha cậu. Tôi rất tò mò muốn biết làm thế nào bọn chúng có thể thoát khỏi ngôi nhà mà không để lại dấu chân trên tuyết. Cậu có giải thích được không?”

“Không, tôi không thể,” Henry thẳng thừng. “Là chưa thể. Nhưng chắc chắn phải có một mảnh khoe nào đó.”

Đột nhiên, mặt của Drew chùng hẳn xuống. Ông ta há miệng muốn nói nhưng không phát ra âm thanh nào, người vẫn chôn nguyên tại chỗ.

“Sao thế, ông thanh tra?” Henry nhẹ nhàng hỏi.

“Tôi... bọn chúng... vợ chồng Latimer đã chết hai ngày nay. Chúng không thể giết cha cậu. Cha cậu mới bị giết trong vòng hai mươi tư tiếng. Không thể là bọn chúng. Điều đó là không thể nào.”

Một thoáng im lặng nặng nề bao trùm. Drew lộ vẻ quẩn trí, rít những hơi thuốc sâu đến nỗi tạo ra một đám mây thực sự bằng khói trên đầu ông ta. Henry tái mét mặt, bồn chồn nắm chặt hai tay. Từng giọt mồ hôi túa ra từ hàng lông mày và một đường gân dị thường nổi lên.

“Thế thì ai?” tôi kêu lên. “Ai?”

Henry nhìn tôi trân trời và trả lời với một nụ cười đáng ngờ.

“Chỉ một người duy nhất trên đời có thể gây án. Chỉ duy nhất một người.”

Tôi không hiểu tại sao, nhưng biểu cảm trên mặt Henry khiến cho máu tôi như đông lại. Da cậu ta đã nhuốm một sắc xanh, và đôi mắt trong vắt dường như phát ra một thứ ánh sáng dễ sợ.

“Hắn, kẻ bỏ bùa mê cả thế giới,” bạn tôi tiếp tục. “Hắn, kẻ bắt tử.”

“Ai?” Drew la lên.

Một nụ cười đắc thắng hiện rõ trên gương mặt Henry. Cậu tuyên bố bằng giọng kiêu hãnh điên cuồng tới mức khó tin.

“Harry Houdini!”

Drew chờ ra, trân trời nhìn Henry.

“Harry Houdini,” ông ta nói. “Nhưng...”

Im lặng lại một lần nữa bao trùm. Henry, mặc cho chúng tôi đang nhìn chằm chằm đầy lo ngại, chiêm một điều thuốc khác. Cậu ta khó nhọc nuốt khan vài lần mới tiếp tục được.

“Khi hấp hối, Houdini đã cam đoan với vợ rằng bà sẽ nhận được lời nhắn nhủ của ông từ bên kia thế giới. Trong suốt những tháng ngày còn lại của cuộc đời, vợ ông đã chờ đợi tin tức ấy trong vô vọng. Người ta cho rằng Houdini đã không thành công trong việc đào thoát khỏi thế giới linh hồn; một sai lầm nghiêm trọng. Houdini đã giữ lời thề dị thường của mình, hay gần như thế. Nếu ông ta không tự tiết lộ

bản thân thì là bởi ông ta không biết mình đang ở đâu! Ba năm sau khi qua đời, Houdini đã đầu thai vào năm 1929, cũng chính là năm tôi sinh ra.

“Rất khó để lí giải, vì đó không chỉ là vấn đề đầu thai ngẫu nhiên, mà đúng hơn là di truyền: Houdini tái sinh thành con cháu một người trong gia đình ông.” Henry nhìn Drew đầy thần phục. “Nếu không có sự can thiệp của ông, ông thanh tra, không có năng lực tâm lí học thiên bẩm, cùng với khả năng phân tích, sự miễn tiện và thấu suốt của ông thì không có ai - tuyệt đối không một ai - có thể biết được! Ngay cả Houdini! Bởi vì tôi... tôi là Houdini!”

Tim tôi ngừng đập. Drew và tôi tê liệt vì sợ hãi. Người bạn của tôi đã mất trí và nghĩ bản thân mình là Houdini.

“Tôi nợ ông mọi thứ, ông thanh tra,” Henry tiếp tục bắt lấy tay Drew đầy hàm ơn với ánh mắt man dại. “Như tôi đã nói, không có sự can thiệp của ông, tôi sẽ không bao giờ biết được mình là ai. Bài diễn thuyết của ông ngày hôm đó và cuộc điều tra tỉ mỉ của ông đã chứng minh thân phận không thể chối cãi được của tôi: Harry Houdini! Tôi là Houdini! Houdini Vua thoát hiểm! Thử hỏi còn cách nào khác để lí giải sự tương đồng đến kinh ngạc như vậy. Và còn xuất thân của cha, người cha có họ Weiss của tôi, lại còn là họ Weiss từ Budapest!” Henry mê hoặc nhìn những mạch máu trên tay. “Dòng máu của Houdini chảy trong huyết mạch tôi. Tôi là Houdini, Houdini vĩ đại!

“Phải, ông thanh tra, tôi nợ ông mọi thứ, không có ông tôi sẽ không bao giờ biết được. Không bao giờ biết rằng người đàn ông chịu trách nhiệm cho cái chết của mẹ tôi là đáng chết, lại còn dưới bàn tay của chính tôi. Ông thấy đấy, tôi sùng kính mẹ mình, bà ấy là tất cả với tôi. Cái chết của bà là một cú giáng khủng khiếp. Không ai có thể bày tỏ cảm giác thực sự của mình trong hoàn cảnh như thế.

“Khi đã biết mình là Houdini - nhờ có ông, ông thanh tra - chưa đầy một tuần sau tôi hiểu ra rằng cha tôi không có quyền được sống. Chính tại ông ta mà bà ấy, người đã sinh ra Houdini, phải chết vì tai nạn ô tô ba năm trước. Houdini phải thấy công lí được thực thi. Ông phải giết kẻ đã phạm tội không thể tha thứ là cướp đi mạng sống của

mẹ ông, ngay cả khi kẻ đó là cha ông!”

Trước tình cảnh kinh khủng này, Drew chỉ còn biết vùi mặt vào hai lòng bàn tay. Ông thanh tra, người được mệnh danh là Nhà tâm lý học phải chịu trách nhiệm cho việc này, vì lời cáo buộc sai lầm mà khiến cho một thanh niên mất trí. Không chỉ làm Henry hóa điên, ông ta còn mang tới cho cậu một động cơ giết người. Không thể tưởng tượng nổi: một thanh tra cảnh sát, trong quá trình thi hành nhiệm vụ đã tự tay tạo nên một kẻ sát nhân.

Không gian tràn ngập một sự yên lặng rợn người. Drew có vẻ suy sụp.

“Henry,” tôi lắp bắp. “Không đúng, cậu mất trí rồi. Nghĩ lại đi, cậu đã ở với tôi cả buổi tối... Cậu không thể làm việc đó được.”

“Không, James, thực sự tôi chính là người đã giết ông ta. Phụ thuộc vào tôi cả thôi. Và tôi phải công nhận rằng vụ án của tôi là một tuyệt tác. Một tuyệt tác kết hợp giữa giản đơn và khéo léo.

“Kể từ cái chết của Bob, cha - cũng như hầu hết dân làng - đều đi ngủ với một khẩu súng nạp đạn sẵn trong tầm với. Nếu cậu còn nhớ, James, khoảng 10 giờ tối hôm đó, khi chúng ta đang hát Chúc mừng thì điện thoại reo. Tôi là người trả lời. Không phải nhầm số như tôi đã nói, đó là cha tôi. Cha gọi để cầu cứu: ‘Henry, về mau! Cha đã bắn phải mình khi thử súng. Cha đang ở trong phòng ngủ. Nguy cấp lắm... một viên đạn vào đầu... về ngay đi... gọi cấp cứu, có thể vẫn còn cơ hội... Nhanh lên! Nhanh lên, Henry!...’

“Mọi người hình dung được không, tôi đang lên kế hoạch giết cha mình thì cơ hội lại bày sẵn ra đây. Bằng cách trì hoãn việc giải cứu, tôi đã giết kẻ sát hại mẹ tôi.

“Sau đó, James, chúng ta đã chơi một ván cờ. Dĩ nhiên tâm trí tôi không còn để ở đó, nếu không thì - cậu cũng phải thừa nhận rằng cậu sẽ không bao giờ có bất kì cơ hội nào thắng được tôi. Trong suốt ván cờ, tôi ngồi phân tích tình thế. Khả năng cha tôi gọi cho ai khác là rất thấp, lí do thứ nhất là vì hầu như ông ta không còn đủ khả năng làm thế và lí do thứ hai là tôi đã đảm bảo mình sẽ về giải quyết.

“Nhưng vì có sự can thiệp của tôi nên vụ tai nạn đã biến thành một

vụ sát nhân. Việc này không được phép bỏ qua. Hơn nữa, thi thể được phát hiện trước khi tuyết rơi trở lại cho nên lớp tuyết nguyên vẹn không in một dấu chân nào xung quanh nhà lại khiến cho vụ án này đượm vẻ siêu nhiên và ma thuật. Một vụ giết người phi thường, xứng tầm với Houdini! Chính vì thế vụ tai nạn này tuyệt đối phải trông giống như một vụ mưu sát.

“Hồi còn làm việc ở rạp xiếc để kiếm sống, tôi gặp một nghệ sĩ phúc ngữ⁽²⁾ cổ truyền nghề cho tôi. Mặc dù phải thừa nhận ý định ban đầu không mấy thành công, nhưng ông ta đã nhận ra tôi có năng khiếu nhại giọng.

“Trước 11 giờ một lúc, ngay sau khi chúng ta kết thúc ván cờ, tôi đã gọi cho cha. Không có ai trả lời, ông ta đã chết. Vì thế tôi đã gọi cho Victor, giả giọng cha tôi: Tên sát nhân... Ôi! Đầu của tôi... Tôi nghe thấy có tiếng động... Tôi tỉnh dậy... một cái bóng... súng nổ... Tôi bị thương rồi, Victor... Đến mau!... Tôi chết mất... nhanh lên, nhanh lên!” Còn lại mọi người đã biết. Tuy nhiên, tôi phải thừa nhận mình có lo sợ khi biết tin cha còn sống. May mắn thay, người ta đã không thể cứu sống ông. Chúng tôi một tiếng trì trệ là chí tử.

“Đương nhiên, tôi là người đầu tiên vào nhà, vì vậy đã có thể mở cánh cửa dẫn ra vườn. Ha ha! Tên sát nhân trốn thoát không để lại bất cứ dấu vết nào trên tuyết. Một vụ giết người tài tình, xứng đáng với Houdini!

“Còn một điều nữa, James ạ. Cậu có biết tại sao chúng ta không nghe thấy tiếng súng không? Bởi vì chúng ta đang hát *Chúc mừng sinh nhật* đến lưng cả phổi. Ha ha! Nếu cậu bắn khoản tại sao tôi lại nói với cậu tất cả những điều này, bạn của tôi, thì đó là vì tôi biết mình có thể trông đợi sự thấu hiểu ở cậu. Ông thanh tra, tôi không biết phải cảm ơn ông bao nhiêu cho đủ vì đã giúp tôi tìm ra thân phận thực sự của mình. Cảm ơn ông, ông thanh tra, ngàn lần cảm ơn ông.”

Tôi thu mình lại trên chiếc ghế, cố tỉnh trí, cố để không phải nghe giọng Henry.

“Nhà Latimer đã giết người bạn Bob của tôi. Ban đầu, tôi không biết nên vạch mặt bọn chúng hay tự mình thực thi công lí. Tôi đã lưỡng lự

một thời gian dài, nhưng khi thấy bọn chúng chắt va li lên xe và nhận ra chúng sắp đi đến nơi rồi, tôi quyết định phải nhanh chóng hành động. Tôi lên vào phòng bọn chúng, nhân lúc chúng đang ngủ thì đánh cho bất tỉnh. Tôi bịt miệng và trói chúng lại. Khi tỉnh lại, hai tên lừa đảo hoàn toàn kinh hãi thấy tôi trước mặt, đáng diệu đe dọa, tay lăm lăm con dao. Tôi chuẩn bị trả thù. Mặt bọn chúng méo xẹo vì khiếp sợ, trong lúc chờ tôi trả lại cho chúng nguyên vẹn những việc mà bọn chúng đã làm với tôi ba năm trước. Với từng tên một, công lí được thực thi bằng một nhát dao nhanh gọn sau khi đã khoét vài cái rãnh vào bụng để tăng tối đa nỗi khiếp sợ mà chúng phải chịu đựng. Lũ chó khôn khổ đã phải đền đáp xứng đáng cho nỗi sợ hãi mà chúng đã gieo rắc khắp ngôi làng của chúng ta.

“Tôi không thể mang thi thể xuống dưới vì cái cầu thang cột kẹt khôn kiếp có thể khiến bác Victor bắt quả tang. Vì thế tôi tạm thời để chúng vào trong chiếc trường kỉ cho đến khi có cơ hội di chuyển. Ngay cả như vậy thì tôi cũng mất khá nhiều thời gian để giải quyết mấy cái lò xo. Tôi đã quăng chúng qua ngoài cửa sổ, gắng sức để quăng thật xa.

“Xe và va li của chúng hiện đang nằm dưới đáy con sông gần đây. Nhưng... sao thế, James, sao cậu lại khóc? Và ông, ông thanh tra, trông ông như chết rồi ấy. Tỉnh lại đi! Hai người đang ở trước mặt Houdini, Harry Houdini, Vua thoát hiểm. Người trở về từ cõi chết. Người đàn ông...”

Tôi không thể chịu đựng thêm được nữa và dần dần mất ý thức. Những hình ảnh cuối cùng tôi thấy là Drew rút khẩu súng lục của ông ta ra.

Như vậy, ông thanh tra, ai đó đã ăn trộm chiếc xe của ông? Nhưng tại sao lại phải điều động toàn hạt chỉ vì một tên trộm xe? Giờ đã là 1 giờ sáng. Có hai thi thể đang đợi xử lý vậy mà ông vẫn khăng khăng đòi truy tìm một tên trộm xe vớ vẩn. Thành thực mà nói, ông thanh tra...”

“Yên lặng đi!”

“Được rồi, được rồi, ông thanh tra, vậy thì chúng ta kết thúc tại đây. Ta có thể mang hai thi thể đi luôn. Chúng ta đã truy nã hai con chim này khắp cả nước, vậy mà chúng lại ở ngay dưới mũi chúng ta suốt thời gian đó.”

“Trung sĩ, anh mà nói thêm một lời nào nữa, tôi sẽ...”

“Ông muốn nói gì thì nói, ông thanh tra. Nếu tôi không nhầm thì anh Steven vừa tỉnh lại. Nhưng ông vẫn chưa giải thích lý do anh ta bị ngất, ông thanh tra ạ, và cả việc tại sao ông lại có cục u trên trán thế kia.”

“Đủ lắm rồi đấy, trung sĩ. Anh có thể đi được rồi. Và tất cả những người khác nữa. Đừng quên hai thi thể và đừng quay lại vì bất kỳ lý do gì trừ khi có tin tức về chiếc xe.”

Tôi bắt đầu trấn tĩnh lại. Cảnh sát lục tục rời khỏi phòng.

Drew đi tới chỗ tôi, mặt trắng bệch như tờ giấy. Trên trán ông ta chình ịch một vết bầm lớn.

“Cậu đã thấy khá hơn chưa?” Ông ta hỏi.

“Dạ rồi, nhưng còn Henry đâu?”

“Đợi đến lúc những người này ra ngoài hết đã.” ông ta lệnh cho tôi im lặng. “Giờ chúng ta có thể nói chuyện được rồi. Tối giờ, chỉ có cậu và tôi biết Henry là hung thủ. Vừa nãy khi tôi chuẩn bị bắt giữ thì cậu ta ném quả cầu thủy tinh vào đầu tôi. Dĩ nhiên là lúc tôi tỉnh lại thì cậu

ta đã đi mất, cùng với chiếc xe của tôi.”

Một viên cảnh sát lao vào phòng.

“Sếp, tôi đã tìm thấy xe của ông. Nó đang lao hết tốc lực về phía Luân Đôn.”

“Nhanh lên, chàng trai,” Drew nói nhanh tới mức không kịp thở. “Đi theo tôi. Chắc tôi sẽ cần đến sự giúp đỡ của cậu.”

Khoảng 3 giờ sáng, Drew và tôi ra khỏi xe cảnh sát.

“Ông thanh tra, anh ta ở kia, trên cầu. Chúng tôi không thể áp sát thêm nữa vì anh ta có vũ khí. Hai người của tôi đã bị thương rồi. Ông có mệnh lệnh gì không?”

“Cứ án binh bất động,” Drew trả lời. “Mọi người giữ nguyên vị trí. Cậu ta có đường trốn thoát không?”

“Không thể, thưa sếp.” Cảnh sát viên trả lời với một thoáng ngạc nhiên. “Người của tôi đang chặn ở cả hai đầu cầu. Không còn đường trốn thoát. Trừ khi anh ta nhảy xuống sông Thames, nhưng như thế chẳng khác nào tự sát, nước sông lạnh buốt. Còn xe của ông, thưa sếp, tôi e rằng...”

“Không cần lo xe!” Drew hét lên. “Cứ làm theo lệnh của tôi. Tôi sẽ ra gặp cậu ta. Không ai được di chuyển.”

“Ông điên rồi, ông thanh tra. Hắn ta sẽ bắn ông. Hắn có súng. Hắn đã...”

Drew có vẻ như sắp đâm cấp dưới đến nơi nhưng lại đổi ý vào phút cuối. Sau đó ông ta đi về phía cây cầu.

“Đợi đã, ông thanh tra, tôi sẽ đi cùng ông!” Tôi la lên.

Drew ngoái đầu và nhìn tôi tưởng chừng rất lâu trước khi mở lời.

“Cậu ta chắc hẳn đã lấy vũ khí ở học đựng đồ trong xe tôi, đó lại là một khẩu hạng nặng. Cậu có biết những nguy cơ chúng ta có thể gặp phải không?”

“Tôi biết. Nhưng tôi là bạn thân nhất của cậu ấy, cậu ấy sẽ không bắn tôi.”

Drew do dự, sau đó ra hiệu bảo tôi đi theo.

Đám cảnh sát đứng chốt quanh cầu nhìn chúng tôi như tiễn biệt. Drew bước lên cầu, tôi vội vã theo sau.

Henry và tôi mới ăn tối cùng nhau vài tiếng trước. Henry, người bạn tri kỉ của tôi. Henry, người đã biến thành một con quái vật. Henry, người chuẩn bị nhảy xuống từ một trong số các cột trụ cầu. Dòng sông Thames bình yên chảy dưới chân chúng tôi trong ánh sáng bạc của vầng trăng. Henry, kẻ sát nhân. Lạy chúa tôi!

“Cậu ta kia rồi,” Drew thì thào. “Cậu ta chính là cái bóng bên cạnh cột trụ ở chính giữa cầu. Cứ đi như bình thường, chàng trai, như thể không có việc gì cả.”

“Ông thanh tra, ông ở lại, tôi sẽ đi.”

“Không thể được.”

“Được rồi, nhưng ông phải đi đằng sau tôi.”

Tôi có thể nhìn thấy khuôn mặt Henry. Nét mặt cậu méo mó vì điên cuồng và khiếp sợ, không thể nhận ra người bạn của tôi nữa.

“Đứng lại đó, James!” Cậu kêu lên, vung khẩu súng về phía tôi.

“Là tôi, Henry, James bạn thân mến của cậu đây.”

“Đứng lại!”

“Cậu không ổn, Henry, cậu cần được giúp đỡ. Nào, đưa khẩu súng cho tôi.”

Tôi đứng cách cậu vài mét. Tôi thấy ngón tay cậu đang siết dần vào cò súng. Tôi nhìn thẳng vào mắt cậu.

Henry cúi thấp đầu, rồi khẩu súng rơi xuống đất.

“James,” cậu ấy thì thầm, giọng bi thiết.

Đột nhiên, cậu nhảy vọt qua lan can và buông mình xuống khoảng không. Tiếng lặn xuống nước phá vỡ sự tĩnh lặng của màn đêm. Drew nhoài người qua lan can. Tôi nhoài theo. Nhưng không thấy gì khuấy đảo mặt nước đen ngòm của dòng sông Thames.

“Thế là hết,” một lúc sau, Drew tuyên bố. “Không thể làm gì cho cậu ta nữa. Có lẽ mọi chuyện như thế này lại tốt.”

“Ông biết không, thanh tra, cậu ấy là một anh chàng tử tế đến tận cùng. Không ai cần biết cậu ấy đã sát hại cha mình, nếu ông hiểu ý tôi. Nhà Latimer chỉ nhận lại những gì bọn chúng gây ra.”

Drew đặt tay lên vai tôi.

“Người giết cha Henry không phải cậu ấy, mà là một thanh tra cảnh sát ngu xuẩn. Tên thanh tra mà người ta xưng tụng là Nhà tâm lý học! Một tên thanh tra tự cho mình tài giỏi hơn bất cứ ai! Không, chàng trai, cậu không ở vào vị trí của tôi, không thể cảm nhận sâu sắc sự ghê tởm bản thân như tôi hiện giờ. Nếu không còn vợ và con, tôi tin rằng mình đã theo chân bạn của cậu. Người bạn trẻ bị lời buộc tội của tôi làm cho hóa điên, đến mức...”

“Cậu không cần lo đâu, sẽ không một ai biết được kết cục của câu chuyện khủng khiếp này, câu chuyện mà hầu hết trách nhiệm thuộc về một tên thanh tra cảnh sát ngu ngốc. Tôi sẽ lưu ý, cậu hãy yên tâm về việc đó. Cái chết của ông White sẽ được coi là tai nạn, đúng như sự thực những gì đã diễn ra, sau đó bạn cậu vì quá khổ tâm mà mất trí và tự kết liễu cuộc đời. Về phần vợ chồng Latimer, xét quá khứ của bọn chúng thì việc bị sát hại có thể dễ dàng giải thích.

Một trong số nạn nhân từng bị họ lừa đảo đã phát hiện ra sự thật và trả thù.”

Trên bờ sông Thames, một vài điểm sáng đang di động. Những dải ánh sáng quét qua mặt nước.

Tiếng bước chân dội lại khi mấy viên cảnh sát tới gần.

“Thôi, đi nào.” Drew nói. “Không hi vọng tìm được bạn cậu còn sống sót đâu. Để tôi đưa cậu về nhà.”

“Không, cảm ơn, ông thanh tra. Giờ tôi không muốn về nhà. Tôi cần được ở một mình.”

Hai ngày sau, ông bà Steven trình báo con của họ là James đã mất tích. Vĩnh viễn không tìm được anh ta.

PHẦN NĂM

HỒI KẾT

Thật không thể tin nổi. Tiến sĩ Twist đã tìm được lối ra khỏi mê cung. Tôi đã hoài nghi, vì giải pháp của ông ta là lời giải thích hợp lí và hiển nhiên cho một câu đố mà tác giả - trong trường hợp này chính là tôi - đã biết kết cục ngay từ đầu. Ông ta không chỉ giải thích được vụ sát hại Bob Farr và Arthur White một cách đầy thuyết phục, mà còn làm sáng tỏ thái độ kì lạ xuyên suốt câu chuyện của Henry.

Chỉ có hai khả năng: một là tiến sĩ Twist thực sự phi thường, bằng không, trong tiềm thức, ngay từ đầu tôi đã biết toàn bộ câu chuyện. Bình thường, hiệu suất của tôi chưa đến ba trang một ngày, vì tôi thỉnh thoảng phải dừng lại để suy xét cho mạch lạc, cũng như tham khảo từ nhiều nguồn khác nhau. Vậy mà chỉ cần mười buổi tối để viết câu chuyện này, và tôi mới dùng một nguồn tham khảo duy nhất là cuốn sách về Houdini. Thật không thể tin nổi!

Nhưng tại sao tiến sĩ Twist lại để James Steven biến mất ở đoạn cuối? Tình tiết đó chẳng có ý nghĩa gì với câu chuyện này cả, mà thực chất lại khá nực cười.

Nghĩ lại, có gì đấy kì lạ trong bức thư kèm theo của ông ta. Xem nào, ở chỗ nào nhỉ. Đây rồi! “... câu chuyện của ông chỉ chứa lại một đáp án duy nhất... tôi phải thú nhận rằng tôi có viện tới vài sự trợ giúp... Chúng ta sẽ bàn bạc mọi chuyện...” Tất cả những điều đó là sao?

Sao lại phải mất thời gian suy đoán khi vấn đề có thể được giải quyết bằng một cú điện thoại nhỉ?

Tôi đã định quay số gọi cho Twist rồi lại đổi ý. Hãy để mọi thứ trì hoãn một vài ngày. Nếu tôi gọi ngay sau khi đọc được giải pháp của ông ta thì chỉ có tác dụng thuyết phục ông ta càng tin vào năng lực bản thân, và tôi thì không có tâm trạng để chịu đựng chiến thắng của ông ta từ đầu dây bên kia, dù ông có giả lả khiêm tốn hay không. Tôi

phải thú nhận là việc Twist giải quyết câu đố một cách dễ dàng và nhanh gọn như vậy đã chọc tức tôi ở một mức độ nào đó. Dù sao tôi cũng là John Carter, nhà văn trinh thám hàng đầu và tôi đã đánh cược rằng ông ta sẽ không bao giờ tìm ra đáp án.

Đã gần trưa và Jimmy vẫn chưa trở lại. Chúng tôi đã dự định đến ăn ở quán Bạch Mã, nhưng thú thực tôi không thấy đói, và cả Jimmy cũng vậy, xét theo sự vắng mặt của gã. Vì ngày hôm đó vẫn chưa bước chân ra khỏi cửa nên ra ngoài đi dạo hít thở không khí hân sẽ tốt cho tôi.

Nhà tôi nằm ở một khu riêng biệt tuyệt vời nơi làng quê bình yên và tĩnh lặng, cách ngôi làng gần nhất ít ra một dặm, đây là chốn lí tưởng để suy ngẫm và tìm cảm hứng.

Chìm sâu trong suy tưởng, tôi tản bộ dọc theo những nẻo đường quanh co vắt ngang qua thảm xanh trải dài đang nhẹ nhàng cuộn lên. Thoạt đầu, một vài ý tưởng lộn xộn gợn lên trong óc nhưng rồi dần lắng xuống, tâm trí tôi trở nên điềm đạm và bình yên. Tôi thấy thoải mái với tâm trí vô sự. Một ngọn gió tươi mát và một tia nắng hoan hỉ vuốt ve gò má. Phải, tôi thấy rất dễ chịu, đến nỗi quên cả thời gian. Về đến nhà thì đã quá 2 giờ.

Vào đến phòng làm việc, tôi thấy Jimmy ngồi rìt nơi bàn giấy. Thấy tôi, gã hơi giật mình và đứng lên. Tay gã vẫn đang cầm chặt tập giấy tiến sĩ Twist gửi.

“Anh đang đọc cái đó à?” tôi gay gắt hỏi.

“Đọc?” gã lắp bắp. Gã liếc nhìn tập giấy rồi vội bỏ chúng xuống bàn. “Không, tôi đang đợi anh. Tôi chỉ vừa vô thức nhặt tập giấy lên. Tôi vẫn chưa đọc đâu.”

“Hi vọng không làm anh khó chịu vì đã bắt anh phải đợi lâu như vậy. Tôi ra ngoài đi dạo và quên cả thời gian.”

Jimmy biến mất vào ngày hôm sau, hôm sau đó, và cả hôm sau nữa. Lo lắng vì sự im hơi lặng tiếng bất thường này, tôi gọi đến căn hộ của gã. Không có hồi đáp. Tôi gọi cho người coi nhà.

“Chúc bà một ngày đẹp trời, bà vui lòng cho tôi nói chuyện với ông Jimmy Lessing được không?”

“Ông Lessing không còn ở đây nữa,” một giọng chua loét trả lời.

“Ý bà là sao ạ, không còn ở đó nữa?”

“Ông ta không ở đây, ông ta rời đi được hai hôm rồi.”

“Rời đi? Nhưng đi đâu mới được chứ?”

“Tôi không biết. Ông ta không để lại địa chỉ. Tất cả những gì tôi biết là ông ta không còn ở trong nước nữa. Ông ta có nói sẽ sang Mỹ, tôi chỉ nói được đến thế thôi.”

Tôi ngắt máy. Máu nóng xộc lên đầu. Jimmy đột ngột ra nước ngoài mà không nói một lời. Thế nghĩa là sao?

Tiếng điện thoại cắt ngang dòng suy nghĩ của tôi.

“Tôi nghe,” tôi gầm gừ.

“Ronald?”

“A, tiền sĩ Twist. Rất vui được gặp ông. Tôi nhận được thư của ông rồi, cho phép tôi bày tỏ lời chúc mừng từ tận đáy lòng. Tôi chưa bao giờ nghĩ ông có thể...”

Alan Twist đột ngột ngắt lời, một hành vi cực kì hiếm gặp ở ông ta.

“Chiều muộn ông có thể đến gặp tôi không?”

“Đợi chút, để tôi xem đã. Được, tôi rảnh. Tôi sẽ đến lúc 5 giờ, có tiện cho ông không?”

“Tất nhiên là được... Ai thế? Vâng, mời bác sĩ vào. Tôi phải gác máy đây Ronald, bác sĩ của tôi vừa tới, gặp ông sau nhé.”

“Bỏ thuốc hoàn toàn,” Twist giận sôi lên. “Tôi hỏi ông! Có vẻ như tôi phải chăm lo cho quả tim của mình. Cứ làm như thỉnh thoảng một hơi thuốc có thể gây ra tai họa vậy. Chỉ là tôi cần thuốc để suy nghĩ, ông có biết ông ta dám nói cái gì với tôi không, cái lão chuyên đưa tin xấu ấy? Rằng tôi nên cảm thấy mình may mắn khi thỉnh thoảng vẫn được uống whisky. Đương nhiên là một tí xíu thôi. Quỷ tha ma bắt cái tài năng của tôi đi.”

Nói đoạn ông ta chộp lấy một cái tẩu gỗ, nhồi thuốc đầy tới miệng và châm lửa. Sau đó ông ta ngả lưng xuống chiếc ghế bành nhồi đệm và lặng ngẫm đại dương ở đằng xa qua cửa hông phòng khách. Bỗng

một cơn gió mạnh thổi qua khiến cửa sổ rung lên bần bật và những con sóng trở nên kích động.

“Thời tiết đúng là thất thường!” Twist nhận xét, bình tĩnh hơn, kéo chiếc áo gi lê thanh lịch của mình vào sát người. “Một chút whisky sẽ tốt cho cả hai ta, ông nghĩ sao?”

Ông bật dậy, dáng đứng gầy gò thẳng tắp. Ngoài làm vườn, rõ ràng ông ta còn tích cực luyện tập mỗi ngày. Ông đi tới tủ rượu để lấy whisky.

Tất cả gần như hoàn hảo, nhưng tôi không để điều đó làm mình sao lãng và bắt đầu tấn công.

“Tiến sĩ Twist, tại sao ông lại để James Steven biến mất vào cuối truyện? Tôi thấy không cần thiết chút nào.”

Từ đằng sau chiếc kính kẹp mũi, đôi mắt Twist nhìn tôi dò xét.

“Tôi không biết ông còn nhớ cuộc trò chuyện lần trước của chúng ta không?” Ông ta nói, lơ đãng vuốt tóc. “Tôi đã đề nghị ông viết một câu chuyện trinh thám mà không phải lo về cách giải quyết.”

“Đó chính xác là những gì tôi đã làm.”

Ông ta lắc đầu quầy quậy.

“Không, ông không làm đúng luật. Ông đã viết câu chuyện khi biết trước cái kết của nó.”

“Tôi đảm bảo với ông không hề có việc đó,” tôi kịch liệt phản đối.

“Trái ngược là khác, có vô số tình tiết trong câu chuyện của ông đã chỉ ra rõ ràng cách giải quyết, một và chỉ có một phương án duy nhất. Hơn nữa, chúng quá hiển nhiên đến nỗi chẳng tốn chút thời gian nào của tôi.”

“Tiến sĩ Twist, tôi cam đoan với ông rằng...”

“Chắc chắn ông sẽ còn cam đoan với tôi rằng ông đã sáng tác ra nhân vật Arthur White. Arthur White, nhà văn nổi tiếng.”

Một tia sáng nhỏ lóe lên trong óc tôi.

“Đợi một chút. Arthur White, nghe rất quen, ông nói tôi mới để ý.”

“Tôi chắc chắn như vậy,” Twist tiếp tục trong khi quan sát làn khói cuộn lên từ chiếc tẩu. “Arthur White thực sự tồn tại. Ông ta chết năm 1951, trong khi lau súng. Hai ngày sau, bị cái chết của cha tác động sâu

sắc, Henry con trai ông ta đã nhảy xuống sông Thames tự tử, y hết như trong câu chuyện của ông.”

“Tôi không sống ở Anh vào thời điểm ấy. Phải, giờ thì tôi nhớ rồi, tôi đã nghe qua câu chuyện. Vậy là một cách vô thức, tôi đã đưa sự kiện thực ngoài đời vào trong tác phẩm hư cấu của tôi? Không thể tin được.”

Tiến sĩ Twist hắng giọng rồi trả lời.

“Đó không phải là một câu chuyện hư cấu. Ông đã thuật lại toàn bộ các sự kiện chính xác như thực tế xảy ra. Sau khi đọc truyện của ông, tôi đã gọi điện cho một người bạn cũ, cựu chánh thanh tra Hurst thuộc Sở Cảnh sát Thủ đô. Chúng tôi trò chuyện rất lâu. Ông ta nhớ như in cái chết bất ngờ của nhà văn White và cả vụ tự sát của con trai ông. Tôi kể cho Hurst nghe một phiên bản khác dựa trên câu chuyện của ông. Ông có hình dung được phản ứng của ông ta không?”

Tôi không nói gì cả.

“Đối với mọi người, cái chết của Arthur White được coi là một vụ tai nạn. Cho đến tám năm trước, khi sự thật được tiết lộ, vào thời khắc hấp hối của thanh tra Drew.”

Tôi không thể tin vào tai mình.

“Drew cũng tồn tại? Không thể nào. Tôi đã sáng tác ra ông ta mà.”

“Không, Ronald thân mến của tôi, ông không sáng tác ra bất cứ ai cả.” Twist chỉnh lại kính để nhìn tôi rõ hơn. “Dù là Arthur White, Henry con trai ông ta, hay James Steven - người đã biến mất hai ngày sau cái chết của bạn mình. Mọi nhân vật trong truyện của ông đều thực sự tồn tại. Có một số cái tên không trùng khớp, nhưng dù vậy, các sự kiện đã diễn ra chính xác như được mô tả trong câu chuyện của ông.

“Không có gì đáng ngạc nhiên, lời thú nhận của thanh tra Drew được giữ bí mật vì những lí do ông có thể tự đoán được. Nói một cách khái quát: vì lời buộc tội của một thanh tra thuộc Sở Cảnh sát Thủ đô, mà con trai một tác giả nổi tiếng đã tin mình là Houdini và giết chết cha đẻ. Ông hình dung ra mức độ bê bối mà lực lượng cảnh sát có thể sẽ gặp phải nếu dư luận đánh hơi ra chuyện đó không?

“Bức thư tôi gửi cho ông kể nốt hồi kết thực sự của vụ việc tai ương này, cùng một vài thay đổi tinh vi. Tôi có thể tái hiện câu chuyện một cách chính xác là nhờ lời thú nhận của thanh tra Drew do Hurst kể lại. Đó là điều tôi đã nhắc đến trong thư. Tôi đã tháo gỡ được bí ẩn, nhưng cũng đã viện tới sự giúp đỡ ở đoạn kết. Phải, bi kịch này thực sự đã xảy ra, chính xác như ông - hay chúng ta - viết trên giấy.

“Và sự thật đúng là hai ngày sau cái chết của Henry White, vào tháng Mười hai năm 1951, James Steven đã biến mất và không bao giờ xuất hiện nữa.”

Trong lúc đợi bốn bức tường thẩm thấu những âm vang cuối cùng của lời mình, tiến sĩ Twist nhìn thẳng vào mắt tôi. Im lặng một lúc lâu nữa, ông ta nói tiếp.

“Và giờ thì, Ronald thân mến của tôi, cho phép tôi hỏi một câu. Làm cách nào ông biết được câu chuyện này? Vì ông thực sự biết chứ không thể nào chỉ là trùng hợp được, ông phải thừa nhận với tôi như vậy. Thế là sao?”

Một cảm giác kì lạ choán lấy tôi. Cố gắng một cách vô vọng, tôi tập hợp lại dòng suy nghĩ của mình.

“Twist, tôi có thể đảm bảo với ông là tôi viết theo bản năng,” tôi lầm bầm, sau một khoảng lặng tương như vô tận. “Có một cuốn sách về Houdini trên bàn làm việc của tôi, tôi chỉ nói được đến thế. Đợi đã. Tôi cũng khoảng năm mươi tuổi, cỡ như James Steven nếu ông ta còn sống. Ông chắc cũng biết tôi không nhớ gì về tuổi thơ hay thời thanh niên của mình. Điều đầu tiên tôi nhớ là một ngày tháng Ba năm 1953 khi cảnh sát Canada yêu cầu tôi chứng minh nhân dạng. Bấy giờ tôi đã kiệt sức và vừa đi qua một chặng đường, một hành trình rất dài. Tôi không trả lời được. Tôi không biết gì cả, hoàn toàn không biết gì, về việc tôi là ai hay tôi từ đâu tới. Tôi không có bất cứ giấy tờ tùy thân nào. Dĩ nhiên là bọn họ đã thẩm vấn tôi, nhưng không có kết quả. Không có ai mất tích phù hợp với diện mạo của tôi, kể cả ở Canada hay Mỹ. Bọn họ đoán tôi chừng hai mươi lăm tuổi, và đặt cho tôi cái tên Ronald Bowers. Phải, người như tôi vẫn được gọi là người mất trí nhớ. Tôi từng tìm đến đủ loại chuyên gia xin tư vấn, nhưng vô ích.

Cuối cùng, tôi từ bỏ nỗ lực tìm kiếm và chấp nhận cuộc sống hiện tại. Tôi rời khỏi Canada vào đầu thập niên 60 để đến nước Anh, trở thành một nhà báo cho tới ngày tôi... nhưng ông đã biết phần sau rồi. Như vậy tôi chính là James Steven, người đã mất tích vào tháng Mười hai năm 1951! Ngày tháng đúng là có tương ứng. Thật phi thường. Tôi vẫn không thể tin được hoàn toàn.”

Tiến sĩ Twist, lún sâu trong chiếc ghế bành, đã nhắm mắt lại. Khuôn mặt ông tràn đầy cảm giác thỏa mãn mơ màng. Ông chỉnh cặp kính trông như thể sắp rơi xuống sàn bất cứ lúc nào, và cười với tôi.

“Còn hơn cả có thể ấy chứ, Ronald thân mến của tôi, hơn cả có thể. Ngay khi tôi biết được câu chuyện của ông không phải hư cấu mà là thực tế, và một anh chàng James Steven nào đó đã mất tích vào một đêm tháng Mười hai năm 1951, tôi đã bắt tay vào nghiên cứu trường hợp của ông. Vì thế tôi mới biết được ông bị mất trí nhớ, và không ai biết ông từ đâu tới. Phải, bạn của tôi, có rất nhiều khả năng ông chính là James Steven.” Ông ta ngừng trong giây lát. “Dù thế nào thì chúng ta sẽ sớm biết thôi.”

Tôi ngồi im, miệng há hốc.

Twist nghiêng người qua một chiếc bàn ngay đó, nhặt lên một bưu kiện rồi vẩy vẩy về đặc thẳng.

“Theo đề nghị của tôi, Hurst đã gửi một phần hồ sơ nhà White. Chắc hẳn sẽ có một bức hình của James Steven trong đó.” Ông ta xem xét chiếc phong bì vẫn chưa được mở ra. “Nó tới nơi vào sáng nay, ngay trước khi tôi gọi cho ông. Tôi sẽ nhường lại cho ông niềm vui sướng được mở nó ra.”

Lo lắng tới độ trái tim đã vọt lên tận miệng, tôi giật chiếc phong bì từ tay ông ta, hấp tấp xé và rút ra tập hồ sơ. Sau vài giây, tôi hoan hỉ thốt lên, “Là tôi, James Steven! Thật phi thường. Nhìn bức ảnh này đi, tiến sĩ, là tôi, đương nhiên là trông trẻ hơn. Như vậy tôi chính là James Steven, thật không thể tin nổi.”

Tôi lấy ví và rút ra một bức ảnh nhỏ rồi đặt ngay cạnh bức ảnh kia.

“Ông xem, bức ảnh nhỏ hơn là tôi năm ba mươi tuổi. Giờ ông hãy so sánh với bức trong tập hồ sơ. Không còn nghi ngờ gì nữa. Tôi thực

sự đúng là James Steven.”

“Hai khuôn mặt y như đúc thật,” tiến sĩ Twist gạt đầu đồng tình.

Trong khi ông ta tiếp tục xem xét hai bức ảnh, tôi giải bày, “Thử hình dung xem, trong một khoảnh khắc tôi thực sự đã nghĩ Jimmy Lessing có thể... Ông biết Lessing không? Nhà biên kịch mà... thôi, đại khái là chúng tôi đang cộng tác. Anh ta gửi gắm rất nhiều ý tưởng cho tiểu thuyết của tôi. Và tôi đã từng băn khoăn không biết có phải tôi đã vô thức viết ra một trong số những câu chuyện của anh ta hay không. Anh ta vốn cũng không phải người Anh mà là người Mỹ. Tôi thậm chí từng cho rằng Jimmy Lessing có thể, không phải James Steven, mà là Henry White. Dù gì thì cũng có khả năng đó, vì nếu đúng là như vậy thì anh ta cũng sẽ biết toàn bộ câu chuyện. Ba hôm trước, tôi bắt gặp anh ta đọc bản thảo ông gửi cho tôi và kể từ đó, anh ta biến mất. Hình như anh ta còn ra cả nước ngoài.”

Tiến sĩ Twist có vẻ như không nghe tôi nói. Với ánh nhìn xa xăm trong mắt, ông tuyên bố:

“Cách ông kể câu chuyện này khá lạ lùng. Tôi đang nói đến người kể chuyện, nói cách khác chính là James Steven. Rất khó nắm bắt được nhân vật này. Anh ta ôn hòa, trung lập và không bao giờ bộc lộ sở thích hay những mối quan tâm của mình. Không có gì cả. Một điều mà chúng ta cảm nhận được ở anh ta là chút gì đó bài xích phụ nữ. Những người phụ nữ anh ta miêu tả hoặc ngu ngốc, khờ dại, hống hách và lén lút, không thì cũng xảo quyệt và ác độc. Ngoại lệ duy nhất là bà White. Bà White với tâm hồn tốt đẹp, thanh nhã và ngọt ngào được tôn lên hết mực.”

Bực tức trước lời bình phẩm này, tôi cao giọng.

“Tôi đang nói với ông là Jimmy Lessing đã ra nước ngoài mà không nói một lời và tôi nghi ngờ anh ta là Henry White. Trên thực tế, tất cả những điều này đều thật ngớ ngẩn, vì Henry White đã chết đuối dưới dòng sông Thames.”

“Đó là quan điểm khách quan thôi,” Twist trả lời, giọng ông hơi thay đổi. “Ngay cả khi không tìm thấy thi thể nào cả. Nước sông lạnh buốt. Một người bình thường sẽ không bao giờ có thể sống sót.”

“Dù sao chẳng nữa việc đó cũng không quan trọng,” tôi thở dài. “Tôi vẫn khó có thể quen với ý nghĩ mình là James Steven. Hãy đặt mình vào hoàn cảnh của tôi mà xem, Twist ạ, tôi... Tiến sĩ Twist, chuyện gì thế?”

Mặt ông tối sầm lại. Đôi mắt ông lộ ra một nỗi đau đớn khôn xiết, và giờ thì trán ông ướt đầm mồ hôi, ông nhìn trân trân vào mặt sau của bức ảnh rút từ tập hồ sơ mà ông vừa lật qua chỉ một lúc trước.

“Khuôn mặt này nhất định là ông, Ronald,” ông run rẩy khẳng định. “Đó là điều chắc chắn. Nhưng đằng sau có ghi chú. Bức ảnh *không phải* của James Steven... mà của Henry White.”



*Cám ơn những người bạn giúp tôi làm ebook này: Lemontree123,
Kaoaye, LoveKindle, Ironman và VC tại diễn đàn TVE4U.*



CHÚ THÍCH

động mạch quay: Trong cánh tay có mạch máu lớn là động mạch trụ và động mạch quay. Động mạch trụ là động mạch chính, chạy sát phía trong nách xuống cổ tay. Động mạch quay là động mạch phụ, chạy phía ngoài.

nghệ sĩ phúc ngữ: Người có khả năng nói tiếng bụng - kỹ năng làm cho giọng nói của mình giống như phát ra từ nơi nào khác chứ không phải từ miệng.